

ANTHONY GREY
& NGUYỄN ƯỚC

TRĂNG HUYẾT

trường thiên tiểu thuyết

TẬP II

XUẤT BẢN LẦN THỨ BA
có hiệu đính và bổ túc

NXB INTERNET
CANADA – HOA KỲ – 2007

Những gì quá khứ mới chỉ là khúc dạo đầu.

• I Shakespeare

Tôi cảm thấy rằng được sống sót là mắc nợ người đã chết điều gì đó. Đó là nỗi ám ảnh phải nhớ đến họ, và ai không nhớ đến người đã chết là thêm lần nữa phản bội họ.

• I Elie Wiesel, nhà văn

Giải Nobel Hòa bình 1986

Phần Thứ Tư

Chiến Tranh và Nạn Đói 1941-1945

Mùa xuân năm 1940, Đức tràn quân qua Đan mạch, Na uy, Hà lan, Bỉ và tới tháng Sáu, buộc được nước Pháp đầu hàng. Tại Á Đông, quân đội Thiên hoàng Nhật lúc ấy đang tung ra những cuộc tấn công nhằm mở rộng phạm vi kiểm soát tại Trung Hoa và phối hợp nhịp nhàng với những chiến thắng của Đức Quốc xã tại châu Âu. Việc chính quyền Vichy của Pháp hợp tác với Đức đưa tới hậu quả Toàn quyền Pháp tại Đông Dương - cách nước Pháp hai mươi ngàn cây số - gần như mất liên lạc với Paris, và noi gương chính quốc, phải tự mình xoay sở.

Tháng 8.1940, Pháp và Nhật Bản ký hiệp định Tokyo trong đó Pháp cho Nhật dùng các sân bay để tiến công miền Nam Trung Quốc, và đem nền kinh tế Đông Dương phục vụ cho guồng

máy chiến tranh của Nhật. Tuy thế, chỉ hơn hai mươi ngày sau, Nhật vẫn vượt biên giới vào Bắc kỳ, đánh chiếm Lạng Sơn, ném bom Hải Phòng, đổ bộ lên Đồ Sơn, bắt đầu cho sự có mặt của lính Nhật trên toàn cõi Đông Dương.

Sau đó, chiến tranh ngày càng kéo dài. Chính quyền Pháp tại Đông Dương hợp tác êm thấm với Nhật, cung cấp cho Nhật lúa gạo, than đá, cao su và các nguyên liệu khác. Sự kiện một nước Á Đông buộc được nước Đại Pháp phải gánh chịu nhục nhã đưa tới hậu quả hủy diệt hoàn toàn hình ảnh bất khả chiến bại của thực dân da trắng - một hình ảnh từng kéo dài suốt gần một thế kỷ - - đồng thời tạo niềm khích lệ mới mẻ cho các nhóm chống Pháp ở Nam kỳ, Trung kỳ lẫn Bắc kỳ, và cách riêng, cho người cộng sản bản xứ.

Sau một thập niên phân tán, những người An Nam theo chủ nghĩa dân tộc qui tụ lại để chống Pháp trong các đảng phái thiếu tổ chức chặt chẽ, thiếu vận dụng các phương pháp đấu tranh một cách triệt để và khoa học. Họ nương theo quân đội Nhật Bản để từ Trung Hoa nhập Việt. Thế nhưng, sau khi điều đình xong với Pháp và nắm quyền chủ động ở Đông Dương, người Nhật không thật tâm ủng hộ các phong trào đòi độc lập dân tộc. Phục Quốc Quân của Trần Trung Lập vừa theo Nhật đặt chân về nước liền bị Nhật để cho Pháp đánh tan ở Lạng Sơn; chủ tướng bị bắt và bị xử bắn cùng với hàng trăm đồng chí.

Trước đó, lại thêm một cuộc “cộng sản dậy” tại Nam kỳ vào tháng 11.1940. Nhiều tổng xã trong một số tỉnh và huyện ở Nam kỳ đồng loạt nổi dậy. Đa số những người lãnh đạo cuộc nổi dậy ấy theo bôn-sê-vich, xuất thân Học Viện Thợ Thuyền Đông Phương KUTV của Stalin, đã chọn phương pháp đấu tranh chẳng khác gì Xô viết Nghệ Tĩnh năm 1930. Cán bộ cộng sản sát hại bằng cách mổ bụng đồn trâu thả trôi sông, chém giết nhiều viên chức chính quyền tổng xã, đại diện chủ thân Pháp, các hương chức có thành tích bắt bớ hoặc từng đánh đập những ai bị nghi ngờ hoặc thật sự có hoạt động quốc sự, và những trí thức nông thôn thường phê bình cộng sản qua thông tin của tôn giáo hay tài liệu họ có được... Ngoài ra, đảng viên cộng sản còn diễn thuyết, sách động nông dân đốt phá trụ sở làng, đốt phá hồ sơ, sổ sách... Sự dùng dằng và lưỡng lự giữa Trung ương Đảng ở miền bắc và Xứ bộ Nam kỳ khiến hàng chục đảng viên lãnh đạo cấp cao bị Pháp bắt và xử tử, trong đó có cả Nguyễn Văn Cừ, tổng bí thư đảng, và hàng ngàn đảng viên trung ương lẫn địa phương bị đưa đi đày ở đảo Côn Lôn, khiến cơ sở đảng tại xứ Nam kỳ thuộc địa gần như tê liệt.

Ngoài ra, còn có cuộc nổi dậy lẻ tẻ tại Bắc kỳ ở Bắc Sơn và binh biến Đô Lương ở Nghệ An, nhưng đều bị dập tắt nhanh chóng vì thiếu sự tham gia của đông đảo quần chúng.

Trên khắp An Nam, tình thế rối ren hơn bao giờ hết. Dân chúng cực kỳ khó khăn vì phải nạp thóc vừa cho quân đội Nhật sử dụng trong khi đánh Đồng Minh, vừa cho chính phủ Đông Pháp dự trữ để chờ sự đổ bộ của quân đội Đồng Minh. Một phần lớn ruộng đất bị trưng dụng để trồng thầu dầu, đay, gai, hầu cung ứng cho kỹ nghệ chiến tranh của Nhật. Quan lại nam triều thừa dịp ấy bóc lột nhiều thêm khiến dân chúng từ thôn quê tới thành thị đều bị đói kém, cơ hồ hết sức chịu đựng.

Những người An Nam làm cách mạng chịu hai tầng trấn áp. Một mặt, trong khi nhân nhượng quân Nhật và đề phòng người bản xứ nổi loạn, người Pháp lùng bắt và đưa đi an trí hàng chục ngàn người bị họ xét thấy là nguy hiểm cho nền cai trị đang lúc yếu thế của họ. Một mặt, người Nhật và các quan lại nam triều, trên thực tế hầu hết chỉ là tay sai của Pháp và khiếp sợ Nhật, muốn dẹp yên những phần tử khích động quần chúng chống lại chính sách vơ vét tài nguyên bản địa của Nhật và Pháp. Các đảng phái có gốc từ hậu duệ Quốc Dân Đảng như Đại Việt Dân Chính hoặc Đại Việt Dân Xã, Việt Nam Ái Quốc Đảng, đều được thành lập

nhân chiêu bài “châu Á của người châu Á” và “Đại Đông Á” của quân phiệt Nhật với đa số đảng viên là trí thức, công chức và sinh viên chưa già dặn thủ đoạn chính trị. Họ cũng bị Nhật để mặc cho Pháp tha hồ lùng bắt khắp nước nên hầu hết các lãnh tụ phải lưu vong sang “thánh địa” Quảng Châu và Côn Minh.

Tháng Sáu năm 1941, Hitler xé bỏ Hiệp Ước Bất Tương Xâm từng ký kết hai năm trước đó với Liên bang Xô viết và xâm lăng Liên Xô. Hành động ấy biện minh cho việc quay ngoắt quan trọng về chiến tuyến của người cộng sản An Nam, vì chỉ qua một đêm và đi theo lập trường mới của Mát-cơ-va, họ biến thành đồng minh của các đạo quân Âu Mỹ đánh lại lực lượng khối Trục.

Lúc này địa bàn hoạt động chủ yếu của đảng Cộng Sản Đông Dương chuyển từ Nam kỳ ra Bắc kỳ, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Nguyễn Ái Quốc tại Pắc Bó, một sào huyệt ở Cao Bằng, nằm kề biên giới Trung Hoa. Ông về Pắc Bó lần thứ nhất vào tháng 2.1941 với tính cách đại biểu của Quốc tế Cộng sản. Ông chủ trì đại hội bầu Trường Chinh làm tân tổng bí thư, đồng thời đích thân phục hoạt Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội (gọi tắt là Việt Minh), một tổ chức của những người theo dân tộc chủ nghĩa, do hai chiến hữu cũ của Phan Bội Châu là Nguyễn Hải Thần và Hồ Học Lãm thành lập ở Nam Kinh năm 1936, và từng được Quốc Dân Đảng Trung Hoa thừa nhận. Tổ chức Việt Minh ấy hầu như đã bị rơi vào quên lãng từ lâu, nhưng nay dưới sự phục hoạt của Nguyễn Ái Quốc, nó là tổ chức duy nhất trong nước có quan hệ với các tướng lãnh Trung Hoa. Tháng 8.1942, Nguyễn Ái Quốc sang Tàu cốt để gặp Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc của Mao Trạch Đông nhưng ông bị phe Tưởng Giới Thạch bắt giam cho tới tháng 9.1943. Ở trong tù, ông thuyết phục được tướng Trương Phát Khuê là ông có khả năng huy động Việt Minh hợp tác tích cực với Trung Hoa.

Một năm sau khi ra khỏi nhà tù và sinh hoạt với các thành phần dân tộc chủ nghĩa tại Liễu Châu, Nguyễn Ái Quốc lại về Pắc Bó lần thứ hai vào tháng 10.1944, với danh xưng mới là Hồ Chí Minh, một cái tên xa lạ với quần chúng quốc nội. Mục đích chính của họ Hồ là dương cao khẩu hiệu “Đánh Nhật và đuổi Pháp”, sử dụng Mặt trận Việt Minh để che giấu nguồn gốc cộng sản của những thành viên và cơ sở chủ chốt, đồng thời nguy trang với diện mạo của người theo chủ nghĩa dân tộc để dễ dàng tiếp cận quần chúng trong nước và tranh thủ sự ủng hộ của lực lượng đồng minh phương tây. Trong khi đó, thành phần chủ lực của các đảng phái theo dân tộc chủ nghĩa đang lưu vong ở Trung Hoa không có liên hệ chặt chẽ với quốc nội và lúng túng trong thái độ đối với Đồng Minh vì e rằng ủng hộ tích cực Đồng Minh tức là gián tiếp mở đường cho Pháp trở lại đô hộ như cũ. Một vài tổ chức chính trị mới được thành lập ở trong nước, nương theo sự hiện diện của quân Nhật, chỉ phát triển hạn hẹp trong giới nhân sĩ, trí thức, sinh viên. Các nhân sĩ và giáo phái cũng như tổ chức thanh niên tiên phong ở Nam kỳ có quan hệ mật thiết với Nhật, nhất là sau ngày Nhật đảo chánh Pháp.

Trước đó, suốt những tháng cuối năm 1941, Nhật dùng Đông Dương làm bàn đạp để tập trung sức mạnh trên đất liền và biển cả; rồi trong tuần lễ đầu tiên của tháng Mười Hai, họ tiến quân ồ ạt và dõ dỏi vào Mã Lai, Hồng Kông, Guam, quần đảo Phi Luật Tân, Indonesia thuộc Hà Lan và các đảo vùng Nam Thái Bình Dương.

Vào đêm mùng 6 tháng Mười Hai, oanh tạc cơ Nhật ồ ạt bay tới Hawaii, tập kích căn cứ hải quân Hoa Kỳ tại Pearl Harbour (Trần Châu cảng), cùng lúc ấy, các đơn vị bộ binh Nhật bao vây tất cả những binh đoàn đã qui thuận sẵn của Pháp tại Đông Dương để đề phòng bạo loạn; và các binh sĩ Pháp không hề kháng chút nào.

Ngay chiều hôm sau, Thứ Hai 8.12.1941, Tổng Thống Franklin D. Roosevelt yêu cầu họp khoáng đại Thượng nghị viện Hoa Kỳ tại thủ đô Washington để tuyên chiến với Nhật Bản - một hành động đưa tới việc nhiều người Mỹ can dự vào các sự vụ tại Á Đông trong những năm tiếp đó.

- 1 -

Khi tám mươi hai thượng nghị sĩ - thể theo lời yêu cầu của Franklin D. Roosevelt họp để tuyên chiến với Nhật Bản - từng người một từ tiền sảnh Tòa nhà Quốc Hội bước vào nghị trường ở cánh bắc Điện Capitol với vẻ mặt quyết liệt, kim chiếc đồng hồ mặt vàng trên tường đằng sau ghế của Phó Tổng Thống Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ kiêm Chủ tịch Thượng nghị viện chỉ đúng mười hai giờ bốn mươi bảy phút trưa Thứ Hai ngày 8 tháng Mười hai năm 1941.

Trên bao lơn bao quanh ba mé nghị trường, các hàng ghế dành cho công chúng Mỹ chật ních những người mất tinh thần. Họ vừa lũ lượt kéo nhau vào Điện Capitol để chứng kiến thời điểm long trọng công bố việc tổ quốc mình can dự vào cuộc khủng hoảng đang lan rộng khắp thế giới. Trong hàng ghế dành cho gia đình nghị sĩ, Joseph Sherman ngồi giữa Temperance, vợ anh, và Guy, cậu em mười sáu tuổi của anh, yên lặng quan sát cha đang chống cây gậy làm bằng cành cọ, đầu bịt bạc, khắp khệnh đi tới chỗ ngồi của ông, sát bên chiếc bục cao dành cho phó Tổng Thống.

Tuổi lục tuần với đầu tóc xù cùng bộ ria rậm bạc trắng như tuyết, nhưng đó không là vẻ độc nhất làm vị thượng nghị sĩ lâu năm của đảng Dân Chủ ấy nổi bật giữa các chính khách đồng viện. Một bên bộ mặt hồng hào của Nathaniel Sherman nhăn nhúm vì những lần sẹ mờ nhạt. Cổ tay áo trái nhét vào túi áo vét theo cách cổ ý phô ra cho người ta thấy. Bả vai phía trên cánh tay vốn bị cắt cụt ở Sài Gòn mười sáu năm trước, lẹm vào rất sâu. Phải khó nhọc lắm ông mới buông được thân mình xuống lòng ghế đằng sau chiếc kệ nhỏ bằng gỗ màu nâu đỏ dành cho mỗi thượng nghị sĩ.

Tuy bị thương tật đến thể thượng nghị sĩ Nathaniel vẫn thích mặc y phục hào nhoáng. Vào dịp nghiêm trọng này ông chọn cho mình chiếc cà-vạt lụa màu sẫm, áo sơ mi cổ còn trắng cùng áo vét mặc buổi sáng, kiểu thời Hoàng đế Edward nước Anh bốn mươi năm trước.

Trong khi nghe xướng danh, Nathaniel từ lẹch một bên người lên mép kệ, ghi chú nguệch ngoạc và không ngược mắt nhìn cho tới khi thư ký Quốc Hội đọc xong lần thứ hai bản dự thảo nghị quyết của Quốc Hội có nội dung chính thức tuyên bố xác nhận Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ đang lâm vào tình trạng chiến tranh với chính quyền Thiên Hoàng Nhật Bản.

Tiếp đó, Phó Tổng Thống kiêm Chủ tọa hỏi:

- Quý đồng viện nào có ý kiến phản bác bản dự thảo nghị quyết khoáng đại vừa đọc xin vui lòng phát biểu?

Không một tiếng đáp lại. Chủ tịch Ủy ban Quan hệ Đối ngoại của Thượng nghị viện đứng lên và lập tức cất tiếng:

- Thưa Chủ tọa, tôi xin yêu cầu không một chút trì hoãn rằng những phiếu thuận và phiếu chống...

Phát biểu chưa hết câu ông bỗng chừng lại khi bất chợt thấy Nathaniel Sherman vừa lóng cồng đứng dậy vừa nói thật chậm rãi:

- Nếu vị thượng nghị sĩ Texas đáng kính có lòng quảng đại nhường lời cho tôi... tôi xin trình bày ngắn gọn ý kiến của mình về bản nghị quyết khoáng đại...

Chủ tịch Ủy ban Quan hệ Đối ngoại lập tức đáp lại, không màng giấu vẻ bức bối:

- Thưa Chủ tọa, vào thời điểm lịch sử này, cả hai phía đối lập của nghị trường đều đã cùng thông hiểu nhau tới độ không phía nào bảo lưu những ý kiến không cần thiết. Tôi hy vọng sẽ không có ý kiến nào...

Hướng nụ cười đầy tôn kính về phía Chủ tọa, Nathaniel Sherman tiếp tục đứng:

- Thưa Chủ tọa, nhưng nếu vị Chủ tịch Ủy ban chịu nhường lời trong chốc lát thôi, tôi đoán chắc rằng mình sẽ không đối lập sâu sắc với những gì vị ấy đang có trong tâm trí.

Trên hàng ghế tham quan Guy toét miệng cười với anh và háo hức chồm người tới trước. Kề vai bên kia của Joseph, Temperance cũng nhìn xuống nhạc phụ với vẻ ngưỡng mộ. Năm năm trước, nàng mê mẩn phong thái miền nam đầy quyến rũ của Nathaniel ngay hôm đầu tiên Joseph mời nàng tới thăm gia đình anh ở ngôi nhà đồn điền Queen Anne bên bờ sông James. Và vì thái độ hoà nhã ông đã tỏ ra với nàng từ lúc đó, nàng càng ngày càng quý mến ông.

Tuy thế, đối với Joseph, giọng nói miền nam phong phú âm điệu của cha vang lên giữa nghị trường Thượng viện lại khiến lòng anh phát sinh một phản ứng khác. Hiếm khi anh tham dự những sinh hoạt chính trị của gia đình vì anh khó gạt khỏi tâm trí mình cái ấn tượng rằng động lực chính của cha không hẳn là duy trì sâu xa những xác tín chính trị mà chỉ là khát vọng làm dáng cùng với lòng khao khát được nổi bật trước công chúng.

Một đôi lần Joseph tự hỏi phải chăng mình có thái độ quá cay nghiệt đối với cha, thế nhưng ấn tượng ngờ vực ấy vẫn dai dẳng mãi trong lòng anh. Và lúc này, quan sát kỹ tất cả những dãy ghế xếp thành hai phía rạch ròi trong nghị trường bên dưới, phân theo con số nghị sĩ của hai đảng đối lập, anh tưởng chừng có thể thấy rõ hết thấy các thượng nghị sĩ của cả hai phía đều cau mặt như nhau. Tuy thế, cha anh vẫn bướng bỉnh đứng yên bên chiếc kệ của ông. Và Joseph tin chắc ông hiểu rất rõ rằng chính những thương tật của tai nạn năm xưa giờ đây làm cho bộ mặt ông mang đầy vẻ gay gắt và khích động.

Thượng nghị sĩ Chủ tịch Ủy ban nói lạnh nhạt:

- Dĩ nhiên vị thượng nghị sĩ Virginia có quyền phát biểu nếu ông ấy cứ nhất quyết yêu cầu được lên tiếng. Nếu ông ấy từ chối việc không bảo lưu ý kiến như mọi đồng viện khác, tôi chẳng còn chọn lựa nào khác hơn nhường lời.

Nathaniel Sherman đáp trả bằng một nụ cười nồng ấm rồi cúi đầu thật sâu về phía phó Tổng Thống, tỏ ý biết ơn:

- Thưa Chủ tọa, tôi biết ơn về việc đã cho tôi được đưa ra những ý kiến sau đây. Lúc này, đột nhiên tôi nhận ra rằng Thượng nghị viện Hoa Kỳ là một bộ phận vĩ đại nhất, qui tụ những người không dễ tìm thấy ở bất cứ nơi nào trên địa cầu - và cũng là một bộ phận tập hợp

những con người trung thực nhất, hơn bất cứ nơi nào trên thế giới. Đó là lý do hôm nay, trong khi lập quyết định có tính lịch sử này, chúng ta phải hết sức minh bạch tỏ rõ những cảm xúc chân chính của mình.

Nathaniel dừng lại, ngửa người ra sau một chút để gây tác động rồi đưa mắt nhìn chăm chú khắp hội trường:

- Thừa Chủ tọa, từ bầu trời xanh thanh bình ngày Chúa Nhật và không một lời cảnh báo, Nhật Bản đã phóng ra một cuộc tấn công bí ối nhất và hèn nhất trong toàn bộ lịch sử nhân loại. Nhật Bản đã xâm phạm chủ quyền của chúng ta, tàn sát công dân của chúng ta, và hành động đê hèn ấy phơi bày một tham vọng điên cuồng sắc mùi ô nhục. Đối với Nhật Bản, thừa Chủ tọa, chúng ta nên trả lời một câu như thế này: “Các người đã tuốt gươm ra, các người sẽ chết bởi chính lưỡi gươm ấy!” Và đối với Tổng Thống của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ, câu trả lời của chúng ta nên như thế này: “Để bảo vệ những gì chúng ta đã và đang gìn giữ một cách thiêng liêng, chúng ta trịnh trọng đứng lên chào màu cờ tổ quốc và sẵn sàng tiến bước!”

Dừng lại thêm lần nữa, Nathaniel đặt bàn tay độc nhất lên mặt kệ và bạnh hàm một cách hùng hổ:

- Chúng ta sắp bỏ lá phiếu quan trọng nhất, lá phiếu mà từ trước tới nay chúng ta chưa bao giờ được yêu cầu sử dụng tới. Chúng ta sắp làm điều mà không một ngành nào khác của chính quyền có thể làm, đó là tuyên chiến. Hiến pháp trao cho Quốc Hội quyền hành lớn lao ấy và hôm nay, chúng ta phải tỏ rõ cảm xúc của mình một cách cực kỳ minh bạch. Trong mấy tuần lễ vừa qua, tại nghị trường này đã nhiều lần vang lên tiếng nói bất đồng ý kiến đầy tai hại. Những tiếng nói “Hoa Kỳ phải lo cho mình trước đã” từng được cất lên rất thường xuyên bởi những kẻ chủ trương cô lập. Và tôi tin rằng chính ý kiến đó chịu trách nhiệm trực tiếp việc khuyến khích kẻ thù thực hiện những hành động đáng khinh bỉ của chúng. Chúng đang trông mong nội bộ của chúng ta suy yếu - chính vì thế, hôm nay chúng ta phải tỏ ra cho chúng thấy rõ rằng, trên tất cả mọi sự, chúng ta cương quyết siết chặt hàng ngũ của quốc gia chúng ta và chúng ta phải biểu lộ sức mạnh ý chí và quyết tâm của chúng ta. Đó là hai hòn đá nền tảng và song sinh, trên hai tảng đá ấy lập nên sự thắng lợi của chúng ta. Trong giờ phút đen tối này, chúng ta loan báo cho toàn cả địa cầu biết rằng một trăm ba mươi triệu người Mỹ hiện đang đoàn kết và kiên quyết chiến đấu. Thế giới phải biết rằng Hoa Kỳ ghét chiến tranh nhưng Hoa Kỳ sẵn sàng và luôn luôn chiến đấu một khi tổ quốc của mình bị xâm phạm...

Giọng thượng nghị sĩ ăm ắp xúc động khi ông hâm nóng đề tài của mình. Trong lô khán giả, Temperance rõ ràng đang bồi hồi, nhích sát hơn vào người Joseph và đưa tay bóp bóp tay chồng.

Thân thể Temperance vốn thon thả và trông rất thể thao lúc cả hai mới gặp nhau, giờ đây đầy đặn và chín muồi do hậu quả lần mang thai thứ hai. Mái tóc nâu màu hạt dẻ với những gợn sóng óng mượt vẫn mịn màng ôm đôi má trong thời kỳ rực rỡ nhất của chức năng làm mẹ. Khi Joseph quay qua nhìn vợ, anh thấy dù đang để hết tâm trí vào vấn đề, nàng vẫn chan chứa vẻ thanh thản định tĩnh của một người nữ vừa qua kỳ sinh nở và trên bộ mặt không một vết nhăn của nàng tràn trề mãn nguyện. Anh cảm thấy lòng nao nao thương cảm, và đáp ứng lại, anh dịu dàng trườn mền siết chặt tay vợ.

Joseph và Temperance gặp nhau tại Baltimore trong một cuộc triển lãm nghệ thuật phương đông, chỉ một hai tuần sau ngày Joseph từ Sài Gòn trở về. Anh tìm thấy nơi nàng một bản sắc Mỹ nồng nhiệt và đơn giản, làm lòng anh dịu lại sau cơn xúc động và rối loạn anh vừa chịu ở

Á Đông. Temperance là con gái của một luật sư mộ đạo. Ông đặt tên cho hai người chị của nàng là Faith: Đức tin, và Charity: Bác ái, còn tên nàng Temperance: Trung dung.

Mới ghé thăm hạt Charles lần đầu, Temperance đã mê thích toà nhà của dòng họ Sherman nơi đồn điền Queen Anne. Nàng thờ hắt trước vẻ vĩ đại của tiền sảnh và chiếc cầu thang chạm trổ, bóng loáng, làm bằng gỗ óc chó. Nàng tuyên bố có thể nhận ra hai tai và mũi của Joseph trong những bức chân dung đóng khung mạ vàng vẽ chín thế hệ dòng họ Sherman treo trên các bức vách dán pa-nô. Và Temperance còn dẫn dụ được thân phụ của Joseph cho phép nàng ngủ đêm đầu tiên ấy trong chiếc giường lớn thường kêu kẻo kẹt, bốn góc cắm bốn cọc cao dùng để mắc rèm. Đó là chiếc giường đặc biệt, được gia đình Joseph trình trọng xác nhận rằng chính Robert E. Lee, vị đại tướng lừng danh thời nội chiến Nam Bắc một trăm năm trước, khi còn trẻ từng ngủ ở đó trong không biết bao nhiêu lần ông ghé thăm.

Dù Joseph chưa bao giờ thừa nhận nhưng anh biết rằng quyết định cầu hôn của mình bị tác động sâu xa bởi chính mối thiện cảm mộc mạc và say đắm Temperance dành cho thuở vàng son của Virginia, một thời đại từng phai nhạt rất nhanh trong tâm trí Joseph khi lòng anh ngày càng mê mẩn phương đông cổ đại.

Vào tháng Sáu năm 1936, trong thời kỳ rảnh rỗi sau khi hoàn tất bản thảo cuốn sách về các nước triều cống Trung Hoa, Joseph cực chẳng đã phải chấp nhận phụ trách quản lý nhà cửa và đất đai của đồn điền theo lời cha yêu cầu: “chỉ một vài năm thôi”, để thượng nghị sĩ có thể dần thân trọn vẹn hơn cho những nghĩa vụ chính trị tại Washington.

Tempe, tên thân mật gia đình dùng để gọi Temperance, vừa học luật xong và rùng mình trước viễn ảnh trở thành đệ nhất phu nhân của một trong các toà nhà trang nhã nhất và nổi tiếng nhất Virginia. Cả hai kết hôn mùa thu năm đó với một đám cưới trọng thể diễn ra trên các bãi cỏ nhìn xuống dòng sông James xinh đẹp.

Vì thiện cảm đặc biệt với Tempe, thượng nghị sĩ Nathaniel Sherman biến hôn lễ ấy thành một biến cố xã hội lớn nhất trong năm. Ông thuê hai ban nhạc và mời nhiều nhân vật chính trị hàng đầu từ Washington đến dự. Và ngay lúc đó Joseph bút rút nhận ra rằng chính những khổ đau thấm thía anh đã chịu khi từ Đông Dương trở về đã ảnh hưởng lên việc anh hấp tấp lập gia đình. Tuy thế, không bao giờ anh kể cho Tempe nghe chuyện tình quá khứ, và theo năm tháng trôi qua, tâm tư Joseph phôi pha dần những ký ức buốt nhói ấy.

Một năm sau, Gary, đứa con trai đầu lòng chào đời. Nó là nam nhi Sherman thứ ba mươi lăm của dòng họ nội, kế tục nhau bắt đầu cuộc đời nơi toà nhà đồn điền cổ kính này. Trong khi nghị lực của Joseph bị cuốn hút hết ngày này sang ngày nọ vào việc nắm vững những vấn đề anh chưa quen thuộc như quản trị bất động sản và mùa màng của đồn điền, Tempe cho phép mình thưởng thức mùi vị của công tác tổ chức “đạo quân” nhỏ bé gồm những người giúp việc da đen vẫn giữ lối sống theo phẩm trật gia đình và xã hội của người Virginia thuộc giai cấp của họ.

Giữa cuộc sống gia đình xuôi theo năm tháng hình thành những lễ thói không thay đổi, Joseph thỉnh thoảng vẫn cảm thấy lòng nao nao một nỗi ngậm ngùi nào đó nhưng nói chung, năm năm hôn nhân đánh dấu một tình trạng mãn nguyện và bình lặng. Cả anh lẫn Tempe đều sung sướng khi Mark, đứa con trai thứ hai, chào đời vào đầu mùa thu năm 1941 này.

Những tường thuật đầu tiên về lực lượng quân sự trấn áp của Nhật Bản đóng chung quanh Sài Gòn tới Hoa Kỳ vào đầu tháng Mười Một khiến Joseph chợt nhận ra rằng từ một hai năm nay, anh hoàn toàn không nghĩ tới người thiếu nữ An Nam xinh đẹp cùng với cuộc tình đã tàn lụi.

Rồi hình ảnh một nước Nhật điên cuồng đang điều hành những binh đoàn hiện đại của nó khắp xứ sở cổ đại ấy, nơi Joseph từng mê mẩn vì quá khứ của nó, làm anh tự hỏi không biết Lan và gia đình nàng đang trong tình trạng như thế nào. Rốt cuộc nàng có thành hôn với Paul Devraux không? Và nếu cả hai còn ở đó, tình trạng của Paul lúc này ra sao? Anh ấy có còn là quân nhân dưới sự giám hộ chặt chẽ của người Nhật không?

Những ý nghĩ như thế vật vờ lui tới trong tâm trí Joseph suốt mùa thu nhưng thời gian trôi qua đã hầu như làm phai nhạt mối quan tâm của anh. Anh tự nhủ rằng những gì mình đang cảm thấy thật ra chỉ có tính cách hiếu kỳ về những con người và những biến cố không bao giờ còn tác động lên thực tế cuộc sống của mình nữa.

Tuy nhiên, cũng y như mọi người, Joseph choáng váng trước các biến cố trọng đại xảy ra hôm Chúa Nhật đầu tháng Mười Hai. Tin tức về những con tàu rực cháy, vỡ nát và những người lính thương vong được đài phát thanh loan báo lúc anh và cả nhà vừa thoải mái dùng xong bữa ăn trưa trong phòng ăn vách dán pa-nô. Chúng làm anh và hết thấy những người Mỹ khác bỗng chốc nhận ra rằng Thái Bình Dương bao la, hoang vu và trống trải kia không còn có thể che chắn cho họ tránh được những hỗn loạn của cuộc chiến tranh đang lan tràn khắp Á Đông.

Suốt Chúa nhật đó, Joseph và Tempe thì thầm thảo luận về những gì cả hai vừa ghi nhận, đề tiếng nói của họ không lọt tới tai cậu con trai nhỏ Gary. Nhưng không phải đợi tới lúc ngồi lắng nghe cha phát biểu hùng hồn trên diễn đàn của Thượng nghị viện về việc trả đũa Joseph mới nhận biết trọn vẹn phản ứng của anh từ đầu chí cuối thật ra là gì: đó là cảm giác hào hứng đang bị dồn nén!

Trận oanh kích Trân Châu Cảng cũng sẽ buộc Hoa Kỳ dần sâu vào trận chiến ở Á Đông. Và xét theo bản năng của mình, Joseph biết rằng trước sau gì anh cũng sẽ tham dự. Thế nào cuộc chiến này cũng sẽ mang anh trở lại vùng đất nơi thiên nhiên và lịch sử của nó đã mê hoặc anh trong một thời gian rất lâu.

Lòng Joseph lâng lâng khoan khoái trước viễn ảnh đó. Đây là lần đầu tiên anh hiểu tận tường rằng cuộc sống thôn dã đang làm mình cảm thấy tù túng biết bao. Ngượng ngùng về sự bất chợt nhận ra những cảm xúc thật sự ấy, Joseph liếc Tempe thật lẹ. Anh sợ mình đang để lộ ra mặt phần nào ý nghĩ đắc tội đó nhưng rồi anh cảm thấy nhẹ nhõm vì vợ vẫn không chú ý tới anh. Tempe đang dồn hết tâm trí vào cha chồng lúc này vẫn phát biểu ở nghị trường bên dưới.

- ...Suốt một thời gian rất dài, Nhật Bản nghênh ngang tung hoành gây chiến khắp cõi Á Đông nhưng lúc này, thưa Chủ tọa, hãy cho Nhật Bản thấy rõ rệt rằng nó đang lâm phải một cuộc chiến tranh chân chính trong tầm tay! Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ sẵn sàng củng cố lực lượng hải quân để không chế hữu hiệu cả Đại Tây Dương lẫn Thái Bình Dương và củng cố lực lượng không quân để tiến hành thắng lợi mọi trận không chiến trên khắp các bầu trời châu Âu và châu Á. Bằng hành động tấn công Trân Châu Cảng, có thể Nhật Bản hy vọng kèm chân chúng ta để chúng ta chỉ phòng ngự nội trong phạm vi lãnh thổ của mình. Nhưng, thưa Chủ tọa, hôm nay, từ nghị trường này, chúng ta có thể đồng thanh nói rõ và nói thẳng với Nhật Bản rằng: “Chúng tôi sẽ không quanh quẩn bên trong ngôi nhà của mình - và chúng tôi sẽ không cố thủ!”

Nathaniel Sherman thêm lần nữa dừng lại khá lâu để đẩy lên thật cao tác động của lời ông nói. Trong sự đột ngột im ắng tiếp đó, rõ ràng toàn thể Quốc Hội và công chúng trên các hàng ghế tham quan đều bị mê hoặc bởi khả năng hùng biện điêu luyện của ông. Rồi sau cùng, ông tiếp tục phát biểu với giọng trầm tĩnh hơn trước:

- Thừa Chủ tọa, không còn nghi ngờ gì nữa và đã hoàn toàn rõ ràng rằng cuộc chiến tranh này giờ đây là cuộc chiến tranh của chúng ta - và rằng chúng ta không những chỉ chiến đấu tại châu Á, chúng ta cũng sẽ phải chiến đấu tại châu Âu - và trên khắp cả hai đấu trường đó, chúng ta sẽ chiến thắng. Hôm nay, chúng ta tuyên bố rằng: “Nhân dân Hoa Kỳ sẽ chủ động và khi dứt điểm xong bọn xâm lược, thế giới sẽ có một trật tự mới. Và trật tự đó đặc biệt dành cho các quốc gia cướp bóc, nghĩa là: Các người hãy tôn trọng công pháp quốc tế! Hãy duy trì hoà bình thế giới! Hãy giải tán các tập đoàn cướp bóc! Hãy quay về biên giới của chính xứ sở các người - và hãy ở lại bên trong ranh giới đó.”

Vừa dứt câu nói, Nathaniel ngồi xuống ngay, đưa mắt ứng chiến ngược lên nhìn lá cờ Hoa Kỳ cắm đằng sau Phó Tổng Thống.

Tuy việc vỗ tay bị cấm nơi nghị trường nhưng từ khu vực tham quan của công chúng vẫn có tiếng vỗ tay lác đác. Thậm chí vị thượng nghị sĩ Texas, kẻ vừa miễn cưỡng nhường diễn đàn cho Nathaniel, cũng nhìn về phía ông gật đầu tán thưởng. Bốn phía nghị trường râm ran tiếng thì thầm ủng hộ cho tới khi Phó Tổng Thống ra lệnh đọc lại bản dự thảo nghị quyết thêm một lần nữa rồi trịnh trọng đặt câu hỏi:

- Quý đồng viện có thuận thông qua nghị quyết này không?

Không có thêm ý kiến nào. Khi thượng nghị sĩ Sherman vừa bỏ phiếu “thuận” xong, chính ông cũng là người đầu tiên đứng bật lên, rời khỏi chỗ ngồi.

Trong lúc Nathaniel khập khễnh bước giữa hai dãy ghế để đi ra cửa, toàn thể hội trường im phăng phắc, như thể hình dáng xiêu lệch của ông đang tác động và thôi miên hết thảy những người có mặt.

Ông đi qua rồi nhưng hai lá cửa tự động vẫn bật vào bật ra trong vài ba giây trên bản lề của chúng. Tiếng gõ lọc cọc của cây gậy Nathaniel chống dội lại rõ mồn một trong nghị trường tĩnh lặng, hoà nhịp với tiếng bước chân ông chậm chậm xa dần dọc theo hành lang lót gạch bên ngoài.

- 2 -

Gió chiều lạnh buốt quét dọc sân thềm Mặt Đông Điện Capitol, thốc từng cơn như cổ chích cho thùng, xuyên cho qua mấy lớp quần áo chống rét dày cộm của Tempe, Joseph và Guy khi cả ba đứng chờ thượng nghị sĩ Nathaniel Sherman. Lơ lửng và nổi bật giữa bầu trời xám nhạt là nóc điện lộng lẫy xây bằng đá màu kem trắng với ánh đèn sáng rực và huy hoàng từ bên trong vòm chiếu ra.

Chiều mùa đông còn hiu hắt sáng đôi ba giờ nữa nhưng dọc bao lơn đối diện Khu Thương mại, dãy đèn lồng trên các cột thép màu đen đã lung linh tỏa ánh sáng vào cuộc đời. Guy vừa nháy cả tung cho ám người vừa háo hức nói:

- Chắc chắn bố biết cách nói một bài diễn văn sao cho thật tuyệt diệu, đúng không?

Joseph trả lời chua chát:

- Không những bố biết cách làm như thế nào - ông ấy còn biết rằng làm ở đâu và làm lúc nào để có thể gây ảnh hưởng tối đa cho bản thân. Ông luôn luôn cân nhắc cái đó trên tất cả những cái khác.

Guy nhìn thật kỹ nét mặt anh, và cậu bắn khoăn cau bộ mặt mười sáu tuổi của mình lại. Cậu hỏi với giọng bút rút:

- Anh Joseph này, tại sao anh hình như lúc nào cũng tìm cách làm giảm giá trị của bố?

Joseph vẫn đắm chiêu nhìn dọc theo Khu Thương mãi cho tới phía đài tưởng niệm Tổng Thống. Gió chích vào mặt làm anh nheo mắt.

- Guy ạ, chỉ nên nói rằng anh không có cái như em có, một nhiệt tình lãng mạn không tưởng nói chung về chính trị và người làm chính trị.

Cậu bé vẫn kinh ngạc nhìn chăm chú anh một lúc, rồi nghe tiếng gậy gõ碌碌 cộc trên thềm đá, cậu nhún vai, quay ra sau. Có tiếng nói của Nathaniel Sherman cùng một nhịp với bàn tay ông ầu yếm vỗ vỗ lưng Guy. Ông nháy mắt với cậu:

- Này cậu út, cậu có thích bài diễn văn chiến đấu ấy của con chiến mã già đang thở phì phò này không? Con nghĩ là mình đã làm khá rõ quan điểm của dòng họ Sherman chưa?

- Thật tuyệt vời bố ạ.

Cậu bé mười sáu tuổi trả lời rồi đi sánh bước bên Nathaniel khi bốn cha con bắt đầu bước xuống vùng đất cỏ mọc xanh rì và mênh mông quanh Khu Thương mãi.

Liếc Joseph với ánh mắt thận trọng hơn, thượng nghị sĩ nhận ra sự im lặng của anh có ngụ ý phê bình. Ông nói trầm lặng:

- Joseph ạ, bố thật thích thú khi thấy con lại có mặt trên khu vực dành cho người dự khán. Mấy năm rồi con mới trở lại chỗ đó, phải không?

Joseph nghiêm nghị gật đầu nhưng không nhìn cha. Nathaniel nói tiếp:

- Bố nghĩ rằng hôm nay là cơ hội khá đặc biệt để đập tan lễ xưa thói cũ cho dù nó có thể là cái gì đi nữa.

Tempe nhích sát người vào thượng nghị sĩ hơn, hôn lên má ông và vội vàng góp ý:

- Hết thảy chúng con đều rất ngưỡng mộ lời phát biểu của bố. Thật lạ lùng hết sức - như thể bố nói trúng ý chóc những gì đang ở trên chót lưỡi của mọi người.

Nathaniel dùng chân. Ông trườn mền vỗ vỗ bàn tay con dâu:

- Cảm ơn con gái của bố. Con bao giờ cũng cố làm cho trái tim già nua đang đập dồn dập này có cảm tưởng mình trẻ lại.

Trong lúc cả bốn cha con bước vội vàng xuống mấy bậc thêm rộng, Joseph âm thầm liếc cha thật nhanh. Đôi mắt ông vẫn còn rực sáng, long lanh vẻ háo hức khi ông phát biểu trong Thượng nghị viện và Joseph lại thấy thêm lần nữa nao nao tự hỏi phải chăng ông vẫn còn niềm hứng khởi thuở thanh xuân khi cố nắm bắt mọi cơ hội để chiếm lĩnh ánh đèn sân khấu.

Joseph ngẫm nghĩ, người khác nếu có những thương tật lộ lộ và hãi hùng như ông đã chịu trong tai nạn đi săn, hẳn họ nhụt chí, tìm cách lánh xa cuộc sống công cộng, nhưng đối với cha anh thì khác. Lúc này anh chắc chắn ông biết rất rõ rằng ngoại hình thương tật ấy luôn luôn gọi lên những thiện cảm bất biến của người khác. Và ông không ân hận chút nào về việc khai thác những vết thương ấy nhằm phục vụ cho cứu cánh riêng của mình.

Năm năm trước đây, khi vừa từ Sài Gòn trở về Mỹ, Joseph cảm thấy lòng sôi giận và có nỗi thôi thúc phải đối chất với ông về tai nạn đã gây ra cái chết của Chuck. Nhưng rồi dù sao đi nữa, hình ảnh những vết thương đang hủy hoại thân thể của cha tự chúng lúc nào cũng làm anh cảm thấy nản lòng. Cuối cùng, anh không bao giờ tự động đề cập tới những gì anh đã nghe Ngô Văn Lộc và Jacques Devraux nói.

Khi cả bốn người im lặng đi xuống gần tới Quảng trường Union, trong tâm trí Joseph vẫn chờn vờn câu hỏi khó trả lời của Guy. Anh bứt rứt kết luận rằng có lẽ chính sự thiếu can đảm đối chất ấy khiến thái độ thù nghịch của anh đối với cha càng ngày càng nghiệt ngã và làm cho anh có khuynh hướng tránh gần gũi ông. Khi anh và Tempe vừa đồng ý phụ trách việc cai quản ngôi nhà và đồn điền, mẹ anh mừng rỡ quá, vội vàng dọn tới ở hẳn tại Georgetown. Kể từ đó, mỗi năm anh chỉ có đôi ba dịp gặp gỡ cha mẹ.

Có tiếng Guy cất lên làm dòng suy nghĩ của Joseph bị chững lại, lời tuột anh về với thực tại:

- Bố có nghĩ quân Nhật sẽ thật sự xâm chiếm California không? Con nghe đài phát thanh nói có dư luận lòng vòng ở miền Tây là bọn chúng đang làm như vậy.

Họ đang đi ngang bức tượng cỡi chiến mã của Ulysses S. Grant trong Quảng trường Union. Cả bốn cha con đều có vẻ nhỏ bé trước những hình nhân bằng đồng kích thước giống y người thật của Grant và một toán quân thời nội chiến trong phút giây sững người thảng thốt khi đối mặt những khẩu đại bác có bánh xe và bày chiến mã đang lao tới.

Đột nhiên Nathaniel đứng lại bên các bức tượng khổng lồ ấy rồi quay nhìn về Điện Capitol. Trên đỉnh cột cờ lơ lửng giữa trời, lá quốc kỳ đỏ, trắng và xanh của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ phất phới bay trong gió lộng, khi uốn lại thành gợn sóng khi bung ra thẳng cánh trông thật đẹp mắt, nổi bật lên trên hậu cảnh vòm điện với những thanh trụ nhỏ và tròn. Joseph thấy cha mím môi xúc động. Sau một chút trầm ngâm, ông nói:

- Guy ạ, không ai biết trước một cách chính xác rằng cuộc chiến này sẽ đưa tới những cái gì. Trước khi cuộc chiến kết thúc, nó có thể làm thay đổi toàn bộ cuộc đời của chúng ta. Bố hy vọng rằng cuộc chiến này sẽ chấm dứt hẳn trước ngày con tới tuổi tham chiến - nếu không được như thế, con chớ bao giờ quên rằng chúng ta là những kẻ thừa kế nhiều truyền thống cao cả.

Nathaniel quay mình sang hướng đông, nhìn dọc Khu Thương mãi rồi nhìn tới ngọn bút tháp bằng đá, nhọn và mảnh mai của Đài Washington:

- Trước đây, chúng ta từng bị thử thách nhiều lần và chưa bao giờ chúng ta thấy rõ ràng ý chí của mình như thế nào. Giờ đây, có lẽ cuộc thử nghiệm vĩ đại nhất đang đến. Con hãy nhớ rằng hết thảy mọi biểu tượng chung quanh chúng ta đây, ngay tại con tim này của thủ đô, chắc chắn sẽ góp phần kích động chúng ta bảo vệ những di sản đáng tự hào.

Nói xong Nathaniel lập tức nhấc chân đi rất nhanh. Ông bước thật dài, khập khểnh và lộp cộp với sức đỡ của cây gậy, dưới những cánh tiêu huyền đang lay động. Trong gió mạnh, đầu ông vươn tới trước, hai vai khòm xuống. Tempe và hai con trai của ông phải sải chân mới bắt kịp ông.

Rồi Nathaniel đi chậm lại cho tới khi cả bốn người tới Nhà Bảo tàng Chuyên ngành Vạn vật học Sherman đang nằm im dưới bóng những chiếc tháp sa thạch của toà lâu đài vĩ đại kiểu gô-tic dùng làm trụ sở của Viện Smithsonian Institution chuyên nghiên cứu lịch sử, nghệ thuật và khoa học.

Nhà Bảo tàng Sherman được kiến trúc theo mô hình dinh thự thời Phục hưng Florence và hoàn tất vào đầu năm 1923, với các vòm cung tròn và những hàng chấn song bao lơn bọc mặt bằng đá cẩm thạch trắng phơn phớt hồng vùng Tennessee, tiếp với màu đá hoa cương hồng của Trung tâm Triển lãm Nghệ thuật Freer Gallery of Art kế bên. Dù được tài trợ biệt lập bởi quỹ tài trợ của dòng họ Sherman, Nhà Bảo tàng này cũng giống mọi toà nhà khác tọa lạc dọc theo Khu Thương mãi, đều thuộc quyền quản trị của Viện Smithsonian Institution.

Lúc này nơi cánh đông của Nhà Bảo tàng có một khu vực xây bằng đá còn nguyên vẻ bóng loáng và tươi rói cho thấy nó mới được chấp thêm cho dài hơn.

Khi thượng nghị sĩ Nathaniel Sherman và các con vô tới bên trong Nhà Bảo tàng, họ thấy đã có mặt sáu thành viên nổi tiếng của Hội đồng Quản trị Viện đang đứng chung với đông đảo các quan khách đặc biệt. Nathaniel thân mật chào hỏi từng người bằng tên riêng. Rồi khi đi qua đám đông, ông vội vã bắt tay ông Chánh Thẩm Tối cao Pháp viện, ba bốn thượng nghị sĩ và năm sáu dân biểu Quốc Hội, như một dấu hiệu chứng tỏ ông có nhận biết và ông ghi nhớ sự có mặt của họ.

Bên một lối đi có giăng ngang một băng vải đỏ dẫn tới cánh đông nơi khu vực mới chấp thêm của Nhà Bảo tàng, kê sẵn chiếc bục diễn thuyết nhỏ. Và ở mé bên kia là hình dáng đồ sộ của một con voi đen châu Phi trông rõ từng nét, đứng ngay chính giữa bệ, thân mình và hai chân trước chồm lên trong tư thế hùng hổ thịnh nộ. Ngay trên vòm cửa ra vào nơi khu vực triển lãm mới chấp thêm có một hàng chữ mạ vàng khắc theo kiểu gô-tic: “Khu vực Tưởng nhớ Charles Sherman.”

Một người tham dự giúp Nathaniel Sherman cởi áo khoác mùa đông. Có tiếng vỗ tay lấp đóp khi thượng nghị sĩ bước lên bục thuyết trình. Ông cất tiếng với nét mặt kiên quyết và trang trọng:

- Thưa quý vị, sáu tháng trước đây, khi chúng tôi quyết định chọn hôm nay làm ngày khánh thành khu vực trưng bày mới được chấp thêm này của Nhà Bảo tàng, lúc ấy không ai trong chúng ta biết rằng hôm nay lại trở thành một ngày ảm đạm cho Hoa Kỳ. Tuy thế, tôi thấy không có vấn đề hoãn lại lễ khánh thành nhỏ bé này và chúng tôi cảm ơn tất cả quý vị đã đến

tham dự vào lúc đất nước chúng ta đang lâm phải một cuộc khủng hoảng rất sâu xa... Như hầu hết quý vị đã biết, khi phụ thân tôi qua đời năm 1922, cụ để lại di chúc trong đó có việc thành lập Nhà Bảo tàng Sherman. Từ đó đến nay, Nhà Bảo tàng này tự nó đã có thể chứng tỏ giá trị hỗ trợ của nó cho một cơ sở lớn lao hơn, đó là Viện Bảo tàng Vạn vật học Smithsonian tọa lạc đối diện nó trong khuôn viên Khu Thương mại này. Để bảo đảm đặc tính môi trường của nhà bảo tàng này, chúng tôi luôn luôn chú tâm sưu tập và trưng bày các loại dã thú quý hiếm - và có lẽ nhiều người trong quý vị đã biết rằng khi tiến hành việc sưu tập các bộ dã thú đầu tiên, gia đình chúng tôi đã chịu một tổn thất bi thảm tại rừng thẳm Đông Dương...

Nathaniel dừng lại một chút rồi đưa mắt nhìn xuống bục diễn thuyết dù vẫn nói với giọng đều đều:

- Thưa quý vị, đó là lý do khu vực trưng bày mới chấp thêm này được đặc biệt dành để tưởng nhớ Charles, đứa con trai đã qua đời của tôi. Khoảng thời gian trước ngày từ trần trên ngưỡng cửa đời mình, Charles đang biểu lộ một tương lai đầy hứa hẹn. Và tôi tin rằng cái chết không đúng lúc của nó không chỉ là một tổn thất cho gia đình của chúng tôi mà còn là một mất mát cho xứ sở của chúng ta. Charles mang nhiều hoài bão lớn lao về chính trị và niềm khát khao mãnh liệt được phụng sự đất nước chúng ta. Nhưng trước hết và trên hết, Charles là một thanh niên cực kỳ can đảm và cũng là một người đi săn tuyệt vời. Nó đã đảm trách việc sưu tập nhiều dã thú mà suốt mười sáu năm qua, khách tham quan nhà bảo tàng này thích thú thưởng lãm.

Ông dừng lại thêm lần nữa. Và khi ông ngược mắt lên, những người đứng gần bục diễn thuyết có thể thấy hai mắt ông bỗng đầm lệ.

- Hẳn nhiều người trong quý vị đang có mặt tại đây cũng từng biết rằng bản thân tôi chịu những vết thương này trong tai nạn đã lấy đi cuộc đời của Chuck và thừa quý vị, thời gian trôi qua không làm lòng tôi nguôi ngoai nỗi nhớ thương đứa con ấy. Chính cảm xúc triền miên mất mát đó đưa tôi tới quyết định bày tỏ thêm lòng tiếc nuối - dưới hình thức một hoạt cảnh hỗn hợp những dã thú tuyệt vời nhất mà con tôi đã bắn hạ ở Đông Dương. Đây là lần đầu tiên những con thú trưng bày ấy được gom lại trong một khu vực mang tên Charles và chúng lập thành một đài kỷ niệm công cộng về lòng dũng cảm và tài năng của nó.

Nathaniel thêm lần nữa dừng lại rồi sung sướng hướng nụ cười thật tươi về phía gia đình mình đang đứng, gồm Joseph và Tempe, mẹ anh, Guy và cô em gái Susannah của anh.

- Thưa quý vị, nhân đây tôi xin nói thêm là, để tạo một ngạc nhiên nho nhỏ, cho tới lúc này tôi vẫn giấu không cho gia đình mình hay biết về hoạt cảnh trưng bày mới mẻ này. Nhưng toàn thể gia đình tôi đều yêu thương và hãnh diện về Chuck không kém gì tôi. Và tôi hy vọng cả nhà cũng muốn chia sẻ với tôi niềm tự hào về việc thành lập một khu tưởng niệm cách riêng và thường trực để tưởng nhớ Charles.

Tới đây, thượng nghị sĩ cầm lên chiếc kéo nghi lễ và bước xuống bục diễn thuyết:

- Như thế, tôi xin được vô cùng hân hạnh tuyên bố khánh thành Khu vực Tưởng nhớ Charles Sherman mới lập nên trong Nhà Bảo tàng này.

Tiếng vỗ tay lịch sự vang lên khắp đám đông tụ họp khi Nathaniel Sherman cắt băng khánh thành. Ngay sau đó, mấy người phục vụ mặc đồng phục xuất hiện, tay nâng khay thức uống

và bánh ngọt. Joseph lướt qua họ thật lẹ, không đưa tay lên cầm một thứ gì. Anh vội vàng vượt qua đám đông, đi vào khu vực trưng bày mới.

Joseph dừng chân trước hoạt cảnh tường nhô và lặng người nhìn chăm chú con mìn đen khổng lồ đã giết anh mình. Cặp sừng dài tàn sát của trâu hạ xuống trong tư thế tấn công. Chân trụ bám chặt nền đất rừng. Xuyên qua đám cỏ dưới chân, hai mắt trâu xanh biếc hung tợn nhìn thốc lên giận dữ. Rồi tới con trâu rừng đỏ mà cách hai trăm thước Chuck đã hạ bằng chỉ một viên đạn vào hôm trước ngày tử nạn, đang hất đầu vênh qua một bên, đầy thịnh nộ. Và ở mé bên kia, con trâu đen do Joseph định vị khi leo lên cây, đang dữ dằn hạ thấp cặp sừng xuống như hai lưỡi mã tấu, nghênh chiến và sẵn sàng lao tới.

Chung quanh những con thú ấy, dàn dựng một hậu cảnh đồng cỏ và rừng xanh ven sông y như thật. Dưới vạt cỏ sát chân con mìn có một tấm bảng đồng nhỏ với mấy dòng chữ: “Charles Sherman, lúc hai mươi một tuổi đã can trường hy sinh đời mình để giết mẫu nguyên sinh của con mìn đực này khi sưu tập dã thú triển lãm cho Nhà Bảo tàng Môi trường Vạn vật học Sherman, tại rừng thẳm Nam kỳ năm 1925. Con trâu đen và con trâu đỏ được trưng bày trong hoạt cảnh đặc biệt tường nhô này đều là hai con thú toàn vẹn trong mẫu nguyên sinh của chúng và bị bắn hạ bởi cùng một người đi săn ấy.”

Đôi mắt Joseph đắm đắm nhìn con mìn, tâm trí choáng ngợp với hình ảnh ghê rợn của anh mình đang bị quật tới chết dưới cặp sừng của nó. Anh nhắm mắt để làm mờ tan hình ảnh của con thú. Ngay lúc ấy, Joseph cảm thấy có một bàn tay đặt lên cườm tay áo mình. Quay sang, anh thấy mẹ đang đứng kế bên, mặt bà trắng bệch. Joseph hỏi mẹ với giọng thì thầm ngỡ ngàng:

- Sao ông ấy lại làm một việc như thế này?

Trong một lúc, Flavia Sherman không trả lời. Với năm mươi lăm tuổi đời, bà chỉ còn lại đôi chút dấu vết nhan sắc rực rỡ từng sở hữu thuở thắm viếng Sài Gòn. Việc sinh hạ Guy lúc tuổi trung niên đã cướp đi phần lớn sức lực của Flavia. Thân hình thanh mảnh của bà không bao giờ lấy lại được vẻ uyển chuyển duyên dáng trước đó. Vẻ mặt Flavia ngày càng uể oải, mang đường nét thần thờ của người lâu ngày giấu mặt và thu mình vào lối sống trú ẩn bên trong những suy tư thâm kín của đời mình.

Trong khi mắt đắm đắm nhìn hoạt cảnh trưng bày ấy, môi Flavia mím lại với vẻ kinh tởm. Và Joseph thấy mẹ sắp trào nước mắt. Bà thì thầm với giọng hầu như không nghe rõ:

- Joseph ạ, đây là miếng đền dành cho sự bạo động của đàn ông và cho sự kiêu hãnh nam nhi điên khùng của bố con - nó không có chút gì là tưởng nhớ Chuck cả.

Joseph dịu dàng nắm tay mẹ an ủi. Nhướn mắt lên, anh thấy cô em Susannah đang lật đật bước tới, trên tay cầm hai ly nước. Cũng y như mẹ thuở còn trẻ, Susannah nay đã trưởng thành với nước da sáng, mịn màng và đáng yêu. Nàng cũng chăm chú nhìn các con thú nhồi bông nhưng mặt nhúu lại, ám vẻ lo lắng. Qua nét mặt của mẹ và anh, Susannah cảm nhận được điều gì làm hai người xúc động khi nhìn hoạt cảnh trưng bày này.

Thấy lệ đoan trường mắt mẹ, Susannah bồn chồn ngoái đầu ngoáy về hướng cha. Đứng giữa Guy và người chồng lịch thiệp ân cần của Susannah, Nathaniel Sherman đang múa gậy, chỉ chỗ con voi châu Phi trên bệ chính giữa rồi sung sướng mỉm cười quay đầu về phía ba mẹ con. Ấn ly nước vào tay Flavia, Susannah vừa nâng khuỷu tay mẹ kéo qua chỗ khác vừa xuống giọng năn nỉ Joseph:

- Anh Joseph, vì danh dự chung xin anh đừng nói gì với ông ấy trước mặt mọi người. Chúng ta phải nhịn một chút vì bố. Bố không có ý gì tệ đâu.

Joseph lùi mấy bước trong khu vực trung bày mới, giữ một khoảng cách vừa tầm và nheo mắt chăm chú nhìn hoạt cảnh. Rồi anh quan sát cha đang dẫn Guy và chồng của Susannah tới gần lồng kính. Nathaniel bắt đầu nói sôi nổi về những con thú đã chết ấy. Thỉnh thoảng ông vung gậy lên hạ gậy xuống. Guy đứng thật sát thượng nghị sĩ và rõ ràng đang nuốt chửng từng lời nói của ông. Cả ba người nổi bật rõ nét trên hậu cảnh rừng xanh sinh động trong khi Joseph đứng nhìn chòng chọc.

Trong một lúc, Joseph không hiểu tại sao mình lại nhìn như thế, rồi anh nhận ra chính vì thân hình cao lớn và thẳng lưng của cậu em trai. Bên cạnh vẻ người lồng không của thượng nghị sĩ, Guy có dáng đứng thật thẳng như cây thông nòng sừng. Joseph bỗng thấy thêm lần nữa vóc dáng vai vuông của Paul Devraux đang lướt qua đám đông trên đường Catinat Sài Gòn trong bộ quân phục đại úy, và cũng thêm lần nữa, thấy Jacques Devraux đang kiêu hãnh ngẩng cao đầu dẫn trước đoàn kỵ mã khi họ vào rừng xanh Đồng Nai. Mái tóc đen tuyền của cậu em tương phản sống động với mái tóc trắng như bông của thượng nghị sĩ.

Bỗng dưng trong lòng Joseph, mối uất hận cũ bốc lên và đầy ứ với một sức mạnh mới. Anh bước vội vào đám đông tìm Tempe rồi lật đật túm tay nàng. Không một lời giải thích, Joseph lẹ làng kéo Tempe ra khỏi Nhà Bảo tàng, đi vào buổi chiều tháng Mười Hai lồng lộng gió.

- 3 -

Trên chiếc limousine dài có tài xế lái chờ ra nhà ga trung tâm Union Station, hai vợ chồng tuy ngồi chung băng ghế sau nhưng Joseph thu mình tách biệt trong một góc xe, đưa đôi mắt trống rỗng miên man nhìn những công thự hùng vĩ của thủ đô Washington. Thậm chí khi đã cùng Tempe lên chuyến xe lửa về Richmond và ngồi yên trong lòng toa, Joseph vẫn không nói một tiếng.

Cảm thấy chồng muốn được một mình với những nghĩ tưởng riêng tư, Tempe không dám đánh bạo hỏi chuyện. Thay vào đó, nàng im lặng đan tiếp chiếc khăn len cho đứa con vừa chào đời. Trong lúc đan, Tempe thỉnh thoảng bắt gặp chồng nhìn mông lung cặp que ngà. Hết lần nào ánh mắt của hai vợ chồng gặp nhau nàng đều thẳm lặng mỉm cười với chồng nhưng cử chỉ trêu mến ấy không làm cho tâm trạng của Joseph nguôi ngoai chút nào. Anh vẫn cầm nín cho tới lúc con tàu xuyên qua bóng tối đang hội về trong buổi chiều mùa đông lạnh giá, chạy gần tới Richmond.

Sau cùng, Joseph đưa tay cầm tay Tempe như một cử chỉ ân hận rồi nói:

- Tempe ạ, anh xin lỗi. Quả thật anh không thể ở lại trong khu vực trung bày đó thêm chút nào nữa.

Tempe âu yếm mỉm cười, ngừng tay đan:

- Em biết. Anh không bao giờ thích nhà bảo tàng đó, đúng vậy không? Có phải nó làm anh nhớ lại quá nhiều điều bất hạnh?

Joseph đắm đắm nhìn Tempe, ngạc nhiên nhận ra rằng hình như bằng trực giác nàng đã nhìn thấu suốt cảm xúc của chồng:

- Làm sao em biết như vậy? Chưa bao giờ mình nói với nhau về điều đó.

- Trước đây, mình chỉ ghé qua đó có một lần. Sau ngày anh và em mới quen nhau, anh nhớ không, khi em khám phá ra anh là người thuộc dòng họ Sherman của cái nhà bảo tàng nổi tiếng ấy, em liền yêu cầu anh đưa em tới đó. Anh giải thích mọi sự một cách lịch sự nhưng lúc ấy em thấy anh có vẻ bứt rứt - y hệt cái vẻ bứt rứt của anh chiều nay khi chúng ta vừa đặt chân vô đó.

- Anh nghĩ nó làm anh nhớ rõ nét cái chết của anh Chuck - nhưng anh không biết rằng mình đã để lộ ra mặt quá như vậy.

Tempe áp bàn tay của Joseph trong hai tay nàng:

- Anh không để lộ ra mặt chút nào - anh chỉ đánh giá thấp khả năng trực cảm của phụ nữ. Em có cảm giác rằng cái làm cho anh hôm nay cảm thấy ảm đạm không phải chỉ là chiến tranh và sự thiếu tế nhị của bố...

Tempe ngập ngừng, đưa mắt nhìn xuống:

- Joseph ạ, em nghĩ có lẽ con thú ấy còn làm anh nhớ tới cái gì khác nữa, phải không?

- Em có ý nói gì vậy?

- Em gặp anh lần đầu tiên vào lúc anh vừa từ Đông Dương trở về. Thuở ấy, anh căng thẳng, bứt rứt trong một thời gian rất dài - kể cả sau khi mình đã thành hôn ít lâu.

Joseph trả lời thật lẹ:

- Một người Pháp hướng dẫn gia đình anh đi săn chuyên đầu tiên bị giết ở đây. Mỗi lần nghĩ tới sự việc đó, anh cảm thấy bức bối hơn mình đã tưởng vào lúc nó vừa xảy ra. Càng suy nghĩ tới nó, vết thương cũ về việc anh Chuck tử nạn lại càng làm anh đau đớn - chỉ vậy thôi.

Tempe buông tay chồng và đan tiếp:

- Joseph ạ, đôi khi em tự hỏi biết đâu tại xứ sở đó anh đã có một mối tình bất hạnh.

Trong một hai giây Joseph sững người nhìn Tempe chăm chăm:

- Tại sao em lại đoán như vậy?

Tempe nhú mào và đột nhiên cúi xuống gỡ đoạn chỉ len lòi ra một bên mé khăn đan:

- Joseph ạ, chỉ có chuyện như thế mới có thể khiến cho đàn ông có thái độ giống như của anh. Thuở ấy, em không hỏi anh về chuyện đó vì những gì xảy ra trước khi chúng mình quen nhau đều không phải là việc của em, tuy em thường cảm thấy anh hay nghĩ ngợi xa xăm. Và chiều nay, từ lúc chúng ta rời nhà bảo tàng, nó lại xảy ra giống y như vậy - như thể bằng một cách nào đó, em lạc mất anh.

Joseph đắm đắm nhìn Tempe và bối rối nhận ra nàng đang đặt tay lên một sự thật trước đây anh không chịu thừa nhận, kể cả đối với chính mình.

Tempe bỗng hỏi:

- Nói về cô ấy có phiền lòng anh không?

Joseph vội vàng quay mặt, ngó ra cửa sổ con tàu:

- Tất cả đã thuộc về một thời rất xa.

- Cô ấy là ai vậy?

- Một thiếu nữ An Nam - con của một vị quan ở Sài Gòn.

- Cô ấy yêu anh chứ?

Joseph tần ngần rồi lắc đầu. Anh tiếp tục đưa mắt trông rỗng nhìn qua khung cửa sổ đầy bóng tối như đang phản chiếu tâm tư u uất của mình:

- Không... anh nghĩ là cô ấy... không yêu anh.

- Nhưng anh yêu cô ấy?

Joseph lại lắc đầu, thở dài thành tiếng:

- Có thể anh đã yêu... anh thật chẳng biết nó như thế nào nữa. Nhưng anh nghĩ em có lý, anh đã áp ủ hình ảnh cô ấy trong một thời gian.

Tempe vừa chỉnh xong một mũi đan bị lệch. Joseph quan sát bàn tay nàng tiếp tục chuyển động nhịp nhàng trên đùi.

- Anh có từng ăn nằm với cô ấy không?

Tempe hỏi câu đó với giọng hầu như thì thầm. Trong một lúc, như thể bị thôi miên, mắt Joseph vẫn nhìn không rời hai bàn tay thoăn thoắt đan của vợ. Rồi anh nói chậm chậm:

- Không. Không có. Các gia đình quan lại người An Nam rất nghiêm khắc về các sự việc thuộc loại như vậy.

Tempe không ngược lên. Joseph cảm thấy chuyển động đong đưa của thân tàu bắt đầu đổi nhịp khi tàu chạy chậm dần, gần tới Richmond. Anh vừa đứng lên mặc áo lạnh vào vừa nói:

- Mình quên hết chuyện đó đi, được không Tempe? Tất cả đã thuộc về quá khứ. Lúc này, chuyện Trân Châu Cảng cũng đủ làm mình lo nghĩ rồi.

Sau khi xuống tàu, hai vợ chồng đi bộ một đoạn đường dài hơn cây số giữa hai hàng bạch dương cao vút trồng dọc bên đường. Qua màn đêm sương phủ họ thấy rõ ánh sáng toả ra từ

toà nhà nơi đồn điền Queen Anne. Lúc Joseph và Tempe bước vào tiền sảnh, bà vú da đen chào lại cả hai với nụ cười mang vẻ trấn an rằng con của họ đang ngủ ngon. Dù vậy, Tempe vẫn lật đật chạy lên chiếc cầu thang xoắn ốc làm bằng gỗ óc chó, nhìn vào phòng của con trẻ.

Khi trở xuống ngồi với Joseph trong phòng ăn vách dán pa-nô, đôi mắt Tempe nhoà lệ. Nàng cất tiếng, rất dịu dàng:

- Anh Joseph ạ, em nghĩ rằng âm thanh êm đềm nhất thế gian là tiếng thở thì thầm của đứa con mình đang ngủ. Nghĩ tới hạnh phúc của chúng ta có thể bị hư hoại vì chiến tranh, em thấy mình không chịu đựng nổi.

Vừa rồi, trong khi Tempe còn ở tầng trên, Joseph đã mở máy phát thanh nơi phòng sách. Lúc này anh lơ đãng gật đầu với nàng trong khi lắng nghe phát thanh viên đọc bản tin tường thuật chi tiết những cuộc xâm chiếm mới của quân Nhật ở Hồng Kông và Mã Lai. Tại châu Âu, người Nga tuyên bố đang đẩy lùi các đạo quân của Hitler chung quanh Rostock nhưng năm chục sư đoàn của Đức vẫn được tường thuật hiện đang gây sức ép chung quanh Mát-cơ-va.

Mãi tới khi vai Tempe rung động Joseph mới nhận ra vợ mình đang khóc. Anh quàng tay ôm nàng an ủi. Trong vài phút, Joseph và Tempe cùng im lặng lắng nghe tin tức rồi ra hiệu chuẩn bị bữa ăn khuya. Nhưng lúc thức ăn được dọn lên, hai vợ chồng không ăn được mấy chút.

Khi người giúp việc dọn xong chiếc đĩa cuối cùng, Joseph nói giọng đều đều:

- Dĩ nhiên anh phải đi.

Từ đầu bàn đằng kia, Tempe dờ dẩn gật đầu, nhận ra chẳng còn chọn lựa nào khác:

- Anh chọn binh chủng nào?

- Anh nghĩ là không quân - nếu người ta chấp nhận anh.

Sau đó, trong khi Joseph ngồi đằng sau chiếc bàn giấy mặt phủ da thú trong phòng sách viết đơn ghi danh vào không lực và xin thụ huấn phi hành, Tempe tới sau lưng ghế, choàng tay qua vai chồng. Vừa ấn một vật mềm mại vào lòng bàn tay phải của Joseph nàng vừa thì thầm:

- Mark mới nói với em rằng nó muốn tặng anh cái này để giữ cho bố được an toàn ở bất cứ nơi nào bố đi.

Joseph mỉm cười khi nhìn xuống thấy chiếc chân thỏ cầu may nhỏ xíu móc vào sợi dây chuyền vàng, được cha của Tempe đưa cho hai vợ chồng, làm quà của ông ngoại tặng đứa con trai thứ hai của họ nhân dịp rửa tội. Và vì lễ rửa tội mới cử hành cách đây sáu tuần nên bùa hên này vẫn còn treo trên tao nôi của chú bé. Joseph khẽ cười và hỏi:

- Em có chắc chắn Mark chịu nhường cái này cho bố không đó?

Tempe chớp chớp mắt cổ nuột nước mắt:

- Nó cứ nhất quyết đòi là phải đưa cho anh. Nó nói nó cảm thấy có một đất-đi tốt lành như bố là đủ may mắn cho nó rồi - và bố cần tới vật này hơn nó.

Joseph nhét chân thỏ vô túi:

- Xong ngay. Anh biết tốt nhất chớ có cãi nhau với một gã nam nhi Sherman hai tháng tuổi. Nếu anh làm nó tức mình khóc oé lên, nhà này thế nào cũng sập.

Sau khi Tempe rời phòng sách, Joseph ngồi lại bên lò sưởi, nghe trong lòng lò vang ra tiếng nổ lách tách và đọc lại lá đơn mới viết. Đọc xong, anh cảm thấy thêm lần nữa khắp châu thân lâng lâng niềm hứng khởi. Dù sao đi nữa chiến tranh cũng hứa hẹn nhiều điều. Nó sẽ mang anh đi thật xa, xa khuất cuộc sống tối ngày triền miên quanh quẩn nơi hạt Charles này. Và vì cái đó, cuối cùng anh biết ơn các tay quân phiệt Nhật Bản.

Joseph gấp lá đơn, cho vào phong bì và dán lại. Đột nhiên có tiếng động dồn dập trong ống khói làm anh giật nảy người. Kế đó, một trận mưa bồ hóng tuôn như thác xuống vĩ lò làm lửa tắt ngúm và căn phòng ngập ngụa khói. Từ bên trong ống thông hơi cũ kỹ vang ra một tràng tiếng rít nghiền nghệt. Joseph phóng mình ra sân, nhìn lên mái nhà.

Ngay trên miệng ống khói nổi bật bóng dáng một vật hình cái nôm, đen đui và rõ nét giữa ánh sáng trời đêm lơ mờ. Khi Joseph nhìn kỹ, cái bóng ấy hình như mỗi lúc một phình to hơn. Lại một tràng tiếng rít nữa vang lên rộn ràng khắp vùng đồng quê Virginia tĩnh mịch. Tim Joseph bỗng đập thật nhanh khi anh nhận ra đó là một con công đồng bằng. Nó vừa bay tới đậu giữa mái nhà anh và đang xoè đuôi múa trên ống khói. Cuống cuồng, Joseph hốt sổi. Anh ném hết nắm này tới nắm khác lên nóc nhà cho đến khi con công hoảng hốt kêu rít lên, vỗ cánh bay vào bóng đêm.

Sau khi tắt lò sưởi trong phòng đọc sách, lên tầng trên Joseph thấy Tempe đang ngồi trên chiếc ghế vú em trong phòng nuôi trẻ. Đứa con trai mới sinh đang sung sướng bú một bên vú mẹ còn mẹ nó mặt tái mét vì lo lắng:

- Joseph, em ngửi ra mùi gì cháy - tiếng gì kêu dễ sợ vậy?

Joseph cố giữ giọng tự nhiên:

- Một con công tới đậu trên ống khói. Nó làm rơi một ít bồ hóng xuống phòng đọc sách của anh, chỉ vậy thôi.

- Nhưng, có phải anh từng kể với em rằng dòng họ anh luôn luôn gặp điềm không may khi có chim công bay tới đậu trên mái nhà?

Tempe hỏi như lú lẫm. Và đột nhiên tròn xoe mắt sợ hãi, người nàng rướn thẳng lên trên ghế. Cử động ấy khiến đầu vú tuột khỏi miệng đứa nhỏ làm thằng bé ré lên khóc. Joseph liền quì xuống cạnh hai mẹ con, vỗ về mái tóc của Tempe trong khi nàng sữa con lại cho ngay ngực mình. Anh thì thầm:

- Cả mẹ lẫn con thư thả nào. Hình như có một lần anh có nói với em chuyện đó - nhưng đó chỉ là chuyện điên khùng của mấy bà già. Em đừng lo.

Mấy phút sau, Mark thiếp ngủ. Tempe chuyển nó cho Joseph. Anh nhẹ nhàng đặt thằng bé vào nôi.

Khi Tempe với Joseph cùng ở trong chiếc giường bốn góc có cột treo rèm đã được nàng tân trang cho hai vợ chồng dùng từ đêm tân hôn, nàng vẫn đầm đìa nước mắt, ôm chặt chồng trong bóng tối. Tuy Joseph vẫn nghe trong đầu mình tiếng rít nghiền nghệt của con công trên mái nhà nhưng cơ thể làm mẹ mọng chín và ấm áp của Tempe ép chặt vào người anh làm con hứng khởi trong anh nổi lên và càng lúc càng bốc cao. Trước khi ngủ, Joseph làm tình với nàng. Lúc nào cũng thì thầm những lời dịu dàng bày tỏ lòng yêu thương và dâng hiến, tuy tự trong chốn sâu thẳm của tâm hồn, Joseph biết rằng mình không thật sự cảm thấy.

- 4 -

Từ không phận Trung Hoa, chiếc máy bay oanh kích Curtis P.40 Warhawk của Không đoàn Mười bốn Hoa Kỳ vọt lên cao và lướt tới trong gió mạnh thág Chạp rồi chao cánh trên đoàn tàu tiếp tế của Nhật đang gan lì rẽ nước băng qua Vịnh Bắc Việt để vào bến Hải Phòng.

Hai con tàu bị đánh trúng bốc cháy phừng phực. Đàn máy bay Phi đội 308 lao qua màn khói, dội bom và bắn phá những chiếc còn lại. Đúng vào lúc từ cự ly cao nhất đại úy Joseph Sherman chúc đầu chiếc P.40, quành mũi máy bay thêm lần nữa để lao xuống, con tàu thứ ba, rõ ràng chở đạn, bỗng nổ tung, phụt lên trời cao một cột ánh sáng màu da cam rồi lửa văng tung toé ra mọi hướng.

Bay là đà trên bờ biển và quan sát những đám lửa không lồ đang đốt cháy con tàu, Joseph thấy rõ từng chút một các thủy thủ Nhật như những con kiến li ti lao mình xuống nước. Chỉ trong mấy chớp mắt những bóng hình lơ vơ ấy chao nghiêng, nổi bật trên nền lửa rồi biến mất trong biển cả.

Chẳng chút mũi lòng, Joseph đẩy cần lái ra đằng trước để thêm lần nữa chúc mũi chiếc P.40 vào biên độ tấn công. Rồi anh kèm chặt tay lái cho máy bay lao tới những con tàu đang dẫn đầu cuộc chạy đua tàn khốc với mục tiêu duy nhất là làm sao về tới bên cảng an lành.

Các ụ súng cao xạ của Nhật từ những chốt ven bờ biển phụt lên trời những lưới lửa đỏ rực, cố liếm cho trúng đàn máy bay Warhawk của phi đội lúc các phi công sà xuống lượn vòng theo những con tàu đang chúi mũi chạy. Đối với Joseph, đã từ lâu anh không còn cảm thấy căng thẳng khi ở quá gần lưới lửa phòng không. Trong một hai giây anh thận trọng quan sát rồi điều chỉnh độ bay, nhích cần lái từng chút một, lấy độ dốc để lao xuống. Anh tính toán, thả xong hai trái bom, mỗi trái nặng một trăm ki-lô, đeo hai bên cánh phi cơ, mình sẽ vọt lên, kịp thời thoát khỏi làn đạn của súng cao xạ Nhật từ trên bờ bắn theo.

Đúng lúc chiếc P.40 của Joseph vừa tập trung tốc độ, một quả đạn phòng không phát nổ ngay đằng trước mũi máy bay làm rung chuyển thân tàu nhưng không chặn nổi đà lao xuống của nó. Joseph trút cả hai trái bom xuống một con tàu đã trúng đạn sẵn và kịp thời quét sạch đài chỉ huy của chiếc chạy đằng trước nó bằng mấy hòng súng đại liên Browning 12.7 li gắn nơi cánh máy bay.

Trong khi phi cơ của Joseph vọt lên cao, từ đằng sau đuôi tàu có một đám lửa rực cháy, chiếu ngược vào khoang lái, chứng tỏ hai trái bom anh vừa thả đã rót trúng mục tiêu. Ra ngoài tầm đạn phòng không của bên cảng, anh liền ngoái mặt lui, thấy con tàu ấy bốc cháy dữ dội.

Joseph nhìn lửa cháy với cảm giác dửng dưng và hài lòng, như thường lệ. Con tàu đang phát hoả ấy trông không khác lắm những con tàu anh từng chứng kiến trong gần ba năm lái máy

bay chiến đấu. Lúc này anh ngó nó như thể ngắm những ngọn đèn lồng xuất hiện và lung linh lướt qua vòm kính chắn gió của máy bay. Đạn bom nổ ì ùng. Các con tàu, xe bọc sắt, xe tải, v.v. làm mồi cho lửa. Khói và lửa sặc sụa mùi dầu quện vào nhau, bốc lên dữ dội, và chỉ khoảnh khắc sau, chúng biến dạng rất nhanh không kém khi xuất hiện. Vòm kính chắn gió của chiếc máy bay oanh kích Warhawk lại lập tức bị bao quanh bởi da trời tươi mát màu xanh nhạt, mặt biển xanh thẳm và thậm chí có thể cả chiếc áo choàng đen thẳm của đêm đang trùm kín cảnh tượng mặt đất bên dưới.

Cảm giác dừng đọng ấy khiến Joseph thường có ấn tượng như thể anh đã tham chiến trong một quãng thời gian dài hơn ba năm. Đôi khi anh chẳng nhớ nổi ngoài việc bỏ bom và bắn phá mình có còn làm thêm việc nào khác nữa không.

Cuối tháng Năm 1942, vừa thụ huấn xong phi hành Joseph liền được điều tới Midway để lái chiến đấu cơ P.40 thuộc Phi đội 495. Vì tình hình khẩn trương, các giai đoạn học tập sơ cấp, căn bản và chuyên ngành thay vì bảy tháng như thường lệ, bị rút ngắn còn chưa tới sáu tháng. Lúc này thật khó cho anh xác định nguyên do nào đưa đẩy một thiếu úy mới ra trường lập được chiến công đầu là “hạ sát” một hộ tống hạm trong hạm đội khổng lồ của Nhật khi chúng kéo đến Midway với ý đồ nghiền nát đôi phương để rồi bị đánh tan tác trong trận hỗn chiến nổi tiếng vào đầu tháng Sáu.

Joseph kinh ngạc thấy trong những ngày đầu tiên ấy mình tình nguyện xung phong lái chiến đấu cơ, để rồi sau đó, hễ lúc nào chạm tay vào cơ bầm của súng đại liên gắn hai bên cánh hoặc vào cần nhả bom, anh nếm trải trở lại cái cảm giác tàn sát gớm ghiếc từng cảm thấy một cách sâu xa khi cầm khẩu súng săn trong tay vào những ngày niên thiếu nơi rừng xanh Đồng Nai gần hai chục năm trước. Nhưng sau cùng, sự quyết chí mãnh liệt phát sinh trong lòng Joseph từ sau ngày Chuck qua đời đã khắc phục thiên hướng đó, biến anh thành một trong những phi công chiến đấu lập nhiều chiến công nhất vùng Thái Bình Dương.

Trận không tập tàn khốc ở Midway đập tan huyền thoại bất khả chiến bại của hải quân Nhật và là bước đầu chuyển làn nước thủy triều Thái Bình Dương thành lợi thế cho Hoa Kỳ. Nó còn là một cuộc thanh tẩy Joseph bằng lửa để sau cùng, khi Thủy quân Lục chiến Hoa Kỳ đánh bật lực lượng bộ binh của kẻ thù ra khỏi đảo Guadalcanal vào đầu năm 1943, phi đội của Joseph được điều tới đó để tiếp tay dồn quân Nhật vào thế thủ.

Những phi vụ cất cánh liên tục từ đảo Salomon làm Joseph quen với việc oanh tạc. Gần như ngày nào anh với các phi công đồng đội cũng giáng bom đạn xuống các mục tiêu của Nhật trên đất liền và trên biển cả. Tiếng tăm của Joseph ngày càng vang xa nên khi Nhật phóng ra cuộc tấn công ào ạt tại Trung Hoa vào mùa hè năm 1944, anh được vinh thăng đại úy, tăng phái cho Phi đội 308 thuộc Không đoàn Mười bốn. Đó là một binh đoàn không quân đóng căn cứ tại Côn Minh ở mạn Nam Trung Hoa. Với danh xưng là đoàn “Phi Hổ”, nó được thành lập từ một nhóm từng có tiếng tăm lừng lẫy từ thời tiền chiến gồm những phi công tình nguyện chung quanh hạt nhân là thiếu tướng Claire Lee Chennault.

Nhật tung hai triệu quân vào các mặt trận trên đất Trung Hoa. Trong nhiều tháng trời suốt ngày đêm chạy đua với kim đồng hồ, phi công thuộc các phi đội “Phi Hổ” tiến hành phi vụ oanh kích những mục tiêu trên không và dưới đất, đánh phá các tuyến đường tiếp tế huyết mạch dẫn tới Trung Hoa và Đông Dương. Joseph từng bay vài chuyến trên vùng trời Bắc kỳ và Hoa Nam để oanh kích cầu cống, đường xe lửa, kho tàng tiếp liệu dành cho Quân đội Thiên Hoàng. Những vách núi đá vôi cheo leo ở Bắc kỳ, được che phủ bởi rừng già rậm rạp,

trở thành cảnh tượng quen thuộc với Joseph lúc anh tung cánh bay đi bay về căn cứ của mình tại Côn Minh.

Trong đêm trung tuần tháng Mười hai năm 1944 này, lúc Joseph quành mũi chiếc P.40 qua hướng tây bắc nhắm phía biên giới Trung Hoa, bầu trời không trăng và bóng tối lẹ làng phủ xuống một vùng rừng núi trải dài trên ba trăm hai mươi cây số, khoảng cách giữa Phi đội 308 đang bay với địa điểm căn cứ hạ cánh. Trong cơn mưa đầu mùa rơi nặng hạt và gió thổi quần quật, phi đội tái lập đội hình chậm hơn thường lệ. Trong khi đó sau lưng họ ánh lửa bốc lên từ những con tàu ngoài cảng Hải Phòng càng lúc càng xa và leo lét dần.

Joseph cẩn thận lắng nghe từng phi công lần lượt báo cáo sự có mặt của mình với phi đội trưởng. Sau khi nắm vững phi vụ này không gây tổn thất nhân mạng nào, trong máy truyền tin liền rộ lên lời các phi công đùa giỡn châm chọc nhau. Vài phút kể đó, Joseph thấy kim báo tình trạng động cơ chiếc Warhawk của mình bắt đầu dao động nhưng thoát đầu anh không cảm thấy lo ngại nhiều. Trước đây Joseph từng nhiều lần lái phi cơ bay khắp khinh về căn cứ với tiếng máy nổ cà rịch cà tang và sau khi đáp xuống bình yên anh mới phát hiện cánh và thân máy bay lở chỗ vết đạn. Nhưng lúc này, khi động cơ ngập ngừng rồi khục khặc, tự nhiên Joseph có cảm giác da trên cổ đang cọ vào mấy sợi lông của chiếc chân thỏ được anh móc chung vào sợi dây chuyền đeo thẻ bài. Mỗi lần cất cánh, Joseph đều nhớ mang theo chiếc bùa hên ấy. Và suốt ba năm qua, anh ngày càng gắn chặt vào nó với một lòng mê tín cực kỳ.

Giờ đây, chiếc chân thỏ cọ vào da cổ khiến Joseph bỗng nghĩ tới Tempe và các con sau hơn một năm không gặp nhau. Và anh chợt nhớ trong quãng thời gian rất dài ấy, mình đã quên lửng cả ba mẹ con. Tính từng đứa, lúc này Gary lên bảy, còn Mark được ba tuổi. Cả hai biết rất ít về bố. Những thời kỳ dài xa cách cùng những mệt nhọc do bởi vô số trận oanh kích liên miên dường như đã làm mù mắt mọi cảm giác. Tình trạng vô cảm ấy khiến Joseph nhiều lần tự hỏi chẳng biết bây giờ mình có còn lo lắng cho ai không, kể cả bản thân.

Với ba mươi tư tuổi đời, Joseph già hơn hầu hết các phi công trong phi đội, nhưng sau giờ quân vụ, anh uống nhiều rượu, không thua bất cứ phi công nào nhỏ tuổi hơn, dù anh chưa bao giờ say trước mặt họ. Lập trường của anh là tránh những cuộc rong chơi tìm của lạ xác thịt và anh cố giữ vững nó. Nhưng những căng thẳng do từng ngày đối mặt với cái chết và nguy cơ suýt chết đôi lúc làm Joseph kín đáo buông xuôi theo những mời gọi của nhục dục. Thế rồi sau đó, anh cảm thấy mình nhầy nhụa, với cảm giác nhòm tòm không nguôi, vì nó gây cho anh ấn tượng rằng mình không tôn trọng vợ và tình cảm của mình dành cho Tempe không đủ mạnh.

Gần đây, trong những lần về phép hiếm hoi, việc làm tình giữa Joseph và Tempe đã hoá ra gượng gạo, không còn hứng thú tự nhiên. Và dù vẫn giữ tình nghĩa vợ chồng với nhau, hình như mỗi người đang tự thu mình lại. Vì lý do ấy, chuyến đi phép vừa rồi thay vì về nhà, Joseph tới nghỉ dưỡng sức ở Hawaii suốt mười ngày. Tại đó, anh uống rất nhiều rượu, và sáng nào cũng thức dậy với một khuôn mặt trên chiếc gối bên cạnh, khác với khuôn mặt hôm qua nhưng giống hệt nhau ở nét lơ mơ và vẻ vô tình vô cảm.

Joseph lại bóp mạnh chân thỏ. Chỉ lát sau, động cơ chiếc Warhawk ổn định trở lại với tiếng máy nổ bình thường. Trong bóng tối khoảng lái anh gượng gạo mỉm cười với ý nghĩ ít ra chiếc bùa hên vẫn còn nguyên phép màu nhiệm của nó. Rồi gần như ngay lúc ấy, giữa những mặt số dạ quang màu lục nằm trước mặt Joseph, ngọn đèn nhỏ màu xanh lại bắt đầu sáng rực

lên từng đợt báo hiệu máy đang nóng quá sức chịu đựng. Và lần đầu tiên, anh cảm thấy rừng mình ớn lạnh với cơn kinh hãi từ mé dưới thắt lưng bò dọc lên theo từng đốt xương sống.

Joseph chợt nhớ tới quả đạn phòng không phát nổ ngay đằng trước mũi máy bay khi anh bắt đầu lao xuống lần thứ hai. Anh đoán chắc là mảnh sắc của quả đạn đã xuyên thủng nắp động cơ và có lẽ làm hỏng cánh quạt. Hơn mười lăm phút kể đó, vận tốc chiếc P. 40 tụt thật lẹ xuống dưới hai trăm năm mươi cây số một giờ. Và dần dần, các máy bay khác chung phi đội lướt qua anh, rồi từng chiếc một theo nhau mất dạng trong đêm đen lộng gió.

Bấm nhẹ nút truyền tin trên máy liên lạc, Joseph báo cáo ngắn gọn với phi đội trưởng tình cảnh hiện nay của mình. Rồi anh hoàn toàn tập trung tâm trí, cố tìm cách đưa chiếc máy bay hỏng hóc của mình về căn cứ. Chẳng bao lâu, việc rán sức giữ cho máy bay thăng bằng giữa trời đêm đang nổi lên từng đợt gió mạnh, làm mồ hôi anh vã ra ướt đầm bên trong áo bay.

Lúc này, ngọn đèn đỏ chớp nháy khi mờ khi tỏ bắt đầu rực sáng liên tục. Một hai giây sau, Joseph nhận thấy có lưỡi lửa nhỏ liếm quanh nắp động cơ. Anh dự tính thả lỏng cánh quạt trong một thời gian ngắn, chờ tới khi lửa máy ra tắt lụi, sẽ cho máy nổ lại. Nhưng tiếng máy lại lần nữa khục khặc khiến Joseph biết chắc chắn chính mảnh của quả đạn phát nổ đã phá hỏng chiếc P.40.

Joseph cũng biết đứt khoát rằng, với những cơn gió trên cao này, tới khi máy bị liệt hẳn, phi cơ sẽ đâm xoáy đầu xuống đất, tự biến thành chiếc quan tài ngùn ngụt lửa và anh không thể nào thoát thân ra ngoài. Lúc này, đang nằm trên độ cao thăng bằng, máy bay chỉ còn có thể chuôi tới trước vài giây nữa. Joseph hiểu rõ nếu muốn sống sót mình phải mở vòm kính, leo ra một bên thân máy bay, nhảy dù xuống khoảng không đen ngòm đang gào rú bên dưới.

Xét theo bản đồ, Joseph biết dưới đáy của khoảng không đen ngòm kia chỉ toàn núi rừng lởm chởm bị cắt ngang bởi những khe cùng suối chảy xiết, phát tích từ sông Kỳ Cùng. Anh ước tính mình đang ở tọa độ xa khoảng hơn ba chục cây số phía nam biên giới Trung Hoa và có lẽ xa khoảng một trăm sáu chục cây số phía bắc Hà Nội, nơi hình như cách đây một triệu năm anh đã trải qua hai tuần lễ miệt mài nghiên cứu các tài liệu cổ trình bày cặn kẽ việc cống nạp Bắc Kinh của các hoàng đế An Nam thuở xưa.

Nhìn vòm kính đang bảo vệ mình khỏi đêm đen thù nghịch bên ngoài, Joseph choáng người chơi vơi khi nghĩ tới việc phải lù ra đằng sau. Nhưng phút giây này, lửa cháy lan quá lẹ, tiến độ của phi cơ chậm lại, gần như đứng yên một chỗ. Cảm thấy mũi máy bay bắt đầu chúc xuống, anh chụp lẹ tay nắm vòm kính, giật mạnh. Bộ phận mở vòm kính kẹt cứng, không nhúc nhích. Joseph ngồi ngó sừng bàn tay của mình đang túm chặt tay nắm, với những đốt ngón tay trắng bệch, không tin nổi mắt mình. Bằng cả hai tay, Joseph vận hết hơi sức, cố giật thêm lần nữa nhưng vòm kính vẫn kẹt cứng. Và rồi chỉ trong chớp mắt, chiếc P.40 lật ngửa, rơi lao đảo.

Thân máy bay xoay chậm chậm như con cá thoi thóp sắp phoir bụng chờ giờ chết, đang chìm dần xuống mặt nước đêm đen như màu mực. Trong vòng xoáy của thân tàu, các giác quan trong người Joseph sủi lên thành một lớp bọt nhận thức dần vụt và khổ sở tới ngây ngất.

Rõ ràng số phận nghiệt ngã đang xé nát chiếc P.40 của anh ngay trên bầu trời và trên mặt đất An Nam với một sự tính toán hơn thiệt tột cùng. Tại xứ sở này và chỉ trong một đêm, sự phản bội không hiểu nổi của người mẹ đã biến niềm hưng phấn thanh xuân đầu đời của anh thành nỗi tuyệt vọng thâm trầm. Rồi hơn mười năm sau đó, khi anh thôi không còn hoài nghi lòng dạ

phụ nữ và buông mình thuận phục tín nhiệm với nỗi hân hoan rạng ngời của một tình yêu chân thành và chất ngất, thì tới lượt chính Kiều Lan, người anh yêu tha thiết và anh nghĩ cũng yêu anh không kém, lại là kẻ đột nhiên phản bội anh. Trong trạng thái vừa chơi với vừa sáng suốt giữa cơn lâm nạn này, Joseph nhận ra cái cảm giác trống trải và hiu quạnh chưa một lần buông tha anh kể từ giờ khắc bị Lan làm mất lạ, giờ đây lại trỗi lên từ rừng già núi thẳm bên dưới.

Bỗng dưng Joseph thấy rõ rằng việc cuộc đời anh bị kết liễu nơi đây và việc rừng già này nuốt chửng xác thân anh cùng chiếc Warhawk đều hoàn toàn thích đáng. Anh chắc chắn mình sẽ chết. Ruột anh quặn thắt với cảm giác điên cuồng hồi tiếc rằng mình sẽ chẳng bao giờ được thấy lại Lan thêm lần nữa. Và lúc này, trong khi máy bay xoáy đầu rơi xuống kéo những ngọn lửa ở một bên cánh bay theo nó, cảm giác ấy dần trải thật rộng cho tới khi dường như nó tràn ngập châu thân anh.

Dù tâm trí bị hoàn toàn khống chế bởi những nghĩ tưởng cay đắng ấy, chân tay Joseph vẫn theo phản xạ vật lộn với các cần kiểm soát, cố điều chỉnh cơn rơi xoáy ốc của chiếc Warhawk.

Anh tự động giật mạnh cần lái ra sau hết tầm tay. Vì máy bay vẫn xoáy về bên phải, anh đạp cần lái bên phải tới đẳng trước hết cỡ. Joseph biết mình phải giữ sao cho chiếc P.40 lặn như thế này ít nhất bốn vòng nhưng trong bóng tối đen đặc anh không biết mặt đất đang ở cách mình bao xa, nên sau vòng xoáy thứ ba, anh đẩy mạnh cần lái tới trước, đồng thời co chân tổng hết sức vào chiếc cần phía bên kia. Kết quả, chiếc chiến đấu cơ thăng bằng trở lại trong khi lao tới một trong các mỏm núi cao nhất vùng. Và nó lướt êm vài giây trước khi đâm sầm vào các ngọn cây làm thành một góc chênh chênh.

Cánh máy bay đang đổ rục lập tức vỡ tan. Xăng trong thùng nhiên liệu phụt cháy, lửa văng tung toé như mưa làm sáng rục một dải rừng rộng lớn. Cánh thứ hai của máy bay đứt lìa, văng ra xa, vỡ thành từng mảnh trên một triền núi cách đó khoảng trăm thước. Khoang lái với vòm kính bị kẹt cứng giờ đây bề nát, gác trên một thân vỏ thụ. Và trong khoảnh khắc ấy, tâm thần Joseph bùng vỡ thành một vòng đai ánh sáng trắng. Vài giây sau, những gì còn lại của thân chiếc máy bay P.40 nằm an nghỉ trên một sườn đồi thấp hơn, mũi cắm xuống mặt đất ẩm ướt và đuôi gác trên một cành cây cao đầy những dây leo chằng chịt.

- 5 -

Dưới ánh lửa bập bùng phát ra từ những bó đuốc kết bằng cỏ, một toán người sắc tộc Nùng thân hình lùn và mập, nhướng mắt kinh hãi ngó chiếc Warhawk tan nát. Ngó chưa đã mắt, đám người sơn cước ấy đã vội vàng rút chân, thụt lùi và nói líu lo với nhau.

Họ thấy thân thể một phi công da trắng trong chiếc ghế lái có buộc dây an toàn, treo lắt lẻo ngay bên dưới khoang lái bề nát. Gió thổi mạnh làm người anh ta xoay tròn và đông đưa chậm chậm. Khi hình nhân ấy xoay về phía họ, họ nhận ra một bộ mặt trắng bệch, máu dính bết bết thành từng bệt trông rất dễ sợ, và một cánh tay co quắp cứng trũng, quặt ngược nơi cạnh sườn làm thành một góc lệch.

Đứng đằng sau toán dân sơn cước ấy có một thầy Mo, kẻ cùng đi với họ từ bản làng nhà sàn cách chỗ máy bay rơi gần hai cây số. Ông đang trịnh trọng làm lễ đúng với nghi thức cổ truyền. Cứ đôi ba giây, ông lại đưa dao quắm lên cao chém chém vào không khí bên trên đầu

mình để xua đuổi lũ ma quỷ đang bu quanh chiếc máy bay lâm nạn. Thấy vậy, đám người Nùng tự động lùi ra xa hơn, đứng như xếp hàng ngay sau lưng ông để được ông bảo vệ.

Một dân bản làng đưa mắt nhìn lăm lét chiếc Warhawk rồi nói thật nhỏ, giọng như thì thầm:

- Chắc hẳn về với thần núi thần mây rồi. Mình đi thôi.

Hạ thấp con dao rùng, thầy Mo đứng yên một lát, nghe ngóng. Tiếng động của sáu tên lính biên phòng Nhật đang đi tuần càng lúc càng vọng tới rõ hơn, cho biết chúng đang tiến đến gần khu vực máy bay lâm nạn và như thế, chúng tỏ chúng cũng đã thấy chiếc Warhawk cháy đỏ rực, rơi xuống như một bó đuốc. Thầy Mo nói chậm chậm:

- Chết cũng được, sống cũng được. Có nhớ cái ông già ròm ở Pắc Bó hứa sẽ giải phóng chúng ta không. Cái ông già ké đó đã nói rằng muốn chúng ta giao cho ông hết thầy những người bay da trắng. Mau cắt dây đưa nó xuống.

Giọng nói đầy quyền phép của thầy Mo làm đám người Nùng vững bụng. Nhanh như chớp, họ leo thoăn thoắt lên cây, vung dao quắm chặt đứt sợi dây an toàn gắn quanh ghế phi hành. Phải cần tới sáu người dân sơn cước vạm vỡ mới gánh nổi thân xác kẻ lâm nạn về khu nhà sàn của bản làng. Trong lúc họ oằn lưng dưới gánh nặng và bước loạng choạng, thầy Mo đi một bên, rậm rì đọc thần chú để làm nguôi giận thần lửa, thần trời, thần sấm sét... những vị thần đầy uy lực được họ tin là các đấng tạo dựng đất đai cùng sông núi.

Khi đoàn người về tới bản, dân làng ủa nhau chạy tới bu đầy ngôi nhà sàn ám khói của thầy Mo. Họ đứng im lặng, mắt xoe tròn kính sợ ngó ông sửa soạn chiếc đĩa nhỏ bày mấy ngọn lá trầu và mấy hạt gạo, để đặt vào miệng thi hài, đúng với nghi lễ tiễn đưa người chết của sắc tộc Nùng. Trước khi cử hành nghi thức tẩn liệm, thầy Mo ra hiệu đem tới cho ông một chổi nước trong vắt, múc về từ một lòng suối bên sườn núi. Ké đó, ông lấy dao rạch bộ đồ bay bê bết máu, cởi hết ra và vứt bỏ. Đang rửa máu nơi bụng và lưng của thầy ma, thầy Mo bỗng ngừng tay. Ông lẩm bẩm mấy tiếng thật lạ rồi cúi xuống, áp đầu sát lồng ngực kẻ chết.

Lúc ngẩng lên, ông liền thoảng ra lệnh cho người phụ việc:

- Sửa soạn cáng tre lập tức. Người da trắng này tim còn đập. Mau sai người chạy thật lẹ qua Pắc Bó, nói với họ bên đó ra chờ sẵn nơi bờ suối.

Dân bản cùng nhau ồ lên mừng rỡ. Chen chúc nhau vây quanh thầy Mo, họ đưa nhau múa máy chân tay nói cười, trong khi ông bắt đầu rịt cỏ, đắp lá và bó những chỗ Joseph bị thương lúc máy bay rớt. Cùng với cánh tay mặt lật lều, một chân của anh gãy thấy rõ. Cấp cứu xong các vết thương, thầy Mo lấy một chiếc áo tể lễ của mình quấn quanh người Mỹ, rồi dùng dây rừng bó hai chân Joseph lại và cột chặt người anh vào cáng tre. Sáu sơn dân lực lưỡng lúc này gánh Joseph từ chỗ bị nạn về bản làng nay lại nhấc bổng chiếc cáng lên vai. Cùng với hơn chục dân bản làng cầm dao quắm đi theo hộ tống, họ kéo nhau hồi hải tuột xuống mé núi.

Sau đó nửa giờ, toán lính biên phòng Nhật đi tuần tiểu rút cuốc cũng lần theo dấu máu tới được bản làng ấy. Tìm mãi không thấy thi thể hoặc dấu vết của viên phi công, bọn chúng nổi giận, bóp cò súng. Thầy Mo và hai dân làng chết tại chỗ. Mười người khác bị thương. Trước khi bỏ đi, lính Nhật thiêu rụi tất cả nhà cửa và lối xênh xệch theo chúng năm sáu thiếu nữ trong bản, mặc cho các cô khóc la giã giụa.

Mãi hơn một giờ sau, toán quân Pháp biệt lập từ đồn biên phòng Sóc Giang cách đó khoảng năm cây số, mới cỡi ngựa đi tuần tới chỗ chiếc Warhawk lâm nạn. Cũng như mọi binh sĩ Pháp trú đóng tại Đông Dương, họ có lệnh của Nhật phải tìm bắt và giải giao tất cả những phi công Mỹ bị bắn rớt trên khắp lãnh thổ. Vì nhận lệnh ấy với lòng căm ghét nên khi khám thấy khoang lái trống rỗng, lính Pháp chỉ nhún vai vài lần rồi trở đầu ngựa, quay về đồn.

Trong lúc đó, Joseph đang nằm lênh đênh trên chiếc bè nửa do Đào Văn Lật và hai thanh niên du kích quân cộng sản chèo chống. Bè nhắm hướng tây, đi dọc theo một nhánh chênh vênh dốc đứng của sông Kỳ Cùng.

Khi được dân Nùng báo tin vừa cứu về một phi công Mỹ, từ căn cứ của Đảng Cộng sản Đông Dương tại một nơi bí mật và hiểm trở có tên là Pắc Bó, Đào Văn Lật, con người cách mạng sôi sục nhiệt tình, kẻ từng cầm đầu cuộc tuần hành bất hạnh tại Vinh năm 1930, tất tưởi chống bè nửa ngược dòng xuôi đi đón.

Sau khi tiếp nhận người lâm nạn, Lật vội vã chống bè trở về Pắc Bó. Trên chiếc bè mỏng mảnh, một trong hai dân quân trẻ tuổi đi chung với anh quì đằng mũi, tay đưa cao bó đuốc sáng bập bùng để soi lối chỉ đường chống bè qua thác xuống ghềnh sỏi đầy bọt nước. Trong khi ấy, người dân quân thứ hai lom khom bên chiếc cánng cột Joseph, hai tay ôm chặt khẩu súng kíp cỡ nhỏ.

Dòng suối bắt đầu chảy siết hơn khi bè sắp ra sông cái. Tiếng nước kêu rào rạt bắt đầu thấm từ từ vào óc não ngẩn ngật của Joseph nhưng anh chỉ mới tỉnh lại đôi chút. Hình ảnh lơ mơ của chiếc bè lao vun vút trong tiếng nước, tiếng gió và bóng tối chập chờn bọc kín chung quanh khiến Joseph kinh hoàng. Anh thét lên mấy tiếng thật lớn, ròi rạc, và vùng vẫy rất mạnh, cố quấy cho đứt mấy sợi dây rừng. Thấy thế, Lật sợ bè lật, vội vã ra lệnh cho anh du kích đang lom khom bên chiếc cánng trở báng súng, đập vô đầu Joseph.

Joseph lập tức lại rơi vào cơn hôn mê. Nhưng những tiếng thét quá lớn của anh đã vang tới tai toán tuần phòng thứ nhì của Nhật lúc này đang ở mé cao trên sườn núi đá vôi sát bên bờ suối. Chỉ chớp mắt sau, lính Nhật nổ súng. Đạn bắn như vũ xuống lòng suối làm nước văng lên tung toé quanh bè nửa. Lật cuống cuống chống cây sào dài vào các mỏm đá, thúc cho bè lao như điên để quật lẹ vào một khúc suối rộng hơn đang sủi bọt trắng xóa giữa hai vách đá lởm chởm.

Đồng thời Lật hồi hả quát lớn, ra lệnh cho anh du kích đang canh giữ Joseph nổ súng bắn trả quân Nhật. Nhưng chưa kịp lên đạn và kê báng khẩu súng kíp lên vai, người thanh niên ấy đã bị đạn bắn trúng ngực. Anh chúi mũi, văng cả người xuống lòng suối, không kêu lên được một tiếng. Trong chỉ vài giây ngắn ngủi, thì thể người dân quân trẻ tuổi trôi lên trên mặt nước sủi bọt, cách bè nửa một quãng ngắn, rồi thỉnh linh bị dòng nước cuộn cuộn nuốt chửng. Lần này chìm hẳn.

Lát sau, khi bè ra hấn sông cái, Lật hạ lệnh cho người dân quân còn lại tắt đuốc. Lập tức đằng sau họ tiếng súng im bật. Thất thần, mặt trắng bệch vì vừa mất một người bạn, anh thanh niên du kích đi lom khom ra đằng sau bè, tới gần chiếc cánng để kiểm soát xem người nằm trong đó có bị trúng đạn hay không.

Bè nửa trôi chậm chậm trên mặt sông rộng, mát và êm ả. Thở ra nhẹ nhõm, Lật nhấc sào lên quá mặt nước, tìm người nghỉ mệt trong khi ngực vẫn cảm thấy tung tức. Khi hơi thở đều trở lại, Lật nghe người du kích trẻ tuổi hỏi với giọng thều thào run rẩy:

- Tại sao mình phải chịu nguy hiểm quá như thế này để cứu một phi công người nước khác?

Lật nhẫn nại trả lời:

- Vì nước Mỹ rất hùng mạnh. Họ dẫn đầu các nước đánh nhau với Nhật. Và quân đội của họ sắp thắng trận giặc thế giới này.

Người thanh niên chờ mặt suy nghĩ và lại hỏi:

- Nếu nước Mỹ hùng mạnh nhất như đồng chí nói, tại sao họ lại cần chúng ta giúp đỡ. Chúng ta ít người quá, với lại súng ống của chúng ta thô sơ quá.

Lật chậm rãi cắt nghĩa:

- Nước Mỹ không cần chúng ta chút nào. Nhưng tới khi quân Mỹ đuổi được bọn Nhật ra khỏi xứ sở của chúng ta thì đối với nhân dân chúng ta, người Mỹ là anh hùng chiến thắng - và nếu nhân dân thấy chúng ta chiến đấu bên cạnh người Mỹ thì họ cũng xem chúng ta là anh hùng chiến thắng. Đồng chí hiểu chưa. Khi bọn Nhật về nước rồi, chúng ta có thể quay trở lại cuộc chiến đấu thật sự của mình là đánh nhau với bọn Tây. Việc chúng ta cứu sống phi công Mỹ thoát khỏi tay bọn Nhật, hoặc cho dù chúng ta chỉ lấy được xác mà thôi, cũng sẽ góp phần giúp chúng ta chiếm được cảm tình bè bạn của nước Mỹ - đó là lý do đêm nay chúng ta liều chết để cứu anh phi công Mỹ này. Đồng chí hiểu rồi chứ.

Người thanh niên chậm chậm gạt đầu trong khi Lật lại bắt đầu chổng sào xuống lòng sông, lái bè nửa rẽ qua một nhánh sông nhỏ. Khi bè cập bến, trên bờ có một toán chừng năm sáu du kích quân võ trang súng kíp và dao quắm đứng sẵn, đón họ. Các du kích quân tự động quảy chiếc cáng lên vai. Lật dẫn đường đi lên, qua liên tiếp nhiều thửa ruộng bậc thang rồi đi vào một lũng nhỏ, bọc kín chung quanh là các vách đá vôi cao ngất, dựng đứng và lởm chởm, với những dòng suối chảy siết qua nhiều thế kỷ khiến đá vôi lởm thành hang động. Sau cùng, họ khiêng cáng tre đi vào một kẽ nứt sâu hoắm làm thành một hang tối. Qua khỏi miệng hang khuất sau một thác nước, họ hạ cáng xuống sàn cát.

Thấy Josep bắt đầu lên cơn sốt và run lẩy bẩy, Lật ra lệnh các dân quân khác nhóm một đồng lửa kê bên cáng trong khi anh lấy quần áo cũ xếp thành gò và dùng hai chiếc mền rách đắp lên thân người Mỹ. Anh làm chưa xong công việc đó đã thấy một người đàn ông gầy gò, luống tuổi, xuất hiện thềm lặng nơi mé bên ngoài vòng ánh sáng hắt ra từ đồng lửa.

Trong bóng tối, người tuổi đã luống ấy trông có vẻ lom khom yếu ớt nhưng khi đi tới cáng tre, bước chân ông dài và lẹ. Lửa hắt lên cho thấy một chòm râu thưa màu xám và mái tóc thưa lấm tấm bạc. Trên bộ mặt dài và tiêu tụy long lanh hai con mắt sáng quắc kỳ lạ. Trong phong thái của ông có một vẻ định tĩnh tự chế khác thường khiến mọi người đứng trong hang đều im lặng kính cẩn, tự động rẽ ra hai bên nhường lối cho ông đi vào.

Joseph thoát tiên mở mắt và thấy ông lão An Nam gầy gò ấy cúi xuống trên người mình. Vì trạng thái mê sảng do cơn sốt gây ra cùng những đau đớn cực độ do các vết thương hành hạ nên đối với anh, trong ánh sáng chập chờn màu da cam phát ra từ đồng lửa, bộ mặt hốc hác

với chòm râu thưa ấy dường như không thật. Nhưng khi người ấy đưa cái ca sắt đựng nước dừa âm ỉm vào môi Joseph, anh nốc ừng ực hết hớp này tới hớp khác.

Nằm nghỉ ngơi trong đêm đầu tiên lạnh lẽo và dài dằng dặc nơi rừng núi, cứ mỗi lần lơ mơ tỉnh lại đôi chút, Joseph lại thấy cũng chính bàn tay ấy đưa lên môi anh chất nước dịu ngọt hoặc lau mồ hôi trán cho anh. Và cũng chính bộ mặt ấy, với vẻ định tĩnh đáng kinh ngạc của nó và tia nhìn đắm đắm đầy thông cảm, có vẻ như liên tục hiện ra rồi tan biến rồi lại hiện ra trước đôi mắt bừng bừng sốt của Joseph. Tay ấy, bộ mặt ấy và tia nhìn ấy như thể thuộc về một vị thần núi phúc hậu và đầy tình phụ tử. Và khi Joseph chấp chờn lơ lửng bên bờ tử sinh, đối với anh, hình ảnh ấy trở thành một niềm an ủi khiến lòng anh yên tĩnh lạ thường.

- 6 -

Người An Nam cất giọng xuyt xoạt, đầy tự tin dù ông phát âm tiếng Anh chưa đủ độ nhấn:

- Đại úy Sherman ạ, cá nhân tôi bao giờ cũng ngưỡng mộ Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ. Trong thế giới hiện đại, đó là xứ thuộc địa đầu tiên giành được độc lập bằng một cuộc cách mạng. Tôi hy vọng tới ngày nào đó, đất nước nhỏ bé của chúng tôi cũng có thể thi đua thành tích can trường và nhẫn nại với quý quốc. Hết thảy chúng tôi đây đều phải học hỏi rất nhiều về sự chịu đựng ngoan cường của người Mỹ. Và đó chính là lý do khiến chúng tôi liều mạng sống của mình để cứu anh thoát khỏi nanh vuốt của bọn Nhật.

Đối với Joseph, suốt ba ngày vừa qua, bộ mặt có chòm râu thưa vốn chỉ xuất hiện lơ mơ qua màn sương mù mê mẩn lúc này định hình rõ nét. Lần đầu tiên bộ mặt ấy nở nụ cười với anh; vẻ biểu lộ đó làm những chỗ hốc hác tiêu tụy của nó sáng lên. Đối với Joseph trong tình trạng người rã rời vì đau nhức khắp mình mẩy, nó truyền cho anh cảm giác ấm cúng hiếm hoi và lòng quan tâm quý báu.

Người ấy lại nhìn lên, miệng mỉm cười hóm hỉnh:

- Có thể anh cho rằng hai xứ sở của chúng ta chỉ giống nhau đôi chút - nhưng có lẽ anh không biết rằng cách đây tám mươi năm, khi nước Pháp bắt đầu xâm lăng xứ sở của chúng tôi, hoàng đế nước An Nam thời đó đã cầu viện chính phủ của quý quốc. Sự thật là thế, tin hay không xin tùy anh. Triều đình Huế đã gửi quốc thư cho Tổng Thống Abraham Lincoln, đề nghị một hiệp ước hữu nghị - nhưng tôi cho rằng không thể trách ông Lincoln về việc bỏ qua lời kêu cứu nhỏ nhoi ấy. Tôi tin rằng vào lúc đó ông ấy đang để toàn tâm toàn trí vào việc đối phó với các vấn đề cấp bách hơn trong cuộc nội chiến của quý quốc.

Người An Nam đi chân trần và nghiêng mình bên đống lửa. Ông mặc áo bốn túi bằng vải ka-ki bạc màu và quần rộng thùng thình. Thỉnh thoảng ông cầm lên cành cây nhỏ, trầm ngâm cời than hồng. Rõ ràng ông không trông chờ phản ứng nào của Joseph vì lúc này anh nằm trên chiếc giường làm bằng lá gồi và đang lả người kiệt sức với những cơn sốt dai dẳng.

Trong lúc bị cơn sốt hành Joseph lơ mơ nhận biết có một người An Nam nữa thường hay vô ra hang động này. Đào Văn Lật lo liệu việc chăm sóc anh suốt ngày suốt đêm. Một bác sĩ bị quân du kích bắt cóc gần tỉnh lỵ Cao Bằng rồi bị mất dẫn về sào huyệt, đã bó nẹp chân tay gãy của Joseph và khâu những vết rách trầm trọng nhất trên đầu và thân thể anh. Lấy một loại rễ cây rừng được gọi là nụ áo, họ nướng cho hơi cháy rồi sắc thành một thứ thuốc nam. Cứ mỗi giờ họ lại đổ nước thuốc ấy vào miệng anh, qua hai môi sưng vù vì phỏng nặng.

Cuối cùng, tới đêm thứ ba, cơn sốt đạt tới điểm tột đỉnh của nó. Lúc trời vừa rạng sáng người luống tuổi gầy gò tất tả bước vào hang. Bụng trên tay một đĩa nhỏ đựng bắp và chuối nghiền, ông bảo mọi người đi nơi khác còn mình tự tay dùng muỗng đút cho anh. Kế đó, ông ngồi xồm bên đồng lửa, bắt đầu gọt chuyện. Ông nói, mắt vẫn nhìn đồng lửa với vẻ trầm ngâm:

- Bản thân tôi từng viếng thăm quý quốc cách đây rất nhiều năm. Tôi rời Đông Dương lúc hai mươi tuổi, làm một chân phụ bếp trên tàu viễn dương đi châu Âu và châu Mỹ. Tôi cũng đã kiếm sống bằng công việc đốt lò sưởi và xúc tuyết tại Luân Đôn. Tôi cũng từng làm phụ bếp hoặc mấy lần làm bồi bàn ở Boston và khu da đen Harlem. Tôi rất buồn khi thấy cuộc sống tương phản trong các khách sạn giữa những khách giàu có và đám dân nghèo phải làm nô dịch trong nhà bếp để chuẩn bị bữa ăn sang trọng cho họ. Tôi cũng đã thấy vô số người da đen nghèo sống chật hẹp ở khu Harlem.

Vừa nhìn đăm đăm đồng lửa ông vừa thở dài:

- Đại úy Sherman ạ, tôi rất ngưỡng mộ lý tưởng dân chủ cao cả của Hoa Kỳ nhưng rủi thay, ánh sáng chiếu ra từ ngọn đuốc Tượng Nữ thần Tự do của quý quốc không toả đều lên hết thấy nhân dân Mỹ, phải vậy không?

Joseph chống tay nhôm dậy một cách khó nhọc. Anh vẫn cảm thấy yếu ớt và đầu vầng vất khi vừa trải qua một cơn sốt hành. Việc rán sức nhẹ nhàng nhất ấy cũng làm giác quan của Joseph choáng váng. Anh hỏi, giọng run run:

- Tôi đang ở đâu đây? Làm sao tôi lại tới đây?

Người An Nam nở thêm một nụ cười, trông như thể tiên ông:

- Đại úy chớ bận tâm. Anh đang ở giữa bè bạn. Tôi đích thân tới đây để đảm bảo với anh điều đó. Đây là vùng hang động Pắc Bó ở phía cực bắc Bắc kỳ. Chúng ta chỉ cách biên giới Trung Hoa một cây số. Anh được người sơn cước thuộc dân tộc Nùng kéo ra khỏi chiếc máy bay vỡ nát. Họ cứu anh thoát cuộc tuần tiễu của bọn Nhật - và của quân Pháp, những kẻ cũng được lệnh bắt giữ anh để trao cho bọn Nhật. Người Nùng liên lạc với chúng tôi và tiếp tay với chúng tôi đem anh về đây. Tới khi nào anh đủ sức khoẻ lên đường, chúng tôi sẽ lên lút mang anh qua mặt lính biên phòng Nhật để vào Trung Hoa. Và người của chúng tôi sẽ đưa anh an toàn trở về với tướng Chennault cùng các bạn “Phi Hổ” lừng danh của anh.

Ông lại mỉm cười khi thấy mắt của Joseph ánh lên vẻ sững sốt:

- Đại úy ạ, tôi biết tên anh vì tôi đã đọc “thẻ bài” trên cổ anh.

Ông uốn lưỡi phát âm hai chữ tiếng lóng “dog tag” của Mỹ dùng để chỉ thẻ bài với vẻ hóm hỉnh thấy rõ, rồi nói tiếp:

- Và những chiếc răng nhe ra dữ dằn đầu mũi chiếc Warhawk lâm nạn của anh nói cho chúng tôi biết anh là một “Phi Hổ”.

Joseph ngẩng đầu nhìn chăm chặp người An Nam ngồi bên ánh lửa chập chờn, rồi anh thả lưng xuống mặt giường lá gồi:

- Ông là ai? Và tại sao ông giúp tôi?

- Hết thầy chúng tôi đây đều ở trong Mặt Trận Việt Minh. Chúng tôi là những người quốc gia, theo chủ nghĩa dân tộc. Cũng y như Hoa Kỳ, chúng tôi chiến đấu chống bọn Nhật hiếu chiến và xâm lăng. Chúng tôi đang tiến hành chiến tranh du kích, đánh các đồn bót của chúng trong xứ này.

- Việt Minh là cái gì vậy?

- Việt Minh là tên gọi tắt của Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội được những người theo dân tộc chủ nghĩa thành lập tám năm trước đây tại Quảng Châu. Hiện nay, nó là một liên minh của những người yêu nước đang chiến đấu giải phóng tổ quốc chúng tôi. Trước tiên chúng tôi đánh đuổi bọn Nhật - rồi tới một ngày nào đó, đánh đuổi luôn cả người Pháp. Pắc Bó là bộ chỉ huy tạm thời của chúng tôi.

Joseph nhần mắt và nhắm mắt. Sự rần rức tập trung chú ý vào thông tin đơn giản với quá nhiều danh xưng đó đủ làm anh thấm mệt. Khi gượng người trở mình đôi chút trên giường, anh rên nhức khắp mình mẩy. Thấy vậy, từ mé bên kia đồng lửa, người An Nam vội vàng bước qua và lật đặt quì xuống bên Joseph. Dù trông ông có vẻ eo lá nhưng khi ông giúp Joseph sửa lại thế nằm cho thoải mái hơn, anh cảm thấy bàn tay ông nắm vai mình vững và mạnh. Ông kéo mền lên đắp ngang vai Joseph và dỗ dành:

- Đại úy cứ nằm nghỉ. Tôi thấy chúng ta còn rất nhiều ngày giờ để chuyện trò với nhau cho thỏa lòng. Tôi chỉ muốn bảo đảm với anh một điều, rằng anh đang an toàn trong vòng tay bằng hữu.

Sáng hôm sau, Joseph lại sức đôi chút và được mang ra khỏi hang. Anh rên thành tiếng khi Đào Văn Lật và ba người khác nâng chiếc cáng lên. Tới bên ngoài, phải mất mấy phút mất Joseph mới quen với ánh mặt trời ban mai chói lọi. Sát bên thác nước, một lớp lau sậy mọc rậm rạp che kín mít lối vào hang. Rồi khi được đặt trên tảng đá lớn kế bên cửa hang, Joseph sững sờ ngắm các mỏm đá cao vời vợi vượt hẳn lên trên rừng rậm nhiệt đới dày đặc. Xa xa bên kia biên giới Trung Hoa, những dãy núi cong cong và đẹp tuyệt vời, trông như hình vòi ỏ bánh mì ngọt, càng lúc càng hiện rõ trong sương buổi sớm đang tan.

Joseph thở ra:

- Thì ra đây là nơi tôi rơi cánh. Chấn chấn quý vị đã chọn địa điểm tuyệt đẹp này để ẩn tránh quân Nhật.

Đứng bên Joseph, Lật cũng dăm dăm nhìn - nhưng không phải để ngắm cảnh sắc ngoạn mục kia. Dưới ánh nắng chan hoà, Lật thấy rõ nét mặt của Joseph hơn trước đây lúc còn ở trong hang. Người An Nam nhỏ thó đưa đôi mắt sáng quắc nhìn Joseph chòng chọc rồi hỏi với giọng ngập ngừng, bằng một thứ tiếng Anh rất sôi:

- Trước đây đại úy đã từng ở trong xứ sở của chúng tôi, đúng vậy không?

Joseph quay lại nhìn Lật, lòng phát sinh thêm một tò mò mới:

- Đúng. Tôi biết Sài Gòn và Huế - và có lần tôi ở Hà Nội. Tại sao anh lại hỏi như vậy?

Lật trả lời háo hức:

- Rất nhiều năm trước đây, tôi có gặp tại Huế một thiếu niên Mỹ. Tôi thấy trông anh hình như khá giống cậu ấy.

Kể đó, cả hai cùng lặng yên trong ít phút. Tâm trí Joseph cũng bắt đầu loé sáng, anh nói chậm chậm:

- Tôi có mặt tại hoàng cung lúc cử hành lễ Tết năm 1925. Rồi tới năm 1936 tôi có quay lại thăm viếng Huế và Hà Nội. Có thể chúng ta từng gặp nhau tại một trong hai nơi đó.

Lật reo lên hoan hỉ:

- Vậy, tôi nhớ ra rồi. Mình từng gặp nhau ở Huế. Lúc ấy anh đi với mẹ.

Joseph sững sốt gật đầu. Lật nói ngay:

- Tên tôi là Lật - Đào VănLật. Anh nhớ không. Tôi là người viết báo đứng trò chuyện với mẹ anh và anh sau cuộc lễ “làm lay”.

Tình trạng thiếu thốn phải chịu trong những năm dài tù đầy nơi đảo Côn Lôn còn ghi dấu trên hình hài của Lật cộng thêm hành vi tự thiến trước đó của anh tạo cho anh nét mặt khác khổ khác thường. Trông anh lúc nào cũng căng thẳng, nhưng qua đôi lông mày của một người học rộng và tia nhìn long lanh dữ dội trong cặp mắt ấy, Joseph vẫn có thể nhận ra anh. Người An Nam này đúng là Đào VănLật năm xưa, một người chỉ biết sống cho lý tưởng, kẻ đã phát biểu với Joseph và mẹ anh những câu nói ngùn ngụt căm hờn nơi khách sảnh trong cung điện của hoàng đế Khải Định.

Sau khi nhúu mày lục lợi quá khứ và thấy ra kết quả, người Mỹ nói:

- Tôi nhớ ra anh rồi. Tôi nhớ lúc ấy anh nổi cơn thịnh nộ về tính đạo đức giả của nghi lễ bày tỏ lòng trung quân. Tôi còn nhớ anh có kể với chúng tôi rằng anh không được phép viết ra những gì anh muốn.

Lật mỉm cười ngậm ngùi rồi nghiêng mình xuống bên Joseph, nồng nhiệt bắt tay người Mỹ:

- Có thể anh có lý. Lúc ấy tôi non trẻ và bông bột. Giờ đây tôi sung sướng hơn bao giờ hết vì giúp được người Mỹ, lại là một bạn cũ.

Tới lượt Joseph mỉm cười và lúc lắc đầu, rất lấy làm lạ về sự trùng hợp ngẫu nhiên này:

- Anh Lật ạ, anh thôi làm nhà báo và trở thành chiến sĩ du kích từ lúc nào vậy?

Đào VănLật nghiêm nét mặt, càng nói càng tỏ vẻ trầm trọng:

- Vào dịp Tết năm 1930, tôi quyết định dâng hiến trọn đời mình cho cuộc chiến đấu giải phóng tổ quốc khỏi bàn tay bọn Pháp. Sau đó tôi bị bắt trong cuộc nổi dậy ở mạn bắc Trung kỳ và trải qua năm năm trong ngục tối nơi đảo Côn Lôn. Sự huân nhục đó càng khiến tôi không thể nào để yên cho nước Pháp tiếp tục đô hộ dân tộc tôi. Sau khi được phóng thích, dù gian khổ tới mấy đi nữa, tôi tiếp tục cuộc chiến đấu.

Lật dừng lại, hít vào một hơi thật sâu để lấy lại điềm tĩnh:

- Chắc anh cũng biết, những năm tháng này thật cam go. Lúc mới bắt đầu cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai, dù bọn Pháp đã dâng nộp Đông Dương cho bọn Nhật nhưng Tokyo vẫn cho phép bọn Pháp tiếp tục đàn áp những người đấu tranh cho quốc gia dân tộc. Chúng tàn sát sáu ngàn đồng bào chúng tôi trong các cuộc hành quân giết chóc ở Nam bộ và đốt cháy nhiều làng mạc ra tro than. Trong khi quý quốc và phần còn lại của thế giới bên ngoài lâm chiến với Nhật và Đức thì tại đây, các chủ nhân ông thực dân Pháp vẫn tiếp tục đối xử với chúng tôi theo cung cách họ từng đối xử suốt tám mươi năm qua. Thực tế, một cổ chúng tôi chịu tới hai trùng Pháp và Nhật. Đó là lý do tại sao Việt Minh được phục hoạt từ năm 1941, chỉ để thực hiện hữu hiệu lý tưởng đánh Nhật và đuổi Pháp.

Trong khi Lật nói, Joseph trông thấy người An Nam gầy gò thường đến thăm anh mỗi tối, lúc này từ một hang động đang nhô mình ra chỗ đất trống bên dưới tảng đá anh nằm. Ông đội chiếc mũ cối móp méo làm bằng ruột bần, mặc bộ quần áo dày bằng vải ka-ki nâu bạc màu, tay cầm gậy trúc. Joseph nhìn ông lần bước tới bên bờ một con suối nhỏ chảy ngang sào huyết và bắt đầu cởi áo xắn quần.

Nhìn theo ánh mắt của Joseph, Lật nói:

- Sáng nào cụ cũng tắm trong nước suối lạnh như nước đá và tập thể dục mười phút trước khi ngồi vào bàn làm việc. Khí hậu và đời sống nơi rừng núi này rất khắc nghiệt. Bằng kỷ luật tự giác, cụ làm gương cho tất cả chúng tôi.

Ngay dưới chân tảng đá, lòng suối phình ra thành một chuỗi ao nhỏ. Dọc hai bên bờ suối, nhiều phiến đá tuyệt đẹp nổi lên chênh vênh và buông xuống những thạch nhũ lơ lửng trên mặt nước. Lật chỉ mấy phiến đá bằng phẳng nhất rồi nói:

- Đó, chỗ dưới đó là bàn viết của cụ. Cụ làm việc suốt ngày, lo tổ chức cuộc chiến đấu chống phát xít Nhật và thực dân Pháp. Sáng nay, cụ đang viết bài cho tờ báo nhỏ của chúng tôi, tờ Việt Lập - Việt Nam Độc lập.

Ngay lúc ấy người An Nam gầy gò nhướng mắt nhìn lên phía trên tảng đá và vẫy gậy trúc lên chào. Rồi với vẻ cường tráng đáng kinh ngạc, ông bước xuống lòng suối và khoát nước suối lạnh buốt lên cơ thể mảnh khảnh của mình, hết vốc này tới vốc khác.

- Ông ấy là ai vậy?

Lật sững sốt, nhìn chăm chú người Mỹ:

- Tôi tưởng anh biết rõ cụ. Cụ là lãnh tụ của chúng tôi. Trong nhiều năm trời cụ có danh xưng là Nguyễn Ái Quốc - nhưng giờ đây cụ lấy tên mới, một bí danh thời chiến: Hồ Chí Minh. Tên ấy có nghĩa là “Người vô cùng sáng suốt, họ Hồ”.

- Anh biết ông ấy bao lâu rồi?

- Lần đầu tiên tôi gặp cụ là ở Hà Nội năm 1930. Dịp đó, cụ cải trang làm cu-li xe kéo để đánh lừa Sở Liêm Phóng Pháp - và ngay cả tôi lúc đó cũng không biết chắc chắn cụ là ai. Cụ là người lữ lặc. Thân phụ thi đỗ tiến sĩ và từng làm quan. Cụ từng đi khắp thế giới. Cụ nói được

nhiều thứ tiếng như Pháp, Anh, Nga, Đức, Nhật, Tiệp - và ba phương ngữ Trung Hoa. Cụ người cùng quê hương bản quán với tôi, tỉnh Nghệ An, Trung kỳ.

Lật ngừng lại một chút rồi mỉm cười kiêu hãnh:

- Có một ngôn ngữ rằng: *“Dân xứ Nghệ lệ gì cũng chống!”*

- Và lúc này anh cũng là một thủ lĩnh của Việt Minh, phải không anh Lật?

Về mặt Lật lập tức nghiêm trang trở lại:

- Đại úy Sherman ạ, tôi hãnh diện khi nói rằng tôi là một trong những đồng chí gần gũi nhất của cụ Hồ. Đã có thời tôi khá điên rồ khi nghĩ rằng mình biết rành rẽ hơn cụ về phương cách lãnh đạo phong trào quần chúng. Đã có thời tôi cho rằng một người có ý chí sắt thép và có đầy đủ nghị lực, sẵn sàng dâng hiến trọn cả tâm hồn và thể xác cho chính nghĩa, trước sau gì anh ta cũng hoàn toàn đạt được kết quả như ý. Chính cụ đã cảnh cáo tôi rằng một thủ lĩnh chính trị phải bén nhạy với tâm trạng và nhu cầu của quần chúng, nhưng thời đó tôi không đủ khôn ngoan để nghe theo lời cụ.

Ngừng một chút, Lật không nhìn Joseph, và quay mặt qua chỗ khác,:

- Hết thấy các biến cố xảy ra đã chứng minh rằng cụ đúng còn tôi sai. Tôi không bao giờ quên bài học đó. Và kể từ lúc ấy, tôi học thêm được nhiều bài khác nữa. Thông thường, khi chúng tôi đi ngang một làng mạc nghèo khổ, cụ dừng lại, bỏ ra nửa giờ tắm cho một em bé có bà mẹ quá bận bịu - hoặc chất đùm một đồng củi lớn cho kẻ bị đau lưng không thể cúi xuống. Cụ quan tâm hết sức sâu xa tới nhân dân - đó là lý do ai trong chúng tôi đi theo cụ cũng gọi cụ là Cụ Hồ. Họ biết cụ chăm lo cho họ như thể họ chính là người trong gia đình của cụ.

Cảm thấy lòng hiếu kỳ càng lúc càng tăng, Joseph hỏi:

- Ông ấy bao nhiêu tuổi? Ban đầu tôi tưởng ông già lắm nhưng lúc này...

Lật nói với giọng cung kính:

- Không, cụ chưa già, cụ năm mươi tư tuổi. Nhưng mới đây những khổ sở cùng cực cụ vừa chịu trong các nhà tù bên Trung Hoa làm cụ già trước tuổi. Cụ vượt biên giới sang Tàu năm 1941 để đề nghị Tưởng Giới Thạch liên kết với Mặt Trận Việt Minh đánh bọn Nhật. Nhưng tên tổng tư lệnh xảo quyệt ấy tống cụ thẳng vô nhà ngục. Chúng lấy cớ sắt xiềng cả hai chân cụ, trông gông vô cổ cụ, giải cụ đi bộ hàng trăm cây số trên đất Trung Hoa. Chỉ nội một năm, cụ bị nhốt trong ba chục nhà tù khác nhau. Cụ lâm bệnh nặng tới nỗi khắp người phù thũng và rụng nhiều răng. Ban đêm trong xà lim lạnh cóng, nhiều tù nhân nằm kế bên cụ bị chết. Rồi tới một ngày kinh hoàng nọ, chúng tôi nhận được tin cụ đã lìa đời. Chúng tôi tổ chức lễ tang tại Pắc Bó này và để tang cụ. ai nấy đều tê dại vì đau đớn.

Trong khi hồi tưởng, trên mặt Lật toát ra vẻ khổ sở. Anh nói tiếp:

- Rồi tới nhiều tháng sau đó chúng tôi nhận được một tờ báo xuất bản bên Tàu. Bên lề trang báo có một bài thơ viết tay. Đó chính là nét chữ của cụ. Xét theo ngày tháng phát hành tờ báo, chúng tôi có thể đề quyết rằng cụ còn sống. Hết thấy chúng tôi đều vui mừng không tả xiết.

Đại úy Sherman ạ, để kỷ niệm ngày đó, chúng tôi học thuộc lòng bài thơ viết tay ấy. Anh có muốn tôi đọc bản tôi dịch sang tiếng Anh cho anh nghe không?

Joseph lơ đãng gật đầu, mắt vẫn dõi theo người An Nam gầy gò khi ông leo lên bờ suối. Lật đọc:

MỚI RA TÙ, TẬP LEO NÚI

Núi áp ôm mây, mây áp núi

Lòng sông gương sáng, bụi không mờ

Bồi hồi dạo bước Tây Phong Lĩnh

Trông lại Trời Nam, nhớ bạn xưa

[Nguyên văn phiên âm ra Việt Hán

TÂN XUẤT NGỤC HOẶC ĐĂNG SƠN

Vân ủng trùng sơn, sơn ủng vân

Giang tâm như kính tịnh vô trần

Bồi hồi độc bộ Tây Phong Lĩnh

Dao vọng Nam Thiên ức cố nhân.]

Joseph ngược lên nhìn Lật. Anh thấy trong khi đọc bài thơ ấy mắt Lật mờ dần. Lật nói, giọng khản đặc vì xúc động:

- Biết được cụ vẫn “*Trông lại Trời Nam, nhớ bạn xưa*” là tin vui nhất mà chúng tôi hằng khao khát. Trong ngục tù, cụ còn sáng tác nhiều bài thơ nữa để tự giúp mình sống sót trong cuộc thách đố dài dằng dặc ấy - bài nào cũng viết bằng chữ nho và làm theo lối cổ thi. Tôi đã dịch tất cả các bài thơ ấy ra tiếng Anh và tiếng Pháp.

Anh dừng lại và rút từ túi áo trên ngực ra một tập giấy có nhiều nếp nhăn:

- Đây là một bài thơ khác của cụ viết về những kinh hoàng trong cuộc tù đầy dài ngày ấy...

BỐN THÁNG RỜI

“Một ngày tù, nghìn thu ở ngoài”.

Lời nói người xưa đâu có sai...

[Nguyên văn phiên âm ra Việt-Hán:

TỨ CÁ NGUYỆT LIÊU

“Nhất nhật tù, thiên thu tại ngoại”.

Cổ nhân chi thoại bất sai ngoa...]

Joseph nhắm mắt, thả người nằm xuống trong ánh nắng ấm áp. Ngoài tiếng Lật nhịp nhàng đọc thơ, âm thanh duy nhất là tiếng nước thác đang rơi rì rào và chảy tràn mặt đá như vỗ về cơn trốn. Dần dần, không khí tĩnh lặng u tịch của núi cao hiệp với tình trạng đuối người mệt lã do thân đau và cơn sốt gây nên, tất cả đem lại trong anh cảm giác bình an và thanh thản sâu lắng.

Đột nhiên, những chuyện vào sinh ra tử và những cuộc oanh kích trong ba năm qua giờ đây dường như thuộc về một thế giới nào khác, rất xa xăm và quá đổi diệu vợi. Lòng Joseph càng lúc càng cảm thấy biết ơn sâu nặng những kẻ cứu thoát mình. Anh thấy rõ mình chừng như đang bị cuốn hút cách riêng vào người An Nam gầy gò và phúc hậu như một người cha, đang đứng ở khoảng đất trống dưới kia. Từ người ông toát ra sự ấm áp và mộc mạc, rõ ràng đang ràng buộc toán du kích quân Việt Minh ít ỏi này vào với ông bằng một sợi dây mạnh mẽ như một gia đình ruột thịt.

Trong chốc lát, Joseph tưởng như thấy mơ hồ trong tâm trí anh cảm giác ân hận rằng mình đã không yêu thương người cha ruột nhiều hơn. Nhưng cảm giác ấy không đủ mạnh để làm xáo trộn những xúc động canh tân và hạnh phúc lúc này đang lan tỏa và tràn ngập châu thân anh. Anh trôi trong nắng ấm bồng bềnh vào một giấc ngủ yên bình và tươi mát.

Tới xế chiều, cùng với mặt trời đang xuống, Joseph bắt đầu ra khỏi giấc ngủ. Ban đầu anh tưởng mình nghe hàng loạt tiếng súng máy nổ ran trong một cơn mơ. Rồi cảm thấy Lật nhẹ lay vai mình, Joseph nhận ra tiếng súng nổ chát chúa từng phát một. Và tiếng bắn trả hàng loạt của nhiều khẩu súng máy ấy là âm vang của một trận đánh thật sự từ một nơi gần đó vọng lại. Vẫy tay gọi mấy người lo việc khiêng cáng tới gần, Lật nói thật gấp với Joseph:

- Vòng đai bảo vệ bên ngoài đang đụng độ bọn lính tuần tiểu Pháp. Chúng tôi phải dời đi ngay.

Joseph ngó xuống thấy bãi đất trống sống động hẳn với các dân quân Việt Minh chạy lúp xúp. Ngay lúc ấy, thân hình đội mũ cối của Hồ Chí Minh nhô ra khỏi bàn đá chỗ ông ngồi làm việc. Ông truyền hết lệnh này tới lệnh khác bằng giọng dứt khoát và đĩnh đạc. Rồi chỉ nội trong vài phút, toàn trại lên đường.

Joseph được cáng đi men theo một khe núi cao. Qua những ghềnh đá lởm chởm kế tiếp nhau rồi tới một bìa rừng âm u mọc đầy những lùm cây rậm rạp và đan nhau chằng chịt. Bên dưới vòm lá rừng sinh động đã dựng sẵn năm sáu túp lều trú ẩn làm bằng mây đan với lá gồi. Lập tức các du kích quân bố trí đầu vào đó và lại bắt tay ngay vào việc.

Xa xa, tiếng súng vang lên từng chập trong khoảng nửa giờ rồi cuối cùng im bặt. Về sau, Lật kể cho Joseph biết có hai lính Pháp bị quân du kích giết trong cuộc chạm trán kịch liệt và khá dây dưa nhằm kéo dài thời gian cho căn cứ nơi hang động kịp thời sơ tán. Sau khi hoàn thành công tác chặn địch, các du kích bảo vệ ấy lần vào núi đồi trùng điệp và chờ lúc đêm xuống mới kéo nhau về khu trại mới này.

Joseph trải qua đêm ấy nghỉ ngơi thoải mái trong một túp lều lá gồi. Hôm sau, anh thức giấc lúc trời vừa rạng sáng và thấy một đám du kích quân đông hơn số người hôm qua, đã tập hợp sẵn trên bãi đất trống để chuẩn bị thao diễn theo đúng quân cách. Họ được trang bị bằng nhiều loại vũ khí cổ lỗ. Một người An Nam khôi ngô và linh hoạt đang di chuyển lanh lẹ giữa các du kích quân, khi điều chỉnh tư thế cho người này khi sửa lại y phục cho người nọ. Người ấy mang bên hông một khẩu súng lục để yên trong bao. Chân đi giày quần xà cạp trắng. Đầu đội mũ phớt đen. Mỗi lần lấy mũ xuống, để lộ một mái tóc đen nhánh chải không thành nếp và rú lòa xoà xuống trán,

Lật ngồi xổm xuống bên cạnh Joseph, thấp giọng kể:

- Đó là đồng chí Võ Nguyên Giáp. Anh tốt nghiệp trường võ bị Hoàng Phố và là chỉ huy trưởng quân sự của chúng tôi. Tuy anh ấy là cựu sinh viên luật Đại học Hà Nội, phải bỏ dở sau năm thứ hai, nhưng lại thích nghiên cứu các trận đánh lừng danh trong lịch sử thế giới. Anh có thể vẽ theo trí nhớ các kế hoạch hành quân tất cả những trận đánh của Napoléon. Anh căm thù Pháp cực độ vì chị dâu của anh bị Pháp xử tử và vợ anh chết trong nhà tù của Pháp.

Joseph quan sát lực lượng ít ỏi ấy. Trong khi họ xếp thành đội ngũ anh đếm được ba mươi bốn người, trong đó có ba người nữ. Một nửa nắm chặt những khẩu súng kíp cổ lỗ còn hầu hết những người khác được trang bị bằng súng trường lỗi thời, loại bật cơ bấm nạp từng viên đạn rồi bắn từng phát một. Có hai người đeo súng lục ngang thắt lưng. Chỉ có một người hãnh diện ôm chặt khẩu tiểu liên độc nhất vào ngực. Áo chèn và quần ka-ki màu phân ngựa hay màu xanh đậm của họ đều sờn và bạc màu. Nhiều người là dân sơn cước thuộc sắc tộc Tày hoặc Nùng trong vùng và đi chân đất. Ai nấy đều khoác chéo qua thân trên một ruột tượng, có lẽ để chứa lương thực và vật dụng cá nhân khi đi rừng. Đằng sau họ, trong ánh nắng ban mai chói lọi, giập gờn trên đầu một chiếc cột là lá cờ đỏ chính giữa điểm ngôi sao vàng. Lật đưa tay chỉ và nói:

- Đó là ngọn cờ của chúng tôi - lá cờ Việt Minh. Lá cờ này xuất hiện lần đầu tiên trong cuộc Nam kỳ Khởi nghĩa của nhân dân Nam bộ cách đây bốn năm. Chúng tôi quyết định rằng đã tới thời điểm bắt đầu xây dựng quân đội để một ngày nào đó sẽ giải phóng toàn bộ xứ sở. Chúng tôi tập hợp lại đây những chiến sĩ xuất sắc nhất từ các nhóm rải rác khắp vùng đồi núi Bắc kỳ. Đại úy Sherman ạ, hết thấy những người anh thấy đằng kia, tới một lúc nào đó họ sẽ là thủ lĩnh các toán võ trang cứu quốc quân của chính họ - họ đều là những chiến sĩ dũng cảm, những kẻ khẳng định mình bằng hành động.

Joseph ngo ngoáy, co người ngồi lên và xem xét thật kỹ đám đông đang tập hợp đó. Tuy tất cả ba mươi bốn du kích quân đều hãnh diện đứng thẳng người dưới tia mắt chăm chặp của vị chỉ huy trưởng nhỏ thó nhưng nếu bảo rằng đó là một lực lượng chiến đấu thì họ mong manh quá.

Joseph cảm thấy kinh ngạc về tinh thần cực kỳ kiên quyết, rõ ràng đang làm sinh động đám người vừa ít ỏi vừa xộc xệch này. Trong khi anh quan sát, hình dáng gầy gò của Hồ Chí Minh từ một lều cỏ bước ra. Joseph đoán ông xuất hiện để duyệt binh. Lúc này ông vẫn đội chiếc mũ cối móp méo làm bằng ruột bần, một tay vẫn cầm gậy trúc còn tay kia cầm ngọn cờ đỏ sao vàng có cán dài. Sau khi trình trọng trao ngọn cờ ấy cho một người đứng ở hàng đầu - Đào Văn Lật nói với Joseph rằng đó là chính trị viên của đội - ông nghiêm trang đi qua đi lại trước hàng quân. Kế đó, ông bước tới đứng cạnh cột cờ, bắt đầu nói chuyện với họ với giọng chậm rãi và thân tình. Joseph lắng nghe lời dịch của Lật.

Hồ Chí Minh vừa nói vừa lần lượt nhìn chiếu cố vào mặt từng du kích quân:

- Ngay từ lúc mới bắt đầu, tất cả mọi người đều phải hành động kiên quyết và hành động lẻ làng. Chúng ta phải động viên hết thầy nhân dân cả nước, kêu gọi họ cùng nổi dậy với chúng ta - vì thế, chúng ta phải tập trung tâm trí, chú ý tối đa và ưu tiên cho các hoạt động chính trị tuyên truyền hơn là các chiến dịch quân sự. Nhưng hễ đã tấn công kẻ thù thì phải đảm bảo rằng ta ra tay cú đầu là thắng ngay! Xuất hiện bất ngờ - rồi biến đi nhanh như chớp, không để lại dấu vết nào cả!

Ông ngừng lại một chút. Trong khoảnh khắc ngắn ngủi đó, một nụ cười rạng rỡ toả sáng khắp bộ mặt hốc hác của ông:

- Hôm nay là ngày 22 tháng Mười hai năm 1944. Tất cả các chú các cô trong đơn vị này là những thành phần lâu năm của một gia đình mà càng ngày sẽ càng lớn mạnh. Tới một ngày nào đó chiến trường hành quân của nó sẽ là cả nước Việt nam - từ phương bắc xa xôi xuống sâu tới tận phương nam bao la. Các chú các cô phải bảo đảm rằng tác phong phục vụ của mỗi người sẽ là gương mẫu cho hết thầy những người đi theo mình!

Nói xong những lời ấy, ông đứng yên bên cột cờ tiếp nhận “Mười lời thề danh dự” của toàn đội do chính trị viên tuyên đọc. Các du kích quân quì xuống. Sau mỗi lời thề, họ đưa nắm tay quả quyết lên trời, đồng thanh lớn tiếng hô thề hứa. Kế đó, không thêm một nghi thức nào, Võ Nguyên Giáp, kẻ tổ chức và lãnh đạo toán quân ấy, nhanh nhẹn dẫn đầu họ đi đều bước theo lá cờ trên tay chính trị viên, ra khỏi bãi đất trống. Người mà họ gọi là “Cụ Hồ” đứng chăm chú nhìn theo bước chân của họ. Họ vừa biến mất trong rừng rậm, Hồ Chí Minh thả bộ tới bên lều của Joseph, mỉm cười với anh rồi ngồi lên một gốc cây cụt cạnh cửa. Nâng cao sắt cùng uống chung nước dừa với người Mỹ và Lật, ông lên tiếng trước:

- Đại úy ạ, hôm nay anh được ưu tiên lớn lao, đó là chứng kiến sự ra đời của “Đội Việt Nam Tuyên Truyền Giải Phóng Quân” đấy.

Ông dừng lại, nở một nụ cười hóm hỉnh và nói tiếp:

- Cái tên to tát cho một lực lượng còn con, có lẽ vậy - nhưng chúng tôi có cao vọng rằng phát xuất từ những khiêm tốn này nó sẽ lớn mạnh rất nhanh. Lúc này chiến lược của chúng tôi là làm công tác tuyên truyền khắp nơi và đoạt lấy vũ khí tốt hơn của bọn Pháp và bọn Nhật. Anh thấy đó, chúng tôi cần vũ khí, cần ghê gớm.

Hồ Chí Minh trầm ngâm nhấp từng hớp nước dừa. Trong một lúc, ông không nhìn Joseph:

- Chúng tôi đã tranh thủ được các dân tộc miền núi. Người Nùng và người Tày thuộc trong số những chiến sĩ giỏi nhất của chúng tôi. Việt Minh hứa cho họ tự trị khi đất nước được giải phóng và vì thế họ lũ lượt kéo tới tham gia đại nghĩa.

Nói tới đó ông ngược mắt nhìn Joseph và mỉm cười:

- Đại úy Sherman ạ, họ giữ đúng lời hứa của họ và anh thật may mắn. Chính người Nùng đã cứu mạng anh.

Joseph nở nụ cười ấm áp với vị cao niên hơn mình:

- Tôi hết lòng biết ơn sự giúp đỡ của ông. Tôi hy vọng có một lúc nào đó và bằng cách thức nào đó tôi có thể đền đáp.

Hồ Chí Minh nghiêng mình về phía chiếc cáng, dịu dàng vỗ vai Joseph:

- Đại úy không cần phải nghĩ tới việc đền đáp chúng tôi. Việc giúp được một người Mỹ trở lại cuộc chiến đấu với bọn Nhật tự nó là phần thưởng đầy đủ cho chúng tôi rồi.

Và thêm lần nữa ông nở nụ cười rạng rỡ:

- Chẳng mấy chốc nữa chúng tôi sẽ đưa anh về lại đơn vị. Đồng chí Lật đã cho tôi biết hai người là bạn cũ. Và đồng chí ấy nghĩ rằng anh đã khá mạnh để có thể bắt đầu chuyến đi sang đất Tàu ngay sáng nay. Tôi muốn đi bộ với đại úy tới biên giới, để được nói lời tạm biệt anh bằng câu chúc “lên đường bình an”, có phiền anh không?

Joseph lúc lắc đầu, cười hớn hờ:

- Không - nhưng hầu như tôi luyến tiếc phải rời khỏi nơi này. Tôi bắt đầu thích sự bình an và tĩnh lặng tại chốn mật khu rừng núi của ông.

- Thế thì đại úy cứ trở lại đây thêm lần nữa - nhưng lần tới mình hãy đừng có đau nhức nữa.

Hồ Chí Minh vừa nói vừa cười khúc khích và đứng lên:

- Tôi phải đích thân đi kiểm tra những thứ tiếp liệu đang được chuẩn bị, để bảo đảm anh có đủ lương thực đi đường.

Vị lãnh tụ Việt Minh đi sát bên chiếc cáng của Joseph, leo trèo suốt quãng đường dài dẫn tới điểm vượt biên. Đích thân đeo túi xách đựng lương khô cho Joseph, ông còn tiếp tay với Lật cùng những người khiêng cáng khác đang đỡ mồ hôi nhễ nhại những lúc họ vấp vấp hoặc trượt chân khi băng qua hẻm núi đá lởm chởm.

Lúc nào Hồ Chí Minh cũng gọi chuyện để làm Joseph quên cơn đau xóc mỗi lần chiếc cáng nảy lên dẫn xuống. Ông nói về những kinh nghiệm của mình tại Mỹ, về lịch sử của đất nước ông và của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ. Ông hỏi han Joseph về gia đình anh, chăm chú lắng nghe khi anh, qua hai hàm răng cắn chặt nhin đau, nói tới nghề nghiệp chính trị của cha mình và về công trình nghiên cứu lịch sử Á Đông của mình.

Khi đoàn người tới điểm vượt biên trên đỉnh một ngọn núi và dừng lại trong hơi thở hỗn hển, Hồ Chí Minh nhìn sang đất Trung Hoa. Ông phát biểu với giọng đầy vẻ thán phục:

- Đại úy ạ, đối với tôi, nghe như thể anh biết cặn kẽ hơn tất cả chúng tôi đây về mảnh đất này của thế giới. Anh cũng biết rất rõ rằng chúng tôi đã chịu biết bao nhiêu thất bại trong cuộc đấu tranh giành tự do. Thật đáng tiếc anh không thể ở lại đây lâu hơn để phụ tôi giảng dạy lịch sử cho các thành viên mới tuyển mộ của Việt Minh.

- Có lẽ phải chờ tới lúc xong cuộc thế chiến này.

Joseph mỉm cười đáp lại trong lúc những người vừa khiêng cáng lên núi chuyển nó cho sáu du kích quân võ trang khác đang chờ sẵn để mang anh xuống thung lũng đi sang đất Tàu. Khi

Đào Văn Lật chìa tay chào từ giã, Joseph bắt bằng cả hai bàn tay của mình và niềm nở cảm ơn. Lật nói đầm ấm:

- Đại úy Sherman ạ, tôi hy vọng tới ngày giải phóng chúng mình lại gặp nhau nữa.

Vẫn áp bàn tay người An Nam trong tay mình Joseph ngập ngừng hỏi:

- Anh Lật ạ, thuở đó, lúc chúng ta gặp nhau, anh cùng đi với quan sứ thần ở Sài Gòn, anh còn nhớ không?

Lật gật đầu:

- Làm sao quên được. Ông ấy là anh rể của tôi.

Joseph cố giữ cho giọng mình như thể buột miệng mà nói:

- Anh có biết hiện nay Monsieur Trần Văn Hiếu và gia đình ông ấy ra sao không? Trong lần ghé lại trước đây, tôi có gặp hai con trai của ông ấy và Lan, cô con út.

- Trần Văn Kim hiện là thành viên xuất sắc của Việt Minh. Cậu ấy đang hoạt động chìm ở Phúc Yên, phía nam nơi này.

Joseph gợi thêm:

- Còn Tâm và Lan, cả hai ra sao?

Lật nhún vai, mắt nhìn xuống đất, bối rối:

- Đại úy ạ, tôi e mình chẳng biết gì về hai anh em ấy. Đã nhiều năm nay tôi không liên lạc gì với chị tôi và các cháu - cả dòng chí Kim cũng thế. Thời gian này thật khó khăn cho tất cả chúng tôi.

Joseph lẹ làng gật đầu:

- Hiển nhiên là vậy, tôi biết.

Tới lượt Hồ Chí Minh cầm tay Joseph và nói:

- Đại úy ạ, khi anh đã an toàn về tới Côn Minh, xin vui lòng trình bày với các sĩ quan cao cấp rằng Hoa Kỳ đang có tại vùng rừng núi Bắc kỳ những đồng minh sẵn sàng tiếp tay với mình. Việt Minh rất hân hạnh sát cánh với người Mỹ để đánh bọn Nhật. Bằng việc phá hoại các đường tiếp liệu và các kho vũ khí, ta sẽ đạt được rất nhiều kết quả tốt.

Joseph vừa siết chặt bàn tay người An Nam vừa hứa:

- Tôi sẽ trình lên cấp trên. Họ sẽ biết ơn những gì ông đã làm cho tôi.

Trên khuôn mặt của Hồ Chí Minh toả sáng một nụ cười trù mến và chân tình:

- Chúng tôi giúp bất cứ phi công nào lỡ bị bắn hạ trong vùng rừng núi này và quý vị có thể trồng cây vào chúng tôi. Anh là vị khách Mỹ đầu tiên nên anh luôn luôn chiếm một vị trí đặc biệt trong lòng chúng tôi. Tại Côn Minh, nếu người của Nước Pháp Tự Do hoặc của Tưởng Giới Thạch vẫn cứ tiếp tục ngoan cố qui kết chúng tôi là cộng sản bên-sê-vich, xin anh chớ bao giờ tin vào lời của họ. Xin anh vui lòng nói với họ rằng Việt Minh là một liên minh của những người yêu nước, lập ra cách đây tám năm, từng được Trung Hoa Quốc Dân Đảng công nhận. Và Việt Nam của chúng tôi hôm nay cũng y hệt Hoa Kỳ của quý vị năm 1775 vậy. Đối với dân tộc chúng tôi, không có gì quý hơn độc lập tự do. Và chúng tôi hoan nghênh sự tham gia của tất cả những ai muốn chiến đấu cho độc lập và tự do của dân tộc.

Joseph hỏi, và nhìn thẳng vào mắt người An Nam ấy:

- Ông có bao giờ là người cộng sản?

Hồ Chí Minh cười thật tươi:

- Đại úy ạ, nếu có người nào thắc mắc về hoạt động chính trị của tôi, xin anh cứ giản dị nói với người ấy như thế này: “Đảng phái của ông ta là đất nước của ông ta, chương trình của ông ta là nền độc lập.” Dù có xảy tới điều gì đi nữa, chúng tôi vẫn tiếp tục chiến đấu cho nền độc lập - và nếu cần, con cháu chúng tôi sẽ kế tục chúng tôi chiến đấu. Chúc anh “lên đường bình an”.

Trong khi các du kích quân trầm trầm trầm trật khiêng chiếc cáng của Joseph xuống núi, vấp chân trên những lối mòn đá lởm chởm và chênh vênh dẫn sang đất Tàu, Joseph nhắm nghiền mắt, nghiền chặt răng nhin đau.

Đoàn người khản trương đi tới chỗ kín đáo trong rừng nơi mé dưới sườn núi. Thịnh thoảng Joseph không nín được, phải thét lên đau đớn. Khi họ xuống tới vùng cây cối rậm rạp, Joseph ngoái đầu nhìn lui. Anh bắt gặp hình dáng lơ mờ sau cùng của người An Nam đang đứng nghiêng bóng trên bầu trời xanh ban mai đầy ánh nắng chói lọi. Joseph đưa tay lên vẫy. Ở đỉnh núi trên cao, hình dáng gầy gò ấy cũng đưa chiếc mũ cối và nâng cây gậy trúc lên quá đầu mình làm thành một cử chỉ giã biệt nhau lần cuối.

-7-

Tới cuối tháng Hai năm 1945, mặt ngoài lớp bột bó từ hông xuống mắt cá chân phải của Joseph chỉ chút chữ ký và những câu đùa giỡn tục tĩu. Chúng được viết nguệch ngoạc lên đó bởi các “Phi Hồ” khác cũng bị thương và cùng nằm điều trị với anh tại quân y viện của căn cứ Côn Minh. Trong số đó có cả chữ ký của thiếu tướng Claire Lee Chennault, vị tư lệnh mặt ó lừng danh của Không đoàn. Ông tạm ngưng một chút việc chạy theo kim đồng hồ chỉ huy cuộc không chiến suốt ngày suốt đêm với quân Nhật để đích thân tới thăm Joseph và nghe anh kể chuyện làm thế nào một trong các phi công tài ba nhất của ông đã từ cõi chết trở về như một phép lạ.

Sau gần ba tuần lễ mất tích, đúng đêm giao thừa Tết Tây, Joseph được một chiếc xe tải ọp ẹp, không mui không ghế, chở tới thả xuống trước cổng bộ tư lệnh Không đoàn Mười Bốn. Và để làm cho chuyến trở về của Joseph tăng thêm vẻ kỳ bí, hai du kích quân tháp tùng anh từ biên giới tới đây đã âm thầm lên đi thật nhanh để bắt đầu cuộc hành trình dài về lại Bắc kỳ.

Chiếc cẳng nằm đó trước con mắt sững sốt của lính gác cổng. Họ hè nhau khiêng Joseph vô căn cứ. Và chuyến trở về kỳ thú của anh khiến cho cuộc liên hoan mừng năm mới của Phi đội 308 vốn ảm ỉ sẵn lại náo nhiệt thêm. Tuy vậy, bản thân Joseph lại không thể tham dự cuộc vui đó vì y sĩ không đoàn đã vội vàng bắt tay ngay vào việc khám lại anh, bó bột xương bắp đùi bị gãy và những chỗ xương nứt nơi ống quyển chưa được phát hiện trước đây.

Sáng hôm sau, khi tướng Claire trong bộ đồ bay bạc màu trận mạc và trên vai lấp lánh hai ngôi sao bạc cấp thiếu tướng, sải bước vào khu điều trị, các phi công bị thương khác vỗ tay rào rào hoan hô Joseph và hè nhau cất giọng vịnh đực hát ông bài đồng ca trù mến: “Why Was He Born So Beautiful! - Sao Sinh Ra Hấn Tuyệt Vời Đến Thế!”

Nét mặt sần sùi của vị tướng không quân vốn nổi tiếng là một chiến binh Mỹ lừng danh nhất tại châu Á dịu xuống thành một nụ cười hài lòng khi Joseph kể làm thế nào quân du kích An Nam che giấu anh thoát khỏi tay quân Nhật và chăm sóc anh tại mật khu trên núi của họ rồi sau đó, lén lút đưa anh an toàn vượt biên giới sang đất Trung Hoa. Bằng giọng trọ trẹ đặc sệt miền nam in đậm dấu vết sinh trưởng vùng Louisiana, tướng Chennault nói rề rề:

- Chắc chắn chúng ta cần tới loại giúp đỡ ấy. Lúc này tại chiến trường Miền Điện-Ấn Độ, mạng của phi công Đồng Minh trị giá ngang với trọng lượng số vàng cân theo người anh ta. Joseph ạ, chúng tôi ai nấy đều vui sướng thấy anh trở về nguyên vẹn - và chúng tôi còn vui sướng hơn nữa khi thấy anh lại tung cánh giữa trời.

Trong khi thương tích của Joseph ngày càng thuyên giảm, bên ngoài khu điều dưỡng, tiếng gầm rú của phi cơ vận tải hạng nặng, oanh tạc cơ và chiến đấu cơ bay lên đáp xuống liên tục suốt ngày suốt đêm. Đạo quân xâm lược khổng lồ của Nhật vẫn băng ngang Trung Hoa, tiến về hướng tây, đe dọa luôn cả Côn Minh. Đồ quân nhu huyết mạch Đồng minh tiếp liệu cho binh lính Trung Hoa vẫn được chở bằng máy bay từ Ấn Độ vượt qua “Đỉnh Bướu” Hi Mã Lạp Sơn để xuyên thủng vòng vây phong tỏa của quân thù.

Trên chiến trường châu Âu, các đạo quân Anh Mỹ và Nga từ hai cánh tây và đông tràn vào nước Đức không chút xót thương. Có vẻ cuộc xung đột toàn cầu đang đi tới giai đoạn cực điểm của nó. Joseph ngạc nhiên thấy mình không còn cảm thấy nôn nóng muốn được ra trận lần nữa như trước đây anh thường cảm thấy. Anh nhận ra rằng sau lần có cảm giác mình chắc chắn sẽ chết ấy nay anh đang cân nhắc một cơ hội nào đó để bảo đảm mình sống sót.

Hình ảnh những ngày chung đụng với quân du kích An Nam chờn vờn trong tâm tư Joseph và kéo trí óc anh về lại những thoáng gặp gỡ thuở nào với xứ sở ấy. Với lòng cảm mến không nguôi anh vẫn nhớ tới vị lãnh tụ du kích bí hiểm, kẻ đã tỏ ra tận tình săn sóc anh tại Pắc Bó. Nhưng khi một y công đưa vào cho Joseph mảnh giấy nhỏ trên đó người viết ghi ngắn gọn là xin được tới thăm anh hôm nay, vào tuần lễ đầu tháng Ba này, anh nhướng mắt nhìn chăm chặp chữ ký và phân vân.

Joseph xem xét nét chữ loảng ngoảng như con nhện trên mảnh giấy màu lục làm bằng bột dó rồi nhú mày nhìn người y công, dò hỏi:

- C.M. Hoo? Tôi không quen người nào có tên này. Ai đưa anh mảnh giấy này vậy?

Anh y công nhún vai:

- Một ông Tàu lớn tuổi. Trông lão giống một loại hành khất nào đó. Lão nói chúc anh mau lành mạnh và kể là lão từng gặp anh một lần ở một chỗ nào đó. Lão nói tên chỗ đó bằng tiếng Tàu nhưng tôi không nhại lại nổi.

- Tốt nhất là anh đưa ông ta vào đây.

Joseph nói hờ hững. Nhưng một phút sau đó, anh giật nảy người trên giường khi thấy một hình dáng quen thuộc trong bộ đồ ka-ki, đầu đội mũ cối móp méo, đang nghiêng mình chống gậy trúc đi khập khễnh xuống khu điều dưỡng. Khi người An Nam ấy bắt tay Joseph, ông cười hóm hỉnh:

- Thật mừng khi thấy ở đây anh được chữa trị tốt hơn ở Pắc Bó rất nhiều, đại úy Sherman ạ. Tôi hy vọng lúc này anh sắp lành hẳn.

Joseph nhìn ông, không tin nổi mắt mình. Anh nói:

- Tôi không nhận ra cái tên ông ghi trên tờ nhấn.

- À, đúng rồi, tôi viết tên mình theo lối người Mỹ thích viết - ghi tắt tên và để nguyên họ, có thêm một chữ o. Tôi quên lửng anh là người rất quen thuộc các lễ thói phương đông.

- Nhưng ông Hồ ạ, ông đang làm gì ở Côn Minh này vậy?

Trước vẻ mặt băn khoăn của Joseph, người An Nam tiếp tục mỉm cười:

- Đại úy ạ, đối với Côn Minh tôi không phải là người lạ. Vì ở gần biên giới Bắc kỳ nên “Thành phố mùa xuân bất tận” này suốt nhiều năm nay thường được người theo chủ nghĩa dân tộc của nước tôi dùng làm nơi lưu vong tị nạn.

- Và ông sang đây tị nạn sao?

Người An Nam lúc lắc đầu, mặt vẫn cười tươi rói:

- Không. Thỉnh thoảng tôi tới đây để tìm hiểu những gì xảy ra trên các vùng đất còn lại của thế giới. Tôi thích đọc các số báo Time cũ, một tạp chí xuất sắc của quý vị, tại phòng đọc sách của Cơ quan Thông tin Chiến sự Hoa Kỳ - nhờ đọc chúng, tôi cập nhật hoá được tin tức.

- Và làm thế nào ông tới được đây?

- Tôi đi bộ qua biên giới tới Tỉnh Tây.

Miệng Joseph há hốc:

- Nhưng đoạn đường đó dài ít ra cũng ba trăm hai chục cây số!

Người An Nam nói giản dị:

- Đúng đấy, có thể hơn nữa. Nó làm tôi đi mất hai tuần lễ. Chân tôi bây giờ hơi sưng nhưng tôi đã quen đi bộ lúc bị tù ở Trung Hoa rồi.

Joseph phản bác:

- Có điều ông không đi hết quãng đường xa xôi như thế chỉ để đọc các số báo Time cũ.

Đôi mắt đen sôi nổi đang nhìn người Mỹ bỗng lấp lánh hơn, Hồ Chí Minh gật đầu đồng ý:

- Đại úy ạ, dĩ nhiên anh có lý. Tôi tới đây để hiến cho tướng Chennault những công tác Việt Minh làm được. Tôi nghĩ rằng chúng tôi có khả năng cứu thoát thêm nhiều phi công nếu chúng tôi có vũ khí tốt hơn và vài ba chiếc máy truyền tin, nhưng Cục Công Tác Chiến Lược OSS của quý vị tỏ ra không quan tâm. Họ nói rằng không thể trao vũ khí cho chúng tôi trong tình trạng chúng tôi dùng chúng để đánh Pháp, một đồng minh của quý quốc tại châu Âu. Họ sẽ không cho tôi, dù chỉ một khẩu súng lục Colt .45 thôi - và cũng không để cho tôi tiếp xúc với thiếu tướng của anh.

- Ông không nói cho họ biết là ông từng cứu thoát một phi công Mỹ sao?

Người An Nam gật đầu:

- Tôi có nói nhưng tôi nghĩ là họ không tin.

Hồ Chí Minh vẩy vẩy bàn tay bắt mắt lên bộ quần áo lấm lem bụi đường của mình và mỉm cười rầu rĩ:

- Có lẽ anh không nên trách họ. Ngó tôi như thể tự cứu thân mình còn không xong làm sao cứu nổi ai.

Khi Joseph phá lên cười và người An Nam cười theo. Sự chân chất duyên dáng của ông làm dâng tràn trong lòng người Mỹ một niềm mến cảm mới. Hồ Chí Minh tiếp tục nói, mắt vẫn lấp lánh:

- Anh thấy đó, đầu óc của các viên chức OSS đầy dẫy thành kiến rằng có thể chúng tôi là cộng sản. Họ chỉ nghe lời của Tưởng Giới Thạch và đám tình báo của Nước Pháp Tự Do. Không phải chính tôi đã từng cảnh giác anh về điều đó sao?

- Rồi ông nói với họ như thế nào?

- Tôi nói rằng người Pháp thích kết án cộng sản hết thấy những ai muốn Đông Dương được độc lập. Và vì Tưởng Giới Thạch đang bỏ công chống Mao Trạch Đông nhiều hơn chống bọn Nhật nên ông ta cũng nóng vội kết án Việt Minh là cộng sản.

Joseph buột miệng nói:

- Tôi sẽ đích thân trình lên tướng Chennault. Tôi có kể với ông ấy về những gì người của ông đã làm cho tôi. Lời ông yêu cầu gặp tướng Chennault có thể sẽ không bao giờ lọt qua các sĩ quan phụ tá của ông ấy.

Hồ Chí Minh cau mày, đặt bàn tay mình lên cánh tay Joseph. Ông nói với vẻ can ngăn:

- Xin anh đừng vì tôi mà rước rắc rối vô mình. Anh phải nghỉ ngơi tĩnh dưỡng. Tôi tới đây không phải để làm rộn anh.

Joseph vỗ vỗ bàn tay người An Nam và mỉm cười quả quyết:

- Sau những gì ông đã làm cho tôi, đối với tôi chẳng còn gì gọi là rắc rối nữa.

Hồ Chí Minh nói thật gấp:

- Nếu có được một cuộc gặp gỡ như vậy với thiếu tướng hẳn tôi sẽ rất sung sướng khi nhận được một vật kỷ niệm giản dị của ông ấy. Tôi nghe nói thiếu tướng có dành sẵn các bức ảnh chân dung in trên giấy láng dùng để tặng cho những ai ngưỡng mộ tài năng lãnh đạo của ông ấy. Tôi thật rất biết ơn nếu anh có thể thuyết phục được thiếu tướng ký tặng tôi một tấm.

Joseph cười lớn:

- Một tấm ảnh giấy láng là cái hết sức tôi thiếu ông sẽ nhận được, ông Hồ ạ. Tôi xin hứa như vậy. Riêng cá nhân tôi, như một lời cảm tạ, tôi sẽ kiếm cho ông vài khẩu Colt .45 với một hai thùng đạn. Thêm nữa, tôi nghĩ tướng Chennault sẽ đồng ý gặp ông khi tôi trình lên ông ấy rằng ông là ai và cả những việc ông đang làm. Ông còn ở Côn Minh bao lâu nữa?

- Một hoặc hai tuần. Tôi thuê phòng nhỏ bên trên một tiệm làm đèn cây.

- Vậy tuần sau, xin ông trở lại đây gặp tôi.

Người An Nam đứng lên và mặt bỗng lộ vẻ nghĩ ngợi:

- Cảm ơn đại úy... Thật vui mừng hết sức về những khẩu Colt .45 đại úy vừa nói tới. Đặc biệt nếu anh có thể cho tôi tiếp nhận loại súng chưa hề khai ra, còn trong vỏ và nguyên xi bao bì. Giờ đây tôi phải đi trước khi làm anh thất vọng vì trò chuyện quá nhiều.

Hồ Chí Minh bắt tay Joseph thật chặt và dậm chân đi thẳng. Nhưng rồi ông tàn nhẫn quay mình lại, mở nút một trong những túi áo ka-ki bạc màu. Bộ mặt nhăn nhoe của ông thoáng một nụ cười ngượng ngịu:

- Đại úy Sherman, xin anh đừng chấp lão già đa cảm này nếu tới lượt mình đến đáp lòng tử tế của anh, già xin tặng anh một bài thơ mọn già vừa làm.

Hồ Chí Minh đưa về phía người Mỹ một tờ giấy dó màu lục gấp làm tư. Xúc động trước cử chỉ đó, Joseph trả lời:

- Tôi rất sung sướng tiếp nhận. Ở Pắc Bó, anh Đào VănLật có đọc cho tôi nghe mấy bài thơ của ông. Lúc đó, tôi rất ngưỡng mộ.

- Tôi làm bài thơ này trên đường băng núi đi bộ từ Bắc kỳ sang đây. Trong khi làm, tôi nghĩ tới anh và cầu mong anh chóng bình phục. Trong chiếc máy bay lâm nạn, anh đã kề cận cái chết và anh sống sót. Điều đó làm tôi nhớ lại bản thân mình cũng từng thoát khỏi bàn tay của tử thần - tôi gần như sắp lìa đời lúc ở trong nhà ngục tại Trung Hoa.

Joseph mở tờ giấy, thấy bài thơ có tám câu, viết với nét chữ loằng ngoằng như chân nhện từng được anh xem xét trong tờ nhắn lúc nãy. Bài thơ ghi bằng tiếng Anh, và rõ ràng được dịch từ một nguyên bản chữ nho. Anh đọc thấy:

TRỜI HƯNG

Sự vật vẫn xoay đã định sẵn:

Hết mưa là nắng hừng lên thôi;

Đất trời một thoáng thu màn ướt,

Sông núi muôn trùng trải gấm phơi;

Trời ấm, hoa cười chào gió nhẹ,

Cây cao, chim hót rộn cành tươi,

Người cùng vạn vật đều phơi phới:

Hết khổ là vui, vốn lẽ đời.

[Nguyên văn phiên âm ra Việt-Hán:

TÌNH THIÊN

Sự vật tuần hoàn nguyên hữu định,

Vũ thiên chi hậu tất tình thiên;

Phiến thời vũ trụ giải lâm phục,

Vạn lý sơn hà sái cảm chiêm;

Nhật noãn phong thanh hoa đới tiểu,

Thụ cao chi nhuận điều tranh ngôn;

Nhân hoà vạn vật đô hưng phấn,

Khổ tận cam lai lý tự nhiên.]

Xúc động vì tính lạc quan mộc mạc của bài thơ, mắt Joseph rời trang giấy ngược lên định cảm ơn kẻ sáng tác. Nhưng người An Nam ấy đang khập khểnh đi ra khỏi khu điều dưỡng. Dù mắt Joseph vẫn mãi miết ngó theo Hồ Chí Minh suốt quãng đường dẫn ra tới cổng, ông đi thẳng không ngoái đầu nhìn lui.

Vị khách xuất hiện kế tiếp bên giường bệnh của Joseph năm ngày sau là người anh chưa từng quen biết, một đại tá tóc đỏ tuổi mới ngoài bốn mươi. Ông cho quây quanh giường bệnh một

vòng bình phong che chắn cẩn mật rồi đưa mắt nửa đùa nửa thật, ngó chăm chăm những lần mực nguyệt ngọc trên lớp bột bó chân Joseph.

Sau khi ngó đã đời, ông nhăn nhó cười gằn và chìa bàn tay:

- Đại úy này, khi cái chân khỏi hẳn, anh nên giữ lại phần bó bột này, đưa cho viện bảo tàng quân đội. Nó là bằng chứng tuyệt vời giúp các thế hệ mai sau biết rõ những ám ảnh tình dục của người lính Mỹ bình thường trong thế kỷ hai mươi. Tôi là đại tá John Trench. Anh không biết tôi, còn tôi, tôi biết nhiều về anh - hầu hết qua ông bạn già người An Nam của anh. Ông ta nói với tôi rằng ông đã thật sự lết từ Bắc kỳ tới đây bằng cả hai chân lẫn hai tay.

Joseph cười thú vị:

- Đại tá gặp ông ấy ở đâu vậy?

- Kẻ thích tự xưng là C.M. Hoo đó mấy tháng nay thường lui tới phòng đọc sách của Cơ Quan Thông Tin Chiến Sự. Mỗi cho tới lúc tướng Chennault chuyển cho tôi mảnh giấy của anh viết về ông ta, chúng tôi vẫn thường đem chuyện ông ra đùa giỡn, cho rằng ông là một thứ người An Nam quái đản cứ thích vẽ vời nói đi nói lại chuyện cứu phi công Mỹ nơi rừng sâu núi thẳm. Nhưng khi bọn Nhật thành lập phong tỏa Đông Dương, ngay sau hôm chúng tôi thấy mảnh giấy của anh, chúng tôi lật đật chạy tới tiệm làm đèn cây được anh ghi trong giấy. Và chúng tôi trò chuyện với ông ta rất lâu.

Ngừng một chút, viên đại tá nhướng cặp lông mày dò hỏi:

- Đại úy có theo dõi tin tức không?

Joseph gật đầu. Suốt ba ngày nay, các bản tin loan qua đài phát thanh đều tường thuật đầy đủ chi tiết việc Nhật bắt thần đảo chánh Pháp tại Đông Dương. Vào ngày 9 tháng Ba, lực lượng Nhật gồm sáu mươi ngàn lính thiện chiến tấn công các binh đoàn thuộc địa có quân số tổng cộng chỉ bằng một nửa. Tất cả các cơ sở chính quyền, đài phát thanh, xưởng máy và ngân hàng đều bị chiếm đóng. Quân Pháp tại Sài Gòn, Huế và Hà Nội có kháng cự lẻ tẻ nhưng bị dập tắt ngay. Hết thầy binh lính Pháp, sĩ quan và hàng trăm công chức cao cấp đều bị nhốt trong các doanh trại và các trại tập trung đặc biệt. Vài đơn vị Pháp bỏ trốn. Và theo các bản tin mới nhất, phần đoạn hậu của các đơn vị ấy vẫn chống trả vô vọng với quân Nhật trên đường rút sang Lào.

Joseph hỏi:

- Đại tá nghĩ lý do nào khiến Tokyo đột nhiên trở mặt với Pháp lệ như vậy?

- Chưa biết ra sao nhưng theo tôi, có vẻ như thể bọn Nhật nghĩ rằng lúc này Chú Sam sẵn sàng đổ bộ vào bất cứ lúc nào lên bờ biển Đông Dương dài trên ba ngàn hai trăm cây số. Có lẽ bọn Nhật cho rằng người Pháp cũng đang sẵn sàng đá vào đít chúng.

- Và cái gì gọi cho họ có ý tưởng đó?

Viên đại tá lại nhăn mặt cười, tỏ dấu hoài nghi:

- Sau năm năm hợp tác chặt chẽ với bọn lùn da vàng, nay người Pháp khá nóng ruột. Họ muốn quát roi ngựa để tỏ ra rằng từ đầu chí cuối họ vẫn là kẻ trung thành và ủng hộ Nước Pháp Tự Do của De Gaulle. Kể từ lúc Paris được giải phóng, khắp Đông Dương họ dán hình De Gaulle lên vách tường và vẽ lung tung các khẩu hiệu ủng hộ Nước Pháp Tự Do trên mọi đường phố.

- Nhưng phải chăng chúng ta đang có dự tính đổ bộ lên Đông Dương?

Trong một chốc viên đại tá đưa mắt ngó xuyên qua các tấm bình phong quây chung quanh giường bệnh rồi thấp giọng:

- Đại úy ạ, nếu nước Mỹ có tính tới chuyện đó thì cũng chẳng ai bỏ công nói cho tôi hoặc cho bất cứ nhân viên nào trong bộ phận Tình báo Đặc Biệt ở Côn Minh này biết.

Ông lại toét miệng cười với Joseph khi buột miệng nhắc tới Cục Công tác Chiến lược OSS (Office of Strategic Services). Là phi công, Joseph biết rất ít về vai trò của OSS tại Trung Hoa. Anh cho rằng các phái viên cải trang của OSS đang tổ chức những toán kháng chiến tại bất cứ địa điểm nào có thể, ở đằng sau phòng tuyến của Nhật, đúng theo loại hoạt động thông thường của OSS. Và ngoài những công tác ấy, các hoạt động khác của cơ quan đó được bảo mật tối đa.

Joseph vừa nói vừa thăm dò thật kỹ vẻ mặt của viên đại tá tình báo:

- Ông Hồ có nói với tôi rằng OSS không để ý mấy chút tới ông ấy hoặc tới Đông Dương. Ông ấy nói rằng quý vị quá bận khoăn về những liên hệ có thể dính dáng tới cộng sản - và quý vị không cứu xét việc đưa vũ khí hoặc đồ thiết bị cho nhóm của ông ấy vì ngại rằng họ sẽ dùng chúng để chống lại người Pháp, đồng minh của chúng ta.

Trench gật đầu:

- Đúng vậy đó đại úy, nhưng chỉ đúng cách đây một tuần thôi.

- Vậy cái gì làm quý vị đổi ý?

- Cuộc đảo chánh của Nhật ở Đông Dương! Nguồn tin tình báo chìm đang dồi dào bỗng tắt tịt như có tay ai khoá vòi nước. Thành linh chúng tôi chẳng nhận được chút tin tức nào về những gì mình cần biết như mục tiêu dội bom, căn cứ phòng không, những vụ chuyển quân... Với hơn sáu chục ngàn lính Nhật đang trụ chân sau, chòm người tới trước trong tư thế ứng chiến ở đồng bằng châu thổ thì điểm nổi bật lúc này là mạn ngược thượng du. Ngày nào cũng phải tăng thêm các cuộc oanh kích, và giờ đây bộ chỉ huy OSS ở Trùng Khánh ra mệnh lệnh ưu tiên số một: "Hãy thiết lập lên một loại hệ thống tình báo khốn kiếp nào đó ở miệt dưới đó." Vì thế chúng tôi tuyển mộ ông Hoo bạn anh làm một trong các cụm tiểu tổ tình báo của chúng ta. Mã danh công tác của ông ta là "Lucius". Tối nay, chúng tôi sẽ cho máy bay chở ông ta về biên giới với một máy truyền tin thu phát hai chiều và một chuyên viên điện đài người Mỹ gốc Hoa. Nếu ông ta có một tổ chức chính trị gồm mấy trăm người rải khắp Bắc kỳ như anh nói và biết điều động hợp lý, hẳn ông ta có khả năng cung cấp những tin tức tình báo chúng ta đang cần.

Cười thật tươi, viên đại tá đột nhiên từ người vào thành giường bệnh, đưa ngón tay trở gồ nhẹ lên ngực Joseph:

- Và đó chính là địa điểm đại úy Joseph T. Sherman, cựu phi công Không đoàn Mười Bốn Hoa Kỳ, sẽ được biệt phái tới - để giúp xử lý công tác. Cho tới khi ông già An Nam ấy mở mắt cho chúng tôi, không ai ở đây nhận ra rằng chúng ta đang sử dụng một người am hiểu lịch sử Á Đông, thông thạo cả tiếng Pháp lẫn tiếng Tàu để làm phi công dội bom và nã súng vào bọn Nhật. Rồi khi đọc lý lịch của anh và biết ra rằng anh có xuất bản một cuốn sách mỏng về người An Nam, tôi vội vàng chạy tới gặp Đại Bàng của Phi Hổ để xốt anh cho các chiến dịch của OSS tại Đông Dương. Ông ấy giao tôi quyền thuyết phục anh cho tới khi nào anh gật đầu thì thôi. Anh nói gì, đại úy?

Joseph cảm thấy hốt nhiên ở đâu đó sâu trong lòng mình vang lên rộn ràng những tiếng đập háo hức:

- Thừa đại tá, chính xác ông muốn đề nghị tôi làm loại công tác nào?

- Bắt đầu với việc tiến hành nghiên cứu và phân tích tin tức dự trữ tại Côn Minh. Chẳng bao lâu nữa chúng ta sẽ thả người nhảy dù xuống Bắc kỳ.

Ngừng nói, ông gật gù nhìn xuống chỗ chân bó bột của Joseph:

- Khi anh bỏ hẳn được cái bộ sưu tập loãng ngoằn ngoèo những nét vẽ này, có thể chúng tôi sẽ phải anh tới đó với một toán đầy đủ nhân viên để anh vùng vẫy ngang dọc khắp chốn núi cao rừng sâu đó. Có thể là tổ chức huấn luyện và phá hoại kiểu biệt kích. Ông bạn già An Nam của anh ca ngợi anh hết lời. Ông ta coi anh là Người Số Một và nói sẽ rất vui mừng được sớm nghênh đón anh ở chốn đồi núi đó. Anh thấy việc đó có hấp dẫn không?

Joseph bật cười, đáp lại:

- Ăn đạn dưới đất có thể là một thay đổi đáng hoan nghênh hơn ăn đạn trên trời, lúc này tôi chỉ nghĩ thế thôi.

Đại tá Trench cười theo, vỗ vai Joseph:

- Tốt. Anh có thể chống nạng đi tập tễnh được rồi phải không? Trước lúc ông Hoo lên đường, tôi có sắp xếp cho anh đi với ông ta chiều nay đến gặp thiếu tướng. Tôi cũng sẽ có mặt tại đó.

Trong khi viên đại tá OSS khởi sự dọn dẹp các tấm bình phong chung quanh giường bệnh, Joseph nói thật lẹ:

- Tôi có một điều kiện tối hậu.

- Điều kiện gì?

- Tôi cần nửa tá súng Colt .45 còn nguyên xi trong bao bì với một hoặc hai thùng đạn - và cần ngay hôm nay.

Cặp lông mày của Trench nhướng nhướng trêu chọc:

- Đại úy ạ, chuyện vùng vẫy dọc ngang là để cho về sau. Người trong tình trạng như anh lúc này muốn ba cái thứ đó để làm gì chứ?

- Tôi muốn làm quà tặng cho ông Hồ bạn già của chúng ta - như một loại đèn đáp riêng tư của Phi đội 308.

Với vẻ mặt cực kỳ trầm trọng Trench làm bộ cửu xét lời thỉnh cầu của Joseph rồi nói:

- Thôi đành vậy, đại úy, tôi thua anh. Nhưng về phần anh, anh phải ra sức bảo đảm rằng trước khi cuộc chiến này chấm dứt, sáu khẩu Colt đó đáng giá với công tác của OSS.

Chiều hôm đó cả ba người bị giữ ngồi chờ bên ngoài phòng làm việc của tướng Chennault nửa tiếng đồng hồ trong lúc các sĩ quan Mỹ và Hoa với vẻ mặt khẩn trương, tất bật ra vào hội ý cấp tốc với vị tư lệnh của mình. Nơi phòng khách, người An Nam chào hỏi Joseph bằng cái bắt tay nồng nhiệt và nụ cười rạng rỡ như thường lệ. Joseph để ý thấy vào dịp này chiếc áo bốn túi bạc màu của ông được mạng và ủi thẳng nếp. Đại tá Trench khi vào có xách theo một xác-cốt kéo phéc-mơ-tuya lên kín miệng. Ông nháy nhó làm bộ làm tịch về hướng Joseph rồi đặt xác-cốt xuống sát chân ghế mình ngồi.

Dù vách tường thuộc loại cách âm người ngồi trong phòng vẫn nghe vọng vào tiếng gầm rú của máy bay cất cánh và hạ cánh nơi phi đạo bên ngoài. Cuối cùng, cả ba được đưa vào văn phòng của Chennault. Họ thấy vị tướng tư lệnh đang ngồi làm việc đằng sau chiếc bàn to tương với giấy má bề bộn trên mặt bàn. Sát bức vách sau lưng ông, cắm lá cờ Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ. Mé trên túi áo ngực bên trái của chiếc áo khoác nhà binh lấp lánh ba dãy tua huy chương sáng loáng.

Chennault lập tức đứng dậy, chìa bàn tay chào đón người An Nam, và nói nhã nhặn:

- Mừng được gặp ông, ông Hoo ạ. Đây là cơ hội cho tôi được nói lời cảm ơn cách riêng của mình về việc cứu thoát một trong các phi công xuất sắc nhất của tôi.

Trên bộ mặt khoằm khoằm của vị tướng nhá lên một nụ cười. Nhưng thái độ của ông vẫn trầm ngâm như thể tâm trí đang phân vân cân nhắc làm cách nào mưu trí nhất để sử dụng số nhân sự, súng ống và đồ tiếp liệu hữu hạn trong tay mình mà đánh bại quân Nhật.

Người An Nam nghiêng đầu đầy vẻ tôn kính:

- Thưa thiếu tướng, chính tôi mới là kẻ được đặc ân cực độ. Chưa bao giờ tôi dám có ý nghĩ rằng mình có đủ may mắn được bắt tay một chiến binh Hoa Kỳ lừng danh như thế này. Tôi ngưỡng mộ thiếu tướng từ nhiều năm nay, ngay từ thuở số lượng các “Phi Hổ” tình nguyện chưa được bao nhiêu người, ông đã cùng họ dùng cảm đánh đuổi các oanh tạc cơ của Nhật ra khỏi bầu trời đầy mây đen vần vũ trên các thành phố Trung Hoa.

Lời nói tiếng Anh vẫn vẻ không ngờ của vị khách mặc quần áo tồi tàn và sự nồng ấm chân tình trong lời lẽ của khách lập tức khiến bộ mặt của vị tướng Mỹ bùng nở thật tươi một nụ cười thú vị và khoáng đạt. Ông lật đặt kéo ghế, ra đứng hẳn một bên bàn giấy và trả lời một cách sáng khoái:

- Thưa ông, tôi xin cảm ơn lời khen ngợi đầy thiện ý của ông. Tôi ngạc nhiên khi thấy nơi xứ sở của ông lại có người biết tới những chuyện như thế.

Liếc thật lẹ tấm bản đồ Trung Hoa và Đông Nam Á trên vách phía sau người Mỹ, Hồ Chí Minh nhìn thẳng vào mắt vị tướng, miệng mỉm cười:

- Thừa thiếu tướng, hầu như khắp Á Đông không ai không nghe nói tới một con người đã và đang chứng tỏ mình là trở ngại độc nhất và lớn nhất cho cuộc xâm lăng Trung Hoa của bọn Nhật. Nay gặp thiếu tướng tôi mới hiểu tại sao một số phi công dưới quyền ông đã nói về ông như là “kẻ thân cận nhất của Chúa mà tới nay người ta mới biết.”

Mọi người Mỹ có mặt đều bật cười hể hả và thân thiện trước việc Hồ Chí Minh sử dụng tình tế tiếng mẹ đẻ của họ. Và khi một nữ thư ký xinh đẹp trong bộ quân phục ka-ki bung vào các tách trà có đậy nắp theo kiểu Tàu, cả chủ lẫn khách cùng ngồi xuống, trò chuyện bông đùa tỏ mở về việc cứu thoát Joseph và chuyển trở về Côn Minh đầy kinh ngạc của anh.

Họ cũng đề cập tới khả năng giải cứu phi công trong tương lai. Nhưng người An Nam giữ đúng lời khuyên cáo của đại tá Trench, thận trọng né tránh những ngõ ngách có thể dẫn tới việc thảo luận về chính trị. Khi viên đại tá OSS thấy Chennault liếc đồng hồ, ông liền đứng dậy tỏ dấu rằng đã tới lúc từ giả.

Thêm lần nữa Hồ Chí Minh mỉm cười duyên dáng và nói:

- Thừa thiếu tướng, tôi xin hạ mình cảm ơn ông đã bỏ chút thì giờ tiếp kiến tôi. Nhưng trước khi ra về liệu tôi có thể xin ông một chút đặc ân không ạ?

Chennault nôn nóng ngó xấp giấy tờ thư ký vừa đặt lên bàn trước mặt ông và lơ đãng gật đầu. Hồ Chí Minh nói thêm thật nhanh:

- Thừa thiếu tướng, đây chỉ là lời thỉnh cầu có vẻ như của một học sinh đang trên ghế nhà trường. Nhưng tôi muốn có một vật kỷ niệm lần được diện kiến ông hôm nay. Khi kể lại với kẻ khác việc mình từng gặp người Mỹ đã xây dựng Phi Hồ thành một lực lượng không quân vũ bão và hiện đại, tôi muốn mình có thể trưng ra cho họ thấy một tấm ảnh của thiếu tướng.

Chennault mỉm cười nhẹ nhõm với một chút ngượng nghịu. Ông ra hiệu thư ký mang tới chiếc cặp hồ sơ trong đó đựng một xấp ảnh giấy láng. Khi cầm tấm ảnh từ nữ thư ký trao, Hồ Chí Minh bước tới bàn giấy, đặt tấm ảnh lên tờ giấy thấm:

- Và thừa thiếu tướng, nếu ông vui lòng ký tặng thì thật hân hạnh gấp bội cho tôi.

Chennault mở nắp bút máy, viết nguệch ngoạc ngay phía dưới tấm ảnh: “Người bạn chân thành - Claire L. Chennault”, và trao lại cho người An Nam. Xong, ông nói với giọng dứt điểm:

- Ông Hoo ạ, nắm vững công tác nhé.

Khi các vị khách theo nhau chưa bước ra khỏi văn phòng, ông đã quay trở lại với đồng hồ sơ của mình.

Ở phòng đợi bên ngoài, Joseph trao chiếc xác-cốt đựng sáu khẩu Colt .45 và một ngàn viên đạn cho Hồ Chí Minh. Bộ mặt của người An Nam sáng lên rạng rỡ với vẻ biết ơn. Ông siết chặt tay Joseph bằng cả hai bàn tay mình và nói:

- Đại úy Sherman ạ, anh trả cho tôi gấp bao nhiêu lần cái việc nhỏ nhoi tôi đã làm cho anh. Đại tá Trench có nói với tôi rằng tôi có thể hi vọng một ngày nào đó sẽ được gặp lại anh khi anh hoàn toàn bình phục. Tôi vô cùng sung sướng trông mong mau tới ngày ấy.

Hai giờ sau, chiếc máy bay chuồn chuồn nhỏ L-5, loại có thể đáp xuống chỗ đất trống và hẹp trong rừng, cất cánh rời Côn Minh bay về phương nam, vượt qua vùng đồi vòng đai xanh của thành phố Tĩnh Tây, mang theo “C.M Hoo”, một máy truyền tin hai chiều của OSS và một kỹ thuật viên điện đài người Mỹ gốc Hoa.

Khi máy bay vừa đáp xuống, cả hai hành khách liền thay quần áo kiểu dân Nùng sơn cước, giả dạng làm kẻ buôn lậu vùng biên giới và lao mình vào cơn mưa, lội bộ xuyên qua bóng đêm tìm đường về Bắc kỳ. Người Mỹ gốc Hoa đeo chiếc ba lô to tương chứa cơ phận máy truyền tin, còn người An Nam gầy gò tự mình vác xác-cốt đựng những chiến lợi phẩm quý báu, biểu hiện cho sự sở đắc đầy mưu trí lập trường ủng hộ của Hoa Kỳ: mấy khẩu súng lục còn nguyên si trong bao và tấm ảnh có chữ ký của Chennault.

Vì kể từ ngày đảo chánh, Tokyo đặt các sư đoàn Nhật tại Đông Dương trong tình trạng báo động biên phòng suốt ngày suốt đêm nên cả hai buộc lòng đêm đi ngày núp, làm chuyến trở về Bắc Kỳ phải mất gần hai tuần lễ. Nhưng kể từ khi đặt xong máy truyền tin, những tin tức tình báo nhanh nhạy và chính xác về các mục tiêu quân sự và các cuộc chuyển quân của Nhật bắt đầu được chuyển dồi dào về Côn Minh và được mau lẹ phân phối cho các đồng minh của Mỹ.

Hai tháng sau, đại úy Joseph Sherman hoàn toàn bình phục. Vào lúc anh được chính thức chuyển từ Phi đội 308 sang văn phòng của bộ chỉ huy OSS tại Côn Minh, các máy truyền tin, vũ khí và đồ tiếp liệu được thả dù đều đặn xuống rừng già Bắc kỳ. Đồng thời phái viên người An Nam, mã danh “Lucius”, kẻ tự xưng là Hồ Chí Minh, trở thành đầu não của một trong những mạng lưới tình báo quân sự hữu hiệu nhất của Mỹ tại Á Đông.

- 9 -

Qua khung cửa sổ bên hông chiếc máy bay chuồn chuồn nhỏ bé một động cơ, trung úy David Hawke chăm chú nhìn theo tám đồng đội OSS vừa tung người ra khỏi chiếc máy bay vận tải C-46, nhảy xuống ngay bên trên các thửa ruộng bậc thang nằm theo một sườn núi vùng Bắc kỳ, cách Hà Nội khoảng một trăm ba mươi cây số hướng tây bắc. Hawke nín thở chờ cho tới lúc tám cánh dù bung đủ hết mới ngồi lại ngay ngắn, nhìn qua vai phi công, ngó thẳng vào tấm kính chắn gió khi chiếc L-5 liệng vòng.

Trước mũi máy bay hiện lên và trải dài những ngọn đồi đá vôi lởm chởm với những rừng sâu phủ một màu rừng xanh mướt. Đưa hai con mắt lo lắng nhìn thật kỹ cảnh núi rừng hoang dã cố tìm dấu hiệu của một bãi đất trống và bằng phẳng, Hawke quay sang Joseph, cười nhún nhó và nói:

- Đại úy ạ, lúc dự dỗ tôi gia nhập đơn vị này người ta nói với tôi rằng họ muốn có những chàng trai “coi thường nguy hiểm một cách có tính toán”. Nhưng nếu ông hỏi quan điểm của tôi lúc này, tôi sẽ thừa thốt rằng chốn này liệu mạng có thừa nhưng tính toán mấy cũng không đủ. Nếu không chính mắt mình chứng kiến, tôi không tin nổi cái bao diêm biết bay này có thể đáp xuống đó không bị sút mẻ chút nào, rồi lại có thể cất cánh bay về.

Joseph cười mỉm. Anh đang quan sát các thùng chứa súng chống tăng ba-zô-ca, súng máy, các-bin, súng phóng lựu được tổng ra khỏi cửa chiếc C-46 bay đằng sau và rơi thẳng xuống đất.

- Đừng lo Dave. Người của Không đoàn Mười Bốn có nhắm mắt cũng vô ra lên xuống chôn này như đi dạo mát.

Nghe lời tán tụng ấy, viên phi công trẻ tuổi đang lái máy bay toét miệng cười trong khi ung dung lượn chiếc phi cơ nhỏ của mình bay là đà ngọn cây. Mắt anh ta nhìn chăm chú đằng trước, tìm dấu vết vạt đất trống vừa được du kích quân Việt Minh âm thầm phát quang để làm bãi đáp.

Hôm đó là ngày sau cùng của tháng Bảy năm 1945. Đằng sau ba người, mặt trời đang xuống ngang đỉnh núi phượng tây. Trong vùng rừng nhiệt đới rậm rạp bên dưới, đầu đó ẩn kín sào huyết mới của Mặt Trận Việt Minh, mục tiêu tìm đến của mười quân nhân toán đặc nhiệm Phòng Hành Quân Đặc Biệt OSS do Joseph Sherman làm trưởng toán. Với mã danh “Đoàn Hươu”, toán đặc nhiệm này phụ trách công tác huấn luyện và trang bị cho Việt Minh để đánh phá ngầm theo kiểu biệt kích các đường lộ và đường xe lửa nối liền Hà Nội với các cứ điểm quân sự của Nhật tại mạn nam Trung Hoa.

Kể từ tháng Ba năm nay, quân Đồng Minh càng ngày càng dồn Quân đội Thiên Hoàng vào thế thủ nhưng cho tới lúc này đối phương chưa có dấu hiệu sụp đổ như các đạo quân của Hitler tại châu Âu đã rút cuộc phải buông súng đầu hàng vào đầu tháng Năm vừa qua. Như thế, cuộc chiến đấu của Đồng Minh để khuất phục quân Nhật vẫn nằm trong viễn ảnh gian nan và dài ngày. Từ Nhà Trắng đã phát đi một mệnh lệnh tối thượng: “Hỗ trợ cho bất cứ ai có khả năng giúp đỡ chúng ta bắn vào bọn Nhật.”

Bên dưới máy bay bỗng lộ ra một bãi đất trống tự nhiên, tuy nhỏ nhưng đã được phát rộng, dài gần trăm rưỡi thước. Khi xác định có nhóm nhỏ quân du kích đang tụ tập ở một đầu bãi, trung úy Hawke bật ra lời thở than ngao ngán:

- Bãi đáp gì khốn nạn, không lớn hơn sân bóng chày mấy tí.

Trong lúc phi công sà cánh bắt đầu lượn vòng tìm cách đáp xuống, Hawke thở dòn dập:

- Đại úy ơi, tôi thấy thà mình nhảy dù còn sướng hơn - trong máy bay có dù không đấy?

Bộ mặt trẻ thơ của chàng thanh niên hai mươi ba tuổi tốt nghiệp khoa luật Đại học Boston hồi hộp đỏ gay. Nụ cười tự trấn an của anh ta không tương xứng với vẻ khấn trương quá đáng đang toát ra đầy mặt. Sáu tháng sau khi hoàn tất khóa học tiếng An Nam cấp tốc của Đại học California tại Berkeley và còn đang tiếp tục theo học ở đó, Hawke được tuyển làm thông dịch viên cho OSS. Thêm lần nữa anh nôn nóng quay qua Joseph và nói:

- Đại úy có nhận ra “Lucius” trong số những người đang ra đón mình ở dưới đó không. Tôi đang căng hai con mắt chờ coi ông ta đây.

- Tôi không thấy có ông ấy. Công điện truyền tin vừa nhận được nói ông lại ngã sốt rét. Ông làm việc cật lực, sức khỏe lại kém.

- Có phải ông già đó đúng là một câu đố bí hiểm kiểu Tàu không? Máy tháng nay, người Mỹ nào được thả xuống làm việc chung với ông ta cũng đều ca ngợi như điên về sự “dịu dàng” và “bản tính mềm mỏng” của ông ta. Nhưng việc ông ta không để cho lính tráng Nước Pháp Tự Do lén phéng tới Bắc kỳ thì chẳng mềm mỏng chút nào. Việc áp tải trở lại biên giới một người Pháp do chúng ta phải tới và hăm dọa bắn tĩa hoặc bỏ đói bất cứ người Pháp nào lò mò sang đây, theo tôi, những hành động ấy chẳng giống chút nào tác phong của một ông già “dịu dàng”.

Joseph nói điềm tĩnh:

- David ạ, người An Nam ghét người Pháp là có lý do chính đáng. Tôi nghĩ rằng anh sẽ thấy mình dễ dàng thông cảm họ khi anh chuyện trò với “Lucius” và một số người theo ông ấy.

Khi chiếc L-5 bay qua khỏi các ngọn cây sát mép bãi đất trống, phi công cho nó rơi thẳng như một trái banh. Máy bay chạm mặt đất, nảy lên, lăn bánh một quãng chừng hai mươi thước rồi đứng yên. Joseph leo ra ngoài. Anh lập tức nhận ra người An Nam nhỏ thó linh hoạt với mái tóc lòa xoà đang lẹ làng bước hẳn ra đằng trước toán du kích quân để nghênh đón anh.

Võ Nguyên Giáp tươi cười chìa bàn tay và nói bằng tiếng Pháp:

- Đại úy Sherman, hoan nghênh anh trở lại với chúng tôi lần nữa. Chắc anh đã hoàn toàn bình phục.

Joseph trả lời, gọi Võ Nguyên Giáp bằng mã danh của OSS:

- Cám ơn Monsieur Văn, lúc này tôi đã khá. Chân cử động còn hơi cứng cái nhưng thật thoải mái khi trở lại đây với anh, đi đứng bằng hai chân của mình. Mọi sự ở đây ra sao rồi?

- Máy người Mỹ nhảy dù xuống đều an toàn. Người của tôi đang xuống thung lũng giúp họ gom đồ tiếp liệu rồi dẫn họ về trại.

- Riêng Monsieur Hồ thế nào?

Bộ mặt Võ Nguyên Giáp chợt tối sầm lại với vẻ lo lắng:

- Đại úy ạ, cụ Hồ bệnh nặng lắm. Chuyển đi bộ tới Tỉnh Tây rồi lại lợi bộ về đây dưới trời mưa làm sức lực cụ cạn kiệt. Anh mang theo bác sĩ chứ?

Joseph lắc đầu:

- Không. Nhưng trong số những người nhảy dù có một y tá. Anh ta có đem theo thuốc men.

- Có lẽ khi anh ấy tới ta bắt tay vô khám bệnh ngay.

Nói xong, người An Nam quay mình cất bước, lẹ làng dẫn đường ra khỏi bãi đất trống rồi đi dọc theo một lối mòn nhỏ trong rừng.

Trại của quân du kích gồm những túp lều lợp lá gồi, cột sần sùi, dựng lộn xộn bên sườn đồi trong một rừng tre rậm rạp bên đèo Kim Lũng. Khi toán nhảy dù tới nơi, Võ Nguyên Giáp lập tức dẫn Joseph và người lính y tá trẻ tuổi vô một túp lều. Ở đó họ thấy Hồ Chí Minh đang

nằm trong góc lều, run rẩy dữ dội. Lúc này ông gầy trơ xương, nước da vàng vố bệnh hoạn. Ông rên rỉ, la hét trong tình trạng nửa mê nửa tỉnh và rõ ràng ông không còn nhận ra ai nữa.

Trong khi người y tá Mỹ cúi húi đếm nhịp tim và cặp nhiệt người An Nam, Võ Nguyên Giáp thì thào vào tai Joseph:

- Suốt đêm qua tôi ở bên cụ. Hễ mỗi khi hồi tỉnh được đôi chút, cụ chỉ cực kỳ khẩn trương nói tới những việc Mặt Trận Việt Minh cần làm ngay. Cứ mỗi lần nghĩ ra một điều gì đó, cụ vội vàng thúc giục chúng tôi chớ quên điều ấy. Tôi e cụ tin rằng đó là những ý nghĩ trời trăn của mình.

Cả hai nhìn chăm chú vẻ gay cấn của y tá khi anh chẩn bệnh. Lúc anh đứng lên, bộ mặt anh chùng xuống. Joseph hỏi gọn lỏn:

- Bệnh ra sao?

- Chắc chắn sốt rét và kiết lỵ. Theo như tôi biết, có thể ông ta mắc hết một nửa các loại bệnh nhiệt đới. Tôi nghĩ chắc ông ta không qua khỏi.

- Liệu anh có làm được gì cho ông ấy không?

- Tôi có thể cho ông ta ký-ninh và lưu huỳnh nếu ông ta còn đủ sức cầm cự - nhưng tôi không hứa sẽ có phép lạ...

Joseph nhìn xuống bộ mặt xanh mét hốc hác ấy và ngắt lời:

- Được. Làm đi.

Khi y tá sửa soạn xong ống chích, anh quì xuống tiêm thuốc vào mé trên cánh tay của Hồ Chí Minh nhưng đột nhiên người An Nam vùng vẩy dữ dội làm mũi kim trượt ra ngoài.

- Để tôi làm cho! Sửa soạn ống chích khác.

Joseph nóng nảy ra lệnh và quì xuống. Túm chặt vai người An Nam đang quần quai, anh cúi sát mặt người bệnh, miệng nói chậm chậm, gần từng tiếng bằng Anh ngữ và giữ cho khuôn mặt mình yên một chỗ, thẳng và ngay chính giữa hai con mắt nhìn của người hấp hối:

- Xin nghe kỹ đây. Tôi là Joseph Sherman. Tôi đem thuốc của Mỹ từ Côn Minh tới. Ông không chết đâu. Cứ để tôi giúp ông.

Gần như ngay lúc ấy đôi mắt đang trợn ngược bỗng dần dần nhắm xuống và người An Nam thôi không lăn lộn trên giường. Joseph ra hiệu đưa ống chích cho mình. Anh đặt nó giữa lòng bàn tay còn lại, tiêm thuốc vào cánh tay của Hồ Chí Minh, đúng chỗ bắp thịt tiếp giáp y tá vừa chỉ. Trong một hai phút, Joseph tiếp tục quì bên giường, giữ yên hai bàn tay ướt đầm mồ hôi lạnh đang rối loạn bấu chặt tay anh. Rồi khi hai bàn tay ấy lịm hẳn, Joseph đứng lên. Anh bảo y tá:

- Anh trực bên ông ấy cho tới hết đêm nay. Thỉnh thoảng tôi vào thăm chừng.

Bên ngoài lều, Võ Nguyên Giáp đưa mắt lo lắng dò hỏi vẻ mặt của Joseph:

- Đại úy Sherman, anh thấy liệu cụ có khoẻ trở lại không?

Joseph trả lời:

- Chúng ta chỉ có thể hy vọng và cầu nguyện cho ông ấy chịu thuốc. Nhưng nhân viên của tôi nghĩ rằng anh nên chuẩn bị cho khả năng xấu nhất có thể xảy tới.

Khắp chung quanh họ, du kích quân An Nam ì ạch kéo vào trại những thùng vũ khí và chất nổ vừa theo chân các lính nhảy dù OSS rơi rải rác khắp các thửa ruộng. Võ Nguyên Giáp xin phép rút lui để ra lệnh cất giấu những vũ khí ấy. Một phụ tá của Võ Nguyên Giáp đưa toán OSS tới mấy chiếc lều mới cất, sàn lót tre và dựng sát nhau, phía trước đã nhóm sẵn một đồng lửa.

Sau khi tắm trong lòng suối chảy xiết gần đó, Joseph quay về lều của mình. Anh ngửi ra mùi thịt nướng từ một bãi đất trống đầy bóng tối thoảng tới, thơm phưng phức. Thoảng thấy có bóng người An Nam đứng nơi ngưỡng cửa, Joseph ngược lên. Người ấy vội vàng nói bằng tiếng Pháp, giọng thân mật:

- Chúng tôi có mổ bò ăn mừng các anh tới đây. Chúng tôi mong ước những chiến hữu Mỹ mới tới sẽ thưởng thức thịt bò thui, món ăn ưa chuộng của các anh, ngay trong đêm đầu tiên các anh sống chung với chúng tôi.

Joseph nhìn khuôn mặt của người ấy và sửng sờ. Dù đã ngoài ba mươi tuổi, vẻ thanh tú của anh ta vẫn không chút biến đổi, trông giống như trẻ thơ và mang nét của một người nữ. Bên ánh lửa trại bập bùng âm cúng, những dấu vết ấy phảng phất vẻ đẹp Lan và hai anh nàng thừa hưởng của mẹ, và lúc này, chúng khuấy động trong lòng Joseph một nỗi nao nao nhớ tưởng. Trong chớp nhoáng, qua con mắt tâm trí của mình, anh chợt thấy loé lên hình ảnh Lan với đôi mắt e lệ nhìn xuống và hai gò má cao ứng hồng như mặt ấm phản chiếu ánh lửa hắt ra từ các giàn thiêu tế bên đàn Nam Giao.

Joseph lật đặt bước ra và bắt giác nồng nàn siết chặt bàn tay Trần Văn Kim:

- Anh Kim, thật lâu ngày quá. Lần cuối tôi thấy anh là ở Sài Gòn, lúc anh đánh bại tay vô địch quần vợt người Pháp.

Nét mặt Kim rạng lên một nụ cười luyến tiếc:

- Đại úy ạ, chuyện đó lúc này có vẻ như thuộc về một phần đời nào khác. Từ khi cậu Lật kể với tôi rằng có gặp lại anh ở Pắc Bó; kể mỗi lần nhớ tới anh tôi lại ân hận mình đã cư xử không lịch sự lắm ở Câu lạc bộ Thể thao.

Joseph cười lớn, vỗ vai Kim:

- Đừng nghĩ tới chuyện đó nữa. Tôi có hỏi anh Lật cả nhà anh ra sao nhưng anh ấy nói nhiều năm rồi cả hai cậu cháu không liên lạc gì với gia đình.

Kim gật đầu xác nhận, mặt thoảng buồn:

- Đúng vậy. Chẳng may cha tôi với tôi không hợp ý nhau. Ông ấy tin rằng tương lai của xứ sở chúng tôi tùy thuộc vào người Pháp - có lẽ lúc này vẫn còn tin như vậy. Vì thế, tôi phải hy sinh mối quan hệ gia đình để chiến đấu cho độc lập tự do của tổ quốc.

- Vậy anh không hay biết Lan ra sao ư? Chẳng hạn cô ấy đã lập gia đình chưa?

- Bạn bè ở Sài Gòn có nói với tôi rằng Lan đã lập gia đình với một người Pháp.

- Có phải đại úy Devraux?

Kim lắc đầu, tỏ vẻ vội vã:

- Tôi xin lỗi. Thật tình tôi không biết. Tôi nghĩ nó chấp nhận đám cưới đó chỉ để làm vừa lòng cha tôi.

Kim nắm cánh tay Joseph và đưa tay mời mấy người Mỹ khác rồi dẫn họ ra một chiếc bàn tre sơ sài đặt cạnh đồng lửa, trên bàn bày sẵn thức ăn. Anh ra hiệu lấy thịt mời người Mỹ còn mình chỉ dùng cơm với muối mè và giá.

Trong khi mọi người ăn, Kim nói:

- Đại úy Sherman ạ, bảy tháng vừa qua kể từ lần đầu tiên anh tới đây, lực lượng của chúng tôi mỗi ngày một lớn mạnh. Cách đây hai tháng rưỡi, chúng tôi đã thành lập được hạt nhân lực lượng Giải Phóng Quân ở các tỉnh từ nam ra bắc. Hiện nay chúng tôi có ba ngàn dân quân du kích được trang bị súng ống. Kể từ lúc bọn Pháp bị bọn Nhật giam giữ, chúng tôi kiểm soát được sáu tỉnh cực bắc Bắc kỳ. Toàn miền này là “vùng giải phóng” và Hà Nội chỉ cách nơi đây chừng một trăm ba chục cây số thôi. Chúng tôi cũng tịch thu được nhiều quân trang quân dụng tốt hơn trong các kho tàng của bọn Pháp bỏ lại, có điều chúng tôi đang nôn nóng muốn học cách sử dụng những vũ khí tối tân anh vừa mang tới.

Ngay lúc đó Võ Nguyên Giáp đến ngồi vào bàn ăn. Có Hawke thỉnh thoảng góp phần thông dịch, Võ Nguyên Giáp bắt đầu thảo luận về chương trình huấn luyện sử dụng vũ khí do nhân viên OSS phụ trách việc hướng dẫn. Cuối bữa ăn, người ta mang ra những chai bia vừa tịch thu được của quân Nhật và cùng nhau tở mở cụng ly uống mừng ngày đánh bại cái xứ sở đã sản xuất thứ bia đó.

Khi toán đặc nhiệm chia nhau ai về lều nấy, Joseph cầm tay Trần Văn Kim kéo qua một bên:

- Kim ạ, thời gian thắng trận chung kết ở Sài Gòn anh là người tin tưởng tuyệt đối vào chủ nghĩa cộng sản. Nay anh có còn như vậy không?

Người An Nam lắc đầu quầy quậy:

- Tôi hiện nay là người Việt Minh. Chỉ có bọn Pháp và tụi Tàu Tưởng mới tuyên truyền khắp nơi rằng Mặt Trận Việt Minh là cộng sản - vì bọn Pháp vẫn mơ có ngày đô hộ trở lại chúng tôi. Còn bọn Tàu thì đang cố dựng lên ở đây một thứ đảng phái gọi là quốc gia nhưng thực chất chỉ là bù nhìn của chúng tôi. Cụ Hồ đã nói nhiều lần rằng cụ không còn có khuynh hướng làm cách mạng khuynh đảo. Cụ Hồ từng có lần tin vào chủ nghĩa cộng sản nhưng cụ sẽ đích thân nói cho anh biết lúc này cụ đã nhận ra rằng đối với xứ sở chúng tôi lý tưởng đó không thực tế chút nào. Tôi chia sẻ với cụ niềm tin mới mẻ ấy. Giờ đây, chính nhân dân là kẻ quyết

định lựa chọn thể chế chính trị hợp với nguyện vọng của họ. Anh có thể gọi chúng tôi là người cộng hoà theo chủ nghĩa dân tộc, nếu anh muốn. Nếu nhân dân muốn theo thể chế quân chủ lập hiến, giữ lại một nhà vua chỉ có tính cách tượng trưng, chúng tôi sẽ không chống.

- Nhưng những thành phần khác của Mặt Trận Việt Minh thì sao? Quý vị hiện có bao nhiêu thành viên là cộng sản?

Kim cau mặt rồi cười chậm chậm:

- Đại úy ạ, lúc người Mỹ chiến đấu chống người Anh để giành độc lập, tại Hoa Kỳ có bao nhiêu đảng phái khác nhau? Lúc này, chín mươi phần trăm nhân dân Bắc kỳ ủng hộ chúng tôi. Họ hầu hết là nông dân thất học, chẳng hiểu chút gì về chính trị. Nhưng vì là người yêu nước, họ hiểu rất rõ hai tiếng “tự do” và “độc lập” - và vì cả hai cái đó mà hết thấy chúng tôi chiến đấu, cho dân tộc.

Joseph gật đầu:

- Hẳn nhiên rồi, tôi có thể hiểu điều đó. Xin cảm ơn đã làm thịt con bê béo chiêu đãi chúng tôi.

Anh vào lều, viết gấp bản báo cáo hạ cánh để truyền tin về Côn Minh. Nội dung như sau:

“Đoàn Hươu đáp an toàn với đầy đủ đồ tiếp liệu. ‘Lucius’ bệnh rất nặng, ngoài ra mọi sự tốt đẹp. Ngày mai bắt đầu huấn luyện sử dụng vũ khí. Hãy quên ngay con cáoáo ộp cộng sản. Mặt Trận Việt Minh đấu tranh cho tự do và nhằm cải cách những khiếm khuyết do người Pháp gây ra. Việt Minh là một tập hợp của hết thấy các đảng phái đang sinh hoạt. Lúc này, nó tuyên bố có dưới quyền ba ngàn người và sự ủng hộ của chín mươi phần trăm dân số Bắc kỳ. Việt Minh không phải - xin lặp lại, nó không phải - là cộng sản, hoặc bị cộng sản kiểm soát, hoặc bị cộng sản lãnh đạo. ‘Lucius’ không phải là một gã say máu cách mạng, nhưng theo quan điểm của tôi, ông ta là một lãnh tụ thành thật và có năng lực; ông ta muốn một chế độ tự trị vì nhân dân, và ông ta phát biểu trung thực cho nhân dân.”

Vừa mã hoá xong bức điện trên loại giấy chỉ dùng một lần, Joseph nghe có tiếng chân bên ngoài lều. Ngước mắt lên, anh thấy Kim cười bối rối, đưa tay chỉ về phía bãi đất trống. Joseph bước ra ngoài lều. Anh thấy có hai thiếu nữ An Nam mảnh mai đang nghiêng mình trên những thanh củi leo lét cháy nơi đồng lửa tàn và nhẹ tay khuấy một chiếc nồi. Kim nói ngượng ngập:

- Đại úy ạ, chúng tôi chỉ muốn anh ở đây được thoải mái. Sợ rừng già làm anh cảm thấy khó ngủ, chúng tôi có chuẩn bị cho anh dùng một loại thức uống cổ truyền của các dân tộc miền núi.

Ánh lửa hắt lên soi rõ hai thiếu nữ còn trẻ, có lẽ chỉ mới ngoài đôi mươi. Cả hai đều mặc áo dài cao cổ màu sậm, loại dân chúng miền bắc thường mặc. Mái tóc đen tuyền và mượt mà buông lơ lửng xuống vai. Kim nói giọng thật thấp:

- Cả hai làm nghề chiêu đãi viên ở Hà Nội. Hôm qua, chúng tôi mang họ vượt phòng tuyến Nhật để kịp lúc các anh tới đây.

Nghe giọng nói của Kim, trung úy Hawke từ một chiếc lều xé đó vọt ra. Anh cười miệng hoác tận mang tai và nhìn chăm chặp đồng lửa, giọng thì thảo đầy vẻ ngờ vực:

- Thiệt không tin nổi!

Rồi Hawke bắt đầu tuôn một tràng những câu thật nhanh hỏi Kim bằng tiếng An Nam. Lúc quay lại nhìn Joseph, anh cười thêm lần nữa, miệng rộng hơn bao giờ hết:

- Họ đang sắc một liều thuốc cường dương bằng củ ngải rùng và đủ thứ - trong đó có cả lộc nhung và dược thảo nữa. Biết làm sao đây hờ trời!

- Này trung úy, xin anh nhớ cho rằng chúng ta có mặt tại đây là để phục vụ Quân đội Hoa Kỳ đương đầu với kẻ thù. Vì thế, bản thân trung úy cần đầu óc thật tỉnh táo và hãy ngủ cho nhiều vào.

Joseph vừa nói vừa cười gằn. Anh túm chặt vai Hawke, đẩy viên trung úy trẻ tuổi vào túp lều lá gồi tối om của anh ta. Quay sang Kim, Joseph cười xin lỗi:

- Cám ơn lòng tốt của anh - cũng xin anh cám ơn các cô dùm. Và xin nói với họ rằng chúng tôi ai nấy đều đang quá mệt.

Kim đi rồi, Joseph cho đánh bức điện mã hoá về Côn Minh. Sau đó, anh nằm thao thức lắng nghe âm thanh của đêm trong rừng tre. Việc nhìn thấy hai thiếu nữ An Nam bên đồng lửa mang tâm trí anh bèn bồng trở lại những nhớ tưởng đầy xao xuyến về Lan, cả cay đắng lẫn ngọt ngào. Anh chợt nhớ mái tóc nàng mềm mại như lụa và thấy lại màu tươi sáng dịu dàng trên cơ thể óng ánh vàng của nàng khi nàng nằm khỏa thân, nòng nà và ảp ảp trong cánh tay anh giữa lời kinh tiếng nhạc văng vẳng theo gió nước sông Hương.

Đêm thượng du phủ kín bốn bề đen muốt như nhung. Càng về khuya Joseph càng trần trọc. Hai lần anh chỗi dậy, thâm lặng đi qua bãi đất trống, vào lều của Hồ Chí Minh. Lần nào anh cũng thấy ông đang ngủ thật bình an. Anh chỉ ở lại vừa đủ để giám sát việc tiêm thêm lưu huỳnh và ki-ninh.

Mãi tới khi trời gần sáng, Joseph mới rơi vào giấc ngủ mệt lã và mơ thấy Lan, một Lan sinh động gấp bội lần anh từng thấy nàng ngoài đời thuở trước. Kể đó, những âm thanh chỗi nhau của lũ chim rừng kêu vang làm tan giấc ngủ thiu thiu. Anh thức dậy, cảm thấy lòng mình được an ủi và khuây khoả lạ thường nhờ những hình ảnh tươi mát của khuôn mặt người rất yêu dấu.

Tới khi hoàn toàn tỉnh ngủ, một cảm giác thú vị hài hoà không cắt nghĩa nổi lan toả trong anh kèm với ý tưởng rất giản dị. Rằng mình đang thêm lần nữa về lại xứ sở của nàng, về lại nơi mình từng bắt chợt hiểu thế nào là hạnh phúc mê đắm bên người mình thật lòng yêu.

Suốt tuần lễ đầu tiên của tháng Tám năm 1945, hằng ngày Joseph và các toán viên của mình thức dậy khi trời vừa hửng sáng. “Đoàn Hươu” dẫn hai trăm quân du kích Việt Minh xuất sắc nhất tới bãi tác xạ trong khu rừng bên cạnh. Từ năm giờ rưỡi sáng tới năm giờ chiều, các lính

Mỹ liên tục hướng dẫn đám người An Nam xộc xệch cách tháo ráp và bắn súng các-bin, súng trung liên, súng chống tăng không giật ba-zô-ca, súng phóng lựu, nghĩa là sử dụng các loại vũ khí họ vừa mang từ Côn Minh sang.

Người của OSS mặc áo đi rừng bốn túi không gắn phù hiệu, quần soóc dài tận đầu gối, chân mang ủng đi rừng và đầu đội mũ tai bèo rần rì, loại các dân quân du kích Á Đông nhỏ con thường đội. Chẳng bao lâu, các quân nhân Mỹ, những kẻ nhiệt tình với nhiệm vụ của mình, đều nảy sinh lòng mến cảm các học viên. Lòng mến cảm đó càng lúc càng rạt rào, gần như trở thành một loại tình huynh đệ giữa đôi bên.

Trong thời gian tiến hành huấn luyện, Joseph bắt đầu phái các tổ tuần tiểu hỗn hợp Mỹ-Việt ra ngoài thám thính những mục tiêu của Nhật. Từ chỗ ẩn nấp, họ quan sát các đoàn xe tải tiếp liệu đang đổ dồn xuống Đường Thuộc địa số 3, và xa hơn, theo quốc lộ chính Hà Nội-Lạng Sơn về hướng bắc, dẫn sang đất Tàu. Sau cùng, họ lên kế hoạch để tuần tới, tung ra vài cuộc phục kích đầu tiên.

Tại mảnh đất núi rừng heo hút nằm đằng sau phòng tuyến của Nhật, nơi cùng nhau chia xẻ hiểm nguy và những bữa ăn đạm bạc chỉ gồm cơm với muối mè và giá, những người lính OSS tinh thần cao độ và các bạn đồng minh An Nam lòng đầy nhiệt huyết nhanh chóng phát triển một tình chiến hữu mật thiết, bất rề sâu xa trong sự kính trọng lẫn nhau. Người An Nam nể sợ sức lực, thân xác to lớn và vũ khí tinh xảo của người Mỹ. Về phần người lính OSS, họ tìm thấy nơi du kích quân những học trò háo hức và không hề biết mệt.

Cuối tuần lễ thứ nhất, huấn luyện viên trưởng môn vũ khí của OSS nói với Joseph rằng đã đạt tiến bộ ngoài mức mơ tưởng của mình. Anh ta lúc lắc đầu nhận xét:

- Khả năng học hỏi của mấy ông bạn nhỏ xiu này thật đáng kinh ngạc. Chỉ cần nhìn người hướng dẫn biểu diễn một lần là họ nắm được ngay. Họ chuyển từ con dao thợ rèn và súng kíp cổ lỗ sĩ sang súng phóng lựu mà mặt mày tỉnh queo!

Trong hai ngày huấn luyện đầu tiên, thỉnh thoảng Joseph lên về trại để kiểm tra tình trạng đau ốm của vị lãnh tụ Việt Minh. Nhưng chẳng bao lâu, các cuộc thăm bệnh ấy không cần thiết nữa.

Với một tiến độ làm sừng sốt người Mỹ lẫn người An Nam, Hồ Chí Minh bắt đầu hết sốt. Ông thò người ra ngoài lều và đi ngúc ngắc quanh trại. Dù da vẫn vàng vọt, mặt chưa thôi hốc hác và má còn hóp sâu, mắt ông nhanh chóng lấy lại ánh tinh nhanh trước đây. Và khi ông mỉm miệng cười, vẻ nồng ấm lại làm sáng rõ bộ mặt tiêu tụy.

Cuối tuần lễ ấy Hồ Chí Minh làm việc trở lại. Joseph nhận thấy có rất nhiều tốp người An Nam lạ mặt và bất tận, suốt ngày suốt đêm kể tiếp nhau âm thầm tới trại, vào lều của Hồ Chí Minh thảo luận với ông.

Tuy thế, trong những lúc nghỉ giải lao giữa giờ huấn luyện, Hồ Chí Minh phá lệ, đi tới chuyện trò đùa giỡn với hết toán viên OSS này tới toán viên khác. Giữa những lời ân cần hỏi han từng người về gia đình họ, ông chêm vào mấy câu thảo luận hào hứng về chính trị, như thể ông tin rằng cá nhân mỗi người lính ấy đều có khả năng mang thông điệp của ông tới tận Nhà Trắng. Kèm theo nụ cười rất thân thiện, lời yêu cầu thông thường nhất của Hồ Chí Minh là: “Tôi chỉ yêu cầu một điều độc nhất, xin anh vui lòng nói cho thế giới bên ngoài biết tin tức về Đông

Dương.” Trong mọi cuộc trò chuyện ấy, ông không ngừng ca ngợi Hoa Kỳ vì “những lý tưởng chính trị cao cả của quý quốc”.

Rồi tới một ngày vào cuối tuần lễ, khi thấy rõ mình đang dần dần khoẻ lại, Hồ Chí Minh mời Joseph cùng đi dạo tới ven rừng tre mé trên thung lũng, nơi có các thửa ruộng bậc thang được Đoàn Hươu dùng làm bãi đáp nhảy dù mấy ngày trước đó.

Mặt trời xế chiều đang lặn bên kia đồi toả ánh nắng chảy tràn lên phong cảnh một màu vàng đẹp mắt. Hồ Chí Minh ngồi xuống, trên một gốc cây cụt, trầm ngâm ngắm thung lũng và các nông dân đầu đội nón rơm rộng vành, chân đi lủng thừng từ ruộng nương về nhà mình, trên vai vác lủng lẳng cuốc cùng cày. Cuối cùng, quay sang Joseph, ông nói với vẻ mặt phơn phớt nụ cười:

- Đại úy Sherman ạ, có phải cuộc đời thật lạ kỳ. Tám tháng trước đây tình cờ tôi góp phần cứu anh thoát khỏi bàn tay của bọn Nhật - rồi giờ đây anh trở lại đây để kéo tôi ra khỏi hàm răng của thần chết.

Nụ cười của Hồ Chí Minh nở rộng hơn. Ông đưa bàn tay lên khi Joseph tỏ vẻ không đồng ý:

- Anh chớ nhún nhường, đại úy ạ. Các đồng chí của tôi đã kể hết cho tôi nghe chuyện đó như thế nào. Họ đoán chắc rằng tôi đang hấp hối cho tới khi anh tiêm cho tôi mũi thuốc thứ nhất.

Joseph nói:

- Khả năng phục hồi của ông rất đặc biệt. Rõ ràng ông có quyết tâm ghê gớm để hoàn thành sứ mạng do ông tự đặt ra cho mình.

Hồ Chí Minh mỉm cười:

- Có thể đúng như thế. Nhưng tôi biết quả thật mình đang chịu một ơn huệ phải trả đối với anh và Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ.

Joseph nói trầm lặng:

- Việc tốt lành nhất người này có thể làm cho người khác là hết lòng giúp đỡ lẫn nhau. Tôi sung sướng khi thấy sự giúp đỡ của mình có thể lan tới nhiều người khác qua tài năng đặc biệt của ông. Tôi có biết ít nhiều về những khổ nạn xức sỡ ông phải chịu trong bàn tay của người Pháp, và tôi ngưỡng mộ những gì ông đang ra sức thực hiện.

Người An Nam ngồi yên đăm đăm nhìn xuống thung lũng, không quay đầu lại. Cuối cùng ông hỏi với giọng thật thấp:

- Đại úy lập gia đình chưa?

- Tôi có hai con trai nhỏ.

- Vậy anh kỳ vọng điều gì cho chúng sau khi cuộc chiến tranh này chấm dứt.

Joseph nhúm mày, cảm thấy lòng nhói lên ân hận việc mình ít khi nghĩ tới gia đình hoặc tới tương lai lâu dài của con cái:

- Điều duy nhất tôi nghĩ tới lúc này là mong cho chúng được lớn lên trong thanh bình và tự do.

Hồ Chí Minh chậm chậm gật đầu đồng tình:

- Tôi nghĩ chúng ta đang chia xẻ những niềm hy vọng giống nhau theo các cách thức khác nhau đại úy ạ.

- Ông có gia đình không?

Hồ Chí Minh tiếp tục đăm đăm nhìn mấy tốp dân quê đang đi trên con đường về nhà trong ánh chiều tà. Ông nói với giọng không chút cảm xúc:

- Tôi cống hiến trọn đời mình cho tổ quốc. Tôi xem hết thấy mọi người, cả nam lẫn nữ đang làm lụng vất vả dưới kia, là gia đình của tôi. Bản điều lệ của Việt Minh đã xác định cụ thể chương trình cứu nguy dân tộc của chúng tôi, gồm hai điểm. Một là làm cho đất nước hoàn toàn độc lập. Hai là làm cho nhân dân sống tự do hạnh phúc. Tôi ao ước mọi người dân đều được sống trong thanh bình và tự do, y hết những gì anh mong muốn cho các con của anh.

Hồ Chí Minh chợt chuyển giọng sang ngậm ngùi:

- Cũng may những người dân anh đang thấy ở dưới kia hiện được sống trong vùng giải phóng nên họ bớt cơ cực. Khắp đất nước tôi, từ bao nhiêu năm nay, người dân sống trong đói rét, khổ nhục và kềm kẹp, không bút mực nào tả xiết.

Joseph hỏi ngập ngừng:

- Nhưng tôi nghe nói từ hơn bốn tháng nay, lần đầu tiên nước An Nam ra tuyên ngôn độc lập, tái lập thống nhất cả nam trung bắc và có một chính phủ tự quản của người Việt. Nhiều người bảo đó là một chính phủ nhiều thiện chí và có năng lực.

Bộ mặt khắc khổ và bệnh hoạn của Hồ Chí Minh ánh lên vẻ mai mĩa. Ông đưa đôi mắt long lanh nhìn lên dãy núi xa xa, rồi lại mơ màng ngó xuống làng mạc bên dưới:

- Đại úy ạ, tôi hoàn toàn biết rõ chi tiết sự việc đó. Dư luận nhân dân đánh giá rằng tất cả chỉ là do bọn Nhật đạo diễn, kể cả lời tuyên bố gọi là độc lập và tình trạng gọi là thống nhất ấy. Người hiện nay giữ chức thủ tướng tại Huế là một học giả. Ông ấy làm chính trị như một kẻ nghiệp dư và lạc đường, theo mẫu mực quân tử hủ lậu hoặc kẻ sĩ lỗi thời. Phần lớn các bộ trưởng là những chuyên gia, trí thức tân học ở Pháp về, sống trong tháp ngà từ bao nhiêu năm nay. Thêm nữa, dù họ có nhiệt tình tới mấy đi nữa cũng không thể phục vụ hữu hiệu khi phải múa may quay cuồng trong lòng bàn tay của bọn Nhật và phải núp dưới cái bóng của một ông vua xem việc đánh bài tây quan trọng gấp bội việc đấu tranh với người Pháp.

Hồ Chí Minh cười chum chim như để làm nhẹ bớt lời kết án của mình:

- Cho tới nay, việc tốt nhất và duy nhất họ làm được, có lẽ là ngay khi chưa họp hội đồng nội các phiên thứ nhất, họ đã thả hết các chính trị phạm ra khỏi các trại giam cấp tỉnh và các nhà tù lớn. Thành thật mà nói, Mặt Trận Việt Minh được hưởng rất nhiều lợi ích từ hành động ấy.

Tuy nhiên, đại úy tin tôi đi, chỉ cần đôi ba ngày sau khi bọn Nhật bại trận, chính phủ ấy bốc hơi ngay.

Nói tới đây, ông lại ngược mắt nhìn Joseph và bỗng nở nụ cười thật tươi:

- Nhân đây, không biết đại úy có thể đọc cho tôi nghe vài dòng về tự do, trích từ bản Tuyên Ngôn Độc Lập của quý quốc không?

Joseph cười tươi rói và niềm nở:

- Tôi có thể trình bày tức khắc với ông những điểm cốt lõi. Ở trường tiểu học, chúng tôi đều được học thuộc lòng bản tuyên ngôn ấy.

Anh nhắm mắt tập trung trí nhớ:

- Chúng tôi tin những chân lý này là hiển nhiên, rằng: tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng; Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc...

- Tuyệt vời! Xin anh vui lòng lặp lại đoạn đó một lần nữa, chậm chậm cho tôi có thể chép.

Joseph mở mắt. Anh thấy người An Nam rút từ túi áo trên ra một mảnh giấy dó nhỏ màu xanh lục. Anh lặp lại những câu đó thêm lần nữa, chậm rãi hơn. Chờ cho người lớn tuổi chép xong, anh hỏi:

- Tôi xin phép hỏi tại sao ông quan tâm tới bản Tuyên Ngôn Độc Lập ấy?

Hồ Chí Minh vừa mỉm cười bí hiểm vừa rút giấy bút vô túi áo:

- Đại úy ạ, tôi hy vọng anh không phải chờ đợi lâu ngày mới khám phá ra.

Mặt trời khuất hẳn đằng sau rặng núi, soi những vệt bóng dài trườn qua thung lũng. Trong đôi ba phút, hai người im lặng ngồi bên nhau, cùng đắm chiêu nhìn ngày đang phai dần. Rồi người An Nam thở ra một hơi thật dài:

- Đại úy ạ, hãy nghĩ tới tương lai tôi lại e rằng anh có nhiều cơ hội đạt ý nguyện hơn tôi.

- Tại sao ông nói như vậy?

- Vì tôi chắc chắn rằng người Pháp sẽ cố sức trở lại xứ sở này và dùng vũ lực để đô hộ dân tộc chúng tôi thêm lần nữa. Tôi biết tâm trí của người Pháp thao tác như thế nào. Người Pháp là một dân tộc cao ngạo nhưng bất định. Chỉ có một hy vọng nhỏ nhoi là họ tôn trọng các quyền của chúng tôi và giải quyết một cách hoà bình. Nhưng nếu họ ra sức tái áp đặt bằng vũ lực thì sẽ có đổ máu ghê gớm.

Hồ Chí Minh đưa cảm về phía thung lũng:

- Những người dân đang ở dưới kia cũng giống như các con trai của anh đang ở Mỹ, họ không muốn có cách mạng. Đó là lý do tôi quyết tâm vận dụng hết khả năng của mình để điều đình với Pháp một cách hoà bình. Nhưng nếu việc đó tỏ ra không thể tiến hành được, nhân

dân sẽ chiến đấu - nếu cần trong mười năm hoặc hai mươi năm - vì độc lập của tổ quốc, vì tự do của bản thân họ và tự do của các thế hệ mai sau.

- Nhưng tại sao ngay lúc này ông lại lo nghĩ tới điều đó?

- Vì chúng tôi cần sự ủng hộ tinh thần của nhân dân Hoa Kỳ yêu chuộng tự do. Chúng tôi biết nhân dân Hoa Kỳ tin rằng quốc gia nào cũng có quyền tự do chọn lựa thể chế chính trị của mình. Quý vị cần nhận biết những sự việc đã thật sự xảy ra ở đây dưới chế độ đô hộ của người Pháp. Nếu người Mỹ hiểu thấu đáo những sự việc đó, tôi cảm thấy chắc chắn rằng chúng tôi sẽ có được sự ủng hộ của họ. Không biết anh có thể giúp cho chúng tôi không?

Joseph nhún vai như một hình thức xin lỗi:

- Xin ông nhớ cho rằng chúng tôi chỉ là quân nhân, không phải nhà ngoại giao. Tôi có thể trình lên bộ chỉ huy những lời ông vừa nói nhưng mọi sự thì...

Nghe có tiếng chân chạy đằng sau mình, Joseph quay ngoắt nhìn quanh, thấy viên trung sĩ phụ trách kỹ thuật điện đài đang từ trong rừng ào ào chạy ra. Khi sắp tới trước mặt họ, anh thở hổn hển, mặt đỏ rần háo hức:

- Bọn Nhật coi bộ cuối cùng chịu hết nổi rồi!

Joseph hỏi, giọng thắc mắc:

- Trung sĩ nói cái gì vậy?

- Trình đại úy, chúng ta động bễ đầu bọn chúng bằng một thứ vũ khí mới mẻ và bí mật - thứ gì đó gọi là “bom hạt nhân”! Chúng tôi vừa nhận một điện văn của bộ chỉ huy ở Côn Minh. Trọn cái thành phố khôn nạn đó tan ra từng mảnh. Chỗ đó tên là Hiroshima...

Viên trung sĩ truyền tin chum môi phát âm một cái tên lạ hoắc rồi nói tiếp:

- Người ta nghĩ là đã giết được ít nhất tám chục ngàn người. Đại úy tin nổi không, tám chục ngàn mạng. Côn Minh nói chỉ vài ngày nữa thôi bọn Nhật sẽ đầu hàng.

Khi tỉnh người lại, ra khỏi cơn sững sốt ban đầu và viên trung sĩ đi rồi, Joseph rầu rĩ mỉm cười nói với Hồ Chí Minh:

- Nếu điện văn ấy quả đúng thật, tôi đoán rằng nơi này sẽ không còn phòng tuyến nào của Nhật để chúng ta cùng hoạt động - và như thế Đoàn Hươu sẽ trở thành thừa.

Hồ Chí Minh cười rạng rỡ, chìa bàn tay:

- Không, không đâu đại úy! Anh và người của anh phải huấn luyện cho xong và cùng đi với chúng tôi xuống Hà Nội. Vì dù sao đi nữa, lúc này Hà Nội ở gần các anh hơn Côn Minh.

Vào hôm thứ mười sau ngày Hiroshima bị thành bình địa, Võ Nguyên Giáp dẫn đoàn dân quân du kích thứ nhất ra khỏi trại, hăm hở tiến bước về Hà Nội. Là toán tiên phong hạ sơn của Lực Lượng Giải Phóng Quân, họ kiêu hãnh vác trên vai các vũ khí mới nguyên xi của Mỹ: súng phóng lựu, súng ba-zô-ca và súng máy và các-bin,v.v. Cùng tiến bước bên họ có đại úy Joseph Sherman và các toán viên khác của Đoàn Hươu OSS.

Khi đoàn quân xuyên qua vùng thung lũng đầy đặc cây rừng đi dần xuống, họ được đón chào khắp nơi, bởi các đám đông tay phất cao lá cờ lâm thời của Việt Minh, màu đỏ thắm chính giữa điểm ngôi sao vàng tươi. Tại các bản làng lưu cư của các sắc tộc thiểu số miền núi, phụ nữ thượng du mặc y phục cổ truyền thổ cẩm nhiều màu sắc và đồ nữ trang bằng bạc mang hoa giúi vào vào tay, cắm vào ngực những người Mỹ cao lớn.

Tại các làng xã nghèo mạn trung du, dân quân địa phương cầm dao mác mã tấu hoặc súng trường han gí kéo nhau ra xếp hàng đi theo họ. Người ta nhét vô tay họ mấy món quà đơn sơ như trứng, chuối hoặc khoai, sắn. Tại một số thôn xóm, khi họ đi qua, có các toán nhi đồng họp nhau ca vang những bài hát yêu nước và ngợi ca tự do, mừng giải phóng.

Trong không khí tung bừng liên hoan ấy, các toán du kích được nhiệt liệt chào đón như một đạo quân chiến thắng. Joseph và các quân nhân Mỹ trong Đoàn Hươu thở ra nhẹ nhõm vì trên hết mọi sự, cuối cùng những ngày dài chiến tranh đã chấm dứt. Lây lan niềm vui, họ cũng vừa đi vừa huýt sáo, miệng ca vang những bài hát của người Mỹ và tay vung vẩy theo nhịp quân hành.

Trên các ngã đường họ đi qua, có đôi nơi còn lở chỗ hầm hố hay mô đất, và hầu hết cầu cống đều bị đánh sập. Giữa các giao lộ trọng yếu, người ta thấy còn y nguyên những thân cây to lớn trước đây bị đốn ngã để làm ụ cản trở lưu thông. Đi bên cạnh Joseph, Trần VănKim đưa tay chỉ những các chướng ngại vật ấy, mặt tỏ rõ vẻ hãnh diện. Anh giải thích:

- Hết thấy những thành tích này đều do các toán đặc công của chúng tôi ra tay trước đây. Chỉ với hai bàn hai tay, chúng tôi đào hầm đắp mô, giật sập cầu cống để ngăn không cho bọn Nhật sử dụng đường sá.

Qua máy truyền tin, các mật báo viên nằm vùng ở Hà Nội đánh điện văn báo cáo rằng lực lượng Nhật ở thủ đô dường như bàng hoàng vì sự đầu hàng đột ngột của các nhà lãnh đạo nước họ. Họ chấp nhận đầu hàng và hiện đang giữ thái độ trung lập thụ động. Kết quả là - theo báo cáo của các mật báo viên - thủ đô rất yên tĩnh.

Trong ngày xuất quân đầu tiên, đoàn dân quân du kích không gặp cuộc tuần tiễu nào của lính Nhật. Đội hình tiếp tục nhanh nhẹn tiến bước, di chuyển công khai, ngang qua những cánh đồng ngập nước ở vùng châu thổ nơi lá cờ đỏ sao vàng của Việt Minh bay phất phới trên những cột điện thoại hai bên đường.

Cũng có đôi lần đoàn quân an lành ấy đi ngang những làng mạc đổ nát với các đồng tro tàn còn âm ỉ cháy và nhiều xác chết nằm rải rác trên đường quê. Joseph ngạc nhiên thấy Võ Nguyên Giáp không hề ra lệnh dừng quân để điều tra ai là thủ phạm, dù chỉ một lần. Sau cùng, Joseph nhận thấy đoàn quân hạ sơn cả An Nam lẫn Mỹ được dẫn đi vòng sang một bên mỗi khi thấy xa xa có một thôn xóm đang bốc khói, tựa như vừa bị đốt. Anh hỏi: - Chuyện gì xảy ra ở những làng vừa đi ngang vậy? Ngó họ như thể mới bị ai tấn công.

Trần VănKim vừa lật đật đi lên đầu đội hình vừa ngoái cổ trả lời cụt ngủn:

- Bọn Nhật đấy. Chúng trả thù khi rút quân.

Đang bước đều nhịp với Joseph, trung úy Hawke nhướn cặp lông mày thắc mắc lên nhìn đại úy chỉ huy rồi hất đầu về phía sau. Joseph gật đầu và Hawke đi chậm lại. Chọn một khoảnh khắc thích hợp không ai để ý hay nghi ngờ, anh lẹ làng tách mình ra khỏi hàng, làm như mắc đại tiện, để tìm cách đi ngược đường, rẽ vào xóm nhà tranh lúp xúp đang bốc khói.

Nửa giờ sau, Hawke bắt kịp Joseph. Mặt anh đan lại, giọng lạc hẳn:

- Trình đại úy, suốt mấy tuần nay chẳng có một mống lính Nhật nào lui tới vùng này. Tôi gặp một ông lão An Nam đang đi quanh các đồng đồ nát trong làng. Ông ta kể rằng hôm qua một toán dân quân tiền trạm của các du kích quân bằng hữu với chúng ta đã đi tới làng này, mang theo cờ đỏ sao vàng - và làng ấy không chịu hợp tác với họ. Ông lão nói với tôi rằng bắn phá làng xong họ đốt cháy ra tro để khủng bố các làng khác trong vùng, bắt phải ủng hộ họ. Con trai và cháu trai của ông lão đều bị giết sạch.

Dừng lại mấy giây, Hawke hít vào một hơi thật sâu:

- Còn nữa, ông lão không đề cập gì tới Mặt Trận Việt Minh. Khi nghe tôi hỏi ai làm ra chuyện khủng khiếp này, ông chửi rủa không biết bao nhiêu mà kể, rồi la lớn: “Cộng sản Đảng! Cộng sản Đảng!”

Thông tin ấy làm Joseph choáng váng. Lúc đội hình du kích quân dừng lại bên ngoài tỉnh lỵ Thái Nguyên, anh đi kiếm Trần Văn Kim và hỏi liệu lúc này mình có thể tìm thấy Hồ Chí Minh ở chỗ nào. Kim nói với giọng xin lỗi:

- Đại úy ạ, tôi e rằng lúc này cụ Hồ bận rộn lắm. Cụ phải sắp xếp nhiều công chuyện lớn lao - nhưng tôi sẽ chuyển lời nhắn của anh rằng anh mong muốn được nói chuyện với cụ.

Khi Joseph đề cập bóng gió tới những nghi ngại của anh trong điện văn báo cáo đánh về Côn Minh, bộ chỉ huy OSS liền ra lệnh cho anh dừng Đoàn Hươu lại tại Thái Nguyên, không đi thêm nữa. Thượng cấp cho anh biết rằng vì tình hình chính trị bất ổn trong đó có những xáo trộn mang mầm mống chiến tranh nên một toán OSS mới, mã danh là “Đoàn Chim Cút” đang được phái từ Côn Minh qua Hà Nội, do đại tá John Trench đích thân chỉ huy. Nhiệm vụ ưu tiên của Đoàn Chim Cút là xác định địa điểm và giải thoát các quân nhân Đồng Minh bị bắt làm tù binh đang nằm trong tay quân Nhật, và chuẩn bị cho ngày đến của Ủy Ban Đồng Minh Tiếp Nhận Đầu Hàng nhưng đồng thời nó cũng thu thập tin tức tình báo. Côn Minh còn nói rằng một toán OSS tương tự cũng đang được phái từ Calcutta tới Sài Gòn. Khi Joseph hỏi liệu Đoàn Hươu có thể tiếp nhận sự đầu hàng của lính Nhật tại địa phương không, anh chỉ được trả lời gọn lỏn:

- Không tiếp nhận đầu hàng - ở yên tại chỗ. Nhiệm vụ của Đoàn Hươu đã chấm dứt theo với cuộc thế chiến.

Sau một khoảng thời gian nghỉ ngơi ngắn ngủi, đoàn dân quân du kích xuất phát từ Pắc Bó chia làm hai. Joseph đứng nhìn theo Võ Nguyên Giáp dẫn đầu lực lượng xung kích nhỏ bé ra khỏi tỉnh lỵ Thái Nguyên tiến về Hà Nội với những vũ khí Mỹ chiếu lấp loè trên vai. Số dân quân còn lại lập vòng vây bao quanh một doanh trại kiên cố, bên trong có đơn vị đồn trú địa phương của Nhật đang thu mình. Thình thoảng vài dân quân nổ súng vào quân đồn trú ấy, chỉ

để thử vũ khí mới tinh của mình hoặc đỡ ngửa ngáy tay chân.

Joseph xin được sử dụng một ngôi nhà lớn ở khu vực ngoại ô làm nơi tạm trú cho mình và các đoàn viên OSS. Trong khi binh sĩ thuộc quyền nằm tắm nắng sau vườn, anh nôn nóng và cáu kỉnh vì đã hai ngày trôi qua vẫn không nghe tin tức gì về Hồ Chí Minh.

Tối ngày thứ ba, vào lúc chạng vạng tối, đột nhiên Trần Văn Kim xuất hiện trong ngôi nhà toán OSS ở. Mặt sung sướng rạng rỡ Kim hăm hở nói:

- Đại úy Sherman ơi, chắc chắn lịch sử sẽ công nhận hôm nay là ngày vĩ đại của dân tộc chúng tôi. Chúng tôi vừa nhận được điện văn của Võ Nguyên Giáp báo rằng lực lượng xung kích của chúng tôi đã nắm quyền kiểm soát tất cả các cơ sở chính quyền ở Hà Nội. Bọn Nhật sùng sờ khi thấy dân quân Việt Minh tiến vào thủ đô với những vũ khí mới tinh và tối tân. Chúng giao nạp gần như không một chút kháng cự. Chúng tôi chỉ phải nổ vài phát súng thì oai. Bây giờ thủ đô Hà Nội là của chúng tôi. Dân chúng đang ào ra đường như thác đổ. Tay người nào cũng vẫy cờ Việt Minh!

Joseph yên lặng đón nhận tin đó. Nỗi hoài nghi ray rứt rằng anh và Đoàn Hươu bị lợi dụng và bị lừa dối nay càng lúc càng trở nên chắc chắn. Kim tiếp tục cười phơi phới, nói tiếp:

- Dân chúng Hà Nội cực kỳ hồ hởi. Chỉ một cú độc nhất thôi, họ được giải phóng, được thoát khỏi cả bọn Nhật lẫn bọn Pháp. Thấy bộ đội chúng tôi mang vũ khí Mỹ, họ vui mừng không sao tả xiết, vì họ cũng thấy sức mạnh của Hoa Kỳ đang ở về phía những người giải phóng họ.

Bị xâu xé giữa lòng cảm mến dành cho Hồ Chí Minh cùng những người đi theo ông và cơn thịnh nộ vì bị họ lừa dối, Joseph chỉ nói chậm rãi:

- Quả thật là một ngày trọng đại cho dân tộc An Nam.

Kim trả lời, với giọng trách móc nhẹ nhàng:

- Đại úy có lý, chỉ trừ một chi tiết nhỏ nhưng cực kỳ quan trọng - đây là ngày trọng đại cho dân tộc “Việt Nam”. Chúng tôi nay không còn là người An Nam nữa. Đất nước của chúng tôi nay không còn bị chia cắt thành ba kỳ bắc trung nam, hai “bảo hộ” và một “thuộc địa” nữa. Lúc này, xứ sở của chúng tôi lại là “Việt Nam”. Cuối cùng, tám mươi năm bạo quyền đã chấm dứt! Các lực lượng của chúng tôi từ nay được đổi thành danh xưng là “Việt Nam Giải Phóng Quân”!

Joseph nói với giọng tự chế:

- Tôi thật sự chúc mừng anh và toàn thể dân tộc anh nhưng tôi vẫn muốn nói chuyện với Hồ Chí Minh càng sớm càng tốt.

Kim nắm cánh tay người Mỹ, dẫn ra cửa:

- Chính vì lý do đó tôi tới đây, để đem anh đi gặp cụ Hồ. Cụ đặt bản doanh bí mật tại một chỗ ở bìa rừng cách đây không xa, vì cụ lúc nào cũng cảm thấy hạnh phúc khi được ở nơi giản dị nhất.

Nửa giờ sau, Kim đưa Joseph vào một túp lều mái tranh, vách nứa và cột tre trong một khu vực đồn điền Cát Hanh Long bên ngoài tỉnh lỵ. Từ sau chiếc bàn vương vãi giấy tờ, Hồ Chí Minh đứng lên, chào đón anh với nụ cười tươi rói. Bằng cử chỉ thân tình, ông tóm lấy cánh tay Joseph và nói:

- Đại úy Sherman ạ, thật mát lòng thoả dạ cho tôi khi được gặp lại anh thêm lần nữa. Tình hình mười ngày vừa qua chuyển động dồn dập, nhanh như cơn bão đầu mùa. Cuối cùng, tôi hy vọng anh đã nghe tin vui từ Hà Nội.

Mặt không ánh lên một vẻ cười, Joseph nói:

- Ông đã lừa chúng tôi một quả tới nơi tới chốn. Ông sử dụng vũ khí của chúng tôi và dùng sự có mặt của chúng tôi bên cạnh ông để sau phòng tuyến Nhật để làm ra vẻ như thể Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ đứng đằng sau cú cướp chính quyền của ông. Theo như những gì tôi biết, ông đã lạm dụng thiện chí của chúng tôi.

Nụ cười thân thiện của Hồ Chí Minh không nhạt đi chút nào:

- Đại úy ạ, uống bát nước chè xanh Thái Nguyên ngon nhất Việt Nam đã nào. Nó là thức uống làm người ta hạ nhiệt đấy.

Quay lưng lại, ông quì xuống cầm chiếc ấm khói ám đen sì đang sôi lèo xèo trên cái bếp kê bằng mấy cục đá:

- Tôi lúc nào cũng hết lòng ngưỡng mộ xứ sở của đại úy. Rồi nhờ quen biết anh và người của anh mà lòng ngưỡng mộ đó biến thành tình mến cảm. Tôi cảm thấy buồn bã vô cùng khi anh không hiểu cho điều đó.

- Có phải đó là lý do khiến ông cũng cảm thấy buộc lòng phải lừa dối chúng tôi? Ông không thể nói mình chẳng biết chút gì. Người của tôi và tôi không thể không thấy ở trong rừng ông đã tiếp xúc với rất nhiều người lạ suốt cả tuần lễ huấn luyện vũ khí. Có phải từ đầu tới cuối ông đã sắp mưu tính kế như thế để qua mặt chúng tôi?

- Đại úy ạ, nhưng tôi làm sao biết trước bọn Nhật đầu hàng quá nhanh như vậy. Cũng giống như anh thôi, tôi chẳng biết chút gì về bom hạt nhân. Chúng tôi đã chuẩn bị để cùng anh đánh bọn Nhật trong một năm, hai năm - và nếu cần thì lâu năm hơn nữa.

Hồ Chí Minh đứng lên, rót nước chè vào hai bát nhỏ bằng sứ men lam Huế. Ông trao Joseph một bát và trầm ngâm hớp nước chè trong bát mình:

- Đại úy Sherman ạ, có phải tôi từng nói với anh rằng đảng của tôi là xứ sở của tôi? Đúng như thế, lời nói đó quả thật không lừa dối chút nào. Ba mươi lăm năm trước đây, tôi rời quê hương trên một con tàu viễn dương để ra đi tìm đường cứu nước. Tôi đã lê gót chân đi hầu như khắp nơi trên thế giới. Khi dừng lại ở Paris, tôi xông xáo, loay hoay, và thật sự bế tắc sau những ngày hoạt động hết mình bên cạnh các nhà đại trí thức người Việt, kể cả với một người rất nổi tiếng, bạn đồng tiến sĩ đồng khoa với thân phụ tôi. Chúng tôi làm báo, vận động kiều bào, đệ nạp thỉnh nguyện thư lên các tổ chức quốc tế để lên án thực dân Pháp và khẩn cầu họ hỗ trợ chúng tôi thoát khỏi thân phận làm một dân tộc thuộc địa.

Hồ Chí Minh dừng lại, châm một điếu thuốc quăn sẵn và nói theo hơi khói thở ra:

- Thực tế, gần như không một nhà nước phương tây nào chú ý tới các văn bản và lời thỉnh cầu đó, kể cả hội Quốc Liên, kể cả Tổng Thống của quý quốc. Không một chính quyền tự nhận là văn minh nào giúp chúng tôi có điều kiện thu hồi độc lập. Bỗng chốc tôi nhận ra rằng vừa làm vừa tự học trên hai chân mình hoặc bằng các kiến nghị, với các sĩ phu lỗi thời và các trí thức thuần lý thuyết, sẽ không bao giờ đạt được ý nguyện của mình. Trong khi đó, người dân tiếp tục bị vắt kiệt trên đồng ruộng, trong nhà máy, và những người có tâm huyết tiếp tục bị đày ải trong ngục tù. Tôi cần phương thức mới, cần ghê gớm. Tôi cần học hỏi những khả năng đấu tranh chính trị có tính khoa học và hiện đại, cũng ghê gớm không kém. Tôi cần sự hỗ trợ cụ thể của quốc tế, cần kinh khủng.

Ông nhấp một ngụm nước chè, nhìn ra xa quá hàng cau bên kia chiếc sân đất, đắm chìm trong hồi tưởng:

- Rồi cũng tại Paris trong những ngày bế tắc ấy, tôi gặp Lênin, đúng hơn, tôi bắt gặp những dòng chữ của ông ấy. Tôi khởi sự ngưỡng mộ Lênin vì tôi khám phá ra Lênin là một nhà yêu nước vĩ đại muốn giải phóng những đồng bào nghèo khổ của ông ấy. Khi lần đầu tiên đọc “Luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa” của Lênin, tôi quá đỗi vui mừng, tới độ phát khóc. Dù chỉ ngồi lồm bồm đọc nó một mình trong căn buồng tôi trọ ở Đường Bonaparte, tôi vẫn phải nhảy dựng lên và kêu lớn: “Hỡi tiền nhân liệt sĩ! Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta! Đây là con đường giải phóng dân tộc chúng ta!”

Ông ngừng nói một chút, mỉm cười nhớ lại:

- Như thế, tôi trở thành một trong các đảng viên đầu tiên của Đảng Cộng sản Pháp. Rồi vài năm sau, tôi được Quốc tế Đệ tam huấn luyện và hỗ trợ để xây dựng cơ sở của Đảng Cộng sản Đông Dương, một tổ chức đấu tranh chính trị chuyên nghiệp, có huấn luyện và hơn hẳn các đảng phái, các phe nhóm chia rẽ và dửng dăng ở trong nước. Đại úy ạ, hết thấy các hành động ấy của tôi được thúc đẩy bởi chỉ một động cơ duy nhất: tôi tin chắc rằng đất nước chúng tôi yếu nhược; nếu muốn lật đổ nền đô hộ mạnh mẽ của Pháp, chúng tôi phải cần tới sự hỗ trợ từ bên ngoài. Ngài George Washington của anh đã chấp nhận sự hỗ trợ của Pháp để đánh bại người Anh, đúng không? Đối với tôi, cái mà anh gọi “Phong trào Cộng sản Quốc tế Đệ tam” chỉ là cái đã dạy cho chúng tôi, những người bị áp bức tự tổ chức và tự huấn luyện để chống lại những kẻ áp bức mình. Bài học đó đáng giá. Và hiệu nghiệm. Rồi chót hết, sự hỗ trợ của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ suốt năm sáu tháng vừa qua, cũng chứng minh rằng nó có tầm quan trọng lớn lao bậc nhất cho chúng tôi. Chúng tôi tán thưởng tinh thần quảng đại Hoa Kỳ đã và đang cống hiến cho chúng tôi. Nhưng đại úy ạ, đồng thời tôi cũng không vì thế phản bội chính nghĩa của mình - đảng của tôi, như anh thấy, nó quả thật là xứ sở của tôi.

Joseph hơi ngần ngại, rồi hỏi thẳng:

- Còn về tấm ảnh của tướng Chennault và những khẩu súng tôi đã biếu ông thì sao? Chúng được dùng vào việc gì?

Đôi mắt của Hồ Chí Minh có vẻ như cười:

- Đại úy ạ, vào thời điểm đó, những người Việt Nam lưu vong ở Liễu Châu vừa thành lập chính phủ Cộng hòa Việt Nam lâm thời do Trung Hoa Quốc Dân Đảng ủng hộ, đang tranh chấp với Mặt Trận Việt Minh do tôi phục hoạt. Khi trở về với tấm ảnh có ký tặng đó và đưa sáu khẩu súng lục cho những người đang kỳ vọng chính phủ lâm thời thấy, tôi chỉ để yên cho

họ có cảm tưởng rằng Việt Minh được sự ủng hộ mật thiết của vị tướng lãnh Hoa Kỳ lừng danh ấy và rằng các khẩu súng lục là đặc ân của ông ấy dành riêng cho cá nhân tôi. Sự nhập nhằng nhỏ nhoi ấy cho phép Việt Minh phô trương thanh thế và bản thân tôi nắm trọn quyền kiểm soát phong trào Việt Minh trong thời điểm quan trọng đó, chẳng còn ai dám thách đố chúng tôi nữa.

Nói tới đây, bộ mặt của Hồ Chí Minh sáng lên một cách cực kỳ tinh quái tới độ Joseph đang bực mình cũng phải bật cười. Ông vuốt chòm râu thưa thưa, mặt bỗng lộ vẻ cực lòng:

- Đại úy ạ, tôi lấy làm tiếc là anh cảm thấy thiện chí của anh bị lạm dụng. Những sự việc như thế này có lẽ khó nói, nhưng không phải tất cả chúng ta, không cách này thì cách nọ, đều không ít thì nhiều, phải dùng tới những kẻ có cảm tình với mình sao? Và việc anh biết ra điều chúng tôi đã làm đó có thật sự gây trở ngại tới độ chúng ta chẳng còn có thể tiếp tục mền cảm nhau một cách sâu xa không? Tôi có cảm tưởng rằng anh đang bị lôi cuốn vào đất nước và dân tộc chúng tôi; và tôi hy vọng rằng trong những việc tôi làm, sẽ không có điều gì làm thay đổi sự lôi cuốn đó. Tôi muốn giữa hai xứ sở chúng ta có tình thân hữu bền chặt - và tôi cũng muốn tình thân hữu giữa hai con người chúng ta tiếp tục càng ngày càng thêm thắm thiết.

Joseph nói nghiêm giọng:

- Để sự hợp tác hoặc tình thân hữu ngày càng lớn mạnh, cả đôi bên đều phải có sự tín nhiệm lẫn nhau. Lý ra trước đây ông nên báo với chúng hoặc có thể kể cho tôi nghe những bí mật ấy của ông!

Trong một chốc, vị lãnh tụ người An Nam nhìn Joseph chằm chặp. Dù cơn bạo bệnh vừa qua tàn phá gương mặt ông ra hốc hác thê thảm nhưng bộ mặt ấy vẫn hằn vè quyết tâm và định tĩnh. Joseph lại thấy rõ hơn nữa rằng mình bắt lước trước cái cá tính mạnh mẽ và hiểm hoi đang giữ vững ông. Hồ Chí Minh nói điềm đạm:

- Đại úy ạ, không phải bất cứ lúc nào ta cũng có thể làm được những gì mình muốn. Vì tôi đánh giá cao tình thân hữu của anh, và mong ước rằng thông qua những bằng hữu quý báu như anh, quan hệ giữa quý quốc và chúng tôi sẽ tiến những bước tích cực hơn nữa, nên tôi sắp kể cho anh nghe chính xác những gì xảy ra nơi mật khu trong rừng suốt mấy ngày gay cấn vừa qua.

Hồ Chí Minh dừng lại như để chuẩn bị sự chú ý cho Joseph, rồi ông nói tiếp:

- Đó là khoảng thời gian chúng tôi bận túi bụi lo việc tổ chức cho tương lai của quốc gia mình. Chúng tôi biết rõ dân chúng chỉ nghe nói tới Mặt Trận Việt Minh một cách mơ hồ và chúng tôi chỉ có vài ngàn cán bộ được huấn luyện. Tình huống đó có nghĩa chúng tôi phải làm việc thật gấp và không để lỡ một cơ hội, không bỏ phí một giây một phút nào. Sự đầu hàng đột ngột của quân Nhật tạo ra một lỗ trống vì các chủ nhân ông người Pháp của chúng tôi vẫn còn ở trong các trại giam. Khối Đồng Minh họp ở Potsdam đã quyết định rằng Đông Dương sẽ bị Trung Hoa và Anh cùng chiếm đóng - nhưng phải mất vài tuần nữa, quân đội của hai nước đó mới tới. Trong khoảng thời gian ấy tổ chức ít ỏi của chúng tôi phải thực hiện một mưu chước ảo thuật vĩ đại. Phải làm sao cho Mặt Trận Việt Minh xuất hiện trước dân chúng và trước khối Đồng Minh như một tổ chức lớn rộng và mạnh mẽ, một tổ chức của những người yêu nước, tha thiết với độc lập dân tộc và có năng lực tự cai quản xứ sở của mình. Chẳng bao lâu nữa Việt Minh sẽ như thế nhưng cho đến ngày xảy tới điều đó chúng tôi phải tạo ra một ảo giác. Chúng tôi phái số cán bộ ít ỏi của mình đi khắp mọi miền đất nước để sách

động quần chúng, in cờ và khẩu hiệu, tổ chức biểu tình. Trước khi chúng tôi bắt tay vào việc, thật khó có thể giải thích mọi sự với anh - nhưng lúc này anh đã thấy một số thành quả trong những làng mạc anh vừa đi qua, đúng không?

Joseph gật đầu:

- Vậy có phải tất cả những cái đó đều do bởi cán bộ tuyên truyền của ông bịa ra?

Hồ Chí Minh mỉm cười, chậm chậm lắc đầu:

-Không đúng như vậy đâu đại úy. Không “bịa ra” chút nào. Chắc chắn nội dung các diễn tiến, không ít thì nhiều, không lọt qua nổi tai mắt đoàn quân báo của đại úy. Như tôi đã nói, vì tình bạn giữa anh và tôi, tôi sẽ kể sơ lược một số chi tiết, như một lời tâm sự đầy thiện chí và riêng tư của một người bạn chân tình đối với một người bạn thân thiết.

Đưa tay dè lên nắp ấm còn nóng, Hồ Chí Minh châm thêm vào hai bát nước chè rồi nhìn thẳng vào mắt người Mỹ:

- Năm ngày sau khi quả bom hạt nhân của quý quốc biến Hiroshima thành bình địa, chúng tôi lập tức họp đại hội toàn quốc ở Tân Trào và ra lệnh tổng khởi nghĩa trên cả nước. Như đại úy đã biết, ngày 14 tháng Tám Nhật Hoàng tuyên bố đầu hàng. Hôm sau, các nước đồng minh quyết định duy trì nội các của nhà học giả, mà tôi có lần nặng lời phê bình với anh, để làm chính phủ chuyển tiếp, nhưng hành động ấy của họ chậm mất một bước. Trong tuần lễ đó, người của chúng tôi đã tranh thủ quần chúng hoặc cướp chính quyền tại nhiều tổng huyện trên toàn quốc. Cuộc tranh thủ quần chúng ấy đạt tới đỉnh cao nhất vào ngày 17 tháng Tám vừa qua tại Hà Nội.

Hồ Chí Minh ngừng lại một chút, rồi mắt lại long lanh như đang cười hóm hỉnh:

- Hôm đó, hưởng ứng lời kêu gọi của thủ tướng học giả họ Trần và Khâm sai Bắc Việt họ Phan, Tổng hội Công chức hô hào dân chúng lũ lượt kéo tới Nhà Hát Lớn để ủng hộ chính phủ. Khí thế dân chúng sôi nổi với khát vọng độc lập tự do. Và ngay lúc ấy, trước con mắt ngạc nhiên của 15 vạn người tham dự, cờ đỏ sao vàng xuất hiện phất phới và cán bộ Việt Minh chiếm diễn đàn. Chúng tôi đọc Bản Hiếu Triệu của Việt Minh, trình bày khát vọng của đồng bào là muốn được Đồng Minh giúp đỡ để Việt Nam hoàn toàn độc lập. Đồng thời chúng tôi hứa hẹn một viễn ảnh nếu Việt Minh lên cầm quyền, dân không phải đóng thuế nữa, được hoàn toàn tự do và có nhiều hạnh phúc. Sung sướng quá, dân chúng hoan hô, nhất là thanh niên, tiếng rền vang như sấm dậy. Hai hôm sau, cũng ngay tại Hà Nội, Mặt trận Việt Minh tổ chức một cuộc mít-tinh còn lớn gấp bội, với hàng vạn nông dân và nhân dân nội ngoại thành cùng các đoàn tự vệ cứu quốc hô hào thành lập chính quyền nhân dân, rồi kéo nhau đi chiếm các cơ quan của chính phủ.

Châm thêm điều thuốc, Hồ Chí Minh cười mãn nguyện:

- Giờ đây dân chúng khắp nơi tự động chấp nhận quyền lãnh đạo của chúng tôi. Không có cuộc biểu tình nào ủng hộ Việt Minh là bịa đặt. Và chắc chắn đại úy cũng đồng ý với tôi rằng không thể nào thành tựu được thực tế đó nếu không đi đúng với khát vọng của quần chúng, vận dụng cơ hội, quyết tâm cao độ và tổ chức khoa học. Ngay lúc này, nếu anh có mặt ở Hà Nội, trái tim của Việt Nam, anh sẽ thấy cờ đỏ sao vàng bay rợp phố phường, còn rộn ràng

tung bừng gấp bội những cảnh tượng anh vừa thấy trên đường từ Cao Bằng tới Thái Nguyên này.

Đặt tay lên cườm tay của Joseph, Hồ Chí Minh trầm giọng:

- Là người từng nghiên cứu lịch sử và xuất thân từ một gia đình có truyền thống làm chính trị, đại úy ạ, anh thừa biết rằng việc truyền bá sâu rộng chính nghĩa trong quần chúng đòi hỏi phải tổ chức kỷ lưỡng và hoạt động gian khổ - nhưng những cái đó sẽ không đưa tới đâu nếu tập thể quần chúng không đáp ứng bằng chính tâm hồn của họ.

Joseph rút tay về, bướng bỉnh phản bác:

- Như vậy, phải chăng dân chúng trong các làng mạc tan hoang đã không đáp ứng bằng chính tâm hồn của họ. Người của tôi khám phá ra rằng ông sát hại đàn ông con trai của họ và đốt cháy nhà cửa của họ chỉ vì họ không chịu tham gia với ông.

Hồ Chí Minh nói thẳng thừng:

- Chẳng may những thí dụ như thế thì hiếm, đại úy ạ. Không ích lợi gì khi cứ nói đi nói lại mãi chuyện đó. Nếu đồng bào của anh bị làm nô lệ cho cường quyền ngoại bang trong suốt một trăm năm, rồi đột nhiên, anh thấy trước mắt mình đang mở ra một thời cơ để giải phóng họ, phản ứng của anh sẽ như thế nào? Liệu anh có để cho vài kẻ nghi hoặc đứng yên trên lối đi của anh không? Liệu anh có dám tuyên bố rằng mình yếu nhược và mình chẳng có ai là bạn hữu đầy sức mạnh? Liệu anh có chịu lùi bước, ngồi xuống và cam chịu rằng: “Tổ chức của mình không đủ mạnh”? Hoặc phải chăng anh cũng hành động y hệt như tôi đã hành động?

Trong một chốc, Joseph dăm dăm nhìn mấy cục than hồng trong bếp lửa. Anh nói chậm chậm:

- Tôi cho rằng hẳn mình cũng làm những gì ông đã làm.

Một nụ cười rạng rỡ làm sáng lên vẻ mặt tiêu tụy của Hồ Chí Minh. Ông túm cả hai bàn tay của Joseph:

- Đại úy, cảm ơn anh. Hãy để tôi mời anh thêm một bát nước chè nữa.

Vẫn mỉm cười tươi rói, ông quay mình và thêm lần nữa cúi húi với chiếc ấm khói ám đen sì.

Trời tờ mờ sáng, trên cánh đồng Hương Trà còn ướt đẫm sương đêm, số người tụ tập để tuần hành vào Huế đã lên đến trên mười ngàn. Bộ quần áo bà ba màu lam hoặc nâu lênh lặn nhất trên mình của người may mắn nào đó cũng không khỏi bị giẫm dẫm ba chỗ vá. Họ gồm những nông dân đứng tuổi khắc khổ, khuôn mặt hốc hác, nước da tái tái; các thanh niên hai mắt long lanh, tay chân không ngớt múa men; và các thiếu nữ má hồng hồng, tóc cột gọn gàng thả xuống sau lưng hay một bên ngực. Từ các tổng làng xa cả chục cây số, họ thức dậy lúc ba bốn giờ sáng, ăn qua loa vài củ khoai sắn và ém vôi mọ cơm độn, kèm theo muối ruốc, rồi nườm nượp kéo nhau về đây tập trung theo lời kêu gọi của Ủy Ban Khởi Nghĩa. Từ chỗ này, họ sẽ

cùng nhau đi bộ tới Sân Vận Động Huế tham dự buổi mít-tinh đón tiếp phái đoàn đại biểu Việt Minh từ Hà Nội vào tiếp nhận sự thoái vị của Bảo Đại.

Hôm đó là ngày 29 tháng Tám. Cuộc nổi dậy cướp chính quyền bùng lên từ huyện Phong Điền mười một ngày trước, tới nay đã lan khắp các huyện trong tỉnh. Khí thế cách mạng đêm ngày cuộn cuộn như nước nguồn từ dãy Trường Sơn hăng năm đổ về. Tên Hồ Chí Minh xuất hiện và mang đầy vẻ bí ẩn trên cửa miệng thì thâm của những người có hoạt động quốc sự, làm lòng họ thêm nôn nao hy vọng. Tuy thế, nhiều người vẫn tự hỏi có quả thật ông ấy là Nguyễn Ái Quốc, một người chống Pháp đòi độc lập tự do cho dân tộc, mà tên tuổi đã đi vào truyền thuyết. Hầu như không người nào trong họ biết rõ “cách mạng” là gì nhưng không hiểu sao âm thanh của hai tiếng ấy làm tim họ đập rộn ràng. Nó như hiệu lệnh thúc họ đứng lên chiến đấu, để chấm dứt những ngày dài nô lệ đói rét, để mọi người được ăn no mặc ấm, và để đất nước từ nay sạch bóng bọn tây đô hộ cùng đám tham quan ô lại và cường hào ác bá.

Trong lúc lâng lâng với những ý nghĩ đó, họ cảm thấy rung mình, như có linh cảm mơ hồ về những gian nan sắp tới. Là người sống bằng mồ hôi của chính mình, họ biết việc gì trên đời cũng có cái giá của nó. Cách mạng, nếu như thế, cũng có thể đưa tới chiến địa, tù ngục và huyết mội dành cho con cái họ, thậm chí bản thân họ. Riêng với thanh niên, hai tiếng “cách mạng” nghe rất nôn nao, như thể sắp có một cuộc đổi đời, say sưa và tích cực. Đầu họ ngẩng cao thách thức. Chân đi trên thửa ruộng còn đầy gốc đay mới đay bị trồng thay lúa, mà máu huyết cứ rần rật sôi trong người. Sợi gân sau cổ chân cứ co giật, muốn bung lên về phía trước, xung phong lao tới một đối phương đang đợi sẵn. Cách mạng, nghe rất quốc sự và đầy ước vọng, như thể cuộc đời họ sắp được kéo lên từ chôn hiên tại mịt mù nhất, đem họ đi thật xa, ra khỏi nơi thôn làng tù túng và cơ cực. Họ sẵn sàng hiến dâng tâm hồn, thể xác và tuổi xuân cho cách mạng. Họ hân hoan chấp nhận cuối con đường quang vinh đó có thể là huyết mội. Nhưng được chết giữa mặt với vũ khí trong tay còn hơn chết bần bật tù đầy hoặc sống đầy đọa với sưu cao thuế nặng. Và họ tin tưởng, như đinh đóng cột, rằng những kẻ đang kêu gọi họ đứng lên đấu tranh kia là người cùng chung thân phận, cùng da vàng máu đỏ, và hơn nữa, đồng một bào thai dân tộc, nên sẽ không bao giờ lường gạt hoặc phản bội họ.

Hôm nay ngọn gió sớm mai mùa thu từ phương đông thổi tới cánh đồng phơi phới lạ thường. Tới bảy giờ, cả vạn người ấy vào hàng ngũ chỉnh tề, xuất phát theo hiệu lệnh. Lá cờ đỏ sao vàng lớn như mái nhà đi dẫn đầu, được cầm cứng cõi bằng cả hai tay của những thanh niên lực lưỡng luân phiên nhau. Kế đó, một biểu ngữ đỏ thắm giăng ngang mặt đường do đôi trai gái rạng rỡ dương cao, với hàng chữ màu vàng: “Nhân Dân Tỉnh Nguyễn Tri Phương Nhiệt Liệt Tham Gia Cách Mạng”. Từ mấy ngày qua, danh xưng tỉnh Thừa Thiên - nghe đầy vẻ phong kiến và thần phục - đã được Ủy ban Cách mạng đổi thành tên của vị danh tướng sinh trưởng ở tỉnh nhà. Ông từng chống giữ hai thành Gia Định và Hà Nội vào những ngày đầu cuộc xâm lược của thực dân Pháp. Chẳng may bị bắt, ông chọn cái chết như một hình thức tuần tiết để bày tỏ lòng yêu nước và không đội chung trời với giặc tây dương.

Đi sau biểu ngữ đỏ thắm ấy là hàng trăm thanh niên nam nữ cứu quốc. Quần xắn cao, một tay cầm vũ khí tự trang bị gồm mác, hoặc lò ô vót nhọn, giáo và gươm, một tay cầm cờ đỏ sao vàng do gia đình hoặc thôn xóm tự may. Thịnh thoảng có vài thanh niên hoa mã tấu theo thể tả hữu hoành đao mới học. Tiếp đó là những nông dân đứng tuổi, đàn ông đàn bà và các thiếu niên, đi theo sau biểu ngữ ghi rõ tên tổng xã của mình. Đoàn người cờ xí rợp trời kéo dài tới mấy cây số, vừa đi vừa hô vang khẩu hiệu theo giọng xướng oang oang từ những chiếc loa làm bằng lá nhôm mỏng hoặc mo cau cuộn lại:

- Quét sạch giặc Tây

- Triệt để ủng hộ Việt Minh

- Cương quyết tham gia cách mạng...

- v.v...

Tiếng họ gào lên thật lớn, rền vang tường thành kinh đô và dội lại trên sông nước Vạn Xuân khi đi ngang bãi hành quyết bên kia cầu An Hoà rồi tiếp bước dọc con hào nép sát tường thành cao vời vợi.

Qua cửa Chánh Tây rồi cửa Hữu, dưới hàng ngàn dây cờ đỏ sao vàng bay phất phới và các biểu ngữ có cùng nội dung với các khẩu hiệu, đoàn người dừng chân gần cầu Bạch Hổ. Tại đây, họ nhập chung một đoàn hàng ngàn người dân khác cũng đang tung bừng khí thế, từ Văn Thánh Kim Long kéo xuống. Thay vì chọn con đường ngắn nhất qua cầu Bạch Hổ, đoàn người rẽ về hướng đông, tiến bước trên con đường rộng thênh thang giữa sông Hương và hoàng thành, dẫn tới cầu Tràng Tiền.

Tiếng hô khẩu hiệu lại tràn lên tường thành và dội xuống, lan xa mặt nước khiến dòng sông Hương thường ngày trầm lặng hôm nay bỗng như rừng mình, nghiêm trọng chứng kiến những giờ phút đổi thay của lịch sử. Ngang Phú Văn Lâu, các thanh niên thiếu nữ phấn chấn hô khẩu hiệu to hơn khi thấy trên kỳ đài đã phất phới lá cờ đỏ sao vàng thay cho cờ vàng của nhà vua và chính phủ. Từ mấy ngày nay, Ủy ban Khởi nghĩa đã hạ cờ vàng xuống, kéo cờ đỏ lên trước khí thế dũng mãnh của dân chúng kinh đô và sự hoang mang co rút của nhà vua cùng nội các. Lính Nhật đang đóng cửa trại chờ quân Trung Hoa tới giải giới. Lính Pháp vẫn bị cầm giữ trong Mang Cá từ ngày Nhật đảo chánh. Lính khố đỏ rã ngũ từ năm tháng trước. Lính khố xanh, khố vàng và lính hộ thành đã ngã theo cách mạng.

Phố xá Huế hôm nay không mua bán nhưng nhộn nhịp khác thường với cờ xí đỏ rợp trời. Nhà nhà đua nhau may cờ, may biểu ngữ. Đường phố tập nập người đi lai. Có kẻ cầm trên tay thanh đại đao sáng quắc. Có kẻ cầm khẩu súng mót-cơ-tông dài thông thường bị dân địa phương gọi đùa là “đùi giữ vịt”. Không một ai ra đường hôm nay với thẻ ngà đeo trước ngực. Cầu Tràng Tiền rung lên theo nhịp chân đi. Hai bên thành cầu, những bức tranh cổ động trên đó vẽ cánh tay cầm búa vung lên đập tan xiềng xích cũng rung theo như có hàng chục chiếc búa quật mạnh trong nắng mai đập dồn sóng nước.

Vừa qua khỏi cầu đoàn người đã thấy rộn rịp từ xa thêm ba đoàn người nữa cũng đang rầm rập kéo đến như họ. Một từ Hương Thủy tập trung ở cánh đồng Dạ Lê kéo ra, qua cầu An Cựu. Một từ Nam Giao và Long Thọ tập trung ở Ga Huế kéo xuống. Một từ Phú Vang tập trung ở cánh đồng Nam Phổ kéo lên qua ngã Đập Đá; đoàn thứ tư này khí thế oai mãnh nhất. Đi đầu đoàn là cả trăm nam nữ thanh niên tay cầm dao phay hoặc trường côn, chân bước rầm rập như tiêu biểu cho khí thế và tinh thần chuộng võ của thanh niên xứ thần kinh. Họ là môn sinh võ phái gốc Việt chính tông Bạch Hổ Sơn Quân của dòng họ Nguyễn Hữu từng sản sinh nhiều danh tướng bảo vệ xứ Đàng Trong. Về sau, một môn sinh ưu tú là Giáo Hiến đã mang vào dạy cho anh em Tây Sơn, làm thành võ Bình Định. Nó cũng theo chân Lê Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh và đoàn lưu dân vào nam lập nên võ học Tân Khánh Đồng Nai.

Bốn đoàn nông dân gồm trên bốn vạn người, như bốn dòng nước nguồn chảy cuộn cuộn về Sân Vận Động. Ở đó, cả bốn nhập làm một trong tiếng loa, tiếng máy phóng thanh oang oang giọng của chủ tịch Ủy ban Khởi Nghĩa, đồng thời cũng là Ủy ban Nhân dân Cách mạng, một thanh niên thi sĩ mới ngoài hai mươi tuổi. Anh say sưa báo tin từng giờ từng phút bước chân của phái đoàn đại diện Việt Minh đang theo con đường cái quan vào gần tới Huế.

Hai giờ chiều hôm đó, tại Thế Miếu thờ vua Gia Long và các tiên đế, tọa lạc bên hữu điện Thái Hòa, sau nửa giờ chờ đợi “văn võ bá quan” nhưng cuối cùng chỉ có mặt bốn cận thần nội cung, hoàng đế Bảo Đại ra hiệu cho quan nghi lễ đại thần đốt trầm rồi thấp nhang đưa cho mình. Ông cầm lên nắm nhang, vái ba vái và quì xuống, lâm râm cáo yết liệt tiên đế về dự tính thoái vị. Sau khi dâng hương chiếu bốn lần, ông đứng dậy và vái ba vái. Thay vì trao nắm nhang cho quan chấp sự, ông đích thân lần lượt cắm từng cây nhang vào lư hương trên bầy án thờ. Rơm rớm nước mắt, không biết vì xúc động hay vì không quen nhang khói, ông đưa lưng bàn tay lên chà xát đôi mắt. Lòng âm thầm tự hỏi phải chăng đây là lần cuối được làm lễ tại tôn miếu của các đấng tiên vương.

Bước ra khỏi Thế Miếu, nhà vua tần ngần đứng nhìn chín cái đỉnh đồng chạm hình mặt trời, mặt trăng, núi sông hoa cỏ, các giống động vật, thực vật và đồ binh khí, xe thuyền của nước Việt. Mỗi cái đỉnh lấy chữ trong miếu hiệu của một tiên vương. Cửu đỉnh tượng trưng cho tính chính thống của thiên mệnh. Sức nặng của chúng tượng trưng cho trường trị. Đưa tay rà theo lưng chiếc đỉnh chạm hình núi sông, nhà vua hít vào thật sâu và tự hỏi, lúc này câu “Hoành sơn nhất đái vạn đại dung thân” chẳng còn linh nghiệm, liệu rằng Ất Dậu năm nay có ứng với câu “Thân Dậu niên lai kiến thái bình” không, hay lời sấm ấy mãi mãi chỉ là nỗi hoài mong để làm nguôi ngoai những điều linh của một dân tộc mấy trăm năm nay sống trong chia lìa, loạn lạc?

Hoàn tất lễ cáo yết, Bảo Đại quay về lầu Kiến Trung trong Tử cấm thành. Ở đó cùng hoàng hậu Nam Phương và thái tử Bảo Long, ông ngồi cho bốn cận thần làm lễ cáo biệt như một thể thức bày tỏ lòng trung quân sau cùng, thay mặt “văn võ bá quan” lúc này hoang mang lo sợ tới độ không dám đặt chân vào Đại Nội. Hoàng đế cố giữ nét mặt thản nhiên trong khi hoàng hậu có vẻ cảm động rơm rớm nước mắt. Nhìn viên Tổng lý ngự tiền văn phòng Phạm Khắc Hòe cúi mình vái thật thấp Ngai Ngự rồi Ngai Hoàng trong khi Nam Phương không muốn ngó thẳng mặt kẻ vái biệt mình, Bảo Đại tự hỏi không biết họ Phạm kia là người thành tâm với vận nước hay chỉ là kẻ đón gió.

Qua những lần đi lại như thoi đưa với Việt Minh, suốt mười ngày nay họ Phạm dai dẳng thúc giục đức vua thoái vị, trao quyền cho Mặt trận Việt Minh. Dẫn chứng câu sấm báo là của Trạng Trình cách đây 300 năm: “Đụn Sơn phân giải, Bò Đái thất thanh, Nam Đàn sinh thánh”, nghĩa là: “Khi nào núi Đụn Sơn tự tách ra, khe Bò Đái mất tiếng kêu, thì có thánh nhân ra đời tại huyện Nam Đàn”, họ Phạm thuyết phục rằng chính Hồ Chí Minh, người Nam Đàn, là vị thánh nhân đó.

Khi thấy họ Phạm đích thân kiểm tra từng chút một tài sản trong Đại Nội, Bảo Đại đã hỏi thấp giọng:

- Thầy nói cho Trẫm biết việc tái kiểm kê các thứ tài sản để chuẩn bị giao cho chính quyền cách mạng tới đâu rồi?

- Tâu đã hoàn tất. Chỉ là xác nhận bản kiểm kê lập mỗi dịp lễ Phát thức hằng năm. Quý giá nhất vẫn là các đồ vật bằng vàng bạc ngọc ngà châu báu của liệt tiên vương, hiện cất trong

hầm lớn dưới mái sau của điện Càn Thành. Chờ tới lúc Ngải Ngự ban xong Chiếu Thoái vị là trao ngay danh sách cho đoàn đại biểu chính phủ Việt Minh.

Lưỡng lự đôi chút rồi đức vua hỏi băng quơ:

- Không biết những bảo vật này rồi sẽ ra sao nhỉ?

Phạm Khắc Hòe trả lời tươi tỉnh:

- Tâu, đại diện Việt Minh đã cam kết với thần rằng chúng là tài sản văn hóa của dân tộc. Chúng sẽ được chính quyền cộng hòa bảo quản nghiêm minh và đưa hết vào viện bảo tàng.

Thụ lễ cáo biệt xong, Bảo Đại ra lệnh bí thư họ Phạm ở lại để cùng ông duyệt lần chót Chiếu Thoái vị. Nam Phương hoàng hậu rời lầu Kiến Trung, bắt đầu dạo Ngự Viên như mọi ngày. Bà đi thơ thẩn ngắm các hòn giả sơn. Ánh nắng xiên khoai buổi chiều mùa thu không chói chang nhưng cũng đủ làm lấm tấm mấy giọt mồ hôi hai bên thái dương dưới mái tóc búi. Hoàng hậu thở dài, đặt chân xuống con đường sạn dẫn tới chiếc cầu nhỏ bắc qua Tiểu Ngự hà. Những hạt sỏi trên mặt đường cộm cộm dưới đế giày cườm như nhắc nhở Nam Phương rằng đây hẳn là lần cuối cùng còn bước đi giữa khu vườn xinh đẹp này. Chỉ ngày kia thôi, hoàng gia sẽ dời sang cung An Định, bên bờ sông An Cựu.

Trong nắng chiều vàng nhạt, màu trắng của chiếc quần sa tanh và màu đỏ của chiếc áo vóc làm bà nổi bật lên giữa màu tím của Tử cấm thành, màu vàng của Đại nội và màu của ngàn hoa vẫn khoe sắc trong Ngự Uyển. Bỗng dưng hoàng hậu lắc lắc đầu như muốn xua đi giấc mơ đêm qua. Ở một nơi rất xa, trong trời tờ mờ sáng tại một làng nhỏ vùng bắc nước Pháp, và từ một góc thật sâu đâu đó, hình như bà hoặc linh hồn của bà thấy người ta khiêng chiếc quan tài màu đen vào ngôi nhà thờ nhỏ. Những ngọn nến đỏ lung linh. Cha sở mặc áo đen. Bài kinh Requiem đã cũ được ca đoàn áo đen, khăn quàng cổ trắng, hát lên bằng tiếng la-tinh nghe thật buồn tiếc. Chung quanh di thể bà chỉ có mặt mấy người con, hai người hầu và các phụ nữ Pháp. Phải chăng đó là viễn tượng ngày lìa đời của một người không thật sự muốn làm hoàng hậu. Bà không biết. Nhưng trong nắng quái chiều nay, những chiếc áo đen và điệu nhạc cầu hồn ấy nhắc bà nhớ tới chiếc áo thiên thanh và điệu nhạc khiêu vũ mười hai năm trước.

Khi Marie Thérèse Nguyễn Hữu thị Lan cùng người cậu ruột vượt qua mấy đoạn tầng cấp hai bên xếp dọc những chậu cây thiên tuế, đặt chân lên thềm Khách sạn Langbian Palace, buổi dạ vũ đã bắt đầu từ lâu; tua vũ nhạc vừa sang vòng thứ hai. Gió hồ Xuân Hương thổi lên lành lạnh, tỏa vào sương đêm mùi hương hoa cỏ Đà Lạt lan xa từ vườn hoa thành phố dưới chân đồi cù, mé bên kia mặt hồ. Viên đốc lý người Pháp - thị trưởng Đà Lạt - mừng rỡ chạy ra đón hai cậu cháu và vội vàng dẫn vào trình diện nhà vua trẻ đang ngồi hờ hững trong chiếc ghế bành-tô một đầu sảnh đường.

Đó là một đêm mùa hạ năm 1933, thời khắc mở đầu cho cuộc hôn nhân vương giả. Nguyễn Hữu thị Lan khép nép quì một gối, cúi đầu sát sàn nhà, vái chào nhà vua chỉ hơn mình một tuổi. Bảo Đại xao xuyến nhìn vị tiểu thư miền nam với vẻ đẹp sắc sảo phương tây và nét đơn sơ trong chiếc áo dài màu xanh da trời mộc mạc. Cách đây một năm, hai người chung chuyến tàu hồi hương nhưng không có cơ hội quen nhau. Một đảng là quốc chủ một nước. Một đảng là tiểu thư vừa tốt nghiệp trường nữ trung học Couvent des Oiseaux nổi tiếng của Paris, thích thể thao và cuộc sống ngoài trời. Nàng lại thuộc một dòng họ giàu sang nhất miền nam, cháu ngoại vị huyện quan từng bỏ tiền xây một thánh đường tuy không lớn nhưng thuộc loại đẹp

nhất Sài Gòn. Cô tiểu thư ấy không bao giờ có ý nghĩ mình sẽ là hoàng hậu. Tối nay, nể lời người cậu lỡ hứa với thị trường, nàng dự tính chỉ ghé qua cuộc dạ vũ, vái chào đức vua rồi ra về. Vừa lúc người cậu nâng Marie Thérèse đứng lên và nhạc trời tango, nhà vua trẻ hào hoa đưa tay mời ra sàn nhảy. Từ đó, tiếng nhạc dập dềnh ấy đi vào cuộc đời của hai người, và mãi mấy năm sau hoàng hậu mới biết tất cả đều do sự dàn dựng của Toàn quyền Đông Dương và triều đình.

Qua năm sau, Nguyễn Hữu thị Lan nhận lời cầu hôn với điều kiện đám cưới cử hành theo nghi lễ Công giáo, được phong làm hoàng hậu, để ràng buộc nhà vua sống đời một vợ một chồng. Bảo Đại hân hoan đồng ý và ban tặng danh hiệu Nam Phương, bà hoàng miền nam có nhan sắc phương tây.

Về với hoàng triều khi vừa hai mươi tuổi, khoác áo chim trĩ lên người để làm nữ chủ nhân Tử cấm thành, bà dần dà thu phục được lòng mến cảm của tôn nhân phủ vốn sùng bái đạo Phật cùng đạo Tổ tiên, đa nghi đạo Công giáo, và cảm thấy “điềm gở” của hai tiếng “hoàng hậu.” Từ thời Minh Mạng, các tiên vương đã tuân theo di ngôn ngũ bất lập: không lập hoàng hậu, không lập đông cung, không lập tể tướng, không lập trạng nguyên và không phong tước vương. Chỉ tới triều Khải Định, nhà vua mới phong cho hoàng tử Vĩnh Thụy làm đông cung. Và sang triều này, Nam Phương mới được phong hoàng hậu.

Mười một năm làm hoàng hậu, Nam Phương sinh cho đức vua hai hoàng tử và ba công chúa. Thường ngày, ngoài việc giáo dưỡng các con bà thỉnh thoảng phải cùng quan chức bộ Lễ bàn thảo các lễ lạc trong cung đình, lo việc cúng giỗ liệt tiên đế, vấn an các bà Tiên cung và mẹ chồng, bà Từ Cung Hoàng thái hậu. Dần dà, đáng đi uyển chuyển, khuôn mặt thùy mị và giọng nói miền nam mềm mại như chim hót của bà chinh phục được hầu hết triều thần, đặc biệt khi họ thấy bà tuyển cho nhà vua những cận thần chính trực để làm quan nghi lễ hay quan ngự tiền. Họ hiểu ra rằng hoàng hậu muốn nhà vua hành xử đúng với đế hiệu Bảo Đại là xây dựng một “triều đại huy hoàng vĩ đại.”

Nhưng rồi khi thấy những khích lệ của mình không củng cố nổi người chồng thiếu bản lĩnh quân vương, bà bắt đầu can thiệp tích cực hơn và có những hoạt động riêng của mình. Bà hiện diện nhiều hơn trong các buổi đón tiếp quốc khách, tham dự công tác xã hội, thăm các trường học, hội nam nữ hướng đạo, v.v. Bà vận động đưa môn nữ công gia chánh vào học đường và khích lệ các nữ sinh sánh vai với nam giới. Bà cổ vũ tinh thần yêu nước, xem ba miền đất nước cũng chỉ thuộc về một dân tộc. Bà là hoàng hậu đầu tiên của nhà Nguyễn có những hoạt động văn hóa xã hội bên ngoài hoàng thành và tạo được sự trọng nể của đám tây thuộc địa kiểu cách. Khi học giả Trần Trọng Kim thành lập nội các, chính Nam Phương là người gợi ý cho ông đưa nhiều phụ nữ vào các hội đồng chính phủ.

Hai ngày sau khi Nhật đảo chánh chính quyền Pháp ở Đông Dương và muốn Bảo Đại thành lập thể chế quân chủ lập hiến theo kiểu Thiên Hoàng, đức vua đã cùng các thượng thư trong nội các Nam triều đồng ký Bản Tuyên ngôn Độc lập do Phạm Quỳnh soạn; tuyên bố nước Việt Nam đã thoát khỏi sự đô hộ của người Pháp; thống nhất nam trung bắc; và hủy bỏ tất cả các hiệp ước Pháp Việt trước đây. Nhà vua trao cho nhà giáo kiêm học giả Trần Trọng Kim chức thủ tướng và quyền lập chính phủ của Việt Nam. Đây là một chính phủ đa nguyên, với thành phần bộ trưởng hầu hết là trí thức, chuyên gia yêu nước, phát xuất từ các địa phương và các khuynh hướng chính trị khác nhau. Ngày trình diện nội các ở điện Cần Chánh, vị thủ tướng đầu tiên của Việt Nam mừng rỡ khi nghe nhà vua nhắc đi nhắc lại ba chữ “Dân Vi Quý” kèm theo lời hứa từ nay Trẫm đích thân lo việc nước. Chỉ một tháng sau, lời hứa ấy chìm dần vào những cuộc đi săn và những trò tiêu khiển phóng túng quen thuộc của nhà vua.

Nội các của họ Trần bề ngoài gồm những người đủ tài đức nhưng sâu bên trong họ là những trí thức theo chủ nghĩa dân tộc, không làm chính trị theo lối thủ đoạn và họ thật bụng tin người đồng chủng. Trong bốn tháng chấp chánh ngắn ngủi, họ gây được mầm hứng khởi cho trí thức, thanh niên và dân chúng. Họ làm được khá nhiều việc, như phóng thích tất cả chính trị phạm, cải tổ và Việt hóa giáo dục, cổ động và tiến hành bãi trừ quan lại tham ô, phát động phong trào thanh niên dân thân và phục vụ, cổ vũ nữ quyền, xóa nạn mù chữ, v.v. Nhưng đó chỉ là một nội các thời bình, không biết tới hai chữ thời cơ. Họ chưa có kinh nghiệm để có những cái nhìn chính trị thực tế và sâu sắc cùng những biện pháp uyển chuyển trước một Hồ Chí Minh đầy quyền biến mưu lược và là kẻ tự động chọn họ làm đối thủ.

Chỉ mới nghe Mặt trận Việt Minh cam kết đấu tranh cho độc lập tự do của dân tộc và dù chưa biết rõ Hồ Chí Minh là ai, nhưng khi thấy quần chúng tung bừng ủng hộ cờ đỏ sao vàng họ đã cảm thấy mình ở thế yếu. Chưa đầy một tuần sau vụ cướp diễn đàn của Việt Minh tại Nhà Hát lớn Hà Nội, họ phần vì e ngại viễn ảnh một cuộc nội chiến Bắc Nam, phần vì mặc cảm có xuất xứ từ ảnh hưởng của Nhật, đã vội vàng chuẩn bị từ chức. Họ vừa thụ động vừa yên chí chờ Hồ Chí Minh vào Huế lập chính phủ để bàn giao, cũng trong khuôn khổ thể chế quân chủ lập hiến với Bảo Đại tiếp tục làm hoàng đế.

Sau đó, không khí Tử cấm thành chết lặng khi biết ra Hồ Chí Minh chính là Nguyễn Ái Quốc, một phái viên quốc tế bôn-sê-vich, và thể chế sắp tới sẽ là Dân chủ Cộng hòa. Bảo Đại và hoàng gia lo lắng chờ đợi cái chết chắc chắn sẽ xảy tới như của gia đình Nga Hoàng Nicholas II sau năm 1917 hoặc vua Louis XVI cùng hoàng hậu sau cuộc cách mạng Pháp 1789. Cách đây bốn ngày, sau khi đánh điện cho hai Khâm sai Bắc Việt Phan Kế Toại và Nam Việt Nguyễn Văn Sâm bàn giao chính quyền cho Việt Minh, nội các Trần Trọng Kim từ chức. Và mãi tới sáng nay, tại lầu Kiến Trung, nhà vua mới thở ra nhẹ nhõm khi nhận được sự bảo đảm chính thức của chính quyền cách mạng địa phương rằng sẽ không xâm phạm tính mệnh và tài sản của hoàng gia, giữ gìn lăng tẩm, cung điện, đền miếu của các vua nhà Nguyễn. Như vậy có nghĩa, ngay sau khi làm lễ thoái vị, ông phải ra khỏi Đại Nội; những của cải thật sự của cá nhân ông, hoàng hậu và hoàng thái hậu thì được mang theo và tự do sử dụng; còn tất cả các tài sản của Hoàng đế và Triều đình đều thuộc quyền sở hữu của Nhà nước Cách mạng.

Trong khi ngồi nghe họ Phạm đọc từng chữ trong Chiếu thoái vị, Bảo Đại như thấy lại quãng thời gian hai mươi năm làm vua mà thật ra chỉ có mười ba năm trên ngai vàng. Ông tự đánh giá mình không làm lợi gì cho dân cũng chẳng làm hại người nào. Hầu hết tiên vương trước khi làm vua đều được quan thái bảo dạy cho thuật trị quốc an dân, còn ông chỉ là kẻ lớn lên và làm vua trong lòng bàn tay của người Pháp, như một thành phẩm cao cấp nhất của “sứ mạng khai hóa” của họ. Người ta kèm cặp ông, sử dụng ông làm quân bài thì ông lấy việc săn bắn và những lá bài làm vui. Nói cho cùng, ông sống sót.

Không còn đóng vai quân vương, tương lai của ông vẫn ung dung hơn hai huynh đệ khác thuộc chi Hoàng tử Cảnh. Kỳ Ngoại Hầu Cường Để tận tâm tận lực bốn ba cách mạng phục quốc từ ba chục năm nay. Chiêu Thái, thơ hay học giỏi, ngạo khí cao, mộng lớn nhiều, được Pháp đào tạo cùng lượt với ông như chuẩn bị sẵn hai quân bài trong cuộc cờ vua; cuối cùng, lá bài vua rơi vào tay Bảo Đại. Giờ đây, Kỳ Ngoại Hầu long đong ở Nhật còn Chiêu Thái cũng đang xưng vương với triều đình viễn xứ nhỏ như một gánh hát đình miếu, ở vùng Hòa Hưng, Sài Gòn, và sống bằng trợ cấp chính phủ Pháp dành cho kẻ được phong tước “Hoàng tử Thi ca” của Viện Hàn lâm Văn chương Pháp.

Phản mình, ông đã tính toán kỹ lưỡng với viên quan Tổng lý họ Phạm rằng cả hai sẽ lui về đồn điền trồng chè của riêng ông ở Blao. Tại đó ông vui sống điền viên với Nam Phương và các con. Ông sẽ giải quyết sinh kế bằng sản xuất trà và sản bán, vui thú những bữa ăn có thịt rừng. Và biết đâu, thỉnh thoảng còn bán được cộp. Sau khi đã bán cao giá các món da hổ, thịt hổ, răng hổ, móng chân hổ... bộ xương hổ sẽ đặc biệt dành cho gia đình của viên quan họ Phạm kia nấu cao hổ cốt. Già từ vương miện và hài hốt, ông sẽ khinh khoái đuổi theo những con thú trong rừng trên đôi dép râu làm bằng lớp xe và ruột xe được ông cùng tay thanh niên thiện xạ Hồ Gióng ở Đốc Sơ sáng chế, và cả hai thú vị đặt cho nó cái tên là “dép Bình Trị Thiên”.

Dưới mái lầu Ngũ Phụng lợp ngói thanh lưu ly im mát, chạy dài năm cánh suốt chiều ngang bên trên Ngọ Môn đang mở rộng cửa, Hoàng đế Bảo Đại đứng bên cạnh chiếc long kỷ đặt nơi chính giữa, bồn chồn ngóng đợi. Ông đưa mắt nhìn ra khi hai chiếc xe cắm đầy cờ đỏ chờ Trần Văn Kim và phái đoàn Việt Minh vừa xuất hiện khỏi vòm cửa Thượng Tứ trong tiếng hoan hô nhiệt liệt của đồng bào và chạy giữa một rừng cờ đỏ sao vàng vẫy phát phới. Khấp các ngã đường, dân chúng kéo về đây từ lúc hai giờ chiều ngày 30 tháng Tám. Họ đến càng lúc càng đông, lúc này lên tới khoảng một vạn người, đứng chen nhau trên bãi đất thênh thang giữa Ngọ Môn và Kỳ đài.

Từ trên cao nhìn xuống, người ta thấy cả một biển người với đầy đủ màu sắc. Những tà áo tím áo xanh thướt tha giữa những thầy giáo quần đen áo trắng. Những nông dân mặc bộ bà ba sòn mòn năm ba miếng vá đứng giữa những kẻ cổ cùn cà vạt mới toanh và những người khăn đóng áo dài tề chỉnh. Những nam nữ học sinh tuổi xuân môn mơn sát cánh các cụ già bà lão tóc bạc phơ và râu cũng bạc phơ... Rõ ràng mọi tầng lớp xã hội đều có mặt đầy đủ. Đàn ông chọn bộ quần áo mới giặt và thơm tất nhất. Phụ nữ giữ đúng phong tục xứ thần kinh, hở ra đường là mặc áo dài, dù đi gồng gánh bán buôn. Người nào mặt cũng tươi, mắt phấn khởi long lanh như say men, tấm mình trong bầu không khí cách mạng.

Cột cao ba khúc kỳ đài không còn treo cờ đỏ sao vàng. Sáng nay, Ủy ban Khởi nghĩa đồng ý cho treo lại lá cờ trước đó, để làm lễ thoái vị của nhà vua. Lá cờ vàng này ở giữa có ba vạch đỏ: hai vạch bên ngoài liền lạc còn vạch ở giữa bị ngắt đều thành hai, theo hình quẻ Li, và theo cái nhìn dân giả, nó đứt đoạn như một diềm gờ. Màu vàng biểu hiệu cho dân tộc. Màu đỏ và quẻ Li biểu hiệu cho phương nam, thuộc Hỏa. Đây là lá cờ mới xuất hiện từ tháng Tư năm nay, sản phẩm của chính phủ Trần Trọng Kim và được công nhận là quốc kỳ, thay cho lá cờ long tinh của nhà vua. Cùng với lá quốc kỳ mới là bản quốc ca mới, trưng dụng đoàn ca của Tổng Hội Sinh viên Hà Nội, bài “Tiếng gọi thanh niên” của Lưu Hữu Phước, một nhạc sĩ người miền nam có tinh thần chống Pháp.

Khi Trần Văn Kim và phái đoàn tới trước cửa Ngọ Môn, đồng hồ điểm bốn giờ. Hai chiếc xe chạy thẳng vào cửa chính giữa của Ngọ Môn rồi dừng lại dưới chân tường thành Đại Nội, sát mé ngoài của cầu Trung Đạo. Phái đoàn vừa xuống xe, một hoàng thân đứng tuổi cùng Tổng lý ngự tiền họ Phạm trình trọng bước tới, dẫn đường lên lầu. Bảo Đại ra tận đầu cầu thang đón Trần Văn Kim. Ông đứng trong khi nói mấy câu chào hỏi và suốt buổi lễ, ông vẫn đứng cạnh long kỷ. Trái ngược với y phục thứ dân của phái đoàn Việt Minh, vị quốc chủ mặc áo bào vàng thêu kim tuyến, quần trắng, đầu chít khăn đóng màu vàng và chân đi hài vàng có thêu rồng.

Bên cạnh ông, một thượng quan lạnh lợi, phụ trách nghi lễ cung đình, vận hết hơi sức bê chiếc gối nhung bên trên đặt sẵn các báu vật tiêu biểu cho sức mạnh của vương quyền phát tích từ

thời cổ đại: quốc ấn bằng vàng nặng mười ki-lô, và quốc kiếm cắm trong vỏ bằng vàng nam ngọc. Ông đặt chiếc gối lên một mặt bàn phủ khăn đỏ rồi lui ra. Còn Trần VănKim, khi đưa mắt nhìn và bắt gặp vẻ căng thẳng trên bộ mặt của nhà vua cùng ánh lấp lánh của quốc kiếm, anh cảm thấy tim mình đập rộn ràng.

Phái đoàn Việt Minh đến Sân Vận Động Huế lúc hai giờ chiều hôm qua trong cờ xí ợp trời và tiếng reo hò của bốn chục ngàn đồng bào. Sau đó, phái đoàn về nghỉ tại Trụ sở Ủy Ban Cách Mạng Tỉnh tại toà nhà trước đây là Toà Khâm Sứ Pháp, ở mạn nam sông Hương. Từ lúc rời Hà Nội trên chiếc xe tải nhà binh trưng dụng của quân Nhật và vội vã vượt đường trường xuôi nam để vào Huế, tâm trí Kim cứ triền miên ngẫm nghĩ đến giây phút trọng đại này. Con người tượng trưng cho sự hợp tác lâu dài với bè lũ thực dân Pháp, con người tiêu biểu sự sỉ nhục tám chục năm nay tổ quốc gánh chịu, con người đó sắp sửa đầu hàng ngay trước mặt anh và đích thân chuyển giao quyền cai trị. Nhân dân Việt Nam, những kẻ trong thâm tâm bèn rễ sâu xa lòng kính ngưỡng “Mệnh Trời” của hoàng đế, chẳng bao lâu nữa sẽ biết rõ rằng chính đức vua đã nhường cái “thiên mệnh” ấy cho Mặt Trận Việt Minh, nghĩa là giao truyền tính chính thống cho chính phủ của Hồ Chí Minh ở Hà Nội.

Riêng Kim, bản thân anh hẳn vô cùng mãn nguyện khi thấy rõ rằng rốt cuộc, trận cãi vã dữ dội với thân phụ đã đi đến một kết luận dứt khoát: anh đúng và cha anh sai! Các biến cố đã chứng minh điều đó. Giá như lúc này cha anh được phép tham dự để tận mắt chứng kiến sự kiện hoàng đế đầu hàng đưa con trai của ông, kẻ chín năm trước bị ông khinh miệt hạ lệnh đuổi cổ ra khỏi nhà!

Dù quyết định thoái vị dễ dàng của Bảo Đại nhằm nghênh đón việc Việt Minh nắm chính quyền ở Hà Nội được dân chúng ca ngợi nhưng nó vẫn làm sững sốt Trần VănKim và các thành phần lãnh đạo khác của Mặt Trận. Sự việc ấy bắt đầu khi một chiến dịch tuyên truyền được dàn dựng kỹ lưỡng bằng những cuộc biểu tình tuy nhỏ nhưng rất ồn ào. Chúng được tổ chức chặt chẽ, tuần hành qua các ngã đường treo đầy cờ Việt Minh với các khẩu hiệu vừa được may vội vã. Từ đó, chúng lệ làng bùng nổ thành cuộc liên hoan của nhân dân với số người tham dự càng ngày càng đông đảo thêm lên tại các thị thành và làng mạc suốt chiều dài đất nước.

Những đám đông tung bừng ấy không quan tâm tới màu sắc và lập trường chính trị của những kẻ có vẻ như thể trong cùng một lúc, giải phóng nhân dân thoát khỏi tay cả Nhật lẫn Pháp. Họ chỉ biết lòng mình đang rộn ràng phơi phới với độc lập dân tộc, và họ rủ nhau hàng triệu người tuôn ra đường. Còn Bảo Đại, trong cuộc gặp gỡ riêng với đại diện của Ủy ban Khởi nghĩa địa phương tại lầu Kiến Trung vào ngày 25 tháng Tám, ông tuyên bố từ bỏ ngai vàng, ngay khi Hà Nội chưa kịp thành lập chính phủ lâm thời. Kết quả, Kim được chỉ định khẩn cấp dẫn đầu một phái đoàn đi Huế để tiếp nhận sự thoái vị của nhà vua.

Trần VănKim cân nhắc rất kỹ lưỡng. Anh ra lệnh cho các thành viên trong phái đoàn khi tới hội kiến phải mặc quần soóc, áo sơ-mi, đi xăng-đan theo kiểu họ thường mặc trong rừng. Khi xe lăn bánh qua cửa Ngọ Môn, Kim thấy lòng mình rung động mãnh liệt. Cửa chính giữa của Ngọ Môn nguyên thủy chỉ dành riêng cho một mình Hoàng đế. Sáu mươi năm trước, việc một Thống tướng người Pháp đòi đi qua cửa này bị triều đình xem là hành động sỉ nhục quốc thể, và đó là một trong các lý do gây ra cuộc đụng độ quân sự tại Huế, đưa tới cuộc thất thủ kinh thành năm 1885.

Các thành viên của phái đoàn, trong đó hơn một nửa là đảng viên Cộng sản, cùng theo Kim chân bước ung dung, đầu ngẩng cao, quyết tâm chứng tỏ mình không lệ thuộc vương quyền.

Nhưng khi vừa bước lên lầu Ngũ Phụng, nhìn qua bên kia sân Đại Triều Nghi và bất chợt bắt gặp quang cảnh uy nghi của điện Thái Hoà, Kim kinh ngạc nhận thấy trong lòng mình bỗng trôi lên một cảm giác e sợ, có tính phản xạ và tiềm ẩn. Anh đã lớn lên trong đức tin vào sự bí nhiệm của “Mệnh Trời”, được biểu thị trong con người đức vua, đứng cai trị từ Điện Thái Hoà ấy, nơi cạp trắng và rồng xanh cùng trú ngụ trong một trạng thái hoà hợp hoàn hảo.

Lần đầu tiên Kim được lên lầu Ngũ Phụng thuở còn là một cậu bé tuổi rất nhỏ, hồi hộp bủn rủn tay cha khi thấy khuôn mặt xanh xao bồn chồn của Ngài Ngự Khải Định trên bộ y bào lộng lẫy trong lúc cha anh hãnh diện và cung kính vì được nhà vua hạ cố hỏi han. Mười ba năm sau, anh xỉ vả người con của vị hoàng đế ấy là hình nộm mạ vàng - khi anh càng ngày càng tin tưởng tuyệt đối rằng chỉ có Chủ nghĩa Cộng sản Lê-ni-nít mới cứu nổi quê hương thoát khỏi bàn tay của thực dân Pháp. Nhưng lúc này, khi Kim đứng trước mặt Bảo Đại, những bản năng thời thơ ấu đó dường như chiếu dọi trong anh; anh phải cố giữ tinh táo để ngăn không cho mình nghiêng đầu trước một hoàng đế.

Kim có mang theo trong túi quần soóc một huy hiệu Việt Minh nhỏ màu đỏ chính giữa có ngôi sao vàng, với dự tính sẽ gắn lên áo bào của nhà vua như một cử chỉ tối hậu nhằm xác định quyền tối thượng của Việt Minh. Thế nhưng khi nhìn thẳng vào mặt Bảo Đại, anh vẫn giữ thái độ im lặng có tính toán và cân nhắc kỹ lưỡng, cố ý đẩy nhà vua lâm vào tình trạng cực kỳ bức xúc và khắc khoải.

Mở đầu, phụ tá phó trưởng phái đoàn của Kim bước tới mi-crô tuyên bố với dân chúng ý nghĩa của cuộc lễ, loan báo việc Hồ Chí Minh cùng chính phủ sắp ra mắt tại Hà Nội và đọc danh sách chính phủ lâm thời Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Trong tiếng vỗ tay và hô khẩu hiệu kéo dài tới mấy phút của dân chúng, hoàng đế Bảo Đại căng thẳng đưa mắt trông rông nhìn người trưởng phái đoàn. Sau khi liếc mắt bồn chồn về phía vị thượng quan mặc áo the đen đứng gần đó, ông tăng hắng rụt rè. Kế đó, ông mở ra một cuộn giấy và bắt đầu đọc với giọng thật trầm:

“Vì hạnh phúc của dân tộc Việt-Nam,

Vì nền độc lập của Việt-Nam,

Để đạt hai mục đích ấy, Trẫm đã tuyên bố sẵn sàng hy sinh tất cả, và ước mong rằng sự hy sinh của Trẫm đem lại lợi ích cho Tổ quốc.

Nhận định rằng sự đoàn kết toàn thể đồng bào chúng ta vào giờ phút này là một sự cần thiết cho tổ quốc chúng ta, ngày 23 tháng 8, Trẫm đã nhắc lại cho toàn thể nhân dân là: Ở giờ phút quyết định này của lịch sử, đoàn kết có nghĩa là sống, mà chia rẽ là chết.

Chiều đà tiến dân chủ đang đẩy mạnh ở miền Bắc nước ta, Trẫm e ngại rằng sự tranh chấp giữa miền Bắc với miền Nam khó tránh được, nếu Trẫm đợi sau cuộc trưng cầu dân ý, để quyết định thoái vị. Trẫm hiểu rằng, nếu có cuộc tranh chấp đó, đưa cả nước vào sâu hỗn loạn đau thương, thì chỉ có lợi cho kẻ xâm lăng.

Trẫm không thể không ngậm ngùi khi nghĩ đến các tiên đế đã chiến đấu trên bốn trăm năm để mở mang bờ cõi từ Thuận Hóa đến Hà Tiên. Trẫm không khỏi tiếc hận là trong hai mươi năm ở ngôi, Trẫm không thể làm gì đem lại lợi ích đáng kể cho đất nước.

Mặc dầu vậy, và vững mạnh trong sự tin tưởng của mình, Trẫm đã quyết định thoái vị, và Trẫm trao quyền cho Chính phủ Dân chủ Cộng hòa.”

Nhà vua ngừng lại một chút, đưa mắt nhìn thẳng Trần VănKim rồi nhìn từng người trong phái đoàn Việt Minh, giọng ông điềm tĩnh và đầy âm sắc:

“Trước khi từ giã ngai vàng, Trẫm chỉ có ba điều muốn nói:

Thứ nhất: Trẫm yêu cầu tân chính phủ phải giữ gìn lẫm tể và miếu mạo của hoàng gia.

Thứ hai: Trẫm yêu cầu tân chính phủ lấy tình huynh đệ đối xử với các đảng phái, các phe nhóm, các đoàn thể đã chiến đấu cho nền độc lập của đất nước, mặc dù không theo cùng đường hướng dân chủ của mặt trận, như vậy có thể giúp cho họ được tham gia vào sự kiến thiết đất nước, và chứng tỏ rằng tân chế độ đã được xây dựng trên tình đoàn kết dứt khoát của toàn thể nhân dân.

Thứ ba: Trẫm yêu cầu tất cả các đảng phái, phe nhóm, tất cả các tầng lớp xã hội cũng như toàn thể hoàng gia phải đoàn kết chặt chẽ để hậu thuẫn vô điều kiện cho Chính phủ Dân chủ Cộng hòa, hầu củng cố nền độc lập quốc gia.”

Tới đây, giọng nhà vua bỗng run run nhưng trong khi phát biểu ông cố giữ vẻ điềm tĩnh và đĩnh đạc. Tự nhiên Kim chợt cảm thấy xót xa cho tình thế bẽ bàng của ông. Bảo Đại tiếp tục đọc, giọng ông dần dần lấy lại vẻ quả quyết:

“Riêng về phần Trẫm, trong hai mươi năm ở ngôi, Trẫm đã trải qua bao điều cay đắng. Trẫm muốn làm Dân một nước tự do, hơn làm Vua một nước bị trị. Từ nay, Trẫm lấy làm sung sướng được là dân tự do, trong một nước độc lập. Trẫm không để cho bất cứ ai lợi dụng danh nghĩa Trẫm, hay danh nghĩa hoàng gia để gieo rắc sự chia rẽ trong đồng bào của chúng ta.”

Bảo Đại kết thúc với giọng lớn hơn một chút:

- Việt Nam độc lập muôn năm!

Rồi cuối cùng, với giọng nghẹn ngào và căng thẳng, ông thêm:

-Việt Nam dân chủ cộng hoà muôn năm!

Bảo Đại vừa đọc xong Chiếu thoái vị, trên kỳ đài, lá cờ vàng cũ bị hạ xuống. Lá cờ mới tươi như máu đỏ, long lanh năm cánh sao vàng được một đảng viên Cộng sản trong Mặt trận Việt Minh kéo lên, giữa những tràng khẩu hiệu gào lên như sấm sét và tiếng vỗ tay rào rào như mưa bão. Kế đó, đám đông lặng yên nghe 21 phát súng lệnh vang lên, như chào từ giã một quá khứ quân chủ và đón tiếp một kỷ nguyên cách mạng. Tiếng súng lệnh vừa dứt, không nhìn Trần VănKim, Bảo Đại bê chiếc gối trên tay vị thượng quan. Bước tới, ông đặt những vật biểu tượng vương quyền xưa cổ đó lên đôi tay của nhà cách mạng trưởng phái đoàn.

Bất giác Kim sửng sốt khi thấy hai bàn tay mình bắt đầu run rẩy dưới sức nặng của quốc ấn; cây quốc kiếm nam ngọc gần như tuột khỏi chiếc gối, sắp rớt xuống sàn điện. Anh gay cấn xoay khuỷu tay ép thanh kiếm lại, rồi vội vàng chuyển chiếc gối nhưng cho người phó trưởng phái đoàn. Bước tới sát micrô, Kim bắt đầu đáp từ. Cố ý giữ giọng sang sảng để che giấu những cảm xúc rối loạn trong lòng mình:

- Công dân Vĩnh Thụy, thay mặt chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, chúng tôi rất vui lòng chấp nhận quyết định và ba điều thỉnh cầu của ông. Sự thoái vị của ông giải thoát cho nhân dân Việt Nam khỏi những sợi dây nô lệ ràng buộc nhân dân với thực dân Pháp suốt tám mươi năm dài và mới đây thôi, với phát xít Nhật. Sự thoái vị của ông cũng giải thoát cho nhân dân khỏi một hệ thống chính quyền sâu mọt mà từ lâu đã ngăn chặn bước tiến hóa của lịch sử.

Nhìn xuống đám đông đang đứng lan ra tới nhà trưng bày súng thần công gần cửa Thượng Tứ, rồi nhìn lại Cựu hoàng Bảo Đại, Kim cất cao giọng hơn:

- Thắng lợi Cách mạng Tháng Tám này là kết quả của hàng chục năm tranh đấu anh dũng, kiên cường và bền bỉ của nhân dân cả nước. Nhân danh chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, tôi tuyên bố chấm dứt vĩnh viễn chế độ quân chủ, và thêm lần nữa, nhấn mạnh chính sách của chính thể Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là đại đoàn kết mọi tầng lớp quốc dân để giữ nước và dựng nước. Việt Nam độc lập và dân chủ muôn năm!

Bước tới gần nhà vua, Kim thò tay vào túi quần soóc móc ra cái huy hiệu nhỏ. Bảo Đại lặng lẽ ngược nhìn quá trên vai Kim khi anh thọc cây kim vào chiếc áo bào thêu lông lầy. Còn Kim tay run rẩy dữ dội tới độ anh phải mím môi móc lui móc tới mấy lần mới cài được huy hiệu. Và sau cùng, khi Kim lùi lại, huy hiệu lá cờ đỏ có ngôi sao vàng ở giữa lại sút đầu gài, nằm dính lỏng không và lệch lạc trên ngực áo nhà vua.

Trước sự ngạc nhiên của Kim, Bảo Đại đưa bàn tay về phía anh. Trong một thoáng, anh đứng yên ngó bàn tay ấy chăm chăm, sững sờ. Rõ ràng là nó được chìa ra cho một cái bắt tay nhưng Kim biết rằng trong lịch sử từ xưa tới nay, chưa hề có vị hoàng đế nước nào bắt tay thần dân của mình! Thấy Kim hoang mang, Bảo Đại mỉm miệng cười. Và Kim cảm thấy hai má nóng bừng bối rối, lật đật túm bàn tay đang chìa thẳng đó. Khi Kim bắt bàn tay ấy, trong lòng anh những bản năng thời thơ ấu cuối cùng lại thắng thế. Anh chột bàng hoàng thấy mình cúi thấp đầu về phía đức vua trong một cử chỉ thủy chung và tôn phục.

Sau đó, Kim đứng bên cạnh cựu hoàng, trò chuyện và nhìn xuống cả vạn người dân đang hân hoan ngó lên kỳ đài có lá cờ đỏ thắm lượn sóng trong ánh nắng buổi chiều chiều đỏ rực gạch đá kinh thành. Các cán bộ Việt Minh đang đứng chung với quần chúng lại bắt đầu hô khẩu hiệu cho dân chúng hô theo:

- *Hoan hô tinh thần dân chủ của Vĩnh Thụy!*

- *Hoan hô các đại biểu của Chính phủ Lâm thời!*

Kim đưa tay lên quá đầu mình hưởng ứng, mặt nở nụ cười thật tươi tỉnh vì trong lòng đang ngây ngất cảm giác mãn nguyện sâu xa. Khi ngược mắt nhìn lá cờ đỏ như máu tung bay trên đỉnh kỳ đài, anh vẫn không thể rút mình ra khỏi những cảm xúc trái ngược nhau, vừa buồn bã vừa băng khuâng ngậm ngùi khi nghĩ tới thế giới quen thuộc của cha mình, nơi anh lớn lên. Thế giới đó đã bị hủy diệt mãi mãi.

Chờ tiếng hoan hô tung bừng của dân chúng lắng xuống một nhịp, Trần Văn Kim chuyển đến Bảo Đại lời của Hồ Chí Minh mời công dân Vĩnh Thụy ra bắc làm cố vấn tối cao cho chính phủ. Khi nghe Kim dặn dò chuẩn bị ngày đi Hà Nội để ở bên cạnh chính quyền mới, Cựu Hoàng cảm thấy cay cay nơi góc mắt và khắp người lâng lâng một nỗi niềm khó tả. Cuộc đời ông sắp đi vào một khúc quặt mới, và xem ra đoạn đời trước mặt, bên kia ngã rẽ đó, cũng

chẳng có chút nào chủ động, tuy ông vừa thực hiện nghĩa cử quan trọng bậc nhất và đầu tiên trong đời làm vua. Đó là đặt quyền lợi của bản thân và hoàng triều phong kiến dưới quyền lợi của dân tộc đang thời sục sôi cách mạng. Nhưng, thay vì chính thức gọi lời mời đến ông bằng văn bản, vị chủ tịch tự phong ngoài Hà Nội kia chỉ chuyển đến ông một lời mời qua miệng viên phụ tá trưởng phái đoàn. Trần Văn Kim lại không để cho ông kịp trả lời, cũng không mất thời gian trình bày với ông chủ trương đường lối của chính phủ Việt Minh. Anh ta chỉ tự động ấn định ngày đưa ông lên đường. Bỗng dưng Cựu Hoàng mỉm cười buồn bã khi mừng tượng mình trong khúc quặt mới ấy: lại đóng vai trò nghi lễ và đem bản thân làm yếu tố chứng minh tính chính thống của một chế độ!

Bảo Đại đưa mắt hiền lành nhìn xuống những “công dân cựu thần dân” đang đứng vẫy cờ và hô khẩu hiệu trên bãi cỏ giữa Kỳ đài và Ngọ môn. Rồi ông liếc thật nhanh viên cựu quan ngự tiền họ Phạm lúc này đang hít mạnh, uốn ngực và không còn nhìn ông bằng ánh mắt tôn kính. Cựu Hoàng nhìn lên trời và chợt băng khuâng tiếc nuối giấc mộng điền viên chốn đồn điền trà Blao. Ông nén tiếng thở dài khi nghĩ rằng kinh kỳ Hà Nội ba mươi sáu phố phường kia rồi cũng chẳng khác gì Cố đô Huế. Mọi con đường là những lần ngang vệt dọc đan ô thành một bàn cờ, cờ tây hay cờ ta cũng thế thôi, vì loanh quanh trên đó ông chỉ là quân cờ. Dù quốc chủ hay cố vấn, dù thông minh nhạy cảm và vô hại tới bao nhiêu đi nữa, cũng mang thân phận một quân cờ, bị tay người đặt lên hay đẩy tới, để sống cho hết một đời thụ động.

- 13 -

Trong thời gian ấy, dù ở yên một chỗ tại Thái Nguyên, Joseph và nhân viên OSS vẫn biết rõ tin tức những gì đang xảy ra tại Hà Nội và các thành thị khác qua máy truyền tin và đài phát thanh. Rốt cuộc, tới sáng mùng 2 tháng Chín, “Đoàn Hưu” được phép cùng với đoàn du kích quân chót hết đi vào thủ đô miền bắc. Họ không khỏi sững người kinh ngạc trước sự chào đón tưng bừng của dân chúng.

Sau khi đi bộ qua khỏi cánh đồng Phù Lỗ và đặt chân tới vùng ngoại ô, toán OSS lên xe hơi và xe tải không mui chạy vào thành phố, len lỏi giữa những đám đông đang reo hò tởm. Xe chạy qua những đường phố cấm đầy cờ Việt Minh và giăng la liệt các biểu ngữ bằng tiếng Việt Nam, Anh, Hoa và Nga, lặp đi lặp lại các khẩu hiệu:

- *Nhiệt liệt chào mừng quân đội Đồng Minh*

- *Hoan nghênh hòa bình đã tới*

- *Nước Việt Nam là của người Việt Nam*

- *Thà chết còn hơn làm nô lệ*

- *Độc lập hay là chết*

- *Cương quyết đào mồ chôn đế quốc Pháp*

- v.v.

Xe kéo tay và xe điện cũng cấm đầy những câu khẩu hiệu cách mạng giống y như vậy. Lũng lảng bên dưới các cửa sổ và đóng đưa giữa hai hàng cây dọc đường phố lớn là hàng trăm bức

chân dung bằng sơn mộc vẽ thô thiển. Đó là bộ mặt có chòm râu thưa của “Cụ Hồ”, người lần đầu tiên Joseph thấy dật dờ trước mắt mình giữa từng đợt sốt tới mê sảng của tại Pắc Bó tám tháng trước.

Tình cảm dạt dào không bờ bến của quần chúng và sự bất ngờ được bóc lên thành anh hùng dân tộc của những du kích quân xộc xệch từng sống chung với mình gần tháng trời nay trong rừng, làm các toán viên OSS Hoa Kỳ kinh ngạc. Càng đi vào gần trung tâm thành phố Hà Nội họ càng lúc lắc đầu không ngừng, không tin nổi.

Trung úy Hawke nhe răng cười tinh quái với Joseph:

- Có lẽ người ta cũng nên treo hình của đại úy Sherman lên trên đó, kế bên chân dung của Cụ Hồ. Tôi đoán chắc chắn người ta sẽ làm như vậy nếu họ biết chính ông đã cứu cái mạng của cụ ấy bằng một mũi tiêm kịp thời.

Joseph cười lại với vẻ khá hồ hởi. Hawke ngược mắt nhìn chăm chú những biểu ngữ chống Pháp và lấy làm ngạc nhiên:

- Đại úy ạ, tôi nghĩ là lúc này mọi sự đã càng lúc càng sáng tỏ, phải không? Rõ ràng “Lucius” của chúng ta sẽ không để cho bất cứ cuộc tiến quân nào của Nước Pháp Tự Do vào Bắc kỳ khi chính lão ta bày mưu tính kế chi li từ đầu tới cuối những cuộc liên hoan này.

Joseph lơ đãng gật đầu. Khi toán OSS di chuyển chậm chậm qua những đường phố lữ lượt người đi như trẩy hội, anh đang phân chia tâm trí mình ra để cố thấy lại thêm lần nữa trong tiềm thức cái thành phố anh từng thấy chín năm trước đây, trong chuyến viếng thăm với tâm hồn ngất ngây hạnh phúc.

Và Joseph thất vọng vì cũng một nơi chốn đó nay sao hầu như anh không còn nhận ra. Các cửa hàng thanh lịch của người Pháp trên những đại lộ chính giờ đây mặt tiền bị bịt kín bằng ván. Những con đường được đặt tên người Pháp để vinh danh các anh hùng trong cuộc chinh phục thuộc địa nay bằng tên bị hạ xuống, đập tan tành, và thay vào đó bằng bảng tên những anh hùng cách mạng của Việt Nam thời quá khứ.

Joseph để ý thấy Đại lộ Henri Rivière nay trở thành Đại lộ Phan Bội Châu, để tưởng nhớ một nhân vật vận động quần chúng chống Pháp, mới qua đời năm năm trước đây. Đường Mirabel được đặt tên lại là Đường Trần Nhân Tôn, để tưởng nhớ một vị vua của Việt Nam, người đã triệu tập đại hội toàn dân đầu tiên của dân tộc, đó là Hội nghị Diên Hồng.

Trong khu vực ba mươi sáu phố phường, những bảng tên hàng phố màu xanh và trắng bị bôi bỏ phần phụ chú tiếng Pháp, chỉ còn lại phần tên An Nam nguyên thủy viết bằng chữ quốc ngữ, một loại chữ viết đang được cả nước sử dụng, ký âm theo mẫu tự la-tinh mà mắt Joseph không đọc nổi ý nghĩa. Cờ đỏ của Việt Minh phất phới tung bay trong gió nhẹ tháng Chín trên Kỳ đài Hà Nội cao sáu chục thước và những cột cờ trong khuôn viên dinh toàn quyền. Đột nhiên Joseph nhận ra trong hàng ngàn câu khẩu hiệu treo lơ lửng ngang đường phố không có câu nào viết bằng tiếng Pháp.

Hawke hỏi trong tiếng cười gượng gạo:

- Theo như lần trước ông ở đây thì nay cũng khá thay đổi, phải không đại úy? Ngó ông như thể đang muốn quay ngược kim đồng hồ lại. Hay ông vẫn còn băn khoăn về cái lấu cá ma mãnh của lão cáo già “Lucius” có biệt hiệu là “Cụ Hồ”?

Joseph trả lời thoái thác:

- Có lẽ mỗi thứ một chút Dave ạ. Nhưng việc ông ta quyền biến ra sao thì chẳng quan trọng chút nào. Nay đã khá rõ ràng rằng ông ta đang tự nhận mình là kẻ phát biểu cho dân chúng, đúng không? Pháp đã đẩy ả người ta làm thân trâu ngựa trong một thời gian dài dằng dặc. Tôi nghĩ một khi đã đeo đuổi con đường này mà có đôi chút trí xảo thì cũng đáng được tha thứ.

“Đoàn Chim Cút” từ Côn Minh đã bay về Hà Nội mấy ngày trước lúc này đang lập bản doanh trong những lô phòng hạng nhất của Khách sạn Métropole. Chỉ huy trưởng của đoàn, đại tá John Trench, qua máy truyền tin, sau cùng đã chấp nhận cho “Đoàn Hươu” kéo nhau vào Hà Nội.

Khi Joseph và Hawke gõ cửa phòng của Trench, ông đích thân mở cửa. Với tâm trạng vui vẻ, ông cao hứng một tay túm chặt chai sâm banh nguyên chất Perrier-Jouet, một tay vẫy cả hai ngồi xuống quanh chiếc bàn thấp đã bày sẵn ly. Qua cửa hé, họ có thể thấy kỹ thuật viên truyền tin đang dàn linh kiện điện đài trên một chiếc giường trống.

Đại tá Trench vừa hoa tay rót rượu đầy ly vừa nói:

- Chào mừng hai anh tới Hà Nội. Ngay lúc này, có lẽ con mắt của thế giới không ngó ngang gì tới thành phố này - và có lẽ trước đây không một người Mỹ nào bên ngoài khách sạn này từng nghe nói tới nó. Nhưng sâm banh Pháp quá tuyệt vời, ở đây lại có cả đồng - vậy ta cứ thoải mái nâng ly lên mừng chiến tranh chấm dứt!

- Mừng chiến tranh chấm dứt!

Hawke và đại tá uống cạn còn Joseph bước tới cửa sổ, trầm ngâm nhấp ly rượu của mình và đắm đắm nhìn xuống dưới phố.

Từ chỗ này Joseph có thể thấy cái sân thềm nhỏ, trong lần ghé lại trước đây, gần như chiều nào anh cũng viết thư cho Lan khi ngồi thơ thẩn ở đó, bên ly rượu Pernod. Cũng vẫn những chiếc ghế mây và những chiếc bàn mặt đá cẩm thạch đó, bày ngay ngắn bên dưới cũng vẫn những tấm vải bạt có sọc che nắng loại đó. Joseph còn có thể chỉ ra chính xác anh đã ngồi ở góc nào. Âm vang niềm hoan lạc đắm say triền miên quán quít anh thuở ấy giờ đây vắng vắng vọng về. Và trong khoảnh khắc, anh nghe tiếng nói của hai sĩ quan đồng ngũ loáng thoáng tới tai mình:

- ...trung úy này, tôi e chừng anh ta chưa nuốt nổi cái sự kiện mật báo viên “Lucius” mà anh ta tìm ra cho chúng ta trong một hang động nằm đằng sau thác nước nay bỗng chốc trở thành kẻ sẽ là chủ tịch nước... đúng vậy không Joseph?

Tiếng cười ròn rã của đại tá Trench cắt ngang dòng nghĩ tưởng của Joseph. Anh quay mình lại, thấy viên sĩ quan cao cấp ấy đã đứng sát sau lưng:

- Tôi có chuyện trò với ông ấy đôi ba lần. Anh biết không, ông ta vẫn đội cái mũ cối móp méo và mặc bộ đồ ka-ki bạc màu như hồi gặp ở Côn Minh. Việt Minh đã chiếm dinh toàn quyền nhưng Hồ Chí Minh vẫn ở trong một nhà trệt nhỏ trong vườn.

Trench lại phá lên cười:

- Lúc này ông ta vẫn cứ khăng khăng nhất quyết rằng ông ta không phải là một gã cộng sản bôn-sê-vich, và để chứng minh điều đó, ông ta hứa sẽ chung diện đôi chút để đọc bài diễn văn vĩ đại của mình chiều nay tại vườn hoa Ba Đình. Tất cả chúng ta đều được mời thưởng bộ cánh đẹp nhất để đứng chung với ông ta trên khán đài. Joseph này, ông ta có hỏi tôi mấy lần rằng không biết anh có tới đó không.

Joseph cau mày khó xử và hỏi lại:

- Bộ không ai bắn khoăn rằng chúng ta tới đó tức là Hoa Kỳ nồng hậu chúc phúc cho cái mưu đồ chính trị lươn lẹo của ông ấy sao?

Trench thân mật vỗ vai Joseph:

- Joseph, thư thả nào. Hãy cứ có thái độ cư xử như người khách danh dự, được chớ? Không phải ai ở đây cũng được người ta trải thảm đỏ ra mời. Toán “Đặc Nhiệm Số Năm” của Nước Pháp Tự Do vừa từ Côn Minh tới đây liền bị lập tức quản thúc tại gia. Hiện họ vẫn còn bị canh giữ trong toà nhà cũ của họ. Anh không nhớ sao, Tổng Thống Roosevelt trước khi qua đời đã nói với Bộ Chiến Tranh rằng ông nghĩ nước Pháp vất vả Đông Dương đủ lâu rồi. Công việc của chúng ta không phải là giữ lập trường chống lại một chính quyền bản xứ rõ ràng đang có sự ủng hộ của dân chúng. Anh nhìn xuống dưới đó mà coi.

Một đám đông tuần hành vừa đi vừa hô khẩu hiệu và dương cao chân dung của Hồ Chí Minh. Biểu ngữ Việt Minh tràn ngập những con đường dẫn tới vườn hoa Ba Đình. Trong khi đó, dọc theo vệ đường, những đám đông khác đứng hoan hô. Tất cả giống như mọi cuộc biểu tình Joseph đã thấy từ lúc vào đến thành phố. Chúng đều có vẻ tự phát và tự tại.

- Joseph này, mọi sự ở đây rồi sẽ đầu vào đó, vậy anh đừng để cho trí óc bị quấy rầy nữa. Chỉ nội tuần này thôi, lực lượng chiếm đóng của Trung Hoa sẽ tới đây dưới quyền điều động tổng quát của tướng Wedemeyer tại Trùng Khánh. Đang có quyết định rằng người ta sẽ tôn trọng tình trạng hiện nay. Rõ ràng quân Trung Hoa sẽ cướp bóc nhẹ nhàng đôi chút, như họ lúc nào cũng phóng tay như thế, nhưng bù lại, họ sẽ tiến hành việc giải giới và hồi hương bọn Nhật. Nếu anh muốn chăm lo đôi chút cho những người An Nam thân thiết của anh thì có một mảnh đất dư dật cho anh, xa hơn ở phương nam, tại Sài Gòn.

Joseph nhìn thật nhanh viên đại tá khi nghe nhắc tới Sài Gòn:

- Trong đó đang xảy ra cái gì vậy?

- Ngồi xuống đây làm thêm một ly sâm banh nữa rồi tôi nói cho anh nghe về những công việc dành cho anh và trung úy Hawke, hiện đang nằm sẵn trong đầu của tôi.

Joseph sốt ruột chờ trong khi Trench lại múa tay rót thật đầy ba ly rượu. Từ trên mép ghế, anh cúi người tới trước, nôn nóng nghe:

- Các chàng trai OSS của ta vừa từ Calcutta đặt chân xuống Sài Gòn là gọi ngay tín hiệu “cầu cứu” nóng hôi hổi. Các cậu chỉ là một toán ít ỏi có tên “Phân đội 404”, đang tiến hành rất tốt việc xác định vị trí giam giữ các tù binh Đồng Minh nhưng lại điều đứng trên mặt trận quân báo. Trích yếu báo cáo của họ thì tình hình chính trị “lộn tùng phèo và bốc mùi như hủ mắm” và họ dám đánh cược chắc ăn một trăm phần trăm rằng thế nào cũng nổ ra nội chiến.

Joseph ngồi thẳng người trên ghế:

- Tại sao vậy?

- Bắt đầu là như thế này. Khoảng một ngàn rưỡi quân nhân Pháp thuộc Trung đoàn Mười một Bộ binh Thuộc địa vẫn tiếp tục bị nhốt kỹ như cũ còn quân chiếm đóng của Anh thì đang lên đường từ chiến trường Miến Điện-Ấn Độ, phải mất vài tuần lễ nữa mới tới nơi. Lúc này Ủy Ban Nam Bộ của Việt Minh kiểm soát Sài Gòn, nhưng các thành viên của nó đang bận cãi nhau chí chóe. Cách đây vài ngày, họ tổ chức một cuộc biểu tình thật lớn, tuần hành qua các đường phố để mừng việc thành lập Lâm Ủy Hành Chánh Nam Bộ. Rồi, chuyện xảy ra còn hơn một cuộc liên hoan tập thể nữa. Cuộc biểu tình tuần hành ấy biến thành một cuộc dương oai diễu võ của nửa tá các lực lượng võ trang biệt lập nhau, chẳng ai chịu ai.

Trench thở ra, nuốt thêm mấy ngụm sâm-banh:

- Có một gã lãnh tụ cộng sản bôn-sê-vich họ Trần nào đó làm chủ tọa cuộc họp của các phe phái, thay vì để người ta cãi nhau cho hết lý lẽ, hắn lại vỗ vô bao súng lục dọa người ta. Có vài giáo phái kỳ quái tên là Cao Đài và Hoà Hảo hăm he cất cuống họng người nào dám trái ý mình, và một hội kín tội ác được gọi là Bình Xuyên cũng đang cổ nhúng tay vô mọi việc. Hết thấy bọn họ đều vũ trang vì lính Nhật đào ngũ từng bày chui đang bán vũ khí cho ai trả tiền nhiều nhất. Nói chung, “bọn lùn da vàng” chẳng chịu bỏ công tốn sức giữ gìn luật pháp và trật tự. Hầu hết bọn chúng chờ cho xong giờ quân vụ, lập tức vọt thật lẹ vô các quán rượu trong phố Tàu Chợ Lớn nốc cho say khướt.

Joseph hỏi:

- Thế thì dân Pháp ở Sài Gòn phản ứng ra sao?

Trench nhún vai:

- Sự kiện nổi bật nhất là một đại tá của Nước Pháp Tự Do vừa nhảy dù xuống và đang cố điều đình với Ủy Ban Hành Chánh Lâm Thời Nam Bộ để tái lập quyền kiểm soát thuộc địa của Pháp thêm lần nữa. Phân Đội 404 cho biết tình hình tồi tệ hết chỗ nói. Khắp nơi, tượng đài người Pháp bị giật sập. Khoảng hai chục ngàn công dân Pháp lập chướng ngại vật chung quanh nhà ở, và hầu như suốt ngày không dám ra đường. Họ đang cầu nguyện cho quân Anh tới kịp thời, trước khi thân họ bị vằm nát.

Trench dừng lại một chút và bỗng hoác miệng ra cười tới tận mang tai:

- Cả một thùng thuốc súng khốn nạn đang chờ mồi lửa. Phân đội 404 không ai biết nói tiếng An Nam, cũng chẳng có người nào am hiểu Sài Gòn. Tôi nghĩ biết đâu hai anh có thể tình nguyện vô trong đó giúp họ.

Viên đại tá nhìn Hawke:

- Trung úy nghĩ thế nào?

Hawke nốc cạn ly, chếp chếp miệng và đưa ly chờ rót đầy lần nữa:

- Thưa đại tá, sâm banh ở Sài Gòn có ngon như ở đây không ạ?

Đại tá gật đầu, và rót thật nhiều rượu cho tới khi bọt sủi trào ra vành ly.

- Vậy, tôi sẵn sàng lên đường ngay.

Chàng trai Boston nói xong, cười tươi rói, nâng ly rượu đầy ắp lên miệng. Trench đưa chai rượu về phía Joseph, nường lông mày dò hỏi:

- Còn đại úy thì sao?

Joseph đặt ly xuống bàn và đẩy tới trước, mắt không nhìn vị sĩ quan thượng cấp, sợ để lộ ra mặt cơn hưng phấn anh cảm thấy đang bùng lên khắp châu thân. Anh nói thật tỉnh:

- Thưa đại tá, tôi cũng sẽ chẳng nói không.

Ba giờ đồng hồ sau, Joseph đứng bên cạnh đại tá Trench và trung úy Hawke nơi một bao lon mé trên vườn hoa Ba Đình, nhìn xuống một biển cả nửa triệu người Việt Nam tụ tập bên dưới. Khi vị chủ tịch mới mẻ và tự bỏ nhiệm của Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà xuất hiện, trong đám đông rền lên tiếng hoan hô. Hồ Chí Minh mặc áo bốn túi cao cổ màu sẫm. Chòm râu cầm lư thưa rung rung trong gió chiều khi ông bước tới trước máy vi âm. Mắt liếc xuống xấp giấy ghi chép, Hồ Chí Minh bắt đầu nói. Giọng ông rõ ràng và dứt khoát, bằng tiếng của nước mình:

- Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng... Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.

Mắt Hồ Chí Minh rời xấp giấy, ngược nhìn lên và trong một khoảnh khắc phù du, bắt gặp ánh mắt của Joseph. Rồi ông nhìn xuống đám đông:

- Lời bất hủ ấy ở trong bản Tuyên Ngôn Độc Lập năm 1776 của nước Mỹ...

Đằng sau Joseph và viên đại tá, Hawke thấp giọng dịch lại rồi há hốc miệng:

- Sao, nhị vị khoái chí không? Ông ta còn trưng dụng luôn cả bản Tuyên Ngôn Độc Lập của chúng ta để dùng vào việc riêng của mình.

Hồ Chí Minh tiếp tục:

- Bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền và Dân Quyền của Cách Mạng Pháp năm 1791 cũng nói: Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi... Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được. Thế mà hơn tám mươi năm nay,

bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta...

Đám đông vang dậy tiếng gào thét đồng tình. Hồ Chí Minh nhẫn nại chờ cho tới khi tiếng gào thét lắng xuống. Rồi ông tiếp tục cất tiếng, giọng thỉnh thoảng run run xúc động:

- Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào. Chúng thi hành những luật pháp dã man. Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết... Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều... Chúng cướp không ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu. Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những biển máu. Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân...

Hồ Chí Minh cất cao giọng thành tiếng thét phẫn nộ khi ông đọc tới đoạn cuối bản liệt kê tội ác của Pháp, và đám đông không lơ lửng ứng bằng tiếng gào la giận dữ.

- Mùa thu năm 1940, phát-xít Nhật đến xâm lăng Đông Dương để mở thêm căn cứ đánh Đồng Minh, thì bọn thực dân Pháp quì gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật.

Thấp giọng xuống một cách đầy kịch tính, ông nói tiếp:

- Từ đó dân ta chịu hai tầng xiềng xích: Pháp và Nhật. Từ đó dân ta càng cực khổ, nghèo nàn. Kết quả là cuối năm ngoái sang đầu năm nay, từ Quảng Trị đến Bắc kỳ, hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói.

Tới đây, Hồ Chí Minh cúi đầu xuống trước máy vi âm và đám đông chăm chăm nhìn ông, thỉnh thoảng bàng hoàng.

Hawke vừa dịch xong câu đó, Joseph hỏi ngay:

- Có quả thật ông ta nói tới hai triệu?

- Thật đó - hai triệu! Trong một năm nay xảy ra nạn đói từ các tỉnh miền bắc vào cho tới cao nguyên miền trung.

Joseph và các nhân viên OSS khác trên bao lon lắc đầu kinh hãi. Hawke thì thầm ác liệt:

- Một trong các phụ tá của ông ấy nói với tôi rằng dân chúng tại những vùng đó bị mất mùa liên tiếp - nhưng bọn Nhật và Pháp vẫn đòi buộc phải cung cấp đủ con số lúa gạo do chúng ấn định.

Hồ Chí Minh lại nói, thêm lần nữa cất cao giọng thành tiếng thét:

- ... Sự thật là dân ta đã lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật chứ không phải từ tay Pháp. Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần một trăm năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập... Tại đây và lúc này, chúng tôi tuyên bố rằng kể từ hôm nay, chúng tôi thoát ly hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xóa bỏ hết những

hiệp ước mà Pháp đã ký về nước Việt Nam, xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam.

Thêm lần nữa đám đông dân chúng vang tiếng hoan hô những lời đang cất cao của vị chủ tịch mới mẻ. Trong một hai phút, tiếng hoan hô rền vang khắp nơi. Sau cùng, khi quảng trường lắng xuống trở lại, người ta nghe xa xa vẳng tới tiếng động cơ máy bay, và cùng nhau ngược mắt nhìn lên.

Joseph nhận ra hình dáng quen thuộc của phi đội thám thính P-385 thuộc Không đoàn 14 Quân lực Hoa Kỳ đang băng qua bầu trời buổi chiều nắng chói lọi, trực chỉ hướng bắc bay về Côn Minh. Châm chú ngó lên, anh chợt thấy phi đội đột nhiên quành lại, bắt đầu sà xuống thấp để quan sát gần hơn cái đám đông khổng lồ mà lúc nãy, từ cự ly trên cao, phi công đã ghi nhận được.

Ngước mắt lên nhìn các phi cơ đang bay tới gần, Hồ Chí Minh tiếp tục:

- Chúng tôi tin rằng các nước Đồng Minh đã công nhận những nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở các hội nghị Têhêrăng và Cựu Kim Sơn, quyết không thể không công nhận quyền độc lập của dân Việt Nam. Một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng Minh chống phát-xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!

Hồ Chí Minh ngừng nói và lại ngược mắt nhìn lên. Những nền tròn xanh cùng ngôi sao bạc trên cánh và thân máy bay của phi đội P-385 càng hiện ra rõ nét khi đội hình máy bay tới gần hơn, cho thấy đúng là máy bay của Hoa Kỳ. Và người của OSS nhận ra - có lẽ lúc ấy Hồ Chí Minh cũng nhận ra - rằng đúng vào khoảnh khắc thích hợp nhất, chuyến bay thám thính của các trinh sát cơ Mỹ đã đặt vào lòng bàn tay ông một quả may mắn ngoạn mục nữa. Như vậy đối với toàn thể thế giới, những máy bay ấy xuất hiện là để bay biểu diễn qua khán đài nhằm gián tiếp bày tỏ sự ủng hộ của Đồng Minh, dành cho tân chế độ Việt Minh.

Hồ Chí Minh lại thêm lần nữa cất giọng lên thật cao để được nghe rõ hơn, vượt lên trên những tiếng gầm rú của máy bay:

- Vì những lẽ trên, chúng tôi chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà, trịnh trọng tuyên bố với thế giới rằng: Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem hết tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải, để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.

Khi tiếng hoan hô lại bắt đầu rộ lên, Hồ Chí Minh lùi khỏi máy vi âm một bước. Nắm chặt bàn tay đưa lên cao quá đầu, ông chào kiên quyết.

Trước sự ngạc nhiên của đám người OSS, ban nhạc trỗi lên bài The Star-Spangled Banner - Ngọn Cờ Điểm Sao, quốc thiều của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ. Trong khi đó các đoàn dân quân du kích mang vũ khí Mỹ mới toanh, bắt đầu diễn hành qua quảng trường bên dưới. Thấy thế, đại tá Trench cười đưa tay lên lịch sự chào và giữ nguyên bàn tay trong tư thế chào khi các ống kính quay phim chĩa vào ông, thu hình phút giây lịch sử này.

Làm theo vị chỉ huy trưởng, Joseph và các quân nhân OSS cũng đưa tay lên chào. Đám đông cuồng nhiệt vỗ tay khi Chủ tịch Hồ Chí Minh hướng nụ cười rất nồng ấm về phía các ân nhân Mỹ đầy sức mạnh của ông, những kẻ vô tình đóng vai trò quan trọng trong việc đưa ông và những người ủng hộ ông lên nắm quyền lực.

Dù lúc này Sài Gòn không còn là một thành phố thuộc địa và yên tĩnh như Joseph từng biết tới trước đây nhưng anh vẫn nhận ra vẻ thanh thản thuở nào trên chiếc cổng sơn son hình trăng rằm đầy đặn nơi mặt ngoài vòng tường bao quanh cư sở của quan sứ thần.

Anh thấy nó vẫn y nguyên như chín năm trước, không một chút thay đổi. Dưới vòm cổng nhỏ mái cong ấy vẫn treo chiếc chuông đồng ngày cũ. Thậm chí từ trên ghế ngồi đằng sau tay lái chiếc xe díp đậu sát lề đường, Joseph còn có thể ngửi ra mùi thơm nồng nàn, ẩm ướt và ngào ngạt xông thẳng lên tận óc của những chùm cây trái nhiệt đới sai quả cùng những bông hoa đang toả hương từ khu vườn bên trong vòng tường.

Trời bắt đầu xầm xẩm tối. Khi Joseph tắt máy xe, con đường dọc theo hai hàng cây ở hướng bắc quảng trường Nhà thờ Đức Bà bỗng thình lặn hẳn. Trong một chốc sự im ắng ấy làm anh hụt hẫng rồi bỗng có tiếng súng nổ lách tách ở một nơi xa nào đó phá vỡ không khí yên tĩnh và thật kỳ lạ, nhờ thế anh cảm thấy dễ chịu hơn. Anh nhận ra rằng những âm thanh hỗn loạn và xung đột ấy dù sao cũng giúp cho mình cảm thấy bớt đắc tội về quyết định thực hiện chuyến viếng thăm này.

Hai tuần lễ trước đây, kể từ lúc chấp nhận biệt phái vào Sài Gòn, Joseph biết rằng anh không thể cưỡng nổi cơn cám dỗ phải tìm cách gặp lại Lan một lần. Dù biết gần như chắc chắn rằng nàng đã thành hôn với Paul Devraux và dù nhận thấy rõ rệt rằng hành động cố quay ngược chiều kim đồng hồ là một việc làm điên rồ và chẳng chút lợi ích nhưng anh vẫn không thể không đi gặp nàng. Joseph biết rằng xét theo cả hai mặt tình cảm lẫn lý trí, mình nên quên hẳn quá khứ ấy. Nhưng cảm giác tiếc nuối, đăm đuổi và tủi hận từng làm lòng anh quặn thắt trong chiếc máy bay Warhawk đang bốc cháy khi nghĩ rằng mình phải chết mà không bao giờ còn được gặp Lan lần nữa, lúc này đánh dạt mọi lập luận và lý lẽ.

Tại Hà Nội, trong khi sốt ruột chờ lực lượng chiếm đóng của Trung Hoa tới, và tại Côn Minh, trong khi dự những buổi thuyết trình văn tắt, đúng theo qui định chính thức của OSS, về tình hình mới ở Sài Gòn, tâm trí Joseph đã nếm trải trước không biết bao nhiêu lần khoảnh khắc anh sẽ đứng bên ngoài chiếc cổng sơn son này và đưa tay kéo dây chiếc chuông nhỏ kia.

Trước lúc rời Hà Nội, Joseph đã cố tìm cho ra Kim, hỏi anh ta có nhắn gởi gì với gia đình không, hầu tìm cho mình lời biện hộ chính đáng về việc tự động đến thăm gia đình họ Trần. Kim đỏ mặt, cố giấu vẻ bối rối rồi tránh không nhìn Joseph. Anh ta nói thẳng rằng chẳng có gì nhắn, chỉ cần nói cho gia đình biết anh mạnh khỏe và đang hân hạnh được sát cánh với Chủ tịch Hồ Chí Minh chiến đấu cho chính nghĩa độc lập tự do của dân tộc.

Nhưng lúc này, khi vừa rút chân khỏi ghế, sắp bước xuống xe díp, Joseph lại lưỡng lự và chợt thấy lòng đầy tràn phân vân lẫn e ngại. Dù chiếc cổng sơn son còn đóng kín, anh tưởng như mình có thể nhìn xuyên qua nó, thấy rõ hai hàng cau kiểng thân thẳng đứng, mọc đều đặn và lá đan vào nhau thành vòm, vẫn y nguyên như lần anh ghé lại chín năm trước.

Anh thấy thêm lần nữa trong tâm trí mình căn phòng im mát thuở nào với đồ đạc sẫm màu bằng gỗ tẻch và những hoành phi đối trướng trên tường. Ở đó, bên kỷ trà, anh đã choáng váng khi nghe tin Jacques Devraux chết vì bị ám sát, đồng thời gần như trong cùng khoảnh khắc ấy, thấy rõ sự ruồng rẫy của Lan. Và lúc này lại trào lên trong lòng Joseph điều gì đó tuyệt vọng

anh từng cảm thấy trong thời trai trẻ đó. Nỗi tuyệt vọng ấy thêm lần nữa tươi rói với một sức mạnh mới, nhắc cho anh nhớ, một cách cụ thể, rằng cuộc đời của hai người đang đổi thay biết bao trong những năm tháng không gặp nhau vừa qua. Anh giờ đây có vợ và hai con trai nhỏ ở Virginia và Lan lúc này có lẽ cũng đang xây dựng một gia đình vững chãi.

Dù trí óc sôi nổi với những nghĩ tưởng đó Joseph vẫn không cho xe nổ máy trở lại. Ngồi do dự nhìn đăm đăm chiếc cổng sơn son, anh biết rằng một khi đã vào tới bên trong cổng, dù mình có ngõ ngàng và thất vọng tới mấy đi nữa cũng không còn là vấn đề. Anh không thể bỏ đi mà không tìm cách gặp lại Lan, dù chỉ một phút một giây. Anh biết rằng mình không thể tiếp tục sống nốt phần đời còn lại với tâm hồn yên ổn nếu không tìm cách khám phá cho ra rằng những ngày yêu thương xa xưa kia là chân tình của cả hai hay chỉ là cơn mơ điên rồ của riêng anh, và rằng cái cảm giác ám ức và ray rứt triền miên bám riết anh kể từ ngày đánh mất Lan tới nay là một cảm giác có cội nguồn rất thật hay chỉ do anh tưởng tượng.

Một hai phút sau khi kéo chuông, Joseph vẫn không nghe bên trong vang ra âm thanh nào. Có vẻ ngôi nhà im lìm bất động. Anh bỗng tự hỏi tại sao mình lại tưởng sẽ tìm thấy gia đình họ Trần còn ở yên tại nhà này trong khi Sài Gòn đang diễn ra quá nhiều biến động.

Ngày hôm sau khi quân Nhật ở Đông Dương đầu hàng, ngày 14 tháng Tám, các tổ chức Thanh niên Tiền phong, tôn giáo và đảng phái quốc gia tại Sài Gòn thành lập Mặt trận Quốc gia Thống nhất do Hồ Văn Ngà làm chủ tịch, để tìm cách điền vào khoảng trống quyền lực. Vì mặc cảm đa số thành viên của mình trước đây thân Nhật trong khi hiện nay cần chuẩn bị đón tiếp quân Đồng Minh, họ cần một thành viên mới để làm phái viên. Họ nghe nói tới Việt Minh, muốm móc nối và mong được hợp tác với tổ chức ấy dù chỉ mới nghe đồn rằng đó là một mặt trận toàn quốc của người Việt Nam “đánh Pháp đuổi Nhật”, đấu tranh cho độc lập tự do. Một tuần sau, họ tổ chức cuộc biểu tình hai chục vạn người tham dự, với cờ vàng sao đỏ của Thanh niên Tiền Phong bay rợp trời. Mãi tới chiều hôm đó, truyền đơn của Việt Minh mới xuất hiện nhưng có rất nhiều xe cắm cờ đỏ sao vàng, có trang bị loa phóng thanh, chạy khắp Sài Gòn và hô vang khẩu hiệu ủng hộ Việt Minh.

Thế rồi bốn ngày sau, 25 tháng Tám, đột nhiên xuất hiện một Ủy ban Hành Chánh Lâm thời, gọi tắt là Lâm Ủy Hành Chánh, của Việt Minh tại Bồn Kèn trước Hôtel de Ville - Tòa thị chính cũ - được sự ủng hộ của Thanh niên Tiền phong là lực lượng quần chúng chủ lực của Sài Gòn và sự bảo vệ của Bình Xuyên, một hội kín xã hội đen và hung hãn tàn bạo nhất. Ủy ban này gồm 9 người do Trần Văn Giàu, chủ động Xứ ủy Nam bộ của Đảng Cộng Sản Đông Dương, làm chủ tịch, cùng với Dương Bạch Mai và năm sáu vị trí then chốt nằm trong tay những người từng học ở Liên Xô về.

Các đảng viên Mặt trận Quốc gia vừa mới liên kết với Việt Minh và nhượng bộ Việt Minh đều bị loại trừ. Việt Minh huy động nông dân ngoại thành và các tỉnh phụ cận tràn về Sài Gòn dự cuộc mít-tinh vĩ đại ra mắt Lâm Ủy Hành Chánh. Các ngã đường cắm đầy cờ đỏ sao vàng, treo đầy biểu ngữ “Chính quyền về tay Việt Minh”. Người người trùng điệp đông như kiến, đi lại cười nói ồn ào và hô vang khẩu hiệu dưới một đại dương rợp cờ đỏ sao vàng của Việt Minh, làm thành một quang cảnh từ trước tới nay chưa hề thấy. Khâm sai Nam Việt Nguyễn Văn Sâm tuân lệnh chính phủ trung ương ở Huế, bàn giao chính quyền Sài Gòn cho Mặt trận Việt Minh qua Lâm Ủy Hành Chánh. Thế là chính quyền về tay Việt Minh.

Dĩ nhiên Lâm Ủy ấy gặp sự chống đối quyết liệt của các đảng phái quốc gia và các giáo phái. Xung khắc quyết liệt, sắp nổ ra nội chiến. Tổng bộ Việt Minh ở Hà Nội phải cử tới hai cán bộ trung ương vào dàn xếp. Sự kiện quân Anh đang trên đường tới Sài Gòn để giải giới quân

Nhật khiến mọi phe nhóm quốc gia lẫn cộng sản, đệ tam lẫn đệ tứ đều phải ngồi lại với nhau. Họ cải tổ Lâm ủy Hành chánh thành Ủy ban Nhân dân Nam bộ, đưa một luật sư nhân sĩ lên làm chủ tịch. Tuy trong Ủy ban chỉ còn bốn đảng viên cộng sản nhưng Mặt trận Việt Minh ngày càng chủ động vì họ là những cán bộ có huấn luyện và lão luyện, có tổ chức chặt chẽ và không chừa một loại thủ đoạn nào.

Cho tới giữa tháng Chín, cờ đỏ sao vàng đã hoàn toàn thay thế cờ vàng sao đỏ. Dưới màu đỏ thắm ấy là những xung đột hằng ngày; một bên là các đảng phái quốc gia, các trí thức cộng sản đệ tứ và các giáo phái vũ trang, một bên là cán bộ cộng sản đệ tam muốn khuynh loát được sự hỗ trợ của các nhân vật Thanh niên Tiền phong trước đây và đồ đảng Bình Xuyên. Nhưng giờ đây, cả hai bên lại phải đoàn kết với nhau vì có nguy cơ người Pháp đang âm mưu đòi lại chủ quyền để tiếp tục làm chủ nhân ông như tám chục năm vừa qua. Lúc này, Việt Minh hoàn toàn thắng lợi vì chiếm được mặt nổi và tính chính thống. Gạt qua một bên những xung khắc nội bộ, người ta dần dần đồng hóa Ủy ban Nhân dân Nam bộ với Mặt trận Việt Minh Nam bộ.

Hôm qua, chiếc xe chở Joseph và trung úy Hawke từ sân bay vào thành phố lẫn bánh bên dưới các biển ngữ: “Nhiệt liệt hoan nghênh người Anh và người Mỹ - ở đây không có chỗ cho bọn Pháp”. Dọc hai bên đường, những người lính mắt ti hí mặt ủ rù của Quân đội Thiên Hoàng đứng gác trong binh phục bèo nhèo, mũ nhà binh lỏng thong hai mảnh vải che tai và bấp chân quần xà cạp.

Đằng sau họ, trên vỉa hè, những đám đông dân chúng nồng nhiệt chào đón các toán tiền phương của Sư đoàn Mười hai Ấn Độ thuộc Quân đội Anh vừa được không vận từ Rangoon Miến Điện tới với mục đích giải giới và hồi hương lính Nhật bại trận. Trong thời gian chờ đợi lực lượng Đồng Minh tập trung đủ cấp số đảm đương công tác, người ta đành phải trưng dụng bốn mươi ngàn lính Nhật để lo liệu việc tuần tiểu trong thành phố đầy xáo trộn này. Do đó, lính Nhật thực hiện nhiệm vụ bảo an ấy một cách hồ hởi và miến cưỡng.

Không có dấu hiệu màu cờ tam tài của Pháp trong vô số những lá cờ Anh, Mỹ, Trung Hoa và Nga nườm nượp giăng ngang đường phố. Bên ngoài Toà Thị Chính cũ, tọa lạc đầu Đại lộ Charner, nơi Ủy ban Việt Minh Nam bộ dùng làm đại bản doanh, Joseph thấy dân quân Việt Nam đứng gác với vẻ mặt đầy thách thức. Các đơn vị quân đội thuộc địa Pháp vẫn bị giữ chặt bên trong vòng rào kẽm gai của những trại tập trung, nơi quân Nhật đã gom họ vào đó kể từ cuộc đảo chánh của Nhật hồi tháng Ba.

Trên đường Catinat, lúc này được đổi tên thành “Đường Công Xã Paris”, các cửa tiệm của người Pháp từng có thuở rất thời thượng, giờ đây lem luốc và cửa đóng kín mít. Đã bắt đầu xảy ra chuyện hôi của trong các tư gia người Pháp tọa lạc biệt lập tại những khu vực hẻo lánh. Chuyện đó không hề xảy ra suốt sáu tháng vừa qua, kể từ ngày người Nhật giam giữ các quân nhân công chức và cảnh binh Pháp. Đã thấy lác đác đôi ba người, trong số hai chục ngàn thường dân Pháp không bị Nhật giam giữ, bình an đi lại trên đường phố trong tình trạng không có lính da trắng bảo vệ họ. Một bộ phận ít ỏi của Quân đội Anh gồm lính Ấn Độ và lính Népal vừa được không vận đến đã tiếp quản và canh gác phi trường, các nhà máy điện, ngân hàng, đồn cảnh sát. Riêng đại bộ phận chủ lực còn lại của lực lượng Anh đang chờ vận chuyển bằng đường biển, phải vào đầu tháng Mười mới tới Sài Gòn.

Sau khi trình diện bộ chỉ huy đơn vị OSS, Joseph và trung úy Hawke bắt đầu lái xe tuần thám khắp thành phố. Cả hai thấy chợ Bến Thành nằm im lìm vắng vẻ vì Việt Minh ra lệnh đình công phản đối việc viên tư lệnh Anh không chịu điều đình với họ. Đã ban hành lệnh giới

nghiêm suốt ngày suốt đêm nhưng lính Anh không đủ quân số để thi hành đúng mức. Những trận đụng độ nhỏ giữa các toán võ trang người Việt thuộc các phe phái khác nhau do đó, đang trở thành chuyện thường ngày.

Tiếng súng chạm trán kéo dài từ hướng Nhà Thờ Đức Bà làm Joseph quay đầu lại, nghe ngóng. Anh không để ý đằng sau mình, chiếc cổng sơn son hình trăng rằm đang thẫm lặng mở ra một bên cánh bán nguyệt. Khi quay người lại, Joseph thấy hiện ra trước mắt mình bộ mặt vô cảm và trầm trọng của Tâm, anh ruột Lan. Trong một thoáng, cả hai nhìn nhau ngỡ ngàng. Rồi Joseph đỡ chiếc mũ lưỡi trai nhà binh:

- Tâm, tôi đây, Joseph Sherman đây! Anh có nhớ ra không?

Tâm nhìn chòng chọc bộ mặt đang toét miệng cười và cổ áo mang quân hàm đại úy của người Mỹ nhưng không có ý kéo rộng cửa. Anh ta gượng gạo đáp lại bằng tiếng Pháp:

- Có, đại úy Sherman, tôi nhận ra anh. Nhưng tại sao anh trở lại Sài Gòn?

- Tôi được điều tới đây công tác trong một phái bộ của Hoa Kỳ. Tôi mới đi máy bay vào đây hôm qua. Trước đó, ở Hà Nội, tôi có gặp anh Kim ở ngoài đó. Tôi muốn báo cho anh và cha mẹ anh biết tin anh Kim vẫn mạnh khỏe.

Mắt Tâm nheo lại khi nghe nhắc tới tên em mình. Còn ngoài ra, mặt anh ta không lộ phản ứng nào và miệng anh ta không thốt một tiếng. Joseph nói, ngập ngừng:

- Tâm ạ, tôi hy vọng song thân anh mạnh khỏe. Và còn cô Lan em của anh, cô ấy cũng khỏe chứ?

Tâm nói với giọng chán chường:

- Ở Sài Gòn lúc này chẳng ai mạnh khỏe cả. Anh thừa biết trong thành phố này, chỗ nào cũng toàn là sợ hãi.

- Tâm ạ, bỏ qua cho sự đường đột của tôi nhưng tôi nghĩ thế nào quý vị cũng vui mừng khi có tin của anh Kim. Anh ấy nói với tôi rằng đã từ lâu không liên lạc với gia đình.

Tâm tần ngần đôi chút rồi kéo rộng cửa:

- Anh vào bên trong đi. Để tôi hỏi xem mẹ tôi có muốn tiếp chuyện anh không?

Người Việt Nam đóng cổng, gài then cẩn thận xong bước lên trước Joseph, đi về phía ngôi nhà. Trong trời chạng vạng người Mỹ thấy khu vườn ngăn nắp cũ bấy giờ như một vườn hoang. Cây cối mọc lung tung, mặt đất đầy cỏ dại và mặt nước hồ sen đầy rêu phủ kín. Joseph chưa đặt chân lên bậc thềm, Tâm đã biến mất vô trong nhà, để lại anh bứt rứt đứng chờ dưới tầng cấp.

Vài phút trôi qua. Rồi mẹ của Lan xuất hiện nơi ngưỡng cửa, đi như tựa vào vai con trai mình. Không nhìn vào mặt Joseph, bà nói rất trấn tĩnh, bằng tiếng Pháp:

- Đại úy Sherman ạ, sau những gì đã xảy ra giữa anh và con gái tôi, tôi rất lấy làm ngạc nhiên khi thấy anh còn đủ liều lĩnh để quay lại đây. Sở dĩ tôi ra đây tiếp chuyện chỉ vì Tâm bảo với tôi rằng anh có tin tức về đứa con trai của tôi.

Dưới ánh chiều nhạt nhoà Joseph bỗng đứng thấy vóc dáng mảnh mai của người phụ nữ Việt Nam ấy giống với con gái bà lạ lùng. Trong bộ đồ thêu sậm màu cao kín cổ và ở độ tuổi trung niên, bà vẫn đẹp tuyệt vời. Bà đứng đó, mắt nhìn xuống, hai bàn tay buông trước thân mình và xoắn vào nhau. Đứng sau bà, xuyên qua cửa khép hờ, Joseph có thể nhìn thấy những ngọn nến đang cháy leo lét trên bàn thờ gia tiên như thể anh vừa làm lỡ dở buổi tụng kinh chiều của bà.

Joseph bắt đầu nói, giọng tần ngần:

- Madame, cháu xin lỗi. Cháu không hiểu...

Bà ngược mặt nhìn thẳng giữa hai mắt của Joseph. Lúc đó anh nhận ra nét mặt bà sẵn lại với vẻ thù nghịch không thể che giấu:

- Xin anh vui lòng cho biết anh có tin tức gì về Kim?

Joseph nói thật nhanh:

- Cháu làm việc chung với anh ấy suốt một tuần lễ ở mạn bắc Bắc kỳ. Kim là một phụ tá hàng đầu của Hồ Chí Minh và được đánh giá rất cao. Lúc này anh ấy đang công tác cho chính phủ mới ở Hà Nội.

Đôi mắt người phụ nữ Việt Nam ánh lên vẻ đau đớn. Bà quay đầu sang chỗ khác, im lặng. Joseph vẫn nói nhưng trong giọng nói của anh chồm lên vào chút liều lĩnh tuyệt vọng:

- Cháu hy vọng Monsieur Trần VănHiếu mạnh khỏe. Còn Lan, thưa bà, lúc này cô ấy ra sao rồi? Cô ấy có kết hôn với người bạn tốt Paul Devraux của cháu không ạ?

Quay lại nhìn Joseph lần nữa, Madame Hiếu cố nén những giọt lệ bắt đầu ứa ra trong góc mắt:

- Có, đại úy, nó đã thành hôn. Cả hai được một cháu trai.

Joseph cố mỉm miệng cười:

- Thật tốt lành quá! Và cả hai có đang ở Sài Gòn không ạ?

Không còn kềm nổi nước mắt, Madame Hiếu nhắm mắt và quay đầu, áp mặt vào vai con trai. Tâm vừa vòng tay che chở mẹ vừa nói:

- Đại úy ạ, cả nhà chúng tôi hiện sống trong tình trạng cực kỳ căng thẳng. Sau ngày thành hôn, Lan với chồng sống ở Sài Gòn, nhưng sáu tháng trước đây, thiếu tá Devraux cùng hết thấy quân nhân Pháp đều bị người Nhật giam giữ. Lúc này, anh ấy vẫn ở trong tù. Sau ngày chồng bị bắt, Lan và con trai về đây lánh nạn, sống chung với cha mẹ và gia đình tôi.

Cổ dần lòng xúc động, Joseph hỏi:

- Có thể cho phép tôi được gặp Lan không ạ?

- Lan không còn ở đây nữa, đại úy. Nó và cha tôi bị người ta đâm trúng trong cuộc hỗn loạn bạo động hôm mít tinh mừng ngày độc lập.

Joseph hoảng hốt ngó người Việt Nam:

- Đã xảy ra chuyện gì vậy?

- Việt Minh tổ chức một cuộc tuần hành rầm rộ để mừng lễ tuyên bố độc lập ở Hà Nội. Cha tôi và Lan đi xem, rồi hỗn loạn bùng nổ chung quanh Nhà thờ Đức Bà. Một linh mục Pháp bị bắn ngay nơi tầng cấp nhà thờ. Cha tôi và Lan bị đám đông xô lấn, đẩy té xuống đất, rồi bị người ta đạp lên trên khi họ bỏ chạy tán loạn.

- Vậy, lúc này cả hai người đang ở đâu?

- Cha tôi nghỉ ngơi ở đây, tại nhà này, còn Lan vẫn nằm trong nhà thương. Nó bị chấn động não và hôn mê một thời gian.

Joseph lo lắng hỏi:

- Cô ấy ở nhà thương nào vậy?

Madame Hiếu cất bộ mặt đầm đìa nước mắt khỏi vai con trai mình và ngó thẳng mặt Joseph:

- Tôi cảm anh tìm cách gặp con gái tôi. Nó không muốn gặp lại anh. Anh gây bất hạnh cho nó như vậy đủ rồi. Chỉ mai một thôi nó sẽ xuất viện. Lúc đó, cả nhà chúng tôi đi khỏi thành phố này ngay.

Lời lẽ dữ dội của bà làm Joseph sững người. Anh trở vợ ngó người phụ nữ Việt Nam:

- Madame, cháu không hiểu bà có ý nói gì.

Tâm nghiêm giọng nói:

- Đại úy, em gái tôi không muốn gặp anh. Tôi nói như vậy hẳn đã quá rõ cho anh.

Joseph lắp bắp:

- Tôi xin lỗi. Nếu tôi có thể giúp được gì thì...

Giọng anh kéo dài lê thê và anh choáng váng quay mình. Đi được mấy bước, anh nghe đằng sau có tiếng Madame Hiếu gọi nhỏ tên Joseph. Bà hỏi với đôi mắt ràn rụa:

- Đại úy Sherman, con trai tôi có nhắn gì cho tôi không?

Joseph lưỡng lự rồi nói thật chậm:

- Anh ấy yêu cầu cháu nói với bà rằng anh ấy sung sướng được góp phần mang lại độc lập và tự do cho dân tộc.

- Nó còn nói gì nữa không?

Bà khắc khoải dò chừng vẻ mặt của Joseph trong khi môi run run ngóng câu trả lời của anh. Và Joseph trả lời, không biết tại sao mình lại nói dối:

- Kim nói rằng anh ấy rất buồn vì đã lâu năm không được gặp mẹ. Kim nói anh ấy ngày nào cũng nhớ tới bà.

Madame Hiếu đưa hai tay ôm mặt, quay mình trở bước vào nhà, để lại tiếng khóc nức. Tâm ra hiệu cho Joseph đi ra cửa và nói:

- Đại úy ạ, tốt nhất anh nên đi ngay. Và vì mẹ tôi, xin anh đừng bao giờ tới nhà này nữa.

- 15 -

- Chúng tôi không ngần ngại khi vì đạo mà cứu đời và vào đời để hành đạo. Đức Thầy ạ, ngài cũng thừa biết rằng đạo là nguyên lý điều hòa vũ trụ, là bản thể của vạn vật, là khởi điểm và cùng đích của nhân sinh; cứ theo đạo mà vận hành là đạt cứu cánh. Thời buổi này như trong Phong Thần diễn nghĩa nên phía Xiển giáo sẵn sàng tuân mệnh trời, phò chính nghĩa để đối đầu với bọn Triệt giáo đang tâm nghịch mệnh trời, phò bạo tàn. Chính Đức Thầy cũng thường nhắc câu nói bi trí dũng vô lượng của nhà Phật: Ta không vào địa ngục thì ai vào.

Hộ pháp Phạm Công Tắc nói với người ngồi đối diện bằng giọng chững chạc và trầm tĩnh. Thấy câu chuyện không còn liên quan tới mình, Phan Văn Hùm đứng dậy. Từ một lỗ tò vò sát mái Đình Ông Cọp gần chợ Phú Nhuận, anh ló đầu ra, ngó xuống mặt đường, xem Trần Văn Thạch tới chưa. Con mưa Sài Gòn chưa hết nặng hạt, lẽ đường còn lênh láng nước nhưng đã xuất hiện cả trăm dân quân võ trang bằng tầm vông vọt nhọn, giáo sắt và súng trường mua hoặc lấy của Nhật. Họ chia làm ba toán nhìn theo ba hướng. Một ngó dọc con đường vào nội thành chạy quá tới bên kia cầu Kiệu. Một ngó thẳng ra cánh đồng trống tiếp giáp cù lao Trung nước, đối diện với Đa Kao ở mé bên kia kênh Nhiêu Lộc. Toán thứ ba ít hơn, ngó về phía ngã tư Phú Nhuận chạy thẳng tới sân cù. Sau lưng nhà học giả 43 tuổi đời họ Phan, linh hồn của nhóm Tân Tả Phái kể từ ngày Tạ Thu Thâu bị dân quân Việt Minh thảm sát tại Quảng Ngãi, cuộc trao đổi giữa hai vị giáo chủ một già một trẻ tiếp tục; xen kẽ các câu nói điềm đạm là những khoảnh khắc im lặng sâu lắng.

Người già có đôi trán cao, sống mũi cương nghị, đôi mắt tinh anh và định tĩnh. Khắp người toát lên vẻ sâu sắc và uy nghi của một vị Hộ Pháp 55 tuổi, kiêm Quyền Giáo tông của một tổ chức có hai triệu tín đồ, qui tụ đông đảo ở vùng Tây Ninh và miệt Tiền Giang. Hai mươi năm trước, Đức Cao Đài giáng khai một tôn giáo mới khi nhận thấy các tôn giáo lâu đời không còn bắt kịp thời nay. Bằng cổ vũ sự tôn thờ Đấng Thượng đế Chí tôn, đạo Cao Đài có hoài bão khôi phục nền luân lý trên căn bản kết tập những tinh hoa trong các nội dung Phật của Phật giáo, Tiên của Lão giáo, Nhân của Khổng giáo, và thêm vào đó Thánh của Thiên Chúa giáo và Thần của Thần đạo. Mục đích chính nhằm phổ độ chúng sanh trong Đệ tam kỳ Hạ Nguyên này để chuẩn bị Hội Long Hoa, một thời điểm được đề cập tới trong hầu hết kinh sách của các tôn giáo và là lúc những người sùng tín hiển minh đạo đức được sống trong một thế giới tràn đầy hạnh phúc. Với qui pháp cụ thể, đạo qui đạo lệnh nghiêm khắc và những giao tiếp chặt chẽ với thế giới thượng thiên bằng cơ bút, Cao Đài nhanh chóng thu hút được sự tham gia đông đảo của giới điền chủ, hào lý, tá điền, công chức và quan chức phủ huyện. Khi đất nước

còn trong tay ngoại nhân thì lòng đạo không thể tách biệt với nỗi đời, nên Cao Đài dần thân vào cuộc thế, tham gia tích cực Việt Nam Quang Phục Hội do Kỳ Ngoại Hầu Cường Để làm hội chủ. Và tình trạng chính trị sau ngày Việt Nam Quốc Dân Đảng thất bại lại khiến người ta tìm tới với đạo nhiều hơn.

Người Pháp rồi cũng nhận ra tình yêu nước lai láng trong những bài thơ giảng cơ, lời tổ chức giống Công giáo La mã với Tòa Thánh ở Tây Ninh và lồng vào hệ thống hành chánh khắp ba kỳ, nếp sinh hoạt tự xử lý nội bộ như một nhà nước độc lập, nên vào lúc bắt đầu Thế Chiến Hai, họ ra tay. Năm 1941, Phạm Hộ pháp cùng sáu chức sắc cao cấp bị Pháp đày đi đảo Madagascar ở châu Phi, mãi tới tháng vừa rồi mới được Nhật đưa về. Sự bách hại của Pháp đã đẩy Cao Đài vào thế phải tiếp cận với đạo quân của Thiên Hoàng dù biết rằng chủ nghĩa Đại Đông Á hẳn chỉ là khẩu hiệu đầu môi chót lưỡi của phát-xít Nhật. Cũng nhờ quan hệ ấy, Cao Đài có được hai vạn người được Nhật huấn luyện. Và nay, khi Nhật thua trận, những người ấy trở thành một lực lượng sẵn sàng quyết tử nếu người Pháp đặt trở lại bàn chân thực dân để làm chủ nhân đất nước này.

Người được Phạm Công Tắc gọi Đức Thầy là một thanh niên mà sáu năm trước, lúc mới 19 tuổi đã lập nên Phật giáo Hoà Hảo với hơn hai triệu tín đồ, hầu hết là nông dân vùng Thất Sơn Châu Đốc và miệt Hậu Giang. Chờ cho Phạm Hộ pháp ngưng nói để chiêu một ngụm nước trà còn bốc khói, Huỳnh Phú Sổ đặt ly nước lạnh đang cầm trong tay xuống bàn và trình bày nhỏ nhẹ:

- Tôi cũng thấy trước là những năm sắp tới thế nào cũng xảy ra “khỏi trùm mặt đất nơi nơi, cửa nhà cây cỏ toi bời sạch tan,” nên trước khi tránh không khỏi cảnh thương tâm đó, tôi tâm niệm rằng chúng ta nên đoàn kết giữa người Việt để làm nhát bót cảnh máu đổ thịt rơi. Ngài cũng biết rằng đồng bào ta và ta có một liên quan mật thiết, không thể rời nhau, chẳng thể chia nhau và chẳng khi nào có ta mà không có đồng bào hay có đồng bào mà không có ta. Việt Minh dù lấn lướt hoặc ác tâm tới mấy đi nữa thì cũng là đồng bào ruột thịt với mình. Họ có sai lầm tới mấy đi nữa thì cũng có thể bàn lui tính tới với nhau. Và chúng ta không còn cách nào khác hơn là ngồi lại chung bàn để cùng ngăn bước chân của bọn tây dương mà chỉ ngày mai ngày một là người Anh để cho chúng tìm cách chiếm lại Sài Gòn trong tay của dân mình.

Cổ cao ba ngón, đôi lông mày thường nhíu lại đăm chiêu và khuôn mặt thông minh đỉnh ngọ, Huỳnh Giáo chủ thanh tú trong bộ đồ bà ba đen tương phản với y phục trắng của Phạm Hộ pháp. Mấy tháng trời bị Pháp nhốt trong nhà thương điên ở Chợ Quán không ảnh hưởng chút nào lên trí óc linh mẫn của ông. Ngược lại, ông ngồi viết hàng ngàn câu Sấm Giảng và cải giáo cho viên bác sĩ bị sai tới “chữa bệnh điên” cho mình. Xuất thân từ một gia đình hương chức mà thân sinh nguyên là người Công giáo bỏ đạo, người thanh niên họ Huỳnh này, theo như truyền thuyết, sau những ngày ốm đau tưởng là đời, đã được linh hồn của Đức Phật Thầy chuyển vào.

Một trăm năm trước đây, trong khung cảnh miền nam khai hoang với những lưu dân tứ tán, sống trong điều kiện phong thổ khắc nghiệt, tính người chưa thuần, quan lại hà hiếp, trộm cướp chèo ghè đi quanh theo mùa nước nổi, và thường bị người “thổ” Cao Miên cướp phá hãm hiếp, v.v. tu sĩ Đoàn Minh Huyên xuất hiện với khả năng chữa bệnh, tổ chức khẩn hoang lập ấp và thuyết giảng đạo lý. Từ đó xuất hiện Bửu Sơn Kỳ Hương như một tôn giáo hộ quốc và người khai sáng cũng là nhà ái quốc họ Đoàn ấy được dân chúng tôn sùng là Phật Thầy Tây An, với lời lưu truyền rằng hồn của Đức Thầy sẽ liên tục nhập vào các hoạt phật kế tiếp nhau để thường trực ở mãi với chúng sinh cho tới ngày Hội Long Hoa.

Bằng chữa bệnh, trừ tà và những bài thơ mộc mạc đầy đạo tính, Huỳnh Giáo chủ hướng những tín đồ Phật giáo đi theo mình báo đáp Tứ Ân: ân tổ tiên cha mẹ; ân đất nước; ân Tam bảo Phật Pháp Tăng; và ân đồng bào nhân loại. Giáo thuyết huyền vi của Phật Thích Ca cũng được giản lược, chỉ nhấn mạnh trên sự bài trừ ba nghiệp chướng Thân, Khẩu và Ý, cùng đi theo Bát Chánh Đạo. Kinh sách là một tập Sấm Giảng gồm hàng trăm bài thơ khuyến giáo và khuyến thiện của Đức Thầy. Không có tầng lớp tăng lữ. Không lập chùa chiền. Chỉ dựng Độc Giảng Đường nho nhỏ ở mỗi làng xã làm nơi tụ họp và để mỗi sáng mỗi chiều huynh đệ tỉ muội đọc cho nhau nghe lời Sấm Giảng của Đức Thầy. Nghi lễ không dùng tới các hình tượng, không tụng kinh gõ mõ mà chỉ cúng nước lạnh, bông hoa và nhang. Trên bàn thờ chỉ trang trọng đặt một tấm vải nâu, gọi là trần dãi; thờ Đức Phật, tổ tiên, ông bà cha mẹ và đặc biệt, các vị anh hùng của đất nước. Chỉ trong vài chục năm vui với mùi đạo từ Bửu Sơn tới Hoà Hảo, cuộc sống miền tây thay đổi hẳn, với những người dân bộc trực, tín nghĩa, không uống rượu, không hút thuốc phiện, không ăn thịt trâu bò, làm ruộng cực giỏi, sống thành đoàn ngũ và tham gia hết mình các cuộc khởi nghĩa chống Pháp, trong đó có các đạo nghĩa quân của những vị anh hùng như Thiên hộ Dương, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Hữu Huân...

Thế rồi truyền thống nhập thế với ân đất nước và việc thờ anh hùng dân tộc cũng không tránh khỏi con mắt cú vọ của Pháp. Nhất là sau cuộc thất bại của Nam kỳ Khởi nghĩa và sự mất lòng tin vào phương pháp cộng sản cùng các cán bộ cộng sản lãnh đạo cuộc khởi nghĩa đó, dân chúng hướng về Phật giáo Hoà Hảo. Thế Chiến Hai nổ ra, Pháp lo sợ vì đang ở thế kém Nhật và để phòng ngừa bạo loạn, họ bắt hàng ngàn người, tôn giáo có, dân tộc có, cộng sản có. Khi Phạm Hộ pháp bị đày sang châu Phi, Phan VănHùm bị chở ra đảo Côn Lôn thì Pháp đưa Huỳnh Giáo chủ lên nhà thương điên ở Sài Gòn. Sau đó họ đem ông về an trí ở Bạc Liêu. Cách đây ba năm, khi Pháp tính hạ ngục Đức Thầy thì ông được người Nhật bảo trợ. Từ đó, trong khi buộc lòng phải tiếp nhận sự giúp đỡ của Nhật, tín đồ Hoà Hảo bắt đầu mài dao rèn kiếm tính chuyện cướp chính quyền.

Chờ mãi chưa thấy Trần VănThạch tới, Phan VănHùm quay mình trở lại bàn họp. Anh mỉm cười khi thấy búi tóc của Huỳnh Phú Sổ. Vị giáo chủ thanh niên thường tự xưng là Đạo Khùng, Đạo Xեն ấy để một búi tóc trên đầu, được ông giải thích là có ý giữ kỷ niệm phong tục cũ của tổ tiên và tỏ cho thiên hạ biết mình không chịu ảnh hưởng của tây. Một già một trẻ, một quần áo trắng như tiên ông, một mặc bà ba đen như tu sĩ tại gia ở nông thôn. Nhưng trong cái vẻ siêu thoát mộc mạc và định tĩnh của cả hai hàm chứa một quyết tâm bất hoại, vì đời mà mang đạo đấu tranh cho độc lập của dân tộc, cho quyền được làm người tự do.

Người trí thức Phan VănHùm chỉ có con tim, khối óc và cây bút, còn hai vị giáo chủ ngồi đây mỗi người làm chủ một đạo quân. Mỗi đạo quân đông đảo, hàng chục ngàn người, có đầy đủ tướng lãnh, sĩ quan chỉ huy và vũ khí trang bị gồm súng ống mua của bọn Nhật hay được chúng tặng từ mấy năm nay. Và trên tất cả những quân khí ấy là lòng yêu nước được nâng cao thành bất tử với một niềm tin vững bền vào giáo chủ và tôn giáo của mình. Mỗi người trong đạo quân ấy đứng ở tâm điểm của chiều ngang là đồng bào đất nước và chiều dọc là tổ tiên và đạo pháp. Cùng chiến đấu với họ là quốc hồn quốc túy, thần thánh tiên Phật và tiền nhân liệt sĩ. Đối với họ, cái chết chỉ là một bước nhảy từ cõi đời này lên bàn thờ kia trong niềm ân phúc được sinh vi tướng tử vi thần. Sống làm nghĩa dân tận lực khuông phò xã tắc; chết thành thần nhân linh nghiệm phù hộ nhân dân.

Nhìn hai vị giáo chủ đầy quyền uy ấy, bất giác Phan VănHùm nghĩ tới bản thân. Những ngày học trường Công Chánh ở Hà Nội, lưu lạc ở Huế sống với vợ chồng Đào Duy Anh và được gần gũi cụ Phan Bội Châu. Bốn năm lưu li sang Pháp học triết ở Đại học Sorbonne rồi ngả

theo tư tưởng cộng sản Quốc tế Đệ tứ, sau đó trở về Sài Gòn vừa dạy học vừa hoạt động. Những ngày tù đầy khổ sai, bị sỉ nhục, bị tra tấn, kết Khảm Lớn tới đảo Côn Lôn. Anh vượt qua được tất cả những gian nan lưu lạc ấy có lẽ nhờ vào niềm tin sắt đá ghi trong tâm khảm rằng người trí thức của một xứ sở nhược tiểu không thể không thao thức với những vấn đề của đất nước và có nghĩa vụ dấn thân vào hành động, một cách tỉnh táo và quyết liệt, để phục vụ đồng bào và dân tộc, để cải tạo môi trường sống thành một chốn tốt đẹp hơn cho mọi người. Cùng với người anh xem như anh em là nhà cách mạng Nguyễn An Ninh, người bạn thông minh tuyệt luân Tạ Thu Thâu và ngòi bút bình luận sắc sảo Trần Văn Thạch, Phan Văn Hùm đã làm tờ La Lutte, rồi từ đó, được bầu vào Hội đồng Quản hạt Nam kỳ.

Đôi khi anh tự nhủ tại sao mình lại lao vào trường đấu tranh và cứ thế đi miệt mài qua bao năm tháng. Thật sự mà nói, tuy theo Tân Tả Phái nhưng khi đọc sách của Marx, của Trotsky anh thấy có nhiều lần cần. Lý thuyết cộng sản là phôi sản của lý thuyết Do-thái-Kitô-giáo qua sự thông giải của các nhà thần học kinh viện và các trí thức, triết gia châu Âu bị ám ảnh bởi giấc mơ cứu thế, quỵen với sự mất niềm tin vào tư bản chủ nghĩa, giáo hội Công giáo La mã và tầng lớp tăng lữ. Nhưng hình như cái giá trị nhất của nó chỉ dừng ở chỗ phê phán rất ráo tu bản chủ nghĩa; những người sản sinh ra chủ nghĩa Marx gần như không có đông phương học, đặc biệt phi tâm linh. Như thế, phải chăng chỉ hữu ích cho người Việt khi biết du nhập nó với một tinh thần phê phán, chất lọc, lấy ra những gì thích hợp với xã hội Việt Nam cổ truyền và đương đại; lúc ấy mới tránh khỏi tình trạng toàn trị và vết xe sắt máu của cuộc đại khủng bố những năm ba mươi tại Nga và những gì xảy ra tại Hoa Nam, Nghệ Tĩnh và trong cuộc Nam kỳ Khởi nghĩa.

Thành thật mà nói, anh đọc sách, học hành, nghiên cứu chỉ cốt để nỗ lực tìm kiếm một tổng hợp tư tưởng đông tây cho dân tộc mình. Văn hóa Việt vốn chịu ảnh hưởng của cả hai nền văn minh Hoa và Ấn, nay nếu bằng các nào đó, dung hợp được những giá trị tích cực của châu Âu, nó sẽ trở thành nền tảng và chìa khóa giải quyết các vấn đề trọng đại lẫn cấp bách của dân tộc. Thế nhưng càng đi sâu vào học thuật anh càng thấy mình thiếu sót, càng suy nghĩ càng thấy chưa thấu đáo vì câu hỏi bao giờ cũng chứa đựng dôi dào nội dung hơn câu trả lời. Phải tìm tòi thêm nữa để ngấm thật sâu, để chết đi trong tư duy mới có thể phục sinh trong tư tưởng, dù anh đang có trên kệ sách mấy cuốn của mình đã xuất bản, trong đó gồm những công trình nghiên cứu về Biện chứng pháp, Phật giáo, tâm học Vương Dương Minh, v.v.

Trong khi anh đang từ Tân Uyên, Biên Hoà xuống Sài Gòn chữa bệnh phù thũng, di căn ngực từ Côn Lôn, và dự tính trong thời gian này sẽ tiếp tục việc nghiên cứu triết học thì nổ ra chuỗi biến động từ một tháng nay. Nhất là khi Ủy ban Hành chánh Lâm thời của Cộng sản Quốc tế Đệ tam xuất hiện cướp chính quyền, rồi sau đó bị trung ương Mặt trận Việt Minh bắt phải cải tổ thành Ủy ban Hành Chánh Nam bộ. Người ta đã thăm dò mời anh tham gia một chân ủy viên nhưng anh từ chối vì kinh nghiệm làm tờ La Lutte và những năm ở tù chung nơi đảo Côn Lôn, anh biết rõ rằng khó có thể sinh hoạt chung với những người được đào tạo bởi Học viện Thợ Thuyền Phương Đông của Stalin, một học viện hầu hết sinh viên của nó chỉ cần trình độ tiểu học là được nhận vào học. Họ chỉ muốn gây mâu thuẫn, khai thác những xung khắc và khích động hận thù giữa các thành phần của dân tộc. Họ hô hào hoà hợp, đoàn kết nhưng thực chất chỉ muốn giành độc quyền lãnh đạo, khuynh loát và trấn áp hết thảy những ai không chấp nhận quan điểm và đường lối của họ. Ở Côn Lôn, chính tù nhân cộng sản đã hại chết Nguyễn An Ninh, người nhiều phen che chở họ tại nhà của mình ở Hóc Môn Bà Điểm và qua Thanh Niên Cao Vọng Đảng, đã tuyển lựa, giới thiệu cho họ những kẻ về sau là đảng viên cộng sản xuất sắc.

Chiều nay, phiên họp giữa hai vị giáo chủ, một có tính thần bí của Phật giáo dân giả, một có tính huyền học của Đạo giáo thời đại cùng với hai trí thức cách mạng hàng đầu của Sài Gòn, thuộc Tân Tả Phái Cộng sản Quốc tế Đệ tứ lại diễn ra trong một ngôi đình la liệt những hoành phi đối trướng, bàn thờ và hình tượng của Khổng giáo cùng linh vị của thần nhân Việt. Nhận xét đó, khiến Phan Văn Hùm mỉm cười. Và trong mơ hồ, hình như anh đang cảm nhận được bằng cách nào mình sẽ tổng hợp thành công một lý thuyết chủ đạo cho công cuộc đấu tranh vì độc lập tự do của dân tộc và kiên thiết xứ sở.

Trung úy David Hawke giật mạnh chiếc xác máy truyền tin ra khỏi xe díp rồi uể oải xách lên bậc thềm trước ngôi nhà được tạm cấp cho Phân đội OSS làm bộ chỉ huy, ở Phú Nhuận, vùng ngoại ô tây bắc Sài Gòn. Toà nhà này trước đây là tư thất của một người Pháp làm giám đốc Ngân hàng Đông dương, tọa lạc mé trong mép sân cù, và được một đơn vị quân Nhật đảm trách việc canh gác, theo lệnh của tướng Douglas Gracey, tổng tư lệnh lực lượng Anh chiếm đóng.

Joseph dẫn đầu đi lên bậc cấp và Hawke theo sau. Cả hai chào đáp lễ cái chào đầy oán ghét của gã lính Nhật đang đứng gác: tay đưa lên chào và mắt trợn ngó lưng trời. Vô tới bên trong tiền sảnh, Hawke giận dữ ném phịch xác máy truyền tin lên mặt bàn:

- Vì lý do quái đản nào mà tại Hội nghị Potsdam chúng ta lại chịu cho quân Anh tiếp quản nam Đông Dương từ vĩ tuyến mười sáu trở xuống? Nếu cứ giao việc đó cho tướng Wedemeyer ở Hoa Nam thì chúng ta đã có quân Trung Hoa hiện diện đầy nhóc và các đơn vị quân Mỹ to con tràn ngập chỗ này lâu rồi.

Hawke vừa nói vừa góm ghiếc phui phui bộ đồ trận làm văng tứ tung lớp bụi dày bám suốt cuộc tuần thám kéo dài từ ban chiều qua buổi tối:

- Thay vào đó, chúng ta chỉ mới có mấy ngàn tên lính Ấn với chư vị quý tộc Ăng-lê chỉ huy bọn chúng chạy lòng vòng ở đây và dùng quân thù làm cảnh sát - còn chúng ta thì thấy nguy cơ dàn ra trước mắt mà chẳng nhúc nhích ngo ngoe gì được.

Đột nhiên cửa một văn phòng ở tầng trệt bật mở, thò ra thân xác có bộ mặt đeo kính và cái miệng cười toe toét của viên thiếu tá chỉ huy phân đội. Thuở còn sống đời dân sự, anh ta là chuyên viên phân tích đầu tư xuất sắc của Phố Wall. Hiện anh ta vẫn cố sức áp dụng vào công tác quân báo những phương pháp lý luận và điều nghiên chi tiết cực kỳ thận trọng y như trước ngày nhập ngũ. Nhưng rốt cuộc anh ta đành phải thú nhận mình hoa cả mắt trong hoạt cảnh chính trị đầy hoang mang tại Sài Gòn lúc này.

- Bộ chưa ai nói với trung úy rằng vào lúc kết thúc thế chiến, Ngài quý tộc Thống chế Louis Mountbatten đã sửa lại tên của đơn vị ông ta? “SEAC” không còn viết tắt cho South East Asia Command – Bộ Tư lệnh Đông Nam Á nữa, mà là đang viết tắt cho Save England’s Asian Collonies – Cứu lấy các thuộc địa châu Á của Anh. Đó là lý do tại Potsdam, người Anh cứ khăng khăng đòi thủ cho bằng được vai trò tham gia công tác Đông Dương. Với Miền Điện và Ấn Độ ở sát nách Đông Dương, người Anh không thể để cho dân bản xứ ở đây gây quá nhiều lộn xộn - kéo chẳng may có tên thứ dân hèn mọn nào đó tại các xứ thuộc địa của họ bắt đầu tiếm nhiệm “các ý tưởng bậy bạ” ấy thì sao!

Trung úy Hawke thở hắt như bày tỏ ý kiến rằng cá nhân mình ghê tởm cách riêng người Anh. Thấy anh bắt đầu mở đai lưng bộ đồ trận, viên thiếu tá chỉ huy trưởng giờ tay chặn lại:

- Để yên nó đó trung úy, công tác hôm nay của anh đã xong đâu! Tôi cam đoan rằng đại úy Sherman thế nào cũng muốn anh tháp tùng anh ta cho một chuyến đi ngắn, tới Nhà thờ Chánh toà Sài Gòn.

Joseph nhìn cấp chỉ huy, thắc mắc:

- Thừa thiếu tá, tại sao tôi lại muốn đi Nhà thờ Đức Bà?

Thiếu tá mở túi trên áo sơ-mi, rút ra một bì thư nhàu nát:

- Cách đây một giờ, có một người Việt Nam bí hiểm đưa tới đây mảnh giấy này. Trong đó ghi: “Xin vui lòng ra lệnh cho đại úy Sherman có mặt ở nhà thờ chánh tòa tối nay, lúc chín giờ, nơi mấy dãy ghế đằng sau, phía nam.”

Thiếu tá đưa Joseph mảnh giấy học trò có kẻ ô vuông, viết nguệch ngoạc bằng tiếng Anh, chính tả sai be bét:

- Mảnh giấy ký tên “Ngô VănLộc”. Đại úy quen ai có cái tên đó không?

Joseph tự mình đọc mảnh giấy rồi với vẻ mặt kinh ngạc, anh ngược nhìn sĩ quan cấp trên:

- Thừa tôi có biết. Lộc là người tôi từng gặp ở đây lâu lắm rồi.

- Và có phải hắn đang dính líu tới các hoạt động chính trị tại đây?

Joseph trả lời dứt khoát:

- Tôi nghĩ có thể nói chính xác là như vậy.

- Tốt, thế thì anh đi gặp hắn. Có thể chúng ta sẽ tìm thấy điều gì đó về những cái đang diễn ra lòng vòng ở đây mà chúng ta hiện vẫn không biết rõ. Trung úy Hawke đi theo anh và sẵn sàng nổ súng trong trường hợp người ta có ý định bắt cóc một người Mỹ làm con tin.

Nửa giờ sau, lúc Joseph và Hawke xuống tới Nhà thờ Đức Bà, Sài Gòn sắp vào giờ giới nghiêm và đường phố vắng vẻ từ lâu. Khi cho xe díp đầu lại, cả hai nghe tiếng súng nổ đi từ hướng bên cạnh bờ sông. Vài giây sau, một chiếc xe tải chở đầy lính Népal rú ga qua Công viên Bá-đa-lộc im lìm, chạy về phía có tiếng đùng độ.

Bên trong Nhà thờ Chánh toà, khung cảnh ảm đạm với bớt phần nào nhờ ánh sáng duy nhất của hàng nến dâng cúng trên bàn thờ và ngọn đèn nhỏ bên trên cung thánh, trước nhà tạm thánh thể trên cao. Mấy dãy ghế dài ở sát vách phía nam chìm sâu trong bóng tối, rõ ràng là chẳng có ai đang quì hoặc ngồi. Nhưng Joseph trước khi ngồi xuống đợi vẫn ra lệnh cho Hawke đứng canh chừng đằng sau chiếc cột gần đó, tay đặt sẵn trên báng khẩu súng lục đạn đã lên nòng.

Vài phút sau, khi Ngô VănLộc âm thầm xuất hiện sát một bên, Joseph không nhận ra anh ta. Người dân quê lần đầu tiên anh gặp gỡ năm 1925, còn là người “bồi” trại săn hèn mọn, lúc này đang trong lớp vỏ cải trang: mình mặc áo the đen, đầu đội khăn đóng theo kiểu người

Việt Nam khá giả và dưới cằm gắn một chòm râu giả. Nhưng liền đó, Joseph để ý thấy cánh tay phải bại liệt của Lộc vốn bị đập nát vì trận dội bom của Pháp tại Vinh vẫn mắc lủng lẳng một bên người. Và khi Lộc liếc về phía Joseph, đôi mắt tối sầm, đầy nghi kỵ và cảnh giác ấy làm Joseph nhớ lại lần gặp nhau chín năm trước trong nhà lồng tối thui chợ Bến Thành.

Để hợp điệu với bộ quần áo cải trang của mình, Lộc quì một lúc như thể đang cầu nguyện rồi ngồi lên, vói tay cầm cuốn sách lễ trên hàng ghế trước mặt và bắt đầu lật vài trang. Anh vừa lật vừa nói thật nhỏ bằng tiếng Pháp, giả bộ như đang đọc sách kinh:

- Đại úy Sherman, rốt cuộc anh trở lại Sài Gòn làm một tay quân báo. Có phải từ lần ghé lại trước đây của anh tới nay Sài Gòn đã biến đổi quá nhiều?

Joseph hỏi lại bằng giọng thì thầm tới độ chính anh cũng ngạc nhiên:

- Làm sao anh biết tôi có mặt ở đây?

- Chúng tôi nhận được tin từ Hà Nội điện vào cho biết. Chủ tịch Hồ Chí Minh đích thân báo cho chúng tôi rằng anh và các quân nhân Mỹ trong toán OSS đều có thiện cảm với chính nghĩa của chúng tôi.

- Có phải anh là cán bộ cao cấp của Mặt Trận Việt Minh?

Lộc gật đầu, mắt vẫn tiếp tục nhìn xuống cuốn sách lễ:

- Tôi là ủy viên trong Ủy ban Hành chánh Nam bộ.

- Tại sao anh lại muốn thảo luận với OSS? Thật sự, chúng tôi chẳng có vai trò nào ở đây.

- Thằng đại tá Pháp Cédile vừa nhảy dù xuống và lúc này tự xưng “Cao Ủy”, là một thằng ngang bướng và ngoan cố. Thằng tướng Anh Gracey cực kỳ ngạo mạn trong việc điều đình với chúng tôi. Hắn giả vờ tiến hành việc thương thuyết với chúng tôi trong đôi ba ngày nhưng thực tế, hắn đang âm mưu ép buộc chúng tôi đầu hàng.

Lộc tuôn ra một tràng bằng giọng khàn khàn giận dữ. Joseph phải nghiêng đầu thật sát mới nghe ra những gì Lộc nói:

- Cả hai thằng đó chẳng có thằng nào nhận ra những nguy cơ đang nằm ngay trước mặt chúng. Anh đã ở bắc bộ và anh đã từng chứng kiến nhân dân nhiệt liệt ủng hộ cuộc cách mạng dân tộc của chúng tôi như thế nào. Tại nam bộ này, chúng tôi thành lập khắp nơi các ủy ban cách mạng để thay thế các hội đồng hương chính và quan lại thối nát. Nhưng bọn Anh không hiểu điều đó và không chịu nghe chúng tôi nói. Chúng tôi sửa soạn phục hồi nền đô hộ của thực dân Pháp - chúng tôi biết rằng các đoàn tàu chở lính Pháp đã rời Marseilles với Calcutta, và đang trên đường tới đây...

Lộc đưa cho Joseph một tờ giấy in nhòe nhoẹt và nói:

- Đây, ngay cả cựu hoàng hậu Nam Phương, là vợ của Vĩnh Thụy hiện làm cố vấn tối cao cho chủ tịch Hồ Chí Minh, và là con cháu của những đứa mầy đờn hợp tác với thực dân Pháp. Bà ấy cũng viết thư gởi các chính phủ phương tây, trình bày rằng Pháp đã thật sự mất chủ quyền ở Việt Nam từ tháng Ba năm nay. Bà ấy yêu cầu quốc tế can thiệp đừng để lực lượng Anh tiếp

tay cho thực dân Pháp tìm cách đô hộ trở lại chúng tôi, làm máu tiếp tục chảy, hao tổn thêm sinh mạng của cải của người Việt và gây đau khổ thêm nữa cho đàn bà trẻ con Việt Nam.

Lộc ngừng nói khi phía trước bàn thờ xuất hiện hình dáng một linh mục Pháp trong chiếc áo chùng thâm. Anh dán mắt nhìn theo cho tới khi linh mục biến mất vào hậu liêu. Joseph xếp bản sao lá thư, cho vào túi quần và nhất quyết hỏi:

- Nhưng tại sao anh lại cố tình nói cho tôi nghe việc đó?

Lộc trả lời sôi nổi:

- Chúng tôi cần sự ủng hộ của Hoa Kỳ. Anh phải báo cáo cho chính phủ của anh biết về chúng tôi! Các nhà lãnh đạo chính trị của nước anh phải gây áp lực lên bọn Anh và bọn Pháp để chúng nó phải công nhận Việt Minh là chính quyền hợp pháp trên đất nước của chúng tôi.

Joseph nói trầm tĩnh:

- Chẳng quan trọng gì việc cá nhân tôi có thiện cảm tới mấy đi nữa với các nguyên cố của Việt Minh. Phân bộ OSS ở đây, tại Sài Gòn này, không thể đứng về một phía nào đó trong sinh hoạt chính trị nội bộ của quý vị. Ngay cả những tranh luận giữa các tổ chức lực lượng ở đây cũng là chuyện của quý vị.

Lộc quay sang ngó Joseph, giọng nóng nảy:

- Ngay sau hôm bọn Nhật đầu hàng, nhân dân Nam bộ đã móc nối và giao phó cho Trần Văn Giàu, người của Việt Minh, quyền đại diện họ để tiếp xúc với Đồng Minh, rồi sau đó, thành lập Lâm Ủy Hành Chánh. Khâm sai Nam Việt Nguyễn Văn Sâm cũng đã bàn giao chính quyền cho Lâm ủy Hành chánh mà Việt Minh là chủ chốt. Sau đó, mọi phe nhóm đã đoàn kết với nhau trong Ủy ban Hành Chánh Nam Bộ mà chủ động là Việt Minh. Hiện nay, dân chúng đang tích cực hưởng ứng lời kêu gọi của Mặt trận Việt Minh Nam Bộ. Việt Minh giúp Đồng Minh đánh bại Nhật trong khi bọn Pháp, bọn quốc gia, bọn giáo phái hợp tác với bọn chúng, bộ việc đó không đáng kể chút nào sao? Bộ bọn Pháp và bọn Việt gian đó xứng đáng cho quý vị ủng hộ sao?

Joseph nhún vai bất lực:

- Tôi xin nhắc lại là OSS tại đây không có nhiệm vụ đi sâu vào những vấn đề chính trị nội bộ của quý vị. Có một thực tế khác rằng Pháp và Anh là đồng minh của chúng tôi. Có quá nhiều xung khắc quyền lợi, đặc biệt tại châu Âu, khiến chính quyền Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ phải cân nhắc.

- Anh có ý nói rằng Việt Nam không có tầm quan trọng đáng kể nào sao? Và sẽ chẳng ai màng tới nếu có xảy ra chiến tranh ở cái xứ sở nhỏ bé và tầm thường như thế này sao?

Lộc vừa nói vừa dò xét vẻ mặt của Joseph trong một lúc rồi tự mình gạt đầu lẹ làng như để tự xác nhận những nghi hoặc của mình. Joseph nói chậm chậm:

- Một vấn đề chủ yếu là, trong thực tế chẳng ai hiểu rõ Việt Minh có phải là một tổ chức tiên phong và bí mật của cộng sản hay không. Trong Ủy Ban của anh có bao nhiêu ủy viên là cộng sản?

Lộc lùa các trang sách lễ bằng cử chỉ hấp tấp và nóng nảy:

- Này đại úy, hơn bất cứ người nào khác, lý ra anh hiểu rất rõ rằng không phải chỉ có cộng sản mới biết căm thù những gì bọn Pháp đã làm ở đây. Ủy Ban của chúng tôi có mười bốn ủy viên, trong đó những kẻ các anh gọi là “cộng sản” chỉ có ba bốn người. Nhưng điều đó không quan trọng. Điều quan trọng là Việt Minh muốn điều đình với Pháp. Các lãnh tụ của chúng tôi ở Hà Nội đã nói cho anh biết điều đó. Chúng tôi biết xứ sở của chúng tôi nghèo, chúng tôi cần ổn định, chúng tôi cần hòa bình, chúng tôi cần những đầu tư thương mại của Pháp để giúp chúng tôi phát triển. Chính những phe nhóm quốc gia khác bên ngoài Việt Minh đang hối thúc Ủy Ban chúng tôi đánh nhau với Pháp. Và bằng việc từ chối điều đình với chúng tôi, bọn Anh và bọn Pháp đang nhất quyết gây chiến. Đại úy ạ, chúng tôi muốn có các cuộc điều đình nhưng nếu thực dân Pháp cứ ngoan cố trở lại đây mà không chịu điều đình thì sẽ đổ rất nhiều máu - chúng tôi sẽ không bao giờ từ bỏ nền độc lập chúng tôi vừa giành được.

- Anh Lộc ạ, có thể những nghi ngại của quý vị là quá đáng. Ở miền bắc, lực lượng chiếm đóng của Trung Hoa tôn trọng chính phủ Việt Minh. Quân Anh tới Đông Dương chỉ để tổ chức việc hồi hương lính Nhật và tiếp nhận sự đầu hàng chính thức của Nhật. Họ chỉ nhận mệnh lệnh có thể thôi.

Lộc khề một tiếng diên tiết và gấp cuốn sách thật mạnh:

- Bọn Anh đã đóng cửa các tờ báo của chúng tôi. Mỗi giờ trôi qua chúng tôi càng hợp tác công khai thêm với bọn Pháp. Hôm nay, các mật báo viên của chúng tôi phát giác ra tướng Gracey đang hạ lệnh in các bích chương tuyên bố thiết quân luật. Chỉ nội một hai ngày nữa thôi, chúng tôi sẽ bị tước bỏ toàn bộ tự do chính trị ngay trên chính xứ sở của mình! Bước kế tiếp là một nỗ lực dứt khoát nhằm phục hồi nền đô hộ của bọn Pháp.

Joseph xem xét dáng mặt nghiêng nghiêng của người Việt Nam bên cạnh mình. Bộ mặt xương xẩu hốc hác và bị tàn phá bởi tù đầy và gian khổ thể xác nhưng hể nhắc tới người Pháp là đôi mắt ấy long lên sòng sọc và ngùn ngụt lửa. Sau cùng, Joseph nói:

- Anh Lộc ạ, ngay sau khi chúng ta gặp nhau lần trước, con trai anh bị bắt tại Huế vì mưu sát Monsieur Jacques Devraux. Rồi sau đó một hai tuần, Monsieur Devraux bị hạ sát trong giường ngủ. Phải chăng anh có trách nhiệm về cái chết của ông ấy?

Trong vài ba giây người Việt Nam nhìn chằm chặp vào mặt của Joseph rồi nói:

- Đại úy, đó là vấn đề cá nhân. Tôi tới đây không phải để thảo luận chuyện đó. Tôi yêu cầu nói chuyện với anh vì hơn bất cứ ai, anh biết rằng ở đây, lòng đồng bào chúng tôi căm thù bọn Pháp sâu xa tới độ nào. Chúng cướp đi vợ tôi, con trai tôi. Và vì sự tàn bạo của bọn Pháp, có hàng ngàn hàng vạn gia đình mất người thân yêu của họ, giống hệt tôi đã mất. Đó là lý do chúng tôi chiến đấu tới chết để giành độc lập tự do.

Không một lời báo trước, người Việt Nam đứng bật dậy:

- Hãy nói cho các đồng minh của quý vị biết như thế - trước khi quá trễ.

Lộc biến mình vào bóng tối, cũng âm thầm không kém khi anh xuất hiện. Joseph ngồi lại, đăm đăm nhìn những mẩu còn sót của hàng trăm ngọn nến trông cây được thắp lên suốt ngày

bởi những tây thuộc địa và gia đình đang run rẩy của họ. Từng đôi chân nền rồi từng đôi chân nền tàn lụi và ánh sáng hiu hắt càng lúc càng le lói giữa khung cảnh ảm đạm bên trong nhà thờ.

Cảm thấy có ai đó tới sát bên mình, Joseph quay qua và thấy David Hawke đứng kế bên, đang nhét khẩu súng lục vào bao và bấm nút lại. Người thanh niên Boston hỏi với giọng điềm tĩnh:

- Thưa đại úy, có phải hần nói cho chúng ta biết điều gì đó đáng quan tâm?

Joseph chậm chậm gật đầu và đứng dậy:

- Đúng vậy. Tốt nhất là tôi quay về bộ chỉ huy ngay, viết bản tường thuật và thông báo cho người Anh biết. Tôi không nghĩ nó sẽ gây được tác dụng tốt nhưng Việt Minh nói rằng nếu Pháp không điều đình, họ sẽ không cản nổi những kẻ mạnh động đang muốn khai chiến.

Khi cả hai bước ra khỏi cửa mé tây nhà thờ, những ngọn nến dâng cúng cuối cùng chảy hết sáp và tắt lịm, để lại sau lưng họ nội thất nhà thờ chánh toà gần như chìm trọn vẹn trong bóng tối. Bên ngoài, những vì sao lung linh chiếu sáng trên vòm trời đêm nhưng khắp các đường phố tràn ngập một sự im ắng gương gạo, như thể toàn bộ thành phố đang nín thở chờ đợi những tin tức chẳng đáng đón chào chút nào.

- 16 -

Tối xế chiều hôm sau, ngày 22 tháng Chín, trong khi cho xe chạy dọc con đường trước đây mang tên Đại lộ Catinat, Joseph thấy lính Nhật đang dán một dãy các bích chương in sẵn lên vách ngoài của Khách sạn Continental Palace. Dừng xe dí sát lề đường, anh lật đặt bước lên vỉa hè, nhìn qua vai người lính. Đó là một cáo thị có đầu đề “Thông Cáo Số 1”, in chữ đen và đậm bằng ba thứ tiếng Việt, Pháp và Anh. Sau khi đọc lướt nội dung cáo thị, Joseph cảm thấy mất tinh thần. Đúng như Ngô Văn Lộc báo trước, nó rút cuộc là để tuyên bố tình trạng thiết quân luật.

Tờ thông cáo công bố rằng tướng Douglas Gracey, hiện xử lý với danh nghĩa Quan Tổng Tư Lệnh Lục Quân Đồng Minh Đứng Ở Miền Nam Đông Dương, là kẻ duy nhất đảm trách hết thấy các lực lượng quân sự, các toán vũ trang và các đơn vị cảnh sát tại phía nam Đông dương thuộc Pháp từ vĩ tuyến mười sáu trở xuống. Quan Tổng Tư Lệnh cảnh báo cho dân chúng biết rằng trong tương lai, những kẻ cướp bóc, phá hoại và những kẻ có hành động sai trái đều bị bắn hạ tại chỗ mà không cần thông qua những thủ tục cần thiết và rằng kể từ lúc này về sau, mọi cuộc biểu tình, tuần hành và hội họp của công chúng đều bị nghiêm cấm. Kể từ thời điểm niêm yết sắc lệnh này, cấm hết thấy mọi người mang vũ khí bất kỳ là thứ nào, cho đến, gậy, giáo, tầm vong vọt nhọn, vân vân... ngoại trừ các binh sĩ Anh và Đồng Minh.

Khi bước về lại xe dí Joseph đưa mắt nhìn dọc theo đại lộ. Thông thường vào giờ này những vỉa hè râm mát dưới các hàng me rộn rịp người qua kẻ lại nhưng lúc này gần như vắng tanh. Người dân Việt Nam sống trong thành phố cảm giác được cuộc khủng hoảng sắp tới nên càng lúc càng nườm nượp kéo nhau sơ tán về vùng quê. Một số tây thuộc địa người Pháp không còn dám mạo hiểm ra khỏi nhà.

Hôm nay, trong mấy chuyến tuần thám thường lệ với trung úy Hawke, Joseph chỉ gặp lẻ tẻ các toán tuần tiễu Nhật đi bộ và thỉnh thoảng một chiếc xe tải chở lính Népal thuộc quân đội

Anh di chuyển trên đường phố. Từ lúc trời tờ mờ sáng tới chạng vạng tối, không thấy xuất hiện các nhóm võ trang của Cao Đài, Hoà Hảo và Bình Xuyên. Lúc này, cuộc đình công của Việt Minh đã đạt kết quả. Chợ búa đóng cửa toàn bộ. Quân Anh phải bắt đầu không vận đồ tiếp liệu và nhu yếu phẩm tới Sài Gòn.

Suốt hai ngày qua, cùng với đường phố mỗi lúc một thêm căng thẳng thấy rõ, Joseph cũng từng giờ từng phút vật vã với lương tâm mình. Việc biết ra Lan đang ở đâu đó trong thành phố và không muốn anh liên lạc với nàng khiến anh khổ sở tới độ nhiều lúc hầu như không chịu đựng nổi.

Joseph không thể xua khỏi tâm trí mình về mặt kết án của mẹ nàng khi bà đứng từ bên trên thềm nhà nói xuống với anh. Anh lại càng cảm thấy bức xúc hơn nữa khi biết rằng vợ của sĩ quan Pháp được điều trị, gần như chắc chắn, trong Quân Y Viện trung ương Đồn Đất ở đường La Grandière.

Một đôi lần, trong khi lái xe ngang bệnh viện ấy - một khu gồm mấy dãy nhà hai tầng cao, bốn phía có hàng hiên uể oải phơi mình trong nắng - Joseph định dừng xe và đi vào nhưng sự có mặt của David Hawke bên cạnh luôn luôn làm anh chùn chân. Tuy thế, trong buổi chiều đang xế này, khi một mình lái xe ra khỏi bộ chỉ huy, Joseph cảm thấy lòng mình bứt rứt lạ thường và mỗi giờ một thêm bức xúc, theo với tình hình và nhịp điệu căng thẳng càng lúc càng tăng cao trên đường phố.

Sau khi đọc tờ thông cáo của người Anh, Joseph ngồi thù người đằng sau tay lái chỉ một chốc, rồi cuối cùng anh quyết định dứt khoát. Việc đột nhiên phủ nhận mọi quyền chính trị của người Việt Nam vừa giành được độc lập tự do sẽ đưa tới một loại bùng nổ nào đó không tránh khỏi. Và như thế, lòng lo lắng cho Lan đánh tan tành quyết tâm trước đây của anh là sẽ cố hết sức thuận theo ý của mẹ nàng.

Khi lái xe ngang Toà Thị chính cũ, Joseph thấy dân quân Việt Minh vẫn đứng canh gác, tay nắm chặt vũ khí với vẻ mặt thách thức lệnh thiết quân luật. Anh đạp chân ga thật gấp. Và tại Quân Y Viện, chỉ cần liếc sơ phù hiệu sĩ quan Hoa Kỳ của Joseph, các bác sĩ nhạy cảm người Pháp không chút ngần ngại, lập tức trả lời những gì anh muốn biết.

Sau khi xác định số phòng Lan đang nằm điều dưỡng, họ đồng ý để Joseph tới thăm nàng ngay. Người nữ y tá coi sóc khu bệnh của Lan giải thích rằng hiện nay nàng gần như hoàn toàn bình phục, không còn bị kích động và có thể xuất viện trong vòng một hoặc hai ngày tới. Bà té nhị nói rằng lúc này Lan chỉ vừa mới chợp mắt, và rồi nhớ lại ánh mắt đầy ý nghĩa của bác sĩ trưởng khoa nhìn mình lúc nãy, bà liền mời Joseph cứ tự nhiên vào tận giường bệnh, chờ cho tới khi nàng thức dậy.

Tới trước cửa phòng Lan, Joseph lại cảm thấy tằn ngằn. Anh tự hỏi không biết vào khoảnh khắc tối hậu này mình có nên cưỡng lại cơn dồn ép phi lý đang cuốn hút mình tới đây không. Anh nghĩ đến Paul giờ này mỗi mòn ngóng đợi trong một xà lim tối tăm nào đó cách nơi này không xa. Anh băn khoăn không biết khi Paul và anh gặp lại nhau, anh sẽ giải thích thế nào về hành động này. Joseph tự nhủ tới khi đó anh sẽ chỉ nói rằng mình đến đây để xem thử có giúp được gì cho vợ của một người bạn cố cựu không. Thế nhưng toan tính dối trá ấy lại khiến Joseph nhắm mắt, lắc đầu và cảm thấy lòng thêm áy náy. Tuy vậy, trạng thái hoang mang bứt rứt tối hậu đó chỉ kéo dài trong mấy chớp mắt ngắn ngủi. Khi bước qua ngưỡng cửa, Joseph quên tất cả, và mắt lập tức mở lớn tìm kiếm chỗ Lan nằm.

Mái tóc dài óng mượt toả rộng trên nền gối trắng tinh vẽ thành những làn mây khói đậm đà. Trong giấc ngủ yên lành, vẻ đẹp mong manh trên khuôn mặt trái xoan trông vô cùng gợi cảm. Joseph đứng sững người trước những đường nét đơn sơ như trong tranh thủy mặc, và con tim anh dường như bỗng chao đảo trong lồng ngực.

Đôi lông mày thanh tú, đôi mắt khép với hai hàng mi lá rậm, đôi môi như đang nhè nhẹ hé cười. Mọi đường nét ấy tạo cho Lan dáng vẻ một bức tượng thần nữ Á Đông với ánh mắt nhìn xuống đăm đăm và e lệ, như đang xác nhận một nỗi yêu niềm kính thiết tha vượt quá bên kia những am hiểu của chính mình. Bàn tay đặt lên mặt khăn phủ giường, nhỏ nhắn như tay một nữ sinh, khiến Joseph phải cầm mình lại vì chợt cảm thấy lòng trào dâng nỗi thôi thúc thèm được đắm thắm áp ủ bàn tay ấy trong hai tay mình.

Lan không tỏ dấu hiệu nào cho thấy nàng đã thức hay đang ngủ. Và sau cùng, Joseph nhắc chiếc mũ lưỡi trai nhà binh xuống, ngồi im lặng trên chiếc ghế đặt cuối chân giường. Suốt mười lăm phút, Joseph chỉ ngồi yên lặng ngắm Lan. Nàng nằm đầu kê cao trên gối, nhè nhẹ trở mình, và anh có thể thấy mạch máu nhỏ một bên cổ nàng đang đập mạnh. Joseph miên man thầm nói với mình: nàng thật tuyệt vời đúng như trong trí tưởng của tôi - có lẽ còn tuyệt vời hơn thế nữa. Nàng quá mộc mạc và rất đỗi bình yên, sao tâm tư tôi dám nuôi dưỡng ý tưởng nghi hoặc những tình tự xưa là huyền mộng trong trí tưởng hay hiện thực giữa đời. Nàng có thật và nàng đang trước mặt tôi, như vừa bước ra từ cảnh tượng tiền đưa dưới giàn hoa ti-gôn tôi từng đào sâu chôn kín tận đáy tiềm thức suốt chín năm nay.

Lắng nghe tiếng nàng thở đều đều, Joseph cảm thấy trong lòng lại rộn ràng niềm thương yêu chan chứa và bùng lên nỗi đam mê ngất ngây của những ngày bên nhau ở Huế. Và bỗng dưng Joseph biết ra, dù sai trái mặc lòng, rằng anh đã và sẽ chẳng bao giờ yêu Tempe với một tình yêu mãnh liệt như thế này. Tim anh thất lại với cảm giác khắc khoải khi Lan bắt đầu tỉnh giấc. Và cuối cùng, mắt nàng hé mở, đầu xoay về hướng có anh, mặt không tỏ vẻ ngạc nhiên chút nào.

Nàng nói thật êm bằng tiếng Pháp:

- Joseph ạ, lý ra anh đừng đến.

Nghe gọi tên mình, tim Joseph chơi vơi. Chúi đầu về phía nàng, anh nói:

- Lan ạ, anh biết. Anh xin lỗi đã không tôn trọng nguyện vọng của mẹ em. Nhưng anh phải nhìn thấy em thêm một lần nữa. Em có quả thật đang bình phục hẳn?

Lan lẳng đặng gật đầu và mắt còn chớp chớp ngái ngủ:

- Joseph ạ, chúng ta chẳng còn gì nói với nhau. Phải để mọi sự đã qua ở yên trong quá khứ.

- Nhưng mẹ em nói rằng anh làm cho em ra bất hạnh. Anh không hiểu mẹ em nói như vậy là có ý gì.

Dần dà lấy lại đầy đủ tỉnh táo, đôi mắt Lan mở lớn với vẻ e dè:

- Hôm qua mẹ có nói với em là anh vừa trở lại Sài Gòn. Em biết mẹ cấm anh tới thăm em. Không hiểu sao vừa rồi, trước lúc tỉnh giấc, em mơ thấy anh đến đây.

- Nhưng Lan ạ, mẹ em nói vậy là có ý gì? Làm sao anh lại gây bất hạnh cho em?

- Mẹ nghĩ là anh hiểu. Mẹ tưởng rằng sau khi anh rời Sài Gòn em có viết thư kể cho anh nghe.

Joseph thắc mắc nhìn nàng chăm chú:

- Kể cho anh cái gì?

Ánh mắt Lan hạ xuống, đăm chiêu. Các đầu ngón tay nàng bắt đầu mơ hồ xoắn nhẹ khấn trái giường. Sau một lúc, Joseph thấy khoé miệng nàng run rẩy. Anh dịu dàng thúc giục:

- Lan, em nói đi. Kể cho anh nghe về cái gì?

- Kể rằng em có con với anh.

Joseph dội ngược, sững người. Trong một phút, anh nhìn Lan chăm chú, không mở nổi miệng. Kể đó anh rướn mình tới, đầu ngón tay anh chạm dịu dàng lên lưng bàn tay nàng.

- Lan ạ, giá như lúc đó em viết cho anh biết...

Nàng vội vàng lắc đầu thật nhanh, không nhìn Joseph:

- Lúc đó, nếu anh biết, hẳn mọi sự còn tệ hại thêm.

Trong một chốc, Joseph nhắm mắt lại:

- Nó là trai hay gái?

- Một bé gái rất xinh. Em đặt tên nó là Tuyết.

Nói xong lời đó, Lan ngược nhìn Joseph, đôi mắt ướt sũng:

- Không ai biết nó chào đời. Ngày đó, em đi khỏi nhà. Một năm sau, em thành hôn với Paul Devraux để làm vừa lòng cha. Paul và em có một con trai.

- Nhưng lúc này Tuyết ở đâu?

- Nó được một người giúp việc của mẹ em nuôi như con - đó là chị người làm từng đưa anh ra cửa hôm anh chào về Mỹ.

Joseph nôn nóng hỏi:

- Như vậy nó ở đây, tại Sài Gòn này sao?

Lan lệ làng lắc đầu và nhìn ra khung cửa sổ:

- Không. Mẹ nhất định không cho chị ấy và Tuyết ở trong nhà. Cả hai về sống tại làng chánh quán của mẹ em ở mạn bắc Trung kỳ. Về sau chị ấy lập gia đình và rồi cũng có mấy đứa con.

Joseph đứng lên, bồi hồi đi tới đi lui trong không gian chật chội của căn phòng điều dưỡng nhỏ bé, lòng quặn quại vì biết được chuyện oan nghiệt ấy. Rồi anh dừng bước, ngồi xuống ghế:

- Từ lúc sinh Tuyết tới nay em có gặp nó không?

Lan cắn môi, gật đầu:

- Có. Mẹ em chấp nhận lời em xin, mỗi năm đi với em về quê một lần. Ban đầu thì với lý do về thăm viếng nơi sinh thành của ông bà bên ngoại. Mẹ đi mà miễn cưỡng. Chính em là người có ý kiến nên giữ Tuyết ở quê ngoại để em dễ liên lạc và có thể theo dõi việc nuôi dưỡng nó. Nhưng mỗi lần em đi, chỉ gặp được nó một hai ngày.

- Hiện nay con bé vẫn sống ở ngoài đó?

Lan có vẻ đau đớn:

- Em không chắc. Suốt năm năm nay, kể từ khi người Nhật tới đây, em không đi ra ngoài đó được nữa.

- Tuyết...

Joseph nhắc lại với mình cái tên đó với tiếng thì thầm rối loạn và đưa mắt ngơ ngẩn nhìn Lan. Rồi như trong lòng có con sóng dịu dàng và thương yêu vỗ tràn bờ, anh rướn mình tới, nắm bàn tay nàng:

- Lan ạ, anh quả thật có lỗi với em. Nếu biết được sự thật như thế, anh đã trở lại Sài Gòn ngay lúc đó. Em biết mà, lúc đó, anh rất ao ước được lấy em làm vợ. Anh có nằm mơ cũng không tưởng tượng nổi chuyện lại xảy ra như thế này.

Trong một lúc Lan để yên bàn tay mình trong lòng tay nắm chặt của Joseph. Nước mắt nàng trào ra, chảy xuống má:

- Nếu em không vừa nằm mơ thấy anh em đã không kể cho anh nghe.

- Nhưng Lan ạ, theo em, lúc này mình có thể làm được gì?

Lan rút tay về, đưa lên má chấm nước mắt:

- Joseph, chúng ta chẳng làm được gì cả. Cũng chẳng có gì để nói thêm. Anh phải đi ngay và đừng tính tới chuyện ghé thăm em nữa.

Joseph bắt đầu tuyệt vọng:

- Nhưng Lan ạ, chúng ta chẳng thể làm như chưa hề xảy ra chuyện gì...

Anh ngưng bật và rút mình lại khi nghe có tiếng chân bước rất vội ngoài hành lang. Chỉ mấy giây sau, một người Âu cao lớn, quần áo xác xơ, ào vô phòng. Phải mất một hai giây Joseph mới nhận ra người đó là Paul Devraux. Trên người Paul chỉ còn đồ trần bạc thếch bị buộc phải mặc trong suốt sáu tháng làm tù binh; người Nhật đã lột hết quần áo cấp bậc và mọi

phù hiệu. Mặt Paul xám xanh, hốc hác và phờ phạc. Joseph lập tức đứng dậy, tránh ra xa giường.

Chưa kịp nhìn về phía Joseph, người sĩ quan Pháp vội vàng quì xuống nắm lấy tay vợ:

- Lan ơi, em không sao chứ?

Paul vừa nhìn chăm chú về mặt của vợ vừa sôi nổi nâng bàn tay nàng lên áp môi mình:

- Anh vừa về tới nhà, được cha mẹ nói cho biết em bị thương hôm biểu tình bạo loạn.

- Em bị không nặng lắm, nay gần như khỏi hẳn rồi.

Lan nói, giọng thì thầm hầu như không nghe nổi. Rõ ràng nàng đang thu mình lại. Paul đưa tay chạm vào má vợ, cử chỉ âu yếm và đầy thương cảm. Về mặt bờ phờ của Paul dịu lại thành một nụ cười tươi tắn. Anh vẫn quì, nhìn nàng rất ân cần:

- Anh vui lắm. Vừa rồi anh lo cho em quá.

Đau nhói trước cảnh Paul và Lan đoàn tụ, đồng thời cảm thấy sự có mặt của mình chỉ làm Lan bứt rứt khó xử, Joseph rón rén nhắc chân tính đi thật êm ra khỏi phòng. Nhưng thành lĩnh, Paul đứng bật dậy, lệ làng xoay người lại, toét miệng ra cười tới tận mang tai:

- Đứng lại, anh bạn Joseph! Mẹ của Lan có kể với tôi rằng “Người Mỹ đa tình” đã trở lại Sài Gòn, làm đại úy OSS.

Joseph chưa kịp chìa tay, Paul đã nồng nhiệt chụp hai vai của bạn, rồi xúc động mừng rỡ dang hai tay ôm chầm bạn và cười lớn:

- Nhưng bà ấy không nói cho tôi biết rằng trong khi tôi ở trong tù thì ở đây, anh đang tính cuỗm vợ của tôi!

Joseph bàng hoàng ngó sững Paul nhưng người Pháp vui sướng quá vì mới được sống lại đời tự do, nói oang oang với Joseph câu đùa giỡn sống sượng và đầy tổn thương ấy. Anh mở miệng, tránh ánh mắt Paul:

- Tôi tới đây để xem thử mình có giúp được gì không. Mọi sự ở Sài Gòn có vẻ khá tệ hại.

Paul hào hứng vỗ vai người Mỹ lần nữa:

- Đừng lo, Joseph. Rồi mọi sự sẽ đâu vào đó ngay! Người Anh vừa thả trung đoàn của tôi ra. Giữa anh với tôi, tôi nói thật, rồi anh thấy chúng tôi sẽ đặt mọi sự trong tầm kiểm soát của mình mà chẳng mất bao nhiêu thời gian.

Nhìn kỹ bộ mặt vô tư và hớn hờ của bạn, Joseph lại cảm thấy ngoài tình bằng hữu rạt rào, lòng anh còn cảm phục viên sĩ quan Pháp kiên cường này, kẻ rõ ràng đã chịu rất nhiều khổ đốn dưới bàn tay của người Nhật trong thời gian bị họ giam giữ. Nhưng giờ đây, tâm trí của Joseph vẫn đang thẩm thấu và vật vã quần quại với sự thật kinh khủng Lan vừa tiết lộ, nên phải mất mấy giây anh mới hiểu thấu những gì Paul có ý nói:

- Có phải anh vừa nói rằng các anh và người Anh sắp sửa đập tan chính quyền Việt Minh bằng sức mạnh vũ khí?

Paul gật đầu:

- Joseph ạ, thật quá đáng khi gọi cái đó là chính quyền.

Người Mỹ nói một cách nghiêm chỉnh:

- Nhưng dân chúng ủng hộ Việt Minh. Tôi đã ở miền bắc chung với các lãnh tụ của họ. Nếu anh từng chứng kiến những gì tôi đã chứng kiến, hẳn anh sẽ cảm thấy cách khác. Họ muốn điều đình - nhưng họ sẽ chống cự bằng tất cả mọi thứ họ có nếu các anh tấn công họ.

Paul ngồi xuống bên Lan, trên giường bệnh, và lại nắm tay vợ:

- Joseph này, ở đây chúng ta không có thì giờ tranh luận chính trị. Tôi nghĩ anh biết rất rõ cảm nghĩ của tôi đối với xứ sở này. Theo như tôi thấy cho tới nay, Ủy ban Việt Minh Nam bộ hầu hết là đảng viên cộng sản trung thành với Mát-cơ-va. Tôi cũng như anh, chúng ta đều rất muốn cho dân chúng ở đây một ngày nào đó có độc lập - nhưng không phải tiến hành theo cách như thế này.

- Paul, tôi xin lỗi, bỏ qua cho tôi! Chuyện đó tôi thấy mình đường đột quá. Tôi rất vui vì những ngày gian nan của anh đã chấm dứt và anh đã vượt qua với tinh thần cực kỳ phấn chấn.

Joseph nồng nhiệt bắt tay viên sĩ quan Pháp thêm lần nữa và mỉm cười rất nhanh với Lan:

- Hãy cứ hy vọng hết thảy chúng ta sẽ có lúc quây quần bên nhau khi mọi sự đã trở nên tốt lành.

Trở lại đằng sau tay lái xe díp, Joseph cho xe chạy với tâm thần choáng váng mê mụ. Thoạt đầu, anh không còn lòng dạ để ý tới các nhóm tù binh Pháp của Trung đoàn Bộ binh Thuộc địa Mười một vừa được phóng thích, đang lang thang trên đường phố trong giờ giới nghiêm.

Sự kiện gặp lại Lan sau những năm tháng dài dang dở và việc biết ra nàng đã sinh cho mình một đứa con, khiến lòng Joseph thoát đầu vui sướng ngây ngất như điên như dại. Nhưng kể đó, hình ảnh Paul bất ngờ đi vào, xơ xác trong bộ đồ tù bạc thếp làm anh choáng váng. Tình trạng gian khổ đàn rành mà người sĩ quan Pháp ấy đã chịu khi bị giam cầm làm Joseph càng lúc càng cảm thấy mình thật tồi tệ vì giấu không nói cho Paul biết sự thật. Suốt một lúc, tâm trí anh tràn ngập những cảm giác trái ngược nhau tới độ anh không thể nghĩ tới điều gì khác.

Trong mấy phút đồng hồ, Joseph lái xe lang thang vô định qua những con đường trung tâm thành phố, cho tới khi anh bắt đầu để ý cách riêng tới các quân nhân Pháp vừa ra khỏi trại giam. Cũng giống như Paul, quân phục họ tả tơi, không cấp bậc, chẳng phù hiệu với bộ đồ trận ngày trước đã biến thành bộ đồ tù suốt mấy tháng vừa qua.

Joseph nhìn theo hướng có tiếng ẩu đả và thấy một nhóm người đứng lúp xúp, mang súng trường .303 mới toanh của Anh. Thoạt nhìn, đám lính ấy có vẻ như đang chuyện trò lớn tiếng và rất hào hứng, nhưng kể đó, anh sững sốt khi thấy ngay chính giữa bọn họ có một người Việt Nam nằm quần quai. Và anh nhận ra rằng bọn họ đang tấn công bất cứ người Việt Nam nào tình cờ đi ngang.

Joseph đột nhiên nhớ ra rằng suốt hơn một tháng nay, kể từ lúc quân Nhật đầu hàng, hầu hết tù nhân Pháp đều do các cai tù Việt Minh giám thị. Lúc này, trong khoảnh khắc đầu tiên say máu tự do, họ sẵn sàng đâm đá vô tội và bất cứ người nào có diện mạo giống những kẻ vừa mới hành hạ họ.

Tại đại lộ Catinat, Joseph thấy sáu lính Pháp đập tan tành tấm bảng ghi tên đường “Công Xã Paris” rồi dùng cột cấm bảng tên làm gậy đánh gục một thanh niên Việt Nam đang hốt hoảng. Trên đường về bộ chỉ huy OSS, anh thấy có hơn một chục thường dân Việt Nam bị lính Pháp mới ra tù dùng báng súng nện tàn bạo.

Rồi khi bóng đêm phủ khắp thành phố, thường dân Pháp lại dò dẫm bước ra đường và chính bản thân họ, được giải toả sau nhiều tuần lễ hoảng sợ, bắt đầu tiếp tay với lính tráng để hành hạ người Việt Nam nào chẳng may bị họ tóm được trên đường họ đi.

- 17 -

Trong trời chưa rạng sáng ngày Chúa nhật 23 tháng Chín năm 1945, thiếu tá Paul Devraux thì thầm ra lệnh cho binh sĩ trong phân đội khẩn trương xuất phát theo mình, rồi anh bắt đầu nhắm hướng đông, lom khom chạy dọc các bồn cây long não trên lề Đại lộ Lura. Trong tình trạng sẵn sàng đụng độ, các quân nhân chạy đằng sau Paul hoàn toàn giống hệt cấp chỉ huy của mình: y phục răn rện và mặt người nào cũng bôi lem luốc mấy vệt sơn đen.

Tay phải nắm chặt khẩu súng lục đạn đã lên nòng, chốt an toàn bật sẵn, và trong tư thế cúi mình, Paul im lặng di chuyển, khai thác tối đa lợi thế bóng tối còn đặc bên dưới các vòm cây. Mục tiêu tấn công là Hôtel de Ville - Toà Thị chính cũ - trụ sở của Ủy ban Hành chánh Nam bộ. Cùng thời điểm ấy, khắp Sài Gòn, các phân đội khác tổng cộng một ngàn năm trăm binh sĩ Pháp mới được vội vã tập hợp đêm qua, cũng bắt đầu xuất phát, nhằm chiếm lĩnh nhanh gọn các đồn cảnh sát, trạm bưu chính, kho tàng, và bản doanh trước đây của Sở Liêm Phóng.

Lực lượng Pháp được đặt dưới quyền tổng chỉ huy của đại tá Jean Cédile - “Cao Ủy” của tướng De Gaulle - kẻ vừa nhảy dù xuống một thửa ruộng lầy lội bên ngoài Sài Gòn vào cuối tháng Tám. Mục đích tối hậu của Pháp là lấy lại quyền kiểm soát Nam Việt Nam từ trong tay Việt Minh, bằng một cú đảo chánh quân sự lẹ như chớp.

Trong số các chiến sĩ âm thầm chạy lúp xúp đằng sau Paul có một trăm lính dù thiện chiến cùng nhảy xuống một lượt với Cédile. Lúc cánh dù vừa chạm đất, hết thảy đều bị lính Nhật vây bắt tại chỗ. Nhưng sau cùng, họ được quân Anh phóng thích cách đây mười hai tiếng đồng hồ, cùng một lượt với một ngàn bốn trăm quân nhân thuộc Trung đoàn Bộ binh Thuộc địa Mười một.

Paul hiểu rất rõ rằng vì bị nhốt trong chuồng trại suốt sáu tháng nay và bị đối xử như súc vật - ban đầu bởi lính Nhật rồi tiếp đó bởi giám thị Việt Minh - nên các binh sĩ Pháp lúc này cực kỳ khích động và đều nổi máu hiếu sát. Cũng như Joseph, tối qua, Paul kinh hoàng trước cảnh tượng binh lính và thường dân Pháp tập kích những người Việt Nam vô tội trên đường phố. Vì thế, sáng nay, tại điểm tập trung dưới chân tường pháo đài cũ Vauban trong thành phố, anh nghiêm khắc ra lệnh và giải thích rành mạch cho binh lính thuộc quyền mình phải tránh mọi hành động trả thù đẫm máu. Nhưng dù hăm dọa toàn thể đơn vị rằng sẽ đưa ra toà án binh bắt

cứ kẻ nào vi phạm lệnh ấy, Paul có cảm tưởng lính chỉ miễn cưỡng nghe anh nói; lòng họ vẫn chưa nguôi buốt nhói bởi những sỉ nhục phải chịu suốt những ngày dài tù ngục.

Tới ngã tư Đường La Grandière và Đại lộ Lure, Paul ra lệnh cho lính dừng lại, nép vào mé tường cao trong khi anh dò xét con đường trước mặt để bảo đảm không có chướng ngại vật. Paul đưa mắt liếc thật lẹ Quân Y Viện Đồn Đất. Quang cảnh khu bệnh viện với mấy dãy nhà có hàng hiên bao quanh làm anh bất chợt thoáng tự hỏi không biết nơi căn phòng điều dưỡng ở trong ấy giờ này vợ mình còn ngủ hay đã thức. Hít vào một hơi, Paul vẫy người của mình vọt thật lẹ qua đại lộ, tiếp tục chạy tới. Ngay lúc đó, anh bỗng nhận ra rằng trong giờ vào trận, đối mặt với những cam bẫy vô lường, sao mình lại quá dao động với những cảm xúc riêng tư.

Đúng khoảnh khắc sắp chạm trán với dân quân Việt Minh, lòng tự tin quả quyết hôm qua của Paul giờ đây bị vây bủa bởi bứt rứt và nghi ngại. Anh nhớ lại vẻ mặt trang trọng của Joseph khi người bạn Mỹ nói tới những cuộc biểu tình rầm rộ của dân chúng ở phương bắc tung bưng ủng hộ Việt Minh, diễn ra ngay trước mắt anh ta. Và Paul tự hỏi biết đâu lúc này, có thể mình đang phản bội những thiên hướng trước đây của mình.

Thuở niên thiếu, việc chứng kiến những cách thức đối xử của thế hệ cha ông đã làm cay đắng mối liên hệ giữa nước Pháp của mình với người An Nam trong bao nhiêu năm trời, khiến Paul quyết định rất sớm rằng mình sẽ không bao giờ lặp lại các lỗi lầm ấy. Rồi sau đó, những xúc động trước cái chết thảm khốc của cha trong bàn tay những kẻ sát nhân người An Nam lại làm căng thẳng mối quan hệ giữa anh với người bản xứ. Còn một điều nữa anh không dám chắc vì cảm thấy nó quá hụt hẫng. Biết đâu chính nỗi khát khao muốn đền bù cho sự vô tình của thế hệ cha ông ấy lại, một cách vô thức, đóng vai trò trong việc anh quyết định kết hôn với Lan.

Dù yêu thương vô hạn Lan cùng đứa con trai của hai người, Paul vẫn nhận ra Lan dường như lúc nào cũng giữ vẻ dè dặt đối với anh. Mối quan hệ vợ chồng thỉnh thoảng bị chùng lại ở một điểm tinh tế nào đó, dù anh có cảm tưởng đôi bên đều cố gắng khắc phục nhưng cả anh lẫn Lan chỉ có thể lướt qua nó, không thể làm tan biến nó. Cứ thế, thỉnh thoảng anh lục lọi cõi lòng mình và cay đắng tự hỏi phải chăng mình đã lập một quyết định không thể nào thực hiện. Lúc này, với hậu quả cuộc thế chiến, dân chúng An Nam đã ra khỏi tình trạng bị thảm và lần đầu tiên từ gần một thế kỷ nay, họ nắm quyền kiểm soát vận mệnh của mình. Còn chính anh lại là người sắp đập gãy vòng tay mong manh ôm độc lập tự do của họ và đẩy họ thêm lần nữa trở lại làm người dân của một xứ sở nô lệ cho đám tây thực dân. Phải chăng hành động này của anh đang làm cho những gì anh từng tin tưởng trong quá khứ trở thành vô nghĩa trong hiện tại?

Xa xa, đằng cuối Đại lộ Charner, mặt tiền Toà Thị chính với hàng cột nổi chống thẳng lên tận mái hiện lơ mờ trong tầm nhìn. Khi ánh mắt Paul bắt gặp các dân quân Việt Minh áo quần xộc xệch đang đứng gác bên ngoài những khung cửa sổ sáng ánh điện, lòng anh se lại. Chắc chắn đây không đúng cách thức lý ra phải xảy tới!

Phải chăng vì chủ trương của nhiều người An Nam muốn đề huề với Pháp lẫn lợi ích của những người trung thành với Pháp khiến những người Pháp có danh dự phải gánh vác nhiệm vụ trao cho xứ sở chậm tiến này một điểm khởi hành tốt hơn điểm xuất phát hiện nay của Việt Minh. Để từ đó, dân chúng An Nam được bảo hộ, bước từng bước hòa bình và ổn định trên con đường dẫn đến một nền tự do dân chủ chân chính? Phải chăng, dưới sự kiểm soát của Việt Minh, nền bảo hộ của Pháp sẽ bị thay thế bằng một cái gì đó sắt máu và tệ hại hơn, đó là

sự không chế của Mát-cơ-va qua Cộng sản Quốc tế Đệ tam? Câu hỏi ấy làm Paul đột nhiên và nhanh chóng lấy lại lòng tự tin rằng mình đang chọn lựa đúng. Anh đưa tay vẫy binh sĩ tiến vào con hẻm nhỏ cặp bên hông trụ sở của Việt Minh. Tâm trí Paul lại tập trung vào việc điều động sao cho thuộc cấp áp sát mục tiêu mà không bị phát hiện.

Lực lượng đột kích của Pháp không biết rằng hầu hết các ủy viên của Ủy ban Hành chánh Nam bộ đã rời Tòa Thị chính. Lúc mới chấp chánh, họ dùng Dinh Toàn quyền Đông Dương làm trụ sở cho guồng máy chính quyền cách mạng mới thành lập; sau đó, tướng Gracey buộc họ phải dời qua Tòa Thị chính. Công tác ngày càng nhiều và tình hình khẩn trương hiện nay khiến họ có mặt suốt ngày đêm tại đây, gần như không thiếu người nào. Nhưng tối hôm qua, dự tính tiến công bằng quân sự của Pháp không lọt khỏi tai mắt mạng lưới đặc vụ cảnh báo của người Việt Nam. Để bảo toàn lực lượng, các ủy viên - trừ một người - đều nường theo bóng đêm thoát về nhà mình. Ngô Văn Lộc tình nguyện làm người ở lại vì anh không có bà con ruột thịt nào ở Sài Gòn, nhưng động cơ chính là ngại trước việc người Pháp có thể viện cớ rằng sự kiện không một ủy viên nào có mặt tại Tòa Thị chính chứng tỏ Ủy ban Nam bộ đã bỏ phế guồng máy hành chính, có nghĩa là từ bỏ quyền cai trị Sài Gòn.

Trời sắp rạng sáng. Lộc nằm lơ mơ ngủ trong chiếc giường bỏ trên rầm thượng vắng vẻ, ngay dưới tháp chuông đồng hồ dùng làm chóp đỉnh của toà nhà thị chính già gần trăm tuổi; mặt tiền được trang trí bằng hàng chục phù điêu lấy sự tích từ thần thoại Hy Lạp và La Mã. Sát bên giường, trên sàn nhà, anh để sẵn một khẩu tiểu liên tự động bóng ngấn, lấy cấp của quân Nhật. Trên chiếc ghế cạnh cửa ra vào, một dân quân Việt Minh trẻ tuổi, cận vệ của Lộc, ngồi ngủ gà ngủ gật, trên đùi gác khẩu súng cùng loại.

Cả ông thầy lẫn đệ tử đều giật mình choàng tỉnh khi nghe có tiếng súng nổ ròn ở đường phố bên dưới. Tiếng thét báo động chưa kịp thoát khỏi thanh quản, cả bốn dân quân Việt Minh gác mặt tiền đã bị lính dù đón gọn bằng súng tự động. Vài giây sau, thầy trò Lộc nghe tiếng súng nổ thật gần và tiếng chân chạy rầm rập lên các tầng trên. Lặng tai chốc lát, Lộc ra lệnh cho cận vệ vào núp bên trong chiếc tủ lớn đựng ly tách kê ở cuối phòng. Kế đó, Lộc kiểm tra cửa rầm thượng. Hơi an tâm vì cửa tuy mỏng nhưng được khoá chặt, Lộc quay vào đứng trước mặt tủ, hờn sẵn súng thủ thế.

Chậm chậm, tiếng động của lính Pháp rõ dần khi họ đi lên theo ngả cầu thang. Lộc nghe loáng thoáng một mấy câu chửi thề bằng tiếng Pháp khi thấy trong toà nhà gần như không một bóng cán bộ Việt Minh. Tiếng lục lọi các tủ hồ sơ rồi tiếng đập đồ loảng xoảng vang tới tai Lộc. Kế đó, anh nghe tiếng bước chân hối hả chạy ngoài hành lang dẫn lên rầm thượng.

Cửa bị đá tung. Hai lính dù xuất hiện, đồng loạt khai hỏa, dù chưa thấy rõ trong phòng. Lộc nhoài người xuống sàn nhà tránh loạt đạn quét đường, đồng thời anh buông súng. Một lính dù đưa chân giữ yên cánh cửa rồi cả hai bước hẳn vào phòng, hè nhau chia súng lên người Lộc. Cùng với viên thiếu tá đi theo họ, những bệt sơn trên mặt lem luốc như nhọ nồi tạo cho cả ba cái vẻ quái đản trong khung cảnh rầm thượng tranh tối tranh sáng.

Gã lính dù đứng gần nhất tung giày, đá một cú ác liệt nhắm thẳng mặt Lộc. Anh vắn người cố né nhưng không kịp. Mũi giày quất thẳng giữa trán làm Lộc choáng váng mặt mày. Trong mơ hồ, anh nghe tiếng Paul Devraux giận dữ, quát lính lui ra.

Vừa quì xuống một bên Lộc, Paul nhận ra ngay người “bồi” trại săn của cha mình thuờ nào. Anh nói thật lẹ:

- Lộc ơi, tôi đây, Paul đây!

Cúi mình và luồn tay dưới hai vai còm cõi của Lộc, Paul nâng anh ngồi lên rồi lớn tiếng gọi quân y. Lính cứu thương vừa từ cầu thang vọt lên còn thở hổn hển, Paul liền chụp xác cứu thương, lấy miếng băng cấp cứu tẩm sẵn thuốc khử trùng ấn thật chặt lên lần nứt dài và sâu đang ứa máu trên trán Lộc, chỗ mũi giày chọc trúng. Máu tạm cầm, Paul để miếng băng qua một bên và thở ra, nói như nghẹn:

- Anh Lộc, tôi xin lỗi đã xảy ra chuyện như thế này.

Lộc quắc mắt nhìn Paul, không nói một tiếng. Da mặt Lộc tím lại thành chiếc mặt nạ đắp bằng hận thù và kinh tởm. Lộc hít vào một hơi thật sâu, có vẻ như đang gom hết sức lực để mở miệng nói một câu gì đó. Nhưng đột nhiên anh đổi ý, nhổ toẹt một bãi nước bọt bay thẳng vào chính giữa mặt Paul. Viên sĩ quan Pháp đội người lui, đưa tay áo lên chậm chậm quệt má. Anh nhún vai và nói, giọng rầu rĩ:

- Lộc ạ, anh đừng nên qui lỗi cho hết thầy người Pháp vì hành vi của một thiếu số. Tới một ngày nào đó, các anh sẽ được trao trả độc lập - nhưng cái đó đòi hỏi thời gian.

Điên tiết trợn con mắt đầy gân máu nhìn quanh rồi ngó trùng trùng gã lính dù vẫn đứng kèm súng tiểu liên chia thẳng vào đầu mình, Lộc xoay người lại quát thẳng vào mặt Paul:

- Lão khoét. Nhân dân tao căm thù bọn Tây chúng mày vô hạn. Mày sẽ thấy. Tội tao quyết chiến đấu giành độc lập tự do cho tới hơi thở cuối cùng.

Kinh hoàng bởi hận thù ngàn ngút trong hai con mắt của người Việt Nam, Paul đứng lên chậm chậm, cảm thấy tức ngực và tuyệt vọng. Anh quay lưng sắp bỏ đi bỗng nghe từ dưới sàn vang lên tiếng thét ra lệnh bằng tiếng bản xứ:

- *Giết! Giết thẳng quan tư!*

Ngoái mắt lui, Paul thấy cửa tủ ly tách nơi cuối phòng bật tung. Trong chớp mắt, khẩu tiểu liên báng ngắn của người dân quân trẻ khạc lửa. Paul cảm thấy đầu đạn trúng lỗ chỗ trên lưng mình, sức dội làm người anh xoáy vòng rồi hất anh văng tới đằng kia phòng.

Loạt đạn ấy chưa dứt tiếng nổ, hai lính dù đã khai hỏa. Thân thể gầy gò của người thanh niên Việt Nam bị hơn một chục đầu đạn cắm phập vào. Kế đó, lính dù quay mũi súng sang Lộc, bắn và tiếp tục bắn vào ngực vào đầu anh cho tới khi hai chân hai tay của Lộc không còn co giật, và anh nằm lịm chết trong vũng lai láng máu của chính mình.

Trung úy David Hawke quành tay lái chiếc díp OSS sang phải rồi quặt trái, phóng xe chạy ngoằn ngoèo qua một ô phố đổ nát trên Đại lộ Catinat. Tiếng đạn súng cối nghe như giả gạo cùng tiếng đại liên đột ngột vang lên tạch tạch cách con đường chiếc xe vừa lao ra năm chục thước, báo cho Joseph và Hawke biết cả hai hầu như đang lọt vào khu vực đụng độ giữa một trung đội thuộc Đệ nhất Khinh binh đoàn Népal và một lực lượng đông đảo dân quân Việt Nam.

Những binh lính Népal nhỏ thó, da ngăm ngăm đen, đang ra sức đánh chiếm Đại lộ Galliéni, một đường phố ngang qua ga xe lửa gần chợ Bến Thành, chạy thẳng hướng nam vào Chợ Lớn. Nhưng dân quân vừa bị xua khỏi khu vực này liền lẻ làng xuất hiện và tức khắc lập nút chặn ở khu vực khác. Joseph nghe xa xa có tiếng nổ ầm ỹ của đại bác bắn đạn nặng hai mươi lăm cân Anh. Thỉnh thoảng anh thấy có mấy chiếc máy bay một động cơ loại Spitfire và Mosquito mang quân huy đỏ, trắng và xanh của Không lực Hoàng gia Anh, gầm rú lướt thật thấp, xạ kích một ổ đề kháng của Việt Nam.

Hôm đó 27 tháng Chín. Những cuộc tiến công điên cuồng và phóng ra từ khắp hướng của dân quân Việt Nam ở chính giữa trung tâm Sài Gòn đã sang ngày thứ tư. Các toán dân quân nguy trang xâm nhập những cơ sở trọng yếu nội thành, ra sức gia tăng những cuộc tập kích chớp nhoáng vào các bộ chỉ huy quân Anh và quân Pháp. Ba ngàn lính Anh chịu sức ép nặng nề phải cùng với đám lính Nhật bị lừa ra tham chiến, cố sức chặn đứng cuộc tiến công của Việt Nam. Phía bên kia, các dân quân chứng tỏ cho thấy họ là đối thủ rất khéo xoay xở và rất giỏi lẩn tránh. Giờ đây, họ không chỉ là những thanh niên mới gia nhập hàng ngũ Việt Minh và tập đoàn Bình Xuyên nữa, mà còn đông đảo gấp bội. Họ gồm các toán quân tự lập và tự lực của lực lượng vũ trang của các giáo phái, các đảng phái chính trị dân tộc chủ nghĩa, cùng Việt Minh mặc nhiên liên thủ với nhau.

Thấy một loạt đạn bắn ra từ một toán quân du kích núp đâu đó nổ ran, phá vỡ bức tường của một toà nhà cách mười thước trước mặt, Joseph kéo sụp mũ sắt xuống ngang mi mắt, miệng lầm bầm chửi thề và hụp người xuống phía dưới bưng chắn bừa. Quanh xe vọt ra khỏi tuyến lửa và phóng thẳng tới công viên trước mặt nhà ga, Hawke lầm bầm giận dữ:

- Qui cắt ma theo hai hòn của lão Gracey đem mà làm thịt nướng! Lão nghĩ lão là thứ người gì chứ? “Chỉ có xe limousine của sĩ quan chỉ huy Anh mới được quyền cấm cò”! Nếu lá cò Sao Sọc được phép cấm trên chiếc xe díp khôn nạn này chắc chắn bọn bản xứ hung hăng sẽ thổi nổ súng vào chúng ta. Tôi có nên kiếm một lá cò Mỹ không đại úy?

Tiếp tục giữ mắt nhìn dè chừng con đường trước mặt, Joseph trả lời:

- Không thì tốt hơn. Lúc này người Anh đủ điên tiết để đưa chúng ta ra toà án binh vì tội bất phục tùng nếu chúng ta không làm đúng theo mệnh lệnh của họ.

Hawke miễn cưỡng gật đầu đồng ý. Suốt bốn ngày qua kể từ cú đảo chánh của người Pháp, cả hai quan sát với cảm giác giận dữ và thất vọng càng lúc càng tăng vì thành phố Sài Gòn bị nhận chìm trong các cuộc đụng độ. Sáng sớm Chúa Nhật, sau khi bị đánh thức bởi tiếng súng nổ liên tục, Joseph và Hawke lái xe vào trung tâm thành phố và thấy cờ tam tài của Pháp bay phất phới trên cột cờ Toà Thị chính, Dinh Toàn quyền cùng tất cả các công thự khác.

Rồi suốt hôm đó, cả hai chứng kiến những hoạt cảnh kinh tởm, y hệt họ đã thấy trong đêm trước đó, nhưng với mức độ rộng lớn hơn nhiều. Thấy Toà Thị chính vắng vẻ, lính Pháp bắt đầu lòng sục hết nhà này sang nhà khác. Vô số người Việt Nam bị đánh đập tàn nhẫn trên đường phố hoặc bị bắt giải bộ tới nhà giam, hai tay trói chặt, trong khi đó, lòng uất hận lâu ngày của binh lính và thường dân Pháp bùng nổ thành cơn thèm khát trả thù điên dại.

Trong vòng hai mươi bốn tiếng đồng hồ, người Việt Nam bị sỉ nhục lập tức trả đũa. Họ tuyên bố đình công bãi thị toàn diện và chia mùi dùi tiến công rất kiến hiệu của mình vào nhà máy điện và nhà máy nước. Những ngôi chợ chính trong trung tâm thành phố rực cháy. khắp các

đường phố dựng đầy chướng ngại vật. Chỉ nội một đêm, Sài Gòn trở thành một khu đất cô lập, không điện và không nước.

Trong tình trạng hoang mang và hỗn loạn đó, đồ đảng Bình Xuyên tung ra một cuộc tàn sát ghê rợn các viên chức dân sự Pháp cùng gia đình họ, tại một khu vực Sài Gòn đang được giao cho lính Nhật canh gác. Đêm ấy tàn bạo và man rợ tới cùng. Gần hai trăm đàn ông, đàn bà và trẻ em bị đâm chém tới chết và bị hành hạ ngay trên giường ngủ. Hai trăm người khác bị bắt đem đi làm con tin. Sáng hôm sau, Joseph và Hawke chứng kiến hàng ngàn thường dân Pháp ào vào khách sạn Continental, lúc này trở thành một pháo đài cứ điểm. Tại đó, các tây thuộc địa và gia đình sống lẫn lộn trên sàn hành lang và các phòng sinh hoạt công cộng trong khi chung quanh họ, trên các đường phố bên ngoài, chiến cuộc mỗi giờ một dữ dội.

Kinh hoàng vì sự xoay chuyển của các biến cố, chỉ hai mươi bốn giờ sau khi phóng thích các quân nhân Pháp, tướng Gracey ra lệnh phong tỏa họ lại trong doanh trại, đồng thời bắt giữ Bá tước Thống chế Terauchi, tư lệnh quân Nhật. Sau khi hăm dọa truy tố Bá tước như một tội phạm chiến tranh, Gracey ra lệnh cho vị tư lệnh quân Nhật ấy phải lập tức lừa binh lính của mình ra chiến tuyến đánh nhau với người Việt Nam. Từ đó, mắt của Joseph và của Hawke nhanh chóng làm quen với cảnh tượng quân Nhật vũ trang đầy đủ nhào vào chiến đấu bên cạnh lính Népal của quân Anh. Trong mấy ngày đùng độ đầu tiên, lính Nhật tiếp tay giết được hơn một trăm người Việt Nam. Và Joseph choáng váng khi nghe các sĩ quan Anh ca ngợi tinh thần kỷ luật cùng khả năng tác chiến của quân Nhật, những kẻ lúc này đứng mũi chịu sào các tai biến.

Bên ngoài nhà ga, một đại đội Quân đội Thiên Hoàng Nhật đang leo lên xe tải dưới quyền điều động của một sĩ quan Anh. Thấy cảnh tượng đó, Joseph buột miệng kêu lên với vẻ mặt nhòm tòm:

- Khốn nạn! Làm sao họ có thể sống với bụng dạ yên ổn khi dùng kẻ thù để đánh lại bạn hữu của mình? Những dân sơn cước Népal nhỏ thó và gan dạ kia từng đánh chặn quân Nhật ở Miến Điện, nay cảm thấy ra sao khi khắp chung quanh họ đầy đầy những kẻ cách đây mới hai tháng đã giết các đồng đội thân thiết nhất của họ?

Mỉm miệng cười ác liệt, Hawke trả lời:

- Có lẽ tôi nay đại úy sẽ có dịp hỏi họ. Cả thiếu tá, ông và tôi đều được mời dùng bữa tối với các sĩ quan của họ. Chắc chúng ta phải ngồi đưa tay lên bịt mồm bịt miệng mình lại, chứ ăn với uống cái nỗi gì!

Joseph lắc đầu không tin nổi. Chàng thanh niên Boston nói thêm, phát âm nhại giọng Anh:

- Đại úy không biết sao, phải có cái gì đó lớn hơn cuộc chiến tranh thuộc địa nhỏ xíu này mới có thể làm cho người Anh thôi giữ thói phong nhã trong tập quán tiệc tùng và những bữa ăn tối tập thể.

Joseph gật đầu, cảm thấy sôi giận thêm vì sự bất lực của mình. Làm khán giả khoanh tay nhìn thành phố Sài Gòn rơi vào tình trạng hỗn độn quả là một kinh nghiệm chua xót - không chỉ vì những xúc động quá chằng chịt và rất ràng buộc của bản thân anh đối với cuộc rối loạn này. Lòng buồn thấm thía vì chứng kiến thái độ tàn bạo và đáng hổ thẹn của người Pháp, suốt mấy đêm qua anh để nguyên quân phục đi ngủ, và chỉ chập chờn từng giấc ngắn.

Bên cạnh đó, kể từ lúc gặp lại Lan, Joseph cảm thấy lòng mỗi ngày một thêm xao xuyến. Con choáng váng khi nghe nàng nói cả hai có chung một đứa con gái tám tuổi hiện sống nơi làng quê heo hút phương bắc vẫn triền miên dày vò tâm trí anh cả ngày lẫn đêm. Joseph khắc khoải thêm ghé thăm Lan lần nữa để được nghe nàng nói thêm về Tuyết, đứa con gái bé dại và côicút, nhưng viễn ảnh thêm lần nữa lừa dối Paul khiến lòng anh đầy mặc cảm phạm tội. Càng chứng kiến cuộc đụng độ lan rộng, Joseph thấy mình càng có thêm thiện cảm sâu xa đối với người sĩ quan Pháp ấy, kẻ để cho cuộc đời mình bị buộc chặt vào người An Nam vì những lý do vị tha.

Trong một lần ghé qua bộ tư lệnh của đại tá Cédile hồi đầu tuần, anh quẩn trí khi biết tin Paul bị thương ngay trong giờ phát khởi cú đảo chánh và được máy bay chở lên điều trị tại quân y viện trên Đà Lạt. Việc biết ra rằng cuộc đụng độ này đang gây nhiều tác hại sâu rộng và làm Paul bị thương trầm trọng khiến Joseph cảm thấy thêm xót xa và vừa oán ghét vừa kính trọng cách người Anh giải quyết cuộc khủng hoảng.

Tâm trí Joseph vảng vất những ý nghĩ đó khi anh ngồi xuống dùng bữa ăn tối tập thể với các sĩ quan Anh cao cấp bên bàn ăn cấp trung đoàn có những bộ đồ ăn bằng bạc lấp lánh, những ly tách bóng loáng và khăn trải bàn trắng tinh dẹt bằng vải lanh. Trong bữa ăn, bên vành ly rượu vang Tây Ban Nha màu nâu sẫm sáng, các sĩ quan Anh rôm rả và hóm hỉnh bàn luận về những khó khăn trong việc lần theo dấu vết của quân du kích khi họ rút lui và lẫn vào các làng mạc trong rừng bên kia ngoại biên thành phố.

Tới khi người ta mang ra món xúp đựng trong liễn có khắc phiên hiệu Sư đoàn Mười hai Ấn độ, một thiếu tá phốp pháp nêu vấn đề ấy ra lần nữa. Giọng anh ta sang sảng:

- Tôi nói với người của tôi rằng nếu thấy khó phân biệt bạn và thù thì cứ việc sử dụng tôi đa lực lượng có sẵn để bảo đảm quét sạch không còn một móng địch quân nào - luôn luôn sử dụng lực lượng tôi đa!

Uốn lưỡi nhắc lại mấy tiếng cuối đó với vẻ mặt khoái trá, anh ta tiếp:

- Nếu ta dùng quân số tối thiểu, chắc gì còn sống để mà kể chuyện - nhưng nếu ta dùng rất nhiều lính thì chẳng tổn thất gì lớn. Tôi nói như thế, thưa quý vị, có đúng không ạ?

Hỏi xong, anh ta cười khúc khích, nâng ly rượu chát lên nhấp một cách thú vị rồi nhìn lòng vòng chờ lời tán thưởng của mọi người. Quanh bàn ăn râm ran tiếng thầm thì nho nhỏ. Một đại tá mặt hồng hào và ngạo nghễ, đưa khăn ăn lên chấm hai bên mép bộ ria quặp màu hung:

- Hoàn toàn chính xác. Tôi còn viết cái đó vô nhật lệnh. Tôi bảo các chàng trai của tôi rằng thật hoàn toàn hợp pháp khi ta xử như kẻ thù đối với tất cả các dân địa phương mà ta tìm thấy ở bất cứ nơi nào gần hiện trường có nổ súng - vậy đó, toàn là thứ dân cực kỳ xảo trá. Tôi phải nói rằng cái lệnh thứ hai này cũng gặt hái kết quả đúng với yêu cầu.

Viên sĩ quan ngồi bên phải của Joseph, Ngài Đại tá Harold Boyce-Lewis, người đối tác tình báo với anh, nhướn đôi lông mày thú vị về phía Joseph. Ông ta nói phớt tỉnh:

- Đại úy ạ, có vẻ mấy ông bạn Việt Minh thân thiết của đại úy đạt được nhiều hơn cái mà họ muốn mặc cả, đúng không? Theo như bản tường trình của anh chuyển cho chúng tôi thì họ làm ồn ào cái chuyện muốn điều đình. Nhưng với cách đọc của tôi, tôi thấy thật ra họ chỉ

muốn nắm cò súng cho bùng nổ một cuộc chiến tranh kiểu cổ điển. Được thế, nó sẽ làm nổi bật vai trò của họ hơn và sẽ biến cuộc cách mạng hạng bét của họ thành có vẻ rất hiện thực. Từ giữa tháng Tám tới nay, mới vốn vẹn hơn năm tuần lễ, Việt Minh ở đây từ chỗ không ai biết đã độc chiếm sân khấu chính trị. Nhờ thế, họ chiêu dụ được nhiều thanh niên ra trận và cắt cổ mổ họng hàng trăm địch thủ người Việt của họ. Đại tá Cédile bảo đảm với tôi rằng đại đa số người An Nam ủng hộ Pháp và muốn thấy nền cai trị ổn định của người Pháp được phục hồi.

Joseph dăm dăm ngó Boyce-Lewis, không tin nổi mắt mình:

- Thưa đại tá, ông chẳng thể nào lầm lẫn hơn được nữa. Tất cả dân Việt Nam, dù có đứng chung hàng ngũ với Việt Minh hay không, đều căm thù Pháp vì họ có lý do chính đáng, trừ một thiểu số hết sức nhỏ. Họ bị tổn thương sâu xa vì người Anh đã tiếp tay lấy đi cái mùi vị độc lập tự do mà từ một trăm năm qua, nay là lần đầu tiên họ có được. Nhưng Việt Minh là những người có đầu óc thực tế - tôi biết như vậy vì tại miền bắc tôi đã đàm đạo với Hồ Chí Minh. Ông ấy là một lãnh tụ kiên cường và ông ấy biết người Việt Nam vẫn cần tới người Pháp. Việt Minh rất muốn, cực kỳ muốn được ngồi xuống điều đình sao đó với Pháp để Pháp công nhận chủ quyền tối thượng của họ.

Boyce-Lewis mỉm cười thương hại:

- Anh bạn đồng nghiệp thân mến của tôi ơi, công nhận chính quyền Việt Minh là việc của chính trị. Anh nhớ cho rằng chúng ta chỉ là quân nhân. Như anh hẳn biết, trong cuốn thủ bản lệ luật quân đội có ghi rõ rằng “người chỉ huy đạo quân chiếm đóng xứ sở nào thì phải ra sức tuân giữ luật lệ hiện hành của xứ sở đó”. Chúng tôi có mặt ở đây là để duy trì trật tự. Cuộc cách mạng nhỏ nhút của Việt Minh gây xáo trộn cái trật tự tốt lành cũ. Tôi nghĩ rằng chúng tôi đang theo khá sát cuốn thủ bản nhà binh đó. Pháp là chủ quyền tối thượng, mọi luật lệ là Pháp, thế thôi, chẳng có gì đơn giản hơn. Trả lại quyền lực cho Pháp tức là phục hồi nguyên trạng. Việt Minh của anh không do ai bỏ phiếu bầu lên cả.

Joseph hỏi lại, giọng càng lúc càng uất ức:

- Vậy dân chúng xứ sở này có bỏ phiếu bầu người Pháp lên cai trị họ không? Dù có mở hết trí tưởng tượng ra tới mấy đi nữa, cũng phải thấy rằng kể từ năm 1941, Pháp đã mất chủ quyền tối thượng ở đây. Nếu người Anh tính chuyện đi khắp thế giới để phục hồi cái thứ nguyên trạng đó thì có xoè tay ra đếm hết cả mười ngón cũng không xuể.

Boyce-Lewis cúi đầu ngó muông xúp của mình, vẩy vẩy bàn tay còn lại như tỏ ý bác bỏ lời nói của Joseph:

- Ở miệt dưới của xứ An Nam này, Việt Minh chỉ là một phong trào rất thiểu số gồm những gã bôn-sê-vich hung hăng và quá khích - còn những gã khác có khuynh hướng dân tộc chủ nghĩa thì bị đều khích động xúi giục bởi bọn Nhật là bọn chỉ muốn gây khó khăn cho chúng tôi thôi. Đó là lý do khiến bọn lùn lấy vũ khí đem cho những gã thuộc loại như Cao Đài và Hoà Hảo.

Đột nhiên giọng điệu khinh mạn của viên đại tá Anh làm bùng sôi mọi cảm xúc bị dồn nén bấy lâu nay trong lòng Joseph. Anh đứng bật dậy, làm chiếc ghế lật ngửa, đánh sầm xuống sàn nhà. Mắt ngó xuống Boyce-Lewis, Joseph nói sôi nổi:

- Ông có nhớ Hiến chương Đại Tây Dương năm 1941 không, thưa đại tá? Không phải Churchill và Roosevelt đều đã đồng ý rằng chúng ta tôn trọng quyền của mọi dân tộc được chọn thể chế chính trị của họ sao? Ông được phái tới đây để giải giới và hồi hương lính Nhật bại trận - nhưng thay vì làm việc đó, ông lại để cho lính Nhật tiếp tục giữ nguyên vũ khí để đập tan một quốc gia nhỏ bé vì dân chúng của nó chỉ có cái tội duy nhất là muốn được độc lập tự do.

Một sự im lặng choáng váng phủ khắp các bàn tiệc. Vài sĩ quan Anh há hốc miệng, chăm chăm nhìn Joseph trong khi anh nói tiếp:

- Quý vị có từng thấy lựu đạn tay của họ làm từ vỏ đồ hộp cũ không? Quý vị có từng nhìn các mũi tên tầm độc và gậy tầm vông vọt nhọn của họ không? Những vũ khí đó thô sơ quá, đúng không? Nhưng chúng chứng tỏ rằng trong lòng họ, việc vứt bỏ các chủ nhân ông ngoại quốc là một cảm xúc hết sức sâu xa. Chúng ta cứ tưởng mình tham dự cuộc chiến tranh này là để bảo vệ tự do dân chủ - nhưng tất cả những gì chúng ta đang thực hiện ở đây chỉ là đặt lại cây roi chần bầy nô lệ vào lòng bàn tay của người Pháp. Đó không phải là cái quý vị nên lấy làm tự hào - trong thực tế, đó chỉ là một sự phản bội khôn kiếp hết thảy những gì nền dân chủ phương tây có hoài bão bênh vực.

Mặt tái nhợt, Joseph xoay mình bước một mạch tới cửa ra, để lại trung úy Hawke và viên thiếu tá OSS ngồi bối rối cần cái giữa các sĩ quan thuộc bộ chỉ huy người Anh. Trong một lúc, khắp phòng ăn im lặng, rồi Boyce-Lewis liếc nhanh về phía viên sĩ quan cao cấp nhất hiện có mặt, một thiếu tướng gầy gò, mặt cau có:

- Trình thiếu tướng, tôi đề nghị một cách tốt nhất để ứng xử với viên đại úy trẻ tuổi và nóng giận kia. Có lẽ ta nên tuyên bố anh ta là *persona non grata* - người đối tác không được chính phủ của nước bạn chấp nhận - và lập tức gọi anh ta lên tàu về Calcutta, ông có đồng ý không ạ?

Thiếu tướng chậm chậm gật đầu rồi cầm lên ly rượu vang, trầm ngâm xoay xoay giữa ngón tay cái và ngón tay trỏ:

- Tôi sẽ làm y như vậy, đại tá. Tôi sẽ làm y như vậy.

- 19 -

Sáng hôm sau, khi Joseph và Hawke tới gần Bến Thành, chợ trung tâm của Sài Gòn, cả hai thấy từ vòm mái cong bị cháy nám trên khu nhà lồng chợ khói đen còn tuôn mù mịt. Chợ bắt đầu bị đốt và bốc cháy cách đây bốn ngày nhưng vì tình trạng độn độ xảy ra từng chập trên các đường phố chung quanh chợ nên không ai dám tính đến chuyện chữa lửa. Hawke cho xe chạy chậm chậm trên con đường hẹp bên hông ngôi chợ đang cháy và lắc đầu ngao ngán:

- Nếu chợ cứ đóng cửa mãi thế này và quân du kích tiếp tục chặn không cho đem thực phẩm vào thành phố, tôi đoán chẳng bao lâu nữa chúng ta bắt đầu chứng kiến tình trạng đói kém ở đây, ngay tại phương nam này...

Hawke đang nói bỗng có một thằng bé người Việt mặc quần áo cũ sòn, từ đầu một con hẻm lừng thủng đi ra giữa đường, làm anh phải đạp thắng thật gấp. Viên trung úy lật đặt nhảy xuống xe, vói tay chụp thằng bé và nhấc bổng lên. Nó chỉ khoảng ba bốn tuổi. Đột nhiên

Joseph rướn thẳng người lên trên ghế, ngó chăm chăm thẳng bé. Chỉ mấy giây sau, một người đàn bà, hình như là mẹ nó, từ một căn phố trong hẻm hốt hoảng lao ra. Bà giật thẳng bé trong hai bàn tay đang lắc lắc hí hửng của chàng thanh niên Boston. Hawke cười toe toét bước trở lại xe díp và bắt gặp Joseph đang đắm đắm nhìn mình bằng tia mắt kỳ lạ, vẻ mặt rúm ró như đang chịu một cơn đau dữ dội. Anh lo lắng hỏi:

- Đại úy, chuyện gì vậy?

Joseph trả lời, giọng thì thào thê thảm:

- Nạn đói! Trời ơi trời, tại sao tôi lại quên lửng nạn đói!

Mặt Joseph trắng bệch, không chút sắc máu. Anh ngó không chớp mắt khoảng không trên đầu Hawke như thể viên trung úy không có ở đó. Hawke lại hỏi, phân vân:

- Đại úy có ý nói gì vậy?

- Nạn đói ở phương bắc.

Joseph nhắm mắt lại một lúc. Trong tình trạng hoang mang mấy ngày vừa qua, trí óc anh triền miên nhớ tưởng và mừng tượng nét mặt của đứa con gái tám tuổi anh chưa bao giờ gặp. Nhưng mãi tới lúc này, anh mới nghĩ đến cái làng quê vô danh nào đó ở phương bắc, nơi đứa bé con của anh được gởi cho người ta nuôi dưỡng. Và anh chợt nhớ rằng nó đang nằm trong khu vực có nạn chết đói hãi hùng tràn lan khắp vùng châu thổ Bắc kỳ và mạn bắc Trung kỳ.

Hiểu sai ý của Joseph, Hawke cười nhăn nhó, giấy nẩy:

- Tôi không đi theo đại úy đâu!

- Lên xe ngay - lẹ lên!

Joseph vội vàng chuyển người qua ngồi đằng sau tay lái, mặt hằn nét quả quyết. Hawke ngồi chưa ngay chỗ, anh đã nhún ga như điên, phóng hết tốc lực về phía Nhà thương Đồn Đất. Tới trước sân bệnh viện, Joseph kèm chân thắng, bánh xe nghiêng ken kết rồi chững lại. Nhảy xuống, để mặc Hawke lo liệu thủ tục trình báo, anh vượt qua mấy người gác làm họ hoảng hốt dạt qua một bên.

Joseph chạy tất tưởi theo hành lang dẫn lên phòng của Lan. Vừa tới cửa, anh thở hổn hển, lướt qua người nữ y tá đang trực bệnh, không một lời giải thích tại sao mình có mặt. Rồi anh hốt hải thất vọng trước chiếc giường trống cùng căn phòng đã được dọn dẹp tươm tất, và vô hồn, không ánh lên chút dấu hiệu nào chứng tỏ Lan từng nằm ở đó.

Từ cửa phòng, giọng người nữ y tá vang lên nghe rõ từng tiếng:

- Thừa đại úy, bà ấy đã xuất viện ba hôm trước. Bà nói là để cùng với cả nhà kịp thời rời Sài Gòn.

Joseph chạy thẳng một mạch trở lại xe díp. Thêm lần nữa anh chụp tay lái. Với vẻ gay cấn và khẩn trương không kém lúc lái xe tới nhà thương, anh phóng xe thẳng tới cư sở của quan sứ

thần. Ở đó, Joseph thấy cánh cổng sơn son hình trăng rằm bị tung khỏi bản lề, nằm trơ vơ xiêu lệch. Tim chùng xuống, anh lê chân qua mấy mảnh ván.

Chưa vô tới hiên nhà, mắt Joseph đã bắt gặp đồ đạc vất ngổn ngang trên mấy bậc thềm, chứng tỏ nhà vừa bị cướp phá. Bên trong, bàn thờ gia tiên đồ nghiêng xiêu vẹo, lư hương sơn son và những bức tượng thiếp vàng biến mất. Bộ bàn ghế kiểu đời Louis XIV nằm bẽ nát như gỗ vụn. Các bức tranh thủy mặc Tàu và An Nam cùng hoành phi đối trướng bị giật tung khỏi vách. Và ở phòng kế bên, chiếc giường lâu đời bằng gỗ cẩm lai kiểu nhà quan giờ đây ám khói, đen kịt một đầu.

Tại một phòng ngủ khác, Joseph tìm thấy vài chiếc áo dài lụa của Lan vẫn máng trên mắc áo trong một chiếc tủ sơn mài. Lòng anh bất chợt se lại với cảm giác tuyệt vọng mịt mù. Những y trang vẫn như mây này còn thoang thoảng mùi hương nàng. Đưa tay nâng nhẹ một tà áo, Joseph cúi ngửi vùi mặt mình trong đó. Phải mấy phút sau anh mới cất nổi chân ra khỏi phòng rồi chậm chậm, anh thất thểu bước ra đường.

- Chuyện gì diễn ra ghê gớm vậy đại úy?

Bộ mặt Hawke nhú lại với nụ cười hoang mang. Joseph để ý thấy anh ta đã ngồi ngay ngắn đằng sau tay lái xe díp. Khi Joseph đi vòng qua cửa xe bên kia, viên trung úy trẻ đưa hai tay lên trời, làm ra vẻ kinh hoàng:

- Nếu đại úy muốn, tôi sẽ đưa ông về. Dây thần kinh của tôi banh từng khúc rồi. Lúc này, tôi chỉ muốn chúng ta về tới bộ chỉ huy với thân thể còn nguyên vẹn.

Gật đầu lẳng đặng, Joseph ngồi phịch xuống bên cạnh ghế tài xế. Cả hai im lặng cho xe chạy trong vài phút, dọc theo đường Paul Blanchy, hướng về bộ chỉ huy OSS ở sân cù Phú Nhuận. Hawke lái xe với vẻ cố ý tỏ cho mọi người thấy anh đang rất thận trọng. Khi xe tới gần ụ chướng ngại vật đầu tiên là một đồng cây gỗ dùng làm trụ điện, loại được người Việt Nam chặt khắp các giao lộ dẫn vào thành phố để chặn xe hơi và bao vây lương thực, Hawke giảm tốc độ xuống dưới mười lăm cây số một giờ.

Từ ngày nổ ra cú đảo chánh tới nay, nhân viên OSS đã quen lái xe ngoằn ngoèo với vận tốc của người đi bộ, lách qua các ụ chướng ngại vật bố trí theo hình chữ chi gần bản doanh của mình. Người Việt Nam lúc nào cũng vậy cho họ đi qua và rõ ràng họ biết kẻ ngồi trên xe đó là người Mỹ. Khi xe tới gần chướng ngại vật cuối cùng, cách toà nhà OSS đặt bản doanh chưa đầy năm trăm thước, Hawke sau cùng hết chịu nổi cơn tò mò. Anh cười nhõm miệng và nói:

- Đại úy ạ, ông đã liều cái mạng ngàn vàng của ông, liều luôn cả cái mạng khôn nạn của tôi, để tới cho bằng được hai chỗ đó. Vậy ông có phiền không nếu tôi hỏi rằng ông tìm cái gì trong nhà thương và trong cái nhà bị cướp phá tan hoang ấy?

Joseph thở ra một hơi dài:

- David ạ, tại Sài Gòn này, có một người từng một thời có ý nghĩa vô cùng lớn lao đối với tôi...

Anh dừng lại khi Hawke thêm lần nữa giảm tốc lực xe để bắt đầu dò dẫm vượt qua lớp chướng ngại vật trước mắt làm bằng một đồng cảnh lá rậm rạp và kín mít như một bụi rậm.

Không giống các ụ chướng ngại vật khác, ụ này chẳng thấy có bóng dáng dân quân nào. Mắt không rời con đường, Hawke gạt đầu và rộng miệng cười tươi tắn, mặt sáng rỡ:

- Lúc này thì rõ rồi - một vấn đề của con tim, có phải không đại úy?

- Tôi gặp lại cô ấy lần thứ nhất hôm Thứ Bảy vừa rồi - trong nhà thương...

Joseph vừa nói vừa đưa mắt trông chừng một ụ cành cây khác chất lưa thưa nơi nương nước bên vệ đường. Nó cùng loại với các bụi cây giả, dùng làm nút chặn, nhưng đột nhiên anh nhận thấy nó nhúc nhích.

Cùng khoảnh khắc ấy, Hawke cũng thoáng bất gặp chuyển động đó, anh quay đầu nhìn kỹ hơn. Chiếc xe díp đang chạy rất chậm theo tốc độ người đi bộ, và rồi đã quá trễ, cả hai nhận ra mình đang là mục tiêu ngồi tại chỗ.

“Chúng tôi người Mỹ! Chúng tôi người Mỹ!” Hawke thốt thanh thét lớn bằng tiếng Việt khi bụi cây ấy lật qua một bên nhưng không còn kịp. Tiếng thét của viên trung úy trẻ không chặn nổi khẩu súng trung liên nguy trang khạc đạn thẳng vào anh và Joseph, ở một cự ly rất gần.

Loạt đạn thứ nhất ghim hết vào đầu Hawke, không sót một viên, thổi bay hàm dưới và làm sọ anh vỡ nát. Máu từ các vết thương khủng khiếp ấy vọt ra bốn phía, bắn tung toé lên kính chắn gió. Chiếc xe díp sau khi húc trúng một ụ chướng ngại, chậm chậm lật nghiêng qua phía đường nương bên kia.

Joseph rơi sập mình xuống mặt đất ẩm ướt, nằm đờ người, kinh hãi lắng nghe đầu đạn súng máy quét trúng gầm xe kêu lộp độp. Khi xoay ngửa người, anh thấy thân hình của Hawke mắc nơi bánh lái, treo lơ lửng phía trên. Bộ mặt không còn hình thù. Rõ ràng viên trung úy chết ngay lúc bị trúng đạn. Ngóc đầu lên khỏi mép đường nương, Joseph thấy có ba người Việt Nam bước ra khỏi chỗ nấp và bắt đầu đi về hướng anh, cầm súng ơ hờ trên tay. Anh đoán có lẽ họ cho rằng cả anh cũng đã chết.

Theo lệ thường, mỗi toán hai người OSS khi đi tuần thám đều mang theo một cặp súng Colt .45 và một cặp súng trường Garand M-1. Joseph vớ khẩu súng trường và súng lục của mình rồi từ bên dưới xe díp anh bò ra, phóng mình vô rừng tre bên mép sân cù. Ba người Việt Nam đang băng ngang đường lập tức nổ súng. Joseph cảm thấy đạn vãi trúng vòm lá trên đầu mình kêu sần sật. Qua tới mé bên kia rừng tre, anh nhào người nằm rạp xuống đất, bắn đại về hướng những kẻ đuổi theo mình và ngạc nhiên nghe có tiếng người thét lên trước khi gục ngã. Hai người kia lập tức quay mình chạy trở lại nơi mai phục ổ súng trung liên. Thấy họ chạy, Joseph nhắm theo kỹ hơn nhưng súng bị hóc; anh chửi thề, liệng đi.

Trong khoảnh khắc tạm lắng tiếp liền đó, Joseph kiểm thấy mình có ba gắp đạn súng Colt .45, tất cả chỉ có 21 viên. Anh lật đặt nạp đạn. Một phút sau, anh hoảng hồn thấy có hơn chục người Việt Nam khác thận trọng ló mình ra khỏi vị trí nấp quanh một ụ chướng ngại vật, bắt đầu bò về phía anh. Liếc mắt về hướng đông, anh thấy mình ở cách chỗ an toàn là toà nhà của OSS chừng năm trăm thước. Từ đây tới chỗ đó, các rừng tre chỉ che được một nửa khoảng cách, và như thế toán người Việt Nam có thể bắn trúng khi anh đang chạy. Nhưng anh thấy nếu tiếp tục trụ lại đây, mình không có cơ may sống sót. Hít một hơi thật sâu, Joseph bật người dậy, phóng mình chạy thật lẹ theo mép sân cù. Thấy ra anh, từ trong đám cỏ, toán du kích quân đồng loạt đứng bật lên, rượt theo, vừa chạy vừa bắn.

Chạy tới cuối rặng tre che chở mình, Joseph dừng lại. Anh nhận ra với khoảng cách còn lại quá trống trải hầu như chắc chắn mình sẽ bị trúng đạn của dân quân nếu anh không làm cho họ chậm lại. Anh gay cấn nhìn quanh rồi phóng mình xuống nương nước. Khi mấy người chạy đầu chỉ còn cách chừng mười lăm thước Joseph nhô đầu lên, cầm súng bằng cả hai tay, trút hết gắp đạn Colt .45 về phía họ.

Thêm hai du kích quân bị trúng đạn ngã quỵ. Những kẻ còn lại lập tức nhào người nằm rạp xuống đất. Sử dụng chiến thuật bắn di động học được trong khóa huấn luyện ngắn ngủi của OSS ở Côn Minh, Joseph an toàn tới được cuối rặng tre rồi nhanh như chớp, lao mình ra khoảng đất trống. Quân du kích bắn theo, hết loạt này tới loạt khác trong cự ly bảy mươi thước. Nhưng Joseph chạy dích-dắc và một phút sau, anh tới được cổng trụ sở OSS, trên tay chỉ còn vòn vẹn hai viên đạn.

Khi chỉ huy trưởng Phân đội 404 OSS lao mình xuống bậc thềm đỡ anh vô nhà, Joseph thở hỗn hển:

- Hawke bị giết rồi. Tôi nghĩ họ tưởng mình là người Pháp.

Viên thiếu tá vội vàng đặt lính canh trên mái nhà và gọi thêm lính Nhật ở một pháo đài gần đó tới gác. Khi hơi thở của Joseph điều hòa trở lại, sĩ quan cấp trên của anh nhẹ nhàng đặt tay lên vai anh:

- Đại úy ạ, nói cho anh biết lúc này thật không đúng thời điểm chút nào nhưng bộ tư lệnh quân Anh vừa thông báo với tôi rằng họ tuyên bố anh là người đối tác không được chính phủ của nước bạn chấp nhận. Họ không ưa quan điểm của anh - hoặc cách thức anh bày tỏ quan điểm tới qua. Anh phải bay về Calcutta trong vòng hai mươi bốn tiếng đồng hồ tới.

Vẫn còn choáng váng ngẩn ngật vì cái chết của Hawke và trận đánh tự cứu mạng vừa rồi, trong đó có thể anh đã giết tới ba người Việt Nam. Joseph đăm đăm ngó lại thượng cấp và chưa thật sự nắm được những gì anh ta vừa nói.

Viên thiếu tá kéo Joseph đi về phía phòng đợi bên trong một cửa lớn:

- Còn một việc nữa. Ở đây có một người Việt Nam muốn gặp anh. Anh ta chờ đã mấy tiếng đồng hồ. Anh ta cứ nằng nặc đòi chỉ nói chuyện riêng với anh thôi và không chịu nói cho bất cứ ai khác biết anh ta muốn cái gì.

Khi Joseph vào phòng đợi, Trần Văn Tâm đang ngồi. Thấy Joseph, anh ta lạng quạng đứng lên. Quanh đầu Tâm quấn một vòng băng khô máu. Quần áo nhàu nát dơ bẩn và thái độ không có chút dấu hiệu thù nghịch nào như từng biểu lộ tại nhà của cha mẹ anh ta hồi tuần trước. Tâm nói, lắp bắp:

- Đại úy Sherman ạ, tôi tới đây với lời nhắn của em gái tôi. Lan nó muốn gặp anh, rất gấp. Nếu anh đi lúc này, tôi sẽ đem anh tới chỗ nó ở.

Con đường ven biển dài hơn ngàn dặm và lộng gió từ Sài Gòn ra Hà Nội mà bước chân đầu tiên dẫm lên là của những trạm phu chạy công văn triều đình vào trước buổi bình minh của công nguyên, suốt hai ngàn năm nay lúc nào cũng khiến cho khách du có cảm giác thấp thỏm rằng mình đang gian nan đi qua một vùng đất đầy tai ương và thù nghịch.

Suốt hầu hết chiều dài của nó, Con Đường Cái Quan không chỉ bị đe dọa bởi rừng thẳm mịt mù thường mọc lan ra tận mép đường mà còn bởi hai kẻ thù thiên nhiên vĩ đại khác. Một từ mé tây, dãy Trường Sơn thỉnh thoảng Chuỗi những tảng đá khổng lồ xuống chặn đường. Một từ mé đông, biển Đông thường xuyên tràn nước lên xuyên qua nhiều kẽ nứt của bờ biển Việt Nam rạt rào gió, làm con đường nhào nhoẹt và trơn trượt.

Vào đầu tháng Mười năm 1945, con đường này còn rất hẹp với chỉ một làn xe chạy và tuy vô số hố lớn đã được vá lại hoặc lấp bằng, mặt đường vẫn lổm đổm ổ gà, chỗ lồi nhỏ chỗ lõm to vì những trận oanh tạc dữ dội của Đồng Minh trong mấy tháng trước ngày kết thúc cuộc thế chiến. Con Đường Cái Quan cổ sơ ấy lúc này mang chiếc xe díp của đại úy Joseph Sherman an toàn chạy ra mạn bắc, vượt qua bàn chân xoải ra của núi và lướt trên những ngón tay bấu chặt của biển, như nó từng mang vô vàn xe bò dân giả và kiệu cang vương giả trong rất nhiều thế kỷ trước đây.

Tới ngày thứ ba của cuộc hành trình, con đường đưa Joseph mất đồ ăn mệt mỏi vào vùng đất thuộc hai tỉnh Quảng Trị và Quảng Bình, nơi không khí hăm dọa mơ hồ của mấy ngày vừa qua được thay thế bằng sự hoang tàn có thật và hãi hùng. Từ bầu trời thấp và nặng như chì, mưa ào ạt rơi trên những cánh đồng mênh mông hoang lạnh mới bị lũ lụt vì các cơn bão tràn tới ập lui suốt tháng Tám. Bốn bánh xe díp xoắn qua một biển bùn xám bất tận và không khí ẩm ướt buốt giá làm Lan đang ngồi trên chiếc ghế bên cạnh tài xế phải siết chặt vào mình hơn chiếc áo chùng thâm với mũ lúp trum đầu.

Cả Joseph lẫn Lan đều ngỡ người khi thấy ngôi làng đầu tiên bị tàn phá: cột nhà cháy thành than và vách đất sạm đen vì khói là tất cả những gì sót lại của mấy xóm nhà mà Lan nhớ từng có thời là một làng trù phú. Xa đằng kia, một người nhà quê hốc hác đang ngồi chồm xồm và hờ hững bên vệ đường. Ông nói cho cả hai biết dân làng đã tháo nhà ra từng mảnh để làm củi sưởi ấm và trước đó, họ đã bán sạch mọi vật dụng của mình để mua gạo nấu cháo. Ông nói nhiều dân làng đã chết và người nào còn chút hơi sức đã phiêu bạt đi nơi khác để kiếm cái ăn.

Trong khi ông nói, chiếc chiếu cuộn tròn nằm trên mặt bùn cạnh người ông, mà bên trong có vẻ đang chứa chút của cải còn sót lại của ông, bỗng nhúc nhích. Nghe tiếng rên rỉ yếu ớt, Joseph tưởng đó là tiếng kêu của một con chó. Nhưng khi Lan hỏi trong đó có cái gì, ông mất vẻ lơ quờ nhìn cánh đồng ngập nước bên đường, mở miệng nói rằng ông quán trong chiếu đứa con trai hai tuổi. Và cũng với giọng đều đều ấy, ông nói mình đang chờ nó chết hẳn để đem chôn.

Joseph nhảy xuống xe díp, mở một suất lương khô nhà binh, lựa ra những món để ăn và dúi vào tay người nhà quê. Ông gan lì từ chối, thậm chí không thèm ngó tới đồ ăn. Thay vào đó, với bộ điệu hăm dọa, ông xua tay đuổi Joseph tránh xa chiếc chiếu. Ông nói với giọng búong bình:

- Tụi tui có lạ chi cái cảnh đói khổ mạt rệp như rì. Mụ vợ tui chết với ba đứa con rồi. Chừ mà hai cha con tui được chết quách theo mụ vợ với mấy đứa tê thì không chi tốt bằng mô.

Khi Joseph lên xe đi thẳng, người nhà quê đang chết đói ấy vẫn ngồi ôm đầu gối cạnh cuộn chiếu bên lề đường và nhìn mưa, mắt vô hồn. Các gói đồ ăn mở sẵn được Joseph nhắt quyết để lại, vẫn nằm bất động trước mặt ông, trên mặt đất sũng nước. Sau tiếng rên yếu ớt phát ra từ cuộn chiếu, họ không còn nghe thêm âm thanh nào nữa.

Rồi cả Joseph lẫn Lan dờ dẩn, xây xẩm mặt mày, khi bắt gặp cảnh tượng chiếc xe bò thứ nhất chở hơn chục xác người chất thành một đồng cao, mắc miu vào nhau. Từ trong đồng lộn xộn đó thò ra những cánh tay những cẳng chân không một tí thịt, đông đơ lắt lẻo trong khi con vật ịch kéo chiếc xe khủng khiếp và nặng nề ấy đi về phía họ, băng ngang con đường lầy lội của một làng mạc khác cũng hoang tàn không kém.

Con vật chùn chân vì chính nó cũng đang chết đói, bước đi chậm chạp mặc kẻ đánh xe bò là người hối thúc và thỉnh thoảng vung roi tre lên quát xuống bộ sườn còm cõi trơ xương của nó. Chiếc xe bò dừng lại, tránh đường cho xe díp chạy qua. Và Joseph xanh mặt khi thấy trong đồng xác đó có một đầu người, tóc dài quện bết bết bùn và nước mưa, thỉnh thoảng co giật. Anh liếc Lan thật lẹ, thấy nàng nhắm mắt, quay đầu qua chỗ khác.

Joseph phanh xe, nhảy xuống và chạy lui lại dưới cơn mưa. Anh tóm vai người đánh xe bò lắc mạnh, hỏi chỉ cho anh ta thấy cái hình nhân vừa nhúc nhích. Vừa ra hiệu vừa nói bằng tiếng Pháp pha với tí tiếng Việt học lóm được của Hawke, anh cố hết sức làm cho anh ta hiểu rằng có một trong các “xác chết” ấy còn sống. Nhưng cũng giống như người nhà quê sắp chết ngồi bên lề đường lúc này, người đánh xe bỗng dừng nổi cơn giận dữ. Anh ta quát lên, lớn tiếng mắng chửi và chỉ vô hình nhân đó, lúc này nằm bất động như những xác chết khác. Rồi anh ta quay phắt người ngoảnh về phía miếng đất thổ mộ gần đó, còn Joseph bước chầm chậm trở lại xe díp, cổ nuột xuống cảm giác buồn nôn.

Chẳng bao lâu, Joseph và Lan bắt đầu quen với những sườn nhà cháy thành than, những cảnh tượng ngổn ngang tan hoang và âm ảm dọc đường quốc lộ. Thỉnh thoảng vài gia đình sống sót, chống đỡ mái nhà làm chỗ trú ngụ. Họ đi đứng lom khom như những con vật ngoan ngoãn trong một góc nhà vách còn tạm vững. Cả hai cũng thấy những chiếc xe bò chở xác khác, có vài đồng lên tới hai ba chục tử thi.

Có lần Joseph thấy thi thể trơ vợ không ai đoái hoài của một phụ nữ nhà quê còn trẻ, gục chết dưới một gốc cây trơ trụi và nám đen như thể bị sét đánh. Xác người ấy ở trần và chiếc quần tả tơi của chị bết bết từng bết, gần như không phân biệt nổi hình người với mặt đất bùn sinh nơi chị gục chết. Trên ngực chị, nằm co quắp một hài nhi khăng khiu chỉ chừng mấy tháng tuổi, trơ mắt ngó mẹ. Đứa bé sắp chết thều thào khan giọng khóc oe oe trong đôi cánh tay của người đàn bà đã chết. Và đôi môi khát sữa của nó day hoài day mãi nướm vú mẹ teo tóp. Trong khi Joseph nhìn không rời mắt, xuất hiện một người đàn bà choắt cheo. Bà ta giật lấy đứa bé rồi biến mình trong màn mưa mờ mịt.

Joseph và Lan còn thấy những đồng xác người khác bên vệ đường, nằm như những cuộn giẻ rách xoắn vào nhau. Và người đang sống vật vờ đi như kẻ mộng du, cố giữ cho mắt mình ngó qua chỗ khác.

Sau một lần toan tính phân phát các suất khẩu phần hành quân cho một đám trẻ con chống gậy đứng ăn xin bên lề đường, Joseph không còn dám mơ tưởng tới việc mình có thể làm một cái gì đó để giúp đỡ những con người khốn khổ ấy nữa. Những bàn tay trẻ con chìa ra và những đôi mắt thơ ngây tuyệt vọng khiến anh dừng xe. Và hình ảnh chiếc xe lôi cuốn những trẻ em

bụng ông khác ủa nhau khắp khênh chạy ra từ những con đường mòn lộng gió len lỏi qua lũy tre rậm rạp bọc quanh và che khuất làng.

Joseph phát chưa xong hai gói đồ ăn nhỏ bé, bọn trẻ đã bắt đầu đánh nhau túi bụi. Đứa này cào sứt mặt đứa kia, khiến gói lương khô rách toạc, các thức ăn quý báu văng tứ tung trên mặt đất đầy bùn. Tiếng la hét của trẻ con lôi cuốn những người lớn mắt trừng sâu từ trong các bụi rậm chạy ra. Lan hoảng hồn kêu Joseph quay lại, nhảy lên xe phóng đi thật lẹ trước khi những người dân quê tuyệt vọng không cưỡng nổi cơn cám dỗ, tấn công hai người và cướp phá xe. Dù đang đói kiệt sức, trẻ con lẫn người lớn tuổi cố rượt theo xe, vừa chạy vừa gào rú. Xe đã chạy cách một quãng rất xa nhưng trong tai Joseph còn nghe lũng lừng những tiếng hú đáng thương ấy.

Mặc dầu xe của Joseph và Lan đã trở lại con đường quốc lộ trông trải, mùi của những kẻ tả tơi đang chết đói vẫn còn quyện theo, ám mãi con người họ. Có vẻ nạn đói tạo ra một mùi vị ngòn ngọt tởm lợm của sinh vật thối rửa và ám khói, như thể cơn đói tự nó đốt cháy và làm ung thối lớp thịt tươi trên bộ xương thoi thóp của thân thể người ta. Dù Joseph không biết chắc điều đó có thật hay chỉ là tưởng tượng, nhưng cái mùi vị đó như bám riết lấy xe díp trong khi xe tiếp tục chạy. Thậm chí hình như nó thấm thấu vào tận tâm trí của Joseph và anh cảm thấy mình càng lúc càng tuyệt vọng thối tha: giữa những hải hùng chất ngất cả hai đang chứng kiến, không biết anh có còn cơ hội tìm thấy ở phương bắc còn sống đứa con gái cô cút, đứa con Lan đã sinh cho anh chín năm trước, khi anh hoàn toàn không hay biết.

Trong những lần về quê thăm con trước đây, Lan và mẹ nàng đều dùng xe lửa; chỉ lần này đi bằng đường xe hơi. Càng tới gần vùng quê mình Lan càng không thể nhận ra đường sá vì các băng chỉ đường đã bị đập vỡ và lấy làm củi đốt. Kết quả, nàng và Joseph phải lũng lừng khổ sở hết làng này sang làng nọ ở phía bắc Đồng Hới, trong khu vực sát bờ biển.

Đột nhiên Lan cất tiếng. Giọng nàng thẳng thốt như ma ám trong khi mắt ngó qua kính chắn gió, đăm đăm nhìn đồng ruộng hoang tàn hiu quạnh dưới cơn mưa lê thê, lạnh lẽo và mờ xám:

- Lần nào em đi qua đây, lúa trên cánh đồng này không xanh mượt thì cũng vàng rục. Vào độ này, lý ra người ta đang chuẩn bị vào vụ chiêm cho mùa gặt tháng năm sang năm. Bây giờ, không chỉ chẳng có vụ nào cho mùa gặt tháng mười năm nay, mà cũng chẳng có thứ gì cho năm tới.

Joseph để ý thấy Lan ngồi bất động trong lòng ghế như tượng đá và anh sợ nếu kéo dài tình trạng này, chẳng mấy chốc nữa nàng sẽ nổi cơn mê sảng. Bầu trời đang xuống thấp, càng lúc càng tối sẫm. Anh thấy điều quan trọng nhất lúc này là tìm một chỗ trú tạm qua đêm còn hơn cứ tiếp tục lũng lừng những làng mạc hiu quạnh trong khi đêm sắp giăng lưới.

Từ khi lên xe ở Sài Gòn và gần như suốt dọc đường, Lan ngồi yên với vẻ cam chịu và xa vắng. Cả nàng lẫn Joseph hầu như chẳng chuyện trò với nhau khi họ ra khỏi thành phố, nhắm hướng đông bắc, qua Thủ Đức - Biên Hoà rồi đi vào vùng đất bạt ngàn những đồn điền cao su kế tiếp nhau như những đồn quân biệt lập.

Tâm trí Joseph cũng đang lang thang chôn nào đó, mơ hồ và hiu hắt. Anh cảm thấy dường như óc não mình đang quay về các chuyến đi đầu tiên đầy phiền muộn trên Con Đường Cái Quan với mẹ năm 1925. Lần đầu tiên anh đi theo hướng bắc ra Huế trong trạng thái u uất thờ ơ, rồi sau đó quay về Sài Gòn, sững sờ mê lịm khi nhận được tin Chuck tử nạn. Lúc xe díp

lướt qua những hàng cây cao su và tiếp tục chạy vào các khu rừng nhiệt đới, nơi thuở nào Joseph cùng đi săn với cha và Chuck, anh lại bị ám ảnh dằng dặc bởi những hồi ức về gia đình bi thảm của Ngô Văn Lộc.

Cả hai lên đường từ lúc trời chưa rạng sáng rồi vất vả lái xe suốt một ngày. Tới lúc trời sẩm tối họ vượt được khoảng bốn trăm bốn chục cây số ra tới Nha Trang. Ở đó, họ ngủ mỗi người một phòng nơi nhà trọ trước đây do người Pháp quản lý để phục vụ khách hoả xa khi tuyến xe lửa nam bắc đậu qua đêm tại đây. Họ chỗi dậy lúc bốn giờ sáng. Lại vất vả cho xe chạy suốt ngày kể đó trước khi dừng lại, ngủ lơ mơ vài giờ cũng tại một nhà trọ hoả xa tại Tourane, một hải cảng về sau được lấy lại tên Đà Nẵng.

Trước đó, khi xe chạy ngang Phan Rang, nơi có một ngã ba đường rẽ lên vùng cao nguyên Đà Lạt và khi xe chạy qua một rừng dừa trên cao, ngó xuống hải cảng thiên nhiên bao la ở Vịnh Cam Ranh, tâm trạng của Lan bỗng tươi lên. Nàng bắt đầu nói sôi nổi về thuở học trò bình dị ở trường Couvent des Oiseaux tại Đà Lạt.

Với ánh mắt tưởng tiếc, Lan tả lại cảnh sương mù hư ảo mỗi sáng buông màn tơ khói lướt thướt triền dốc, những hàng thông đưa hương ngan ngát, không khí núi đồi dịu dàng lãng lãng và vẻ đẹp vô ngần của tia nắng sớm mai soi mặt hồ long lánh:

- Ngày nào em cũng cùng với các bạn lang thang trong rừng quanh hồ, đọc thật lớn những câu thơ tuyệt vời. Lamartine... Apollinaire... Chateaubriand... Chúng em hái lan rừng và hát - sáng nào cũng hát bài *Les feuilles sont mortes* - Những chiếc lá chết - trong không khí tĩnh mịch bên hồ, và tiếng chúng em hát có thể lan theo mặt nước qua tới bờ bên kia hồ. Joseph ạ, lúc ấy dễ thương quá, lãng mạn quá.

Mắt nàng long lanh niềm sáng khoái khi nhớ lại:

- Thuở đó, em cứ tin trọn đời mình lúc nào cũng đầy hoa với mộng.

Joseph cảm động thắm thía bởi vẻ đẹp mộc mạc trong những lời được nàng nói lên một cách hồn nhiên, không vương chút dấu vết u buồn. Nghe Lan tâm sự, anh bỗng cảm thấy mình cùng nàng đang đứng trên con đường dẫn vào cảnh giới nào đó mới mẻ, đầy cảm thông và rất gần gũi. Nhưng chỉ chút sau, nàng lại rơi lệ làng vào cõi im lặng không cất nghĩa nổi.

Thái độ của Lan bí ẩn và bất định y như lúc Tâm đưa Joseph tới gặp nàng vào hôm Hawke chết. Khi anh bước vào ngôi nhà Lan chung sống với Paul kể từ ngày hai người thành hôn, trông nàng có vẻ khắc khoải và bối rối. Nàng kể với Joseph rằng đứa con trai của nàng đã theo ông bà ngoại về một trang trại ở vùng quê yên ổn. Tâm bị mấy người Pháp say rượu đã thương trong những giờ hoang loạn ngay sau cú đảo chánh. Cay cú và thù hận, Tâm dao động lập trường và bị lôi kéo vào một phong trào “kháng chiến quốc gia” không cộng sản như hầu hết những người Việt Nam ôn hòa thân Pháp thời đó.

Lan thú thật nàng cảm thấy sợ. Với tình hình chiến trận và cướp phá ngày càng tồi tệ, việc Paul bị thương nặng phải nằm viện dài ngày, người thân yêu đua nhau tản cư, có vẻ như chung quanh nàng, toàn bộ thế giới đang sụp đổ, không còn ngõ ngách an toàn nào cho nàng ẩn tránh. Thêm nữa, nàng cảm thấy bế tắc trước sự dẫn dắt của lương tâm. Để hoàn toàn đoạn tuyệt với Joseph, nàng buộc lòng phải làm một việc nàng không có quyền làm, đó là giấu anh tung tích của Tuyết. Nhưng Tuyết đâu chỉ là con gái của riêng nàng. Joseph có quyền biết, nếu anh đòi được biết, tên ngôi làng con gái anh được gởi ra nuôi dưỡng ở đó. Lan hiện lâm

vào hoàn cảnh không thể chăm sóc Tuyết đầy đủ như trước trong khi Joseph có triển vọng làm một người cha tốt.

Chỉ một thoáng, Joseph quyết định ngay. Anh cầm tay Lan và nói:

- Chúng ta sẽ cùng nhau đi tìm Tuyết. Em phải chỉ cho anh nơi con mình đang ở. Anh sẽ săn sóc và bảo vệ mẹ con em!

Lan ngần ngại, không đồng ý ngay, nhưng Joseph thuyết phục nàng hãy chờ cho tới khi anh quay lại sáng sớm hôm sau. Rồi anh hứa sẽ đem nàng tới bất cứ nơi nào nàng quyết định đi.

Tại bộ chỉ huy OSS, Joseph âm thầm chất các can xăng lên xe díp, tới đa hết sức chờ của nó, và tống vào xe bốn thùng suất ăn hành quân. Chấp nhận cái hành động có nguy cơ về sau sẽ bị kết tội đào ngũ, anh quay lại nhà nàng vào rạng sáng ngày lý ra anh bị trục xuất về Calcutta.

Rồi Joseph khoan khoái thấy Lan tỏ ý thuận đi với anh, tuy nàng không nói thành lời. Các sự vụ lệnh giả do anh tự cấp cho mình - với sự giúp đỡ của một nhân viên đánh máy OSS - ghi rằng anh đi thanh tra tài sản của các nhà truyền giáo người Mỹ tại Đà Lạt và Huế, có vẻ thuyết phục nỗi các toán tuần tiểu của Anh và Việt Minh mấy lần chặn anh lại trên đường quốc lộ bên ngoài Sài Gòn. Và anh mang Lan đi qua xuôi thuận trong chiếc áo chùng thâm như một nữ tu Công giáo đang trên đường trở về khu vực truyền giáo của nhà dòng.

Trong khi ngồi sau tay lái xe díp ra khỏi Sài Gòn, Joseph nhớ lại lời tán gẫu anh nghe được tới qua tại trụ sở OSS rằng song song với cuộc kháng chiến chống lại quân Anh, Việt Minh cũng đang lùng và diệt không chùn tay các đối thủ của nó mà nó gọi là “Việt gian”. Tuy có để ý xem bên ngoài Sài Gòn dân quê theo làn sóng cách mạng khủng bố có đang giết các địa chủ giàu có và các hương chức tham ô không, nhưng khi Joseph lái xe qua phần đất Nam kỳ còn lại, anh thấy cảnh sắc bên ngoài hình như chỉ thay đổi đôi chút so với những lần anh ghé lại trước đây. Mãi tới sau ngày kết thúc chuyến đi phương bắc này, ngồi yên ổn đọc lại báo chí, Joseph mới biết được kích thước rõ ràng lớn và mức độ man rợ của cuộc tàn sát ghê gớm ấy.

Từ lúc rút khỏi Sài Gòn vào cuối tháng Chín để bắt đầu cuộc kháng chiến, Việt Minh đã sát hại các đối thủ chính trị của nó và những trí thức Sài Gòn và các tỉnh không đứng chung hàng ngũ với nó, bị nó tìm thấy và bắt được. Đối tượng là nhân sĩ trí thức, đảng viên các đảng phái dân tộc, lãnh tụ hay chức sắc của giáo phái Cao Đài và Hòa Hảo, đặc biệt các đảng viên cộng sản Quốc tế Đệ tứ trong đó gồm hầu hết các tay bút của báo La Lutte. Và thậm chí người đã hợp thức hóa Việt Minh như Nguyễn Văn Sâm hoặc mời Việt Minh hợp tác như Hồ Văn Ngà. Họ bị hạ sát bằng đủ mọi hình thức: đâm chém, bắn chết, thắt cổ, chôn sống, đập đầu, v.v. Số lượng người bị Việt Minh sát hại theo Trần Văn Giàu khi y chạy lánh nạn sang Bangkok vào năm 1946 thì trong khoảng thời gian ấy, đặc biệt tại Sài Gòn, là khoảng 2.500 người. Hậu quả trước mắt là nhờ thế, Việt Minh trở nên độc quyền trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Hậu quả lâu dài là về sau, Sài Gòn và Nam bộ bị khô cạn sinh lực trí thức và tiềm năng lãnh đạo.

Lúc này, mặt trời nhiệt đới toả ánh nắng chói lọi, đồng ruộng mạn nam Trung Kỳ phơn phớt xanh với mạ đang mơn mớn và đường sá tấp nập dân quê đi từng hàng, thông dong và quen thuộc, gánh vác thực phẩm hoặc gia súc tới các chợ nhà quê đông đúc.

Dù đường rầy xe lửa nằm song song với quốc lộ vẫn còn nguyên nhiều chỗ tả tơi manh mún vì bom của Đồng Minh nhưng những chiếc phà cổ lỗ nối liền con đường thiên lý chở khách qua sông qua lạch vẫn hoạt động đều đặn. Chủ phà đưa xe díp lên phà không một lời thắc mắc. Người chống phà ẩn mình đầu đó, như có mặt sẵn ở đó từ bao thế kỷ nay, vẫn nghe ra tiếng người gọi phà bằng chiếc tù và sừng trâu mắc vào thân cây hoặc treo lơ lửng trên một cành cây bên bờ.

Nhưng dần dà, xe càng chạy ra phương bắc, khí hậu càng tồi tệ. Tới rạng sáng ngày thứ ba, khi cả hai tiếp tục men theo bờ biển, đi tới và qua khỏi Huế, xe của họ đi vào vòng đai mưa lạnh cực bắc. Lính Trung Hoa ở trạm gác vĩ tuyến mười sáu tỏ ra lễ độ và tôn trọng lá cờ Mỹ nhỏ xíu bay phất phơ đầu mũi xe díp. Họ không tỏ vẻ tò mò khi Joseph chỉ mở miệng nói rằng anh đang cùng vợ đi ra bắc, tới Hà Nội, để trở về đơn vị cũ dưới quyền tư lệnh của tướng Wedemeyer.

Khi xe chạy vào tỉnh Quảng Trị, nơi dãy Trường Sơn cao sừng sững chỉ vượn mình thêm vài cây số là ra tới biển, họ bắt đầu để ý tới những biểu lộ đầu tiên của nạn đói. Nương rẫy bên triền núi bỏ hoang, nằm trơ trụi. Qua vài người dân quê luống tuổi còn ở lại, Joseph và Lan biết ra rằng dân chúng đã tìm đường về phương nam. Dấu hiệu hoang tàn càng tăng thêm khi họ tiếp tục ra bắc, cho tới cuối cùng, quang cảnh thôn dã êm đềm biến thành một vùng đất thê lương hiu quạnh.

Tối đêm thứ ba, trong bóng tối đặc quánh, đưa mắt nhìn qua kính chắn gió đầm đìa nước mưa, lòng Joseph rung động. Suốt quãng đường dài hơn mười cây số không tìm thấy dấu hiệu có quán trọ nào. Anh cảm thấy lạnh xương sống khi nghĩ tới việc phải ngủ lại tại một ngôi nhà đồ nát nào đó trong những làng mạc đầy tử khí này.

Cách phía nam thị trấn Rào Nậy vài cây số, xe lặn bánh xuống đồi, tới một bến phà bên bờ sông Gianh. Ánh đèn pha xe díp chiếu loang loáng mặt nước của một con sông mênh mông đang nổi bong bóng trong cơn mưa ào ạt. Bước xuống xe, Joseph thấy bờ sông vắng vẻ và phà đã hết giờ hoạt động. Rõ ràng cả hai phải kẹt lại đây cho tới sáng hôm sau. Có vẻ anh và Lan chỉ còn một chọn lựa duy nhất là phải qua đêm trong lòng xe díp chật hẹp và bất tiện.

Nhưng rồi Joseph để ý thấy có vệt bóng mờ của một ngôi nhà khá lớn trông giống kiểu nhà trệt châu Âu, có lẽ từng là một quán trọ khiêm tốn dành cho khách du lịch. Tường tróc sơn. Cửa sổ và cửa ra vào gài then bên trong. Chủ nhân người Pháp rõ ràng đã tản cư từ lâu. Sau khi rọi đèn pin xem xét, Joseph dùng cái nạy bánh xe díp cạy cửa sổ, leo vào nhà.

Bên trong trống trải và bốc mùi ẩm mốc vì đã lâu không người ở. Joseph may mắn tìm thấy một ít củi. Anh nhóm lửa nơi lò sưởi bằng đá trong nhà bếp kín mít còn phảng phất mùi rượu vang, mùi pho mát lâu ngày, quện với mùi rác. Rồi anh ra xe díp Lan đang run lẩy bẩy vào và dịu dàng đặt nàng ngồi xuống chiếc ghế cạnh đồng lửa.

Joseph lại trở ra xe, mang vào ngọn đèn dầu, bếp còn nhỏ, rồi đặt bếp trước lò sưởi, anh đun sôi một ít nước. Anh tìm được trong tủ ly tách một nửa chai napoléon còn sót lại. Dùng ca nhà binh, anh hoà một lượng rượu nhỏ vào nước sôi và đưa cho Lan. Trong khi nàng nâng chiếc ca bốc khói lên nhấp vài ngụm, anh bày hai suất lương khô ra, trên một tấm ván bên đồng lửa - vài khúc xúc xích nhỏ, ít trái cây, mấy miếng pho mát. Nhưng khi anh thúc giục Lan ăn, nàng lắc đầu, quay mặt nhìn ngọn lửa.

Trong gần một giờ, cả hai ngồi lặng im bên đồng lửa bập bùng trong nhà bếp bụi bặm. Những kinh hoàng hôm đó hình như làm lịm chết giác quan, khiến họ không mở nổi miệng. Dù cái lạnh đang ấm lên, cái ướt át chậm chậm khô dần, sự tê điếng hải hùng từ quang cảnh thể lương mây ngày vừa qua họ chứng kiến tận mắt dường như lúc này làm thành một quyết định thúc đẩy số phận của họ phải mãi mãi ở bên nhau.

Không ai biết mình tới khoảnh khắc đó như thế nào khi cả Joseph lẫn Lan bỗng níu lấy nhau bằng đôi tay bần loạn của người đang bơi và sắp chết đuối. Cả hai mù lòa ôm chặt nhau. Chỉ biết rằng kẻ kia làm cho mình cảm thấy yên tâm rằng mình còn sống, còn nguyên vẹn. Và hai cơ thể run rẩy thành một với nỗi sợ hãi vô vọng rằng mình đã nhiều lần cận kề cái chết ở mức độ phi lý nhất và kỳ quặc nhất. Cả hai thu mình lại trước các hình ảnh không chịu đựng nổi được tạo thành bởi những xác chết nhào nhoẹt tả tơi. Và vì chẳng thể nào nuốt nổi chút lương thực nhỏ nhoi đang bày trước mặt, cả hai chỉ còn biết đem mình ra nuôi dưỡng nhau, người này bằng sự gần gũi của người kia.

Nỗi kinh khiếp khi nhìn những cái chết tràn trề lan chậm chậm khắp vùng đồng quê lạnh giá và ngập nước cũng làm những giọt nước mắt đông cứng lại bên trong mình khiến cả hai không khóc nổi. Sự kết liên điên cuồng của hai cơ thể cuối cùng thành một con bay bổng, thoát lên khỏi những ưu phiền và thống khổ tuy không diễn tả nổi thành lời nhưng dường như đủ sâu thẳm để hủy diệt Joseph và Lan nếu mỗi người ngồi tách rời nhau, trầm ngâm nghĩ ngợi về thảm kịch hải hùng đang diễn ra bốn bề chung quanh trong đó đang lạc loài đứa con gái của tình họ yêu nhau.

Sau đó, cả Joseph lẫn Lan ngủ thật say trong vòng tay nhau, quán mình trong chấn trên sàn ngôi nhà hoang. Suốt lương khô đạm bạc chưa ai ăn vẫn còn bày trên tấm ván trước than hồng và lửa đỏ. Họ không chạm tay vào nó cho tới khi trong ánh bình minh chói lòa, cả hai không ai nói với ai lời nào, cùng thức dậy để tiếp tục cuộc tìm kiếm nhói buốt của mình. Rồi Joseph và Lan ăn một cách máy móc, không mùi không vị, trước khi lật đật bước ra ngoài để thêm lần nữa đi vào màn mưa lạnh cóng.

- 21 -

Hôm sau, khi trời chưa hừng sáng được bao lâu, Joseph và Lan tìm được làng bên ngoài của nàg ở ven biển. Cũng như hầu hết vùng nông thôn ở mạn bắc, bao quanh làng là một lũy tre dày đặc được trồng từ hàng trăm năm trước để bảo vệ an ninh và chặn đứng những đe dọa kinh niên của các toán giặc cướp lưu động và các dòng tộc thù nghịch nhau.

Dọc bờ biển ven làng mọc đầy những rừng dừa lả ngọn và những hàng cau quanh thân quán quít dây trầu. Trước khi cả hai tới nơi, Lan có kể với Joseph rằng quê nàg là một làng trù phú trong vùng với những ngôi nhà ba gian thoáng mát được cất lên gần các ao sen xinh xắn, và vườn tược quanh nhà mọc đầy ổi và vả. Lúc còn nhỏ, trong những lần về quê, Lan thường chơi trò trốn tìm loanh quanh những con đường làng lóm đóm vệt nắng, chạy ngoằn ngoèo qua những lùm tre rậm rạp, trong tiếng gió thổi rì rào.

Thế nhưng sau cùng, khi quang cảnh làng ấy hiện lên trong tầm mắt, họ thấy nó chỉ có vẻ hơi giống với những điều Lan vừa tả. Gió lạnh buốt từ biển thốc lên và mưa từng cơn xối xả làm mịt mờ các đỉnh núi sừng sững ở hướng tây. Trên cánh đồng ban mai và trên con đường quê dẫn vào làng, cả hai không bắt gặp bóng dáng con người. Càng tới gần làng càng thấy không

khí im lìm quanh quẽ. Chỉ có tiếng mưa rơi ào ạt trên quang cảnh đìu hiu kỳ dị. Chưa bước qua lũy tre dày đặc và ướt sũng, Joseph đã biết trước những gì mình sẽ chứng kiến.

Trong ao sen chính giữa làng, thi thể trương sinh của một người đàn ông thè lưỡi, nửa thân mình trôi lên mặt nước. Bộ mặt không sắc máu của anh ta trương phồng nứt nẻ, chung một màu với bùn sinh xám xịt. Khi cả hai đi ngang, Lan khóc tím tấc. Một nửa số nhà tranh trong làng trơ cột kèo và rui mèen gỗ đã cháy thành than và vô chủ. Một nửa số nhà còn lại chỉ là những đồng tro sền sệt. Ngôi nhà chủ tịch hội đồng hương chính, thường gọi là lý trưởng, một chức vụ từng có thời được ông ngoại của Lan đảm trách, nay khoá kín cửa và trống trơn.

Không mở nổi miệng, Lan chỉ đưa tay run rẩy chỉ tới một trong mấy ngôi nhà tranh cột còn đứng khá vững, cách bờ ao không xa. Một phần của ngôi nhà đã cháy xém nhưng gian cuối còn nguyên. Joseph ra hiệu bảo Lan đứng yên tại chỗ trong khi anh bước tới hiên nhà để nhìn vào bên trong. Vừa lê chân qua lớp bùn non dưới lùm cây héo úa anh vừa cảm thấy tim mình chao đảo trong lồng ngực. Mùi thịt thối rửa xông lên tởm lợm, nồng nặc trong không khí, và Joseph biết chắc chắn mình sẽ thấy chẳng người nào sống sót.

Tuy ánh sáng mờ xám xuyên qua màn mưa như trút nước không xua nổi bóng tối trong nhà nhưng khi ghé mắt nhìn qua cửa trước, Joseph vẫn bắt gặp một khuôn mặt phẳng phất vài nét quen thuộc - bộ mặt của chị giúp việc người An Nam anh từng thấy lần cuối tại Sài Gòn lúc chị mở cánh cổng trắng rằm sơn son cho anh vào và sau đó đưa anh đi ra. Chị nằm ngửa trên cái võng mắc giữa hai cột nhà. Chiếc đầu không còn sự sống của chị cao ngang tầm mắt của Joseph. Hai môi chị sấn lại trông thật gớm ghiếc, để lộ hai hàm răng nhe ra như thể đang thét không thành tiếng.

Vừa đặt chân vào nhà, Joseph bỗng nghe có tiếng động đậy riu rít rối loạn. Anh không thấy, chỉ nghe có tiếng lũ chuột nhai ngấu nghiến rồi đua nhau nhảy tồm xuống nền nhà và lon ton chạy vào bóng tối. Sau cùng, khi Joseph bấm đèn pin và đưa lên soi quanh gian nhà, anh nổi cơn nôn oẹ. Dọc bức vách gần đó, một người đàn ông trạc tuổi chị, có lẽ chồng chị, nằm chết trên bộ ván trải rơm và không khác gì vợ, thi thể anh bị chuột gặm khoét tới hải hùng.

Joseph loạng choạng bước ra ngoài và kiệt sức, dựa lưng vào một thân cây khô. Đứng đầu trần, anh ngược mặt lên để những giọt mưa lạnh rơi đầm đìa hai má cho tới khi không còn cảm giác buồn mưa. Khi Joseph quay về bên Lan, nàng đưa mắt khốn khổ dò xét về mặt anh trong một chốc rồi nàng tuyệt vọng cắn môi và quay mặt đi, không nói.

Một hai phút sau, có hình dáng lỏng lẻo của một ông lão Việt Nam lưng còng râu lưa thưa, tay cầm chiếc dù bằng vải dầu, chân đi bước cao bước thấp, từ chốn mù sương nhô ra và tới gần hai người. Chiếc áo dài sờn mòn và bèo nhèo cho thấy có vẻ ông là lý trưởng nhưng bên dưới vành khăn đóng của người chức việc, bộ mặt của ông choắt cheo vì đói.

Ông cúi đầu trịnh trọng chào Lan rồi nói:

- Gia đình mà cô tìm đó chết hết cả nhà rồi, không khác chi dân làng Bến Thượng đây. Trong lịch sử của làng chúng tôi cũng như của xứ này, xưa nay chưa từng có người nào biết tới cái thảm họa hải hùng như thế này.

Ông nói bằng tiếng Pháp nhưng giọng ông như hút hơi gió, đọng lại trong cổ họng. Trong khi nói, ông cúi đầu cố che giấu sự hổ thẹn về những gì mình phải nói:

- Nhiều người lũ lượt kéo nhau sơ tán về vùng quê này để tránh bom đạn. Chúng tôi đã phân phối hết sức dè sẻn lương thực tích trữ trong làng. Tới khi hết gạo, người ta ăn cám, ăn hạt tre. Chúng tôi phát hạt giống và cây giống ngũ cốc cho người ta trồng. Người ta nuốt hạt và chỉ trồng ruộng trồng cọng. Rồi bẻ cọng ăn luôn. Người ta ăn dây khoai lá khoai, ăn luôn cả lúa giống dành cho năm tới. Người ta ăn rau má mọc ngoài đồng, ngoài sinh - còn ăn tới cả cọng môn củ chuối. Khi mọi thứ hết sạch sành sanh, người ta đi mua bánh làm bằng đất sét ở ngoài chợ, dòn vô đáy bụng cho ruột gan bớt cồn cào.

Ông lão ngừng nói, che miệng thở gấp như lên cơn suyễn. Chân đứng không vững, ông từ người lên đầu chiếc gậy trúc được ông bấu chặt bằng bàn tay nắm ngón trỏ xương như nắm cái vuốt. Ông nói với Lan theo kiểu như thể ông có biết nàng dù ông không công khai thừa nhận. Khi ông ngẩng lên ngó Joseph, người Mỹ thấy hai hốc mắt kèm nhèm của ông long lanh nước mắt:

- Monsieur ạ, đang có vô vàn khổ đau và rất vô ích. Có những người cha người mẹ phải quyết định hoặc chính mình nhịn đói cho con cái sống sót - hoặc giữ đưng cho con cái thấy trong nhà có đồ ăn và đành lòng nhìn lũ con thơ đại chết ngay trước mắt mình. Một số trời con cháu vô cớ nhà để giữ cho chúng đưng ăn cắp những thứ còn ăn được ở trong nhà.

Nói tới đó ông nhún vai tuyệt vọng:

- Những người đó mong cho mình sống đủ lâu để lại bắt đầu một gia đình mới... Cuối cùng cũng chẳng ai còn sống. Hôm nay, tôi là người duy nhất trong làng này còn sống và rồi chỉ mai một thôi, tôi sẽ chết.

Lan thêm lần nữa chỉ tới ngôi nhà gần bờ ao:

- Thưa ông, mấy đứa con của Nguyễn thị Thao chết hết rồi phải không?

Ông lão lơ quờ xoay người ngó ngôi nhà rồi nói với giọng thật thấp, không nhìn lui:

- Ba đứa con chết hai tuần trước. Tuần vừa rồi chết cả cha lẫn mẹ. Cả nhà đó là những người chết sau cùng ở trong làng. Người chồng rút cuộc chịu không thấu, nổi điên, cào lũng cả hai con mất. Không còn ai sống để chôn cất họ.

Lan chóng mặt lão đảo. Joseph lệ làng choàng tay đỡ vai nàng. Khi tỉnh người, Lan thì thầm:

- *Nhưng mà họ có tới bốn đứa con!*

Ông lão chậm chậm gật đầu:

- Đứa thứ tư, đứa con gái da trắng như tuyết, sáu tháng trước đây họ gởi nó tới làng của chị cô Thao - ở Đồng Sanh, nơi phía nam, cách làng này sáu cây số. Họ cho là hoàn cảnh ở chỗ đó khá hơn ở đây.

Joseph khắc khoải hỏi:

- Người ta ở chỗ đó ra sao? Ở chỗ đó người ta có còn sống không?

Ông lão không trả lời ngay. Ông nhắm mắt lại hồi lâu như thể gom hết hơi sức cạn kiệt:

- Người ta chết khắp nơi. Chẳng ai muốn biết, cũng chẳng ai thèm để ý tới làng bên cạnh đang xảy ra chuyện gì.

Joseph tặng ông lão lương khô anh mang theo trong xe díp nhưng ông không chịu lấy thứ gì của họ. Khi cả hai đi ra khỏi làng, ông lão vẫn đứng dưới trời mưa ngay tại chỗ ông vừa trò chuyện với Joseph và Lan. Trước khi họ khuất tầm mắt, ông đưa dù lên vẩy một lần, như một lời chào vĩnh biệt thống thiết.

Phải mất một tiếng đồng hồ sau Joseph và Lan mới tới được Đồng Sanh vì đường quê ngập nước và quá xấu. Suốt chuyến đi, không ai nói với ai lời nào. Giữa quang cảnh quanh hiu và hãi hùng này mà còn biểu lộ chút hi vọng nào đó thì có vẻ như chọc cho nanh vuốt của số phận thêm sắc bén. Nhưng lúc tới nơi, cả hai cảm thấy lòng dịu lại vì dân làng này vẫn đang vật lộn để sống còn.

Khi họ vừa đặt chân vào làng, mưa ngừng rơi. Từ suốt mấy ngày nay lần đầu tiên trời thôi mưa. Những đám đông người Việt Nam nhỏ thó, rách rưới, chân cẳng khăng khiu, bước ra khỏi nhà, xúm xít quanh cái chợ họp tạm, nơi có mấy người bán đồ ăn đang bày những chiếc đĩa trệt đựng cháo gạo nấu loãng. Những kẻ không tiền bu quanh đưa mắt thèm thuồng ngó trong khi những kẻ khác phải trả mấy đồng xu để được trút thứ nước hồ lỏng bỏng đang bốc khói đó vô cớ họng mình.

Tùng đám con nít ăn xin, mình quần chiếu hoặc mấy bó cỏ tranh khô buộc bằng dây chuối, lang thang lơ dờ giữa chỗ chẳng mấy người mua và quá nhiều kẻ bán các bàn thờ tổ tiên, cột nhà cháy hết một nửa và luôn cả cái áo tả tơi đang mặc trên người để lấy tiền mua chút gì ăn được.

Thình thoảng Joseph và Lan thấy bên lề đường một hình nhân bất động cuốn trong chiếu, đang hấp hối hay đã chết. Thân xác nào người ta thấy rõ không còn sinh khí thì được đắp vội bằng tàu lá chuối theo lệnh của một tuần phu đang chống gậy tre lộp cộp lão đảo đi tới đi lui giữa đám đông.

Cả hai nhanh chóng tìm ra ngôi nhà xơ xác nơi người chị của Nguyễn thị Thao sinh sống nhưng lúc này nó đã trở thành nhà hoang. Một bà lão hàng xóm yếu ớt, gượng ngóc đầu lên trên tấm phản để nói cho Lan biết cả cha lẫn mẹ của gia đình ấy đã chết mười ngày trước. Bà lão gần như nói chẳng ra hơi nhưng khi Joseph thúc giục Lan gắng hỏi nữa, bà mới thều thào nói thêm rằng có thể mấy đứa trẻ con nhà đó còn sống. Bà nói, có thể chúng đang lang thang bụi đời đâu đó ở trong làng với lũ trẻ bị nạn đói làm cho mồ côi.

Joseph và Lan quày quả trở lại khu chợ. Ở đó, từng đoàn trẻ con đói ăn mắt mũi kèm nhèm vẫn đứng như bù nhìn giữ ruộng, giữa nơi ngổn ngang các đồ thờ tự sơn son thiếp vàng và vật dụng linh tinh, bày biện trên những manh chiếu ướt sũng. Mỗi lần cả hai tới gần một bé gái, Joseph nhìn chăm chú vẻ mặt Lan, với tiếng tim đập thành thạch trong lồng ngực mình. Nhưng lần nào anh thấy đầu nàng cũng lắc. Một giờ sau, tim nhức buốt hết chịu đựng nổi, họ đành quay trở ra xe díp.

Khi cả hai sắp sửa bỏ cuôác và chuẩn bị cho xe chạy thẳng, chính Joseph là người để ý thấy có một hình dáng nhỏ nhoi đang quì một mình nơi tầng cấp dưới bến ao làng đầy bùn. Lòng

không dám trông mong, anh chạm nhẹ cánh tay Lan. Cả hai thêm lần nữa xuống xe, thình lình đi ngược trở lại bờ ao.

Nhìn từ xa, mái tóc con bé bết bùn đặc, rồi từng lọn cuốn vào nhau và rủ xuống vai. Nó gầy còm, trơ xương tới độ chẳng thể nào gầy hơn. Y phục độc nhất trên người là manh chiếu rách, ngang hông buộc một sợi dây lưng kết bằng cọng lá chuối. Con bé ngồi đầu rụt trong hai vai. Tới gần hơn, Joseph và Lan thấy nó đang lơ lơ nhìn mặt nước ao sên sệt.

Cách con bé vài bước, Lan dừng lại, ngó chăm chăm nhưng khi ngược mắt lên nhìn Joseph lần nữa, nàng cắn môi, và anh thấy khoảng thời gian năm năm xa cách cùng những tàn phá của nạn đói đã làm nàng trở nên bất định. Con bé quay đầu lại. Joseph bất giác bước tới phía nó rồi khụy chân quì xuống. Anh gọi bằng tiếng Việt, giọng rất nhẹ:

- *Tuyết, Tuyết...con đừng sợ!*

Nghe tiếng gọi tên đó, hình dáng nhỏ nhoi thảm hại ấy căng ra. Và đúng khoảnh khắc con bé quay người về phía Joseph, anh biết rằng cuối cùng, cuộc tìm kiếm của họ đã hoàn tất.

Dù thân thể còm cõi với hai con mắt rất to và bùng sốt rùng rục trên bộ mặt hốc hác, Joseph thấy vẻ mặt của nó rõ ràng có thừa hưởng nhan sắc của Lan. Quì gần bên nó, anh có thể thấy dưới lớp bùn bụi cát ghét, da con bé nhợt nhạt hơn những đứa trẻ khác và độ nghiêng của mắt chỉ hơi xéch chứng tỏ cho thấy nó là một hòa trộn của dòng máu anh và dòng máu Lan. Đột nhiên hai bên thái dương của Joseph đập rộn ràng khi cơn khắc khoải dịu xuống. Anh dang hai tay trong một giáng điệu khản nài.

Con bé, rõ ràng hoảng hồn khi thấy bộ mặt trắng phau của người Mỹ, thụt lùi và gần như tuột khỏi bến nước, sắp ngã xuống ao. Nhưng Joseph chép miệng trấn an thật dịu dàng. Chậm chậm và kiên nhẫn, anh vươn người tới. Con bé mắc kẹt vì lưng sát mặt nước và nó quá yếu, không đủ sức chống chọi thêm nữa. Nó cúi đầu, để mặc Joseph đưa hai tay kéo lên. Bên trong manh chiếu, tấm thân gầy như que diêm của nó lẩy bẩy lạnh run, và trong bàn tay to lớn của anh, nó hình như không có chút sức nặng nào.

Joseph điên cuồng gục mặt áp sát vào vai vào cổ của con gái. Hơi đất từ manh chiếu thổi rửa cùng với mùi vị ngòn ngọt tẩm lợm của nạn đói thấm đẫm làn mạc miền đất xứ này nhận chìm giác quan của anh. Rồi sau cùng, khi anh đưa thẳng hai cánh tay nhắc bổng con bé lên ngang mặt mình, đôi mắt to thao láo và bùng bùng sốt của nó ngây ngô ngó lại anh. Nó cũng nhìn chăm chăm với, về chẳng thể nào hiểu nổi, những giọt nước mắt, không chút ngưng ngừng, bắt đầu chảy đầm đìa xuống má Joseph.

HẾT TẬP II